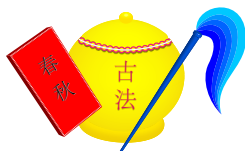


ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ
TÒA-THÁNH TÂY-NINH



Phú Giải
KINH CUNG TỬ THỜI

.....

HIỂN TÀI | **THIÊN VÂN**
QUÁCH VĂN HÒA



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2019
hai • không • một • chín

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIỂN TÀI QUÁCH VĂN HÒA, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 15/05/2024

Tâm Nguyên

Website: tusachCAODAI.wordpress.com

Chư Giải
KINH CÚNG TÚ THỜI

Soạn Giả: HIÊN TÀI **QUÁCH VĂN HÒA**

*(Bản thảo được chỉnh lại lần thứ nhất
tháng 5 năm 2007)*

DẪN NHẬP	11
CHƯƠNG THỨ NHẤT:	
KINH CÙNG TỬ THỜI TẠI ĐỀN THÁNH, THÁNH THẤT HAY TƯ GIA.....	15
NIỆM HƯƠNG	16
A. NGUỒN GỐC	16
B. KINH VĂN	18
C. CHÚ GIẢI	18
KHAI KINH.....	34
A. NGUỒN GỐC	34
B. KINH VĂN	34
C. CHÚ GIẢI	35
KINH NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ.....	48
I. NGUỒN GỐC	48
II. KINH VĂN.....	49
III. VIẾT RA CHỮ HÁN.....	51
IV. CHÚ THÍCH.....	52
V. GIẢI NGHĨA.....	89
PHẬT GIÁO	92
I. KINH VĂN.....	92
II. VIẾT RA HÁN TỰ.....	93
III. CHÚ THÍCH.....	94
IV. -GIẢI NGHĨA	119
TIÊN GIÁO	121
I KINH VĂN	121
II. VIẾT RA HÁN TỰ	122
III CHÚ THÍCH	124
IV GIẢI NGHĨA	149

NHO GIÁO	152
I. KINH VĂN.....	152
II. VIẾT RA HÁN TỰ.....	153
III. CHÚ THÍCH.....	154
IV. GIẢI NGHĨA.....	177
DÂNG TAM BỬU	179
I. NGUỒN GỐC BA BÀI KINH DÂNG TAM BỬU	182
II. Ý NGHĨA DÂNG TAM BỬU.....	183
III. KINH VĂN.....	185
IV. VIẾT RA HÁN TỰ.....	186
V. CHÚ THÍCH.....	186
VI GIẢI NGHĨA.....	196
NGŨ NGUYỄN	198
I KINH VĂN.....	198
II VIẾT RA HÁN TỰ.....	198
III CHÚ THÍCH.....	198
IV. GIẢI NGHĨA.....	204
CHƯƠNG THỨ NHÌ:	
KINH CÚNG TỬ THỜI TẠI ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU	207
PHẬT MẪU CHƠN KINH	209
I. KINH VĂN.....	209
II. VIẾT RA HÁN TỰ.....	211
III CHÚ THÍCH.....	213
IV GIẢI NGHĨA.....	260
TÁN TỤNG CÔNG ĐỨC ĐIỀU TRỊ KIM MẪU.	265
I. KINH VĂN.....	265
II. CHÚ GIẢI.....	267
III GIẢI NGHĨA.....	287
PHỤ LỤC	291
A.– SỞ DÂNG CÚNG CHÍ TÔN	
NGÀY SỐC VỌNG TẠI THÁNH THẤT	291
I. NGUYỄN VĂN BÀI SỞ	291

II. VIẾT RA HÁN TỰ.....	292
III. CHÚ THÍCH.....	293
IV. GIẢI NGHĨA.....	309
B.– SỚ DÂNG CÚNG PHẬT MẪU	
NGÀY SỚC VỌNG TẠI ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU.....	311
I. NGUYÊN VĂN BÀI SỚ.....	311
II. VIẾT RA HÁN TỰ.....	312
III. CHÚ THÍCH.....	314
IV. GIẢI NGHĨA.....	317



TÒA-THÁNH TÂY-NINH



DẪN NHẬP

DẤT NƯỚC VIỆT NAM NẴM VÀO MỘT VỊ TRÍ ĐẶC BIỆT, LÀ Ở GIỮA HAI NƯỚC CÓ NỀN VĂN MINH CỔ NHỨT của Châu Á, đó là Ấn Độ và Trung Hoa. Cho nên dân tộc Việt Nam được tiếp xúc với các nền triết lý Phật giáo, Lão giáo và Khổng giáo của hai quốc gia ấy. Những tinh hoa của nền văn minh Ấn Độ là đạo Phật đã kết hợp với những tinh hoa của nền văn minh Trung Hoa là đạo Lão và đạo Khổng, cùng với những tín ngưỡng cổ sơ của dân tộc ta, chẳng những tất cả không mâu thuẫn nhau, mà lại còn hòa đồng cùng nhau để tạo thành một tinh thần Tam giáo đồng nguyên. Tinh thần này được trải dài suốt các thời kỳ trong lịch sử đất nước ta, cho đến ngày hôm nay.

Đến tiền bán thế kỷ 20, tại miền Nam nước Việt có xuất hiện một nền tôn giáo, tổng hợp tinh hoa của các tôn giáo đã thâm nhập từ lâu vào dân tộc ta, đó là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài, có tôn chỉ là Qui nguyên Tam giáo và Hiệp nhứt Ngũ chi.

Đạo Cao Đài được khai sáng vào thời kỳ thứ ba này không do Đức Chí Tôn chiết chơn linh hạ phạm như hai thời kỳ trước: Nhứt kỳ và Nhị kỳ phổ độ. Kỳ này, Ngài cùng Đức Phật Mẫu, Cửu Vị Tiên Nương, và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng cơ ban cho giáo pháp để dìu dắt chúng sanh, hướng dẫn mở nền tôn giáo mới, trong đó Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và Đức Diêu Trì Kim Mẫu là hai Đấng cha mẹ linh hồn chung của nhơn loại, được gọi là Đại Từ Phụ và Đại

Từ Mẫu của vạn linh.

Vì thế, nơi Đền Thánh hay Thánh Thất đều có thờ Đức Chí Tôn, Tam vị Giáo Chủ là Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, Thái Thượng Đạo Tổ, Khổng Thánh Tiên Sư, Tam Trấn Oai Nghiêm là đại diện cho Tam giáo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, đó là Quan Âm Như Lai, Thái Bạch Kim Tinh, Quan Thánh Đế Quân và Ngũ chi Đại Đạo gồm Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo; còn nơi Báo Ân Từ hay Điện thờ Phật Mẫu địa phương đều có thờ Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương.

Mỗi tín hữu khi đã nhập môn qui tùng chánh pháp Cao Đài, phải lấy việc hồi hướng phụng thờ Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu làm trọng, do đó luật Đạo buộc phải lập vị thờ Thầy tại tư gia, để chơn linh có nơi qui hướng. Mỗi năm vào những đàn vía hay sóc vọng, người tín đồ phải trọn tâm thành kính qui tụ về châu lễ Đức Chí Tôn tại Đền Thánh hay Thánh Thất, Đức Mẹ Diêu Trì tại Báo Ân Từ hay Điện Thờ Phật Mẫu địa phương.

Ngoài ra, hằng ngày người tín hữu Cao Đài còn phải dâng lễ cúng Thầy theo bốn thời là Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. Việc cúng bái có mục đích xưng tụng công đức Chí Tôn, Phật Mẫu, Tam giáo, Tam Trấn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Cúng Tú thời cũng nhằm nuôi dưỡng phần hồn ngày một tinh tấn, sáng suốt hơn và để Chơn linh do Thượng Đế ban cho chúng sanh, mỗi ngày được giao cảm cùng Thần của Đức Chí Tôn đang ngự tại Thiên nhãn mỗi ngày được gọi nhuần ơn Thánh hóa. Đức Hộ Pháp có dạy như sau: “Ta nuôi linh hồn bằng gì? Vật thực nuôi sống bằng xác thịt, còn linh hồn sống

đặng là nhờ đạo đức tinh thần đó vậy. Ta tu tức là ta tìm phương bảo trọng cho tồn tại đạo đức tinh thần. đặng nuôi linh hồn hầu đạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật diu dẫn bảo trọng lấy nó để có đủ lực lượng quyền năng giông ruồi trên con đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đạo đức tìm nơi đâu mà có đặng? Tức nhiên tìm nơi cửa Thiêng Liêng Hằng Sống mới có, mà tìm nơi cửa Thiêng Liêng tức là cửa Đạo. Buổi ăn của linh hồn là **buổi ta vô Đền thờ cúng đấy**”.

Những bài kinh xưng tụng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng được Hội Thánh đặc lệnh Ở Trên qui định trong quyển kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.

Trong quyển “*Chú Giải Kinh Cúng Tứ Thời*” này, chúng tôi chia thành hai chương để chú giải: Kinh cúng Ngọc Hoàng Thượng Đế và Kinh cúng Diêu Trì Kim Mẫu, gồm tất cả các bài kinh sau đây:

1. Niệm Hương.
2. Khai Kinh
3. Ngọc Hoàng Thượng Đế.
4. Phật Giáo.
5. Tiên Giáo.
6. Nho Giao.
7. Ba Bài Dâng Tam Bửu: Hoa, rượu, trà.
8. Ngũ nguyện.
9. Phật Mẫu Chơn Kinh.
10. Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

KINH CÚNG TỨ THỜI TẠI ĐỀN THÁNH, THÁNH THẤT HAY TƯ GIA

KINH CÚNG TỨ THỜI LÀ NHỮNG BÀI KINH XUNG TỤNG TRONG BỐN THỜI CÚNG ĐỨC CHÍ TÔN VÀ BA ĐẮNG Giáo chủ Tam Giáo tại Tòa Thánh, Thánh Thất hay tư gia. Bốn thời đó là Tý (12 giờ khuya), Ngọ (12 giờ trưa), Mẹo (6 giờ sáng), Dậu (6 giờ chiều).

Sở dĩ các Đấng Thiêng Liêng dạy các tín đồ chọn những thời điểm đó để cúng tứ thời là bởi vì vào bốn thời điểm này, là giao điểm đặc biệt của hai khí Âm Dương trong Càn Khôn Vũ Trụ: Thời Tý thì khí Âm cực thịnh, khí Dương khởi sanh; thời Ngọ thì khí Dương cực thịnh, khí Âm khởi sanh; thời Mẹo, Dậu thì hai khí Âm Dương giao hòa.

Những bài kinh cúng tứ thời gồm có:

1. Niệm Hương.
2. Khai Kinh.
3. Ngọc Hoàng Thượng Đế
4. Phật Giáo.
5. Tiên Giáo.
6. Nho Giáo.
7. Dâng Tam Bửu (Hoa, Rượu, Trà) dành cho thời cúng Tiểu Đàn hay Đại Đàn tại Tòa Thánh, Thánh Thất hay tư gia. Còn khi cúng tứ thời thì vào hai thời Tý, Ngọ dâng rượu; Mẹo, Dậu dâng trà.
8. Ngũ nguyện.

THIÊN THỨ NHẤT

NIỆM HƯƠNG

- I. NGUỒN GỐC
- II. KINH VĂN
- III. CHÚ GIẢI

A. NGUỒN GỐC

*Nguồn gốc bài kinh **Niệm Hương** là do Đức Nam Cực Chưởng Giáo giảng cơ vào năm Ất Sửu 1925 ban cho chi Minh Lý, tức chùa Tam Tông Miếu bây giờ.*

Khi nhận được bài kinh Niệm Hương, chi Minh Lý được Ông Trên dạy phải truyền kinh này để phổ độ. Khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được hình thành, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Hội Thánh cử một phái đoàn gồm bốn Ngài Thượng Đẩu Sư Lê Văn Trung, Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư và ông Giáo sư phái Thượng Vương Quang Kỳ đến Minh Lý Đạo thỉnh kinh, trong đó có bài Niệm Hương và Khai Kinh.

Bài Niệm Hương này Đức Nam Cực Chưởng Giáo dịch ra nôm từ bài “Phân Hương Chú 焚香咒” bằng chữ Hán, được trích trong kinh Cảm Ứng của Đạo giáo.

Sau đây, chúng tôi xin chép lại bài Phân Hương Chú bằng Hán văn, phiên âm và giải nghĩa để dễ bề đối chiếu.

焚香咒

Phân Hương Chú

道由心合

Đạo do tâm hiệp

心假香傳

Tâm giả hương truyền
 香焚玉爐
 Hương phân ngọc lư
 心注仙願
 Tâm chú Tiên nguyện
 真靈下降
 Chơn linh hạ giáng
 仙珮臨軒
 Tiên bội lâm hiên
 今臣關告
 Kim thân quan cáo
 逕達九天
 Kính đạt Cửu thiên
 所啟所願
 Sở khải sở nguyện
 咸賜如言
 Hàm tú như nghiên (ngôn)

GIẢI NGHĨA

Bài Chú Đốt Nhang

*Đạo là do tâm hiệp lại
 Lòng thành mượn khói nhang truyền đi.
 Nhang thơm tỏa ngát trong lư ngọc.
 Lòng thành hướng đến Chư Tiên cầu nguyện.
 Cầu Chơn Linh của các Đấng giáng xuống.
 Chư Tiên ngồi xe giáng đến.
 Ngày nay bề tôi xin tấu trình.*

Vội vã thẳng đến chín tầng Trời.
Xin tỏ bày mong muốn và nguyện ước.
Và cầu ban cho ân huệ như lời khẩn nguyện.

B. KINH VĂN

NIỆM HƯƠNG

Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp.
Lòng nường nhang khói tiếp truyền ra.
Mùi hương lư ngọc bay xa.
Kính thành cầu nguyện Tiên gia chứng lòng.
Xin Thần, Thánh ruỗi dong cõi hạc,
Xuống phạm trần vội gác xe tiên.
Ngày nay Đệ tử khẩn nguyện,
Chín tầng Trời, Đất thông truyền chứng tri.
Lòng sở vọng gắn ghi đảo cáo,
Nhờ Ôn Trên bổ báo phước lành.

**Niệm: “Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma
Ha Tát”**

C. CHÚ GIẢI

**Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp
Lòng nường nhang khói tiếp truyền ra.**

- **Đạo** 道: Nghĩa đen là đường đi, còn theo nghĩa bóng thì Đạo là đường lối, phép tắc đối nhưn xử thế của con người. Chữ Đạo ở đây được hiểu theo Đạo làm người hay nhân đạo trong hình nhi hạ của Nho giáo. Đến thời Lão Tử, một Đạo gia đầu tiên của Trung Quốc đưa ra thuyết bản căn của Vũ trụ và đề xướng

Đạo luận. Từ đó Đạo được hiểu với nghĩa hình nhi thượng, tức là Thiên Đạo.

Theo Đạo Đức Kinh, Đạo là bản căn của Càn Khôn Thế giới, là nguyên lý từ đó mà vạn vật được sinh ra, muôn loài noi theo, là cái qui luật chi phối sự sinh thành biến hóa của Trời đất và muôn vật.

Theo Cao Đài, Đạo là con đường của Đức Chí Tôn dẫn đến bờ giải thoát gọi là Đại Đạo. Đạo của Đức Chí Tôn dạy trong thời Tam Kỳ, là phổ độ chúng sanh để lập công hầu đoạt được cơ giải thoát, là con đường chuyển hoá khỏi mọi khổ đau.

Thánh giáo Đức Chí Tôn nói về chữ Đạo như sau: “Đạo là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm”.

Trương Tử Dương nói về chữ Đạo như sau:

Đạo thị Hư Vô sinh nhất khí,

道是虛無生一氣

Tiên tòng Nhất Khí sản Âm Dương.

便從一氣產陰陽

Âm Dương giả hợp thành tam thể,

陰陽者合成三體

Tam Thể trùng sinh vạn vật xương.

三體重生萬物昌

Đạo tự Hư vô sanh một khí,

Một khí sinh ra được Âm dương.

Âm dương hợp lại thành Tam thể,

Tam thể trùng sinh vạn vật xương.

(NHÂN TỬ, NGUYỄN VĂN THỌ DỊCH)

Như vậy, Đạo rất cần ích cho cá nhân và xã hội. Người có Đạo sợ luật Trời, kiêng phép nước, biết trọng luân thường đạo đức, biết thương yêu đồng loại.

Một nước có Đạo, xã hội sẽ trật tự, an ninh, dân chúng sẽ được hòa bình hạnh phúc. Do đó, mỗi con người sống ở thế gian, “Đạo phải có luôn luôn trong lòng, chẳng khá lìa ra trong giây phút nào”. (Đạo giả dã, bất khả tu du ly dã 道者也, 不可須臾離也).

Đức Thích Ca Mâu Ni có khuyên con người rằng: “Chớ có đợi lúc già mới học Đạo, những mồ hoang ấy toàn là của kẻ còn thiếu niên”:

Mạc đãi lão lai phương học Đạo,

莫待老來方學道

Cô phân tận thị thiếu niên nhơn.

孤墳盡是少年人

- **Gốc bở:** Do ở, gốc ở.
- **Lòng thành:** Hay Thành tâm 誠心: Tức là lòng thành thật, thật tâm.

Tâm của con người có nhiều thứ khác nhau, nhưng chúng ta chỉ cần phân biệt hai loại tâm mà thôi: Đó là Tâm thật (Chơn tâm) và tâm giả (Giả tâm).

Tâm Thật: Chơn tâm Phật tánh của chúng ta. Cao Đài gọi là Thiên tánh.

Tâm giả: Tâm mà con người dùng để sống hằng ngày ở cõi thế.

Sống trên thế gian này, con người trong vô số kiếp, không dùng tâm thật ra để sống, mà chỉ dùng tâm giả để sống với nhau, do vậy mới sinh nghiệp chướng

mà bị chìm trong luân hồi sanh tử.

Ngoài việc sống bằng tâm thật, chúng ta còn phải trau dồi để được có lòng thành thực. Theo Mạnh Tử, “Thành thực là cái Đạo của Trời, luyện tập để trở nên thành thực là cái Đạo của người. Hễ chí thành mà không cảm động được thiên hạ thì chưa hề có; không thành thực thì chẳng cảm động được ai cả.”

Tuân Tử cũng cho rằng đức thành cảm hóa được con người và vạn vật, là một cái Đạo của Trời đất, của Thánh nhân. Ông nói: “Quân tử dưỡng tâm thì không gì tốt bằng luyện đức thành. Hễ chí thành rồi thì không còn việc gì làm hại được tâm nữa. Chỉ thành tâm giữ lấy điều nhân, chỉ thành tâm làm theo điều nghĩa. Hễ thành tâm giữ điều nhân thì niềm thành tâm tất hiện ra ngoài mà tất có hiệu lực thần diệu, thần diệu thì cảm hóa được người; hễ thành tâm làm điều nghĩa thì tất thấu lý, thấu lý thì tất sáng, sáng thì tất biến đổi lòng người...Trời đất lớn thật, nhưng nếu không thành thực thì không cảm hóa được vạn vật; Thánh nhân sáng suốt thật, nhưng nếu không thành thực thì không cảm hóa được vạn dân; tình cha con thân thật, nhưng nếu không thành thực thì hóa sơ; bậc vua và bề trên đáng tôn kính thật, nhưng nếu không thành thực thì hóa thấp. Thành là cái người quân tử phải giữ, và là cái gốc của chính trị” (Quân tử dưỡng tâm mạc thiện vu thành, trí thành tắc vô tha sự hỹ. Duy nhân chi vi thủ, duy nghĩa chi vi hành. thành tâm thủ nhân tắc hình, hình tắc thần, thần tắc năng hóa hỹ; thành tâm hành nghĩa tắc lý, lý tắc minh, minh tắc năng biến hỹ...Thiên địa vi đại hỹ, bất thành tắc bất năng

hóa vạn vật; Thánh nhân vi trí hỹ, bất thành tắc bất năng hóa vạn dân; phụ tử vi thân hỹ, bất thành tắc sở; quân thượng vi tôn hỹ, bất thành tắc ti. Phù thành giả, quân tử chi sở thủ dã, nhi chính sự chi bản dã
 君子養心莫善于誠, 致誠則無它事矣. 唯仁之為守, 唯義之為行. 誠心守仁則形, 形則神, 神則能化矣; 誠心行義則理, 理則明, 明則能變矣... 天地為大矣, 不誠則不能化萬物; 聖人之為知矣, 不誠則不能化萬民; 父子為親矣, 不誠則疏; 君上為尊矣, 不誠則卑. 夫誠者, 君子之所守也).

- **Tín** 信: *Hay tín tâm, tức là lòng tin tưởng, đức tin. Bất cứ một Tôn giáo nào cũng lấy lòng tin tưởng làm gốc. Lòng tin rất cần thiết cho người theo Đạo và giữ Đạo. Có được lòng tin con người mới vững vàng tu học, không có lòng tin sớm muộn gì cũng ngã. Song lòng tin phải có trí phán xét, chỉ nên hướng về lẽ chánh, điều lành. Chớ không nên bạ đâu tin đó, tin một cách cực đoan, không phân biệt chánh tà thì rất hại cho đức tin ta lắm vậy. Có lòng tin vào Trời, Phật và các Đấng Thiêng Liêng, tin tưởng có linh hồn bất tiêu bất diệt thì chúng ta mới sùng bái, học theo đức háo sinh của các Đấng, không dám tạo ác nghiệp mà phải gieo nghiệp lành để được thoát ra luân hồi sinh tử.*
- **Hiệp** 合: *Hiệp lại, hợp lại.*
- **Nường**: *Nường theo, dựa vào.*
- **Nhang**: *Một loại cúng phẩm được làm bằng tre, chuốt ra cọng nhỏ và xe vào một đoạn bột trộn hương thơm rồi phơi khô, dùng để đốt khi cúng kính Trời Phật*

hay Ông Bà.

Trong dân gian, người Trung Hoa, Việt Nam...v.v. tin tưởng Ông Bà hay Trời Phật thường đốt nhang khi tưởng niệm hay cúng kính các Đấng. Họ quan niệm rằng lòng cầu nguyện hay nói cách khác là nguyện lực sẽ hòa quyện cùng khói nhang bốc lên để được cảm ứng cùng Ông Bà và các Đấng.

Nhưng đối với người tu, sự đốt hương mang một ý nghĩa sâu sắc hơn, đốt hương hàm ý đốt lên mùi thơm của pháp vô vi, có tác dụng đánh bật các mùi ô uế, trừ khí của tội chướng và ác nghiệp, vô minh đen dầy trong tâm thức ta. Hương này có Ngũ Giới Hương:

Giới hương: mùi thơm bát ngát của giới luật tiêu trừ được mùi ô uế của tội ác. Mùi tội ác hôi tanh không thể xâm nhập nội tâm kẻ tu hành được.

Định hương: Mùi thơm của thiền định khiến ta tin tưởng mạnh mẽ vào Giáo Pháp để tiến lên cõi bờ giác ngộ, không nản lòng chùn bước.

Tuệ hương: Mùi thơm của trí tuệ, là một năng lực bén sáng, có khả năng diệt trừ mọi chướng ma, phiền não.

Giải thoát hương: Mùi hương của giải thoát, có năng lực cởi bỏ được bao nhiêu trói buộc của mê mờ tà kiến.

Giải thoát tri kiến hương: Mùi thơm của giải thoát tri kiến, là trí tuệ quang minh thường thanh lọc, chiếu soi qua tất cả nhận thức, để được thông suốt, không để tà kiến, cố chấp trói buộc.

Chính vì thế Đạo Cao Đài mới dùng năm thứ hương này bằng năm cây nhang thắp lên để dâng cúng Đức

Chí Tôn.

- ▶ **Câu 1:** Lòng thành thật và đức tin vững chắc là cái nguồn gốc của Đạo.
- ▶ **Câu 2:** Lòng chí thành, đức tin sẽ nương theo khói nhang bay truyền ra xa.

Mùi hương lư ngọc bay xa

Kính thành cầu nguyện Tiên gia chứng lòng

- **Mùi hương:** Mùi thơm.

Người ta thường dùng mùi thơm để tẩy trừ khí. Kinh Lăng Nghiêm nói: Hương Chiên Đàn vừa đốt lên, tỏa ngát hương bốn mươi dặm. Vì thế, dùng hương Chiên Đàn tối thượng để sánh với Đức Phật đã thành tựu năm thứ diệu hương. (Giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát hương, giải thoát tri kiến hương). **Lư ngọc:** Lư bằng ngọc. Nhưng chữ ngọc ở đây dùng với nghĩa là quý báu, tôn kính, chứ không phải Lư làm bằng ngọc.

Lư là một dụng cụ để trên bàn thờ, có hai loại: Dùng để cắm nhang thì gọi là lư hương hay lư nhang; dùng để đốt trầm thì gọi là lư trầm.

- **Kính thành 敬誠:** Kính là Tôn kính, kính trọng; Thành là Thành thật.

Tin tưởng Trời Phật thì phải lấy tấm lòng kính cẩn và thành thực mà thờ phụng các Ngài. Trong thiên Thái giáp hạ của kinh Thư có nói rằng: Trời không thân với ai, chỉ thân với người hay **kính**....quỉ thần không thường chứng giám cho ai, chỉ chứng giám cho kẻ có lòng **thành** (Duy thiên vô thân, khắc kính duy thân...quỉ thần vô thường hưởng, hưởng vu khắc thành 惟天無親,克敬惟親.....鬼神無常享,

享于克誠).

Người tin Trời Phật thì phải có lòng Kính 敬 và Thành 誠: Có lòng kính thì mới giữ được bản tính của mình cho thuần nhất và có lòng thành thì người và các Đấng mới tương cảm với nhau được.

- **Cầu nguyện.** 求 愿: Cầu xin, nguyện vái. Theo Giáo Hữu Thượng Lý Thanh, Đức Chí Tôn khuyên chúng ta trong một ngày phải có ít nhất là một lần cầu nguyện:

Việc chi dầu quá cần cù,

Cũng nhưn vài khắc tập tu nguyện cầu.

Sau khi tụng xong bài kinh Ngũ Nguyên, chúng ta thường hay cầu nguyện, nhưng một số người có ý cầu xin cho riêng mình được lợi lộc, sang giàu... Điều này, chúng ta nên suy nghĩ, bởi lẽ mọi sự vật, mọi hiện tượng đều được chi phối bởi quy luật nhân quả, mà không một lời cầu xin nào có thể làm thay đổi được, chỉ trừ giảm hay dứt bớt nghiệp mà thôi.

Cầu nguyện phải có lòng thành, đức tin và lòng bác ái. Theo thiên ý, mỗi thời cúng, chúng ta nên dùng cái nguyện lực của chúng ta để độ sanh và độ tử cho chúng sinh. Sau đây là lời hướng dẫn cầu nguyện của Giáo Hữu Thượng Lý Thanh :

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm..... Đệ Tử: ...(Tên họ và tuổi)... khẩn nguyện Ôn Trên Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng, Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thất Nương Diêu Trì Cung cứu hộ các đấng vong hồn tảo đăc siêu thăng, thoát khỏi Âm quang qui hồi cứu vị.

Xin ban ân lành cho toàn sanh chúng cộng hưởng

thái bình, an cư lạc nghiệp, vĩnh sùng chánh giáo, giải quả tiền khiên, nghiệp chướng.

- **Tiên gia** 仙爺: Gia là Cha, tiếng tôn xưng; Tiên gia: Đấng Tiên Ông. Đây chỉ Đức Đại Từ Phụ là một đấng Tạo Hóa ra Càn Khôn Vũ Trụ, là Đấng cha chung của vạn linh sanh chúng.
- ▶ **Câu 3:** Tâm trì niệm theo nhang khói truyền đi.
- ▶ **Câu 4:** Lòng Kính và Thành cầu nguyện được Đấng Thiêng Liêng chứng giám cho.

***Xin Thần, Thánh ruỗi dong cỡi hạc,
Xuống phàm trần vội gác xe tiên.***

- **Ruỗi dong:** Đi một mạch cho mau tới.
- **Cỡi hạc:** Cỡi chim hạc.
- **Hạc** 鶴: Một loài chim có chân cao, cổ dài, da đỏ, lông trắng. Hạc là loại chim sống lâu, có thể sống ngoài ngàn năm. Theo Hàn thi ngoại truyện, thì loại hạc vàng có thể bay rất xa, mỗi lần cất cánh thì có thể bay hàng muôn dặm, vì thế những linh hạc được các vị Thần Tiên dùng để cỡi hay kéo xe vân du trong các cõi giới. Đối với các thi nhân, hạc cũng được làm xe để cỡi, Bạch Cư Dị viết:

曾陪鶴馭兩三仙

Tặng bồi hạc ngự lưỡng tam tiên

Đã từng ngồi xe hạc cùng với ba vị tiên

Đời Đường thi sĩ La Ấn cũng viết:

且憑鶴駕尋蒼海

Thả bằng hạc giá tầm thương hải

Nường theo xe hạc để đi tìm biển xanh

Sau đây là một câu chuyện về con chim hạc được kể

lại khi xây dựng Đoạn Trần Kiều. Đức Hộ Pháp dạy Tá Lý Lành đắp một con chim hạc lớn, trên lưng chở hai thầy trò Tân Dân Tử và Tôn Vô Tử. Chim hạc này, Đức Ngài dạy đắp ở nóc nhà mát nằm trên Đoạn Trần Kiều, đầu phải ngó về Thiên Hỷ Động (Trí Huệ Cung). Tá Lý Lành quên lời dặn của Đức Ngài, nên đắp chim hạc quay đầu ngược lại. Đến khi Đức Hộ Pháp đi Nhứt trở về, thấy vậy than rằng: Đây là thể pháp, Thầy dặn đầu chim hạc quay về Trí Huệ Cung là tượng trưng rước khách phàm nhập Thánh. Còn đắp hạc trở đầu ra, như vậy là chở Thánh lâm phàm.

Còn hai thầy trò Tân Dân Tử, Đức Hộ Pháp có thuật lại như sau: Xưa kia Tân Dân Tử dạy Tôn Vô Tử học Đạo Tiên. Ngày nọ, hai Thầy trò cỡi hạc vân du, Tân Dân Tử dặn Tôn Vô Tử: Thầy dặn con một điều, nếu lòng con còn mến tiếc việc phàm, nhứt là khi hạc bay qua chợ Thiên Vương là quê hương của con, nếu lòng con tưởng trần thì chim bay không nổi, sẽ đáp xuống, con phải ở lại cỡi trần, không về cùng Thầy được.

Tôn Vô Tử đã đạt phẩm Nhơn Tiên, mà tránh không khỏi nét phàm, nên khi hạc bay ngang chợ Thiên Vương, thấy quê cũ lòng bắt ngậm ngùi, chim hạc liền đáp xuống. Tôn Vô Tử ở lại chợ Thiên Vương, lòng buồn bã, tìm lại người vợ xưa thì đã quá 70 tuổi rồi. Ông nghĩ muốn tạo lại sự nghiệp thì đã muộn, muốn tái lập đạo nhưn luân thì vợ đã già, bèn than rằng: Ta đã theo Thầy học đạo Tiên trên 30 năm, nếu bây giờ ở luôn tại đây thì uống công tu luyện, muốn theo Thầy thì chim hạc không cất cánh nổi. Ôi! Lữ Đạo lữ

Đời, ấy cũng vì ta không nghe lời Thấy, mà không nên Đạo.

Chim hạc còn được đắp đứng trên lưng con qui (rùa) để thờ nơi đình miếu:

Thương thay thân phận con rùa,

Nơi đình đội hạc, nơi chùa đội bia.

Ngoài ra, chim hạc còn được ví với sự phóng khoáng tự do như câu “ hạc nội mây ngàn”. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Lý có hai câu:

Lung kê hữu mễ thang oa cận,

籠雞有米湯塢近

Dã hạc vô lương thiên địa khoan.

野鶴無糧天地寬

Giải nghĩa: Gà lồng có lúa ăn hằng ngày, mà nổi nước sôi cận kề, không biết bị giết ngày nào.

Chim hạc ở nội đồng, tuy bữa đói bữa no, nhưng trời đất rộng thênh, mặc tình bay lượn.

- ▣ **Phàm trần** 凡塵: Phàm là Tâm thường, phàm tục; Trần là bụi bặm.

Phàm trần hay phàm tục dùng để chỉ cõi thế gian có nhiều ô trược, mà con người đang sanh sống. Người ta thường dùng nhiều từ ngữ để chỉ cõi này như hồng trần, trần cấu, trần gian, phàm gian, nhơn gian, thế gian....

- ▣ **Gác xe Tiên:** Dùng chiếc xe Tiên lại.

Xe Tiên là chiếc xe để chư vị Thần Tiên cỡi đi du hành. Như Đức Thái Thượng Lão Quân thường đi xe Như ý.

- ▶ **Câu 5-6:** Cầu xin các Đấng Thần Thánh mau cỡi

chim hạc và ngôi xe Tiên xuống phạm gian.

**Ngày nay Đệ tử khẩn nguyện,
Chín tầng Trời, Đất thông truyền chứng tri.**

- **Đệ Tử 弟子:** Là học trò. Đệ tử là tiếng tự xưng của người học trò, tức là môn đệ của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn giảng cơ khai nền Đại Đạo, tự xưng là Thầy và gọi các tín đồ theo Đạo là môn đệ hay đệ tử. Đệ tử ở đây là lời tự xưng của chư môn đồ của Đức Chí Tôn.

- **Chín tầng Trời:** Còn gọi là Cửu Thiên 九天 hay Cửu Trùng Thiên 九重天.

Căn cứ những bài kinh Cửu, Tiểu, Đại Tường và Di Lạc Chơn Kinh thì chín tầng Trời được kể ra theo hai quan niệm sau:

* Quan niệm thứ nhất cho rằng chín tầng Trời kể từ tầng trời ở Nhứt Cửu cho đến Cửu Cửu, tức là:

Tầng Trời thứ 1: Tầng Trời có vườn Ngạn Uyển.

Tầng Trời thứ 2: Tầng Trời có Vườn Đào của Phật Mẫu.

Tầng Trời thứ 3: Tầng Trời Thanh Thiên.

Tầng Trời thứ 4: Tầng Trời Huỳnh Thiên.

Tầng Trời thứ 5: Tầng Trời Xích Thiên.

Tầng Trời thứ 6: Tầng Trời Kim Thiên.

Tầng Trời thứ 7: Tầng Trời Hạo Nhiên Thiên.

Tầng Trời thứ 8: Tầng Trời Phi Tưởng Thiên.

Tầng Trời thứ 9: Tầng Trời Tạo Hóa Thiên.

* Quan niệm thứ nhì, có một số người cho rằng chín tầng Trời phải kể từ bài kinh Đệ Tam Cửu trở lên, tức là:

Tầng Trời thứ 1: Tầng Trời Thanh Thiên.

Tầng Trời thứ 2: Tầng Trời Huỳnh Thiên.

Tầng Trời thứ 3: Tầng Trời Xích Thiên.

Tầng Trời thứ 4: Tầng Trời Kim Thiên.

Tầng Trời thứ 5: Tầng Trời Hạo Nhiên Thiên.

Tầng Trời thứ 6: Tầng Trời Phi Tưởng Thiên.

Tầng Trời thứ 7: Tầng Trời Tạo Hóa Thiên.

Tầng Trời thứ 8: Tầng Trời Hư Vô Thiên.

Tầng Trời thứ 9: Tầng Trời Hỗn Nguyên Thiên.

Nhưng căn cứ theo lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, ngày rằm tháng 8 năm Đinh Hợi (1947), khi Ngài giải thích bài “Phật Mẫu Chờ Kinh”, Ngài có nói: “**Tầng Trời thứ chín** gọi là cung Tạo Hóa Thiên, có vị cầm quyền năng tạo đoan gọi là Thiên Hậu...”.

Nếu tầng Tạo Hóa Thiên là tầng Trời thứ 9 (Đệ Cửu Cửu), thì theo quan niệm thứ nhất là đúng, tức là bài kinh Nhứt Cửu, hay tầng có vườn Ngạn Uyển là tầng Trời thứ nhất của Cửu Trùng Thiên.

- **Đất:** Các Địa cầu, ý chỉ 72 Địa cầu mà Đức Chí Tôn đã dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: “Con người chúng ta đang ở trên địa cầu 68 và chúng ta phải tiến hóa lên đệ nhứt cầu, vì có tất cả 72 địa cầu trên thế giới, còn tiến vào Tam Thiên (ba ngàn) Thế giới nữa, qua khỏi Tam Thiên Thế giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu, qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào đặng Tam thập lục Thiên” (36 tầng Trời).
- **Thông truyền** 通傳: Truyền suốt khắp nơi
- **Chứng tri** 證知: Chứng biết rõ.

Tâm con người khi cảm liên ứng ngay. Tâm ứng thì chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đều chứng biết. Trong

thiên Thái Thượng Cầm Ứng có viết: Lòng người mới muốn làm việc phải, việc phải tuy chưa làm, mà Cát Thần đã theo rồi; lòng người mới tính làm việc dữ, việc dữ tuy chưa làm, mà Hung Thần đã theo rồi (Sở dĩ nhân tâm khởi ư thiện, thiên tuy vị vi, nhi kết thân dĩ tùy chi; hoặc tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi, nhi hung thần dĩ tùy chi 所以人心起於善, 善雖未為, 而吉神已隨之; 或心起於惡, 惡雖未為, 而凶神已隨之).

- ▶ **Câu 7-8:** Ngày nay, các con xin thành tâm mà cầu nguyện, để nguyện lực này được truyền đi suốt chín tầng trời và 72 địa cầu các Đấng Thiêng Liêng chứng rõ biết cho con.

**Lòng sở vọng gắn ghi đảo cáo,
Nhờ Ôn Trên bổ báo phước lành.**

- **Sở vọng** 所望: Điều mà mình hằng mong muốn, trông đợi.
- **Gắn ghi:** Ghi tạc, khắc ghi trong lòng.
- **Đảo cáo** 禱告: Đảo là cầu được an lành. Cáo là nói cho biết. Đảo cáo: Cầu xin với các Đấng Thiêng Liêng về việc gì.

Đảo là cầu đảo hay cầu xin. Khi phạm tội với Trời người ta thường bày lễ để cầu đảo. Tương truyền, Đức Khổng Tử bị đau nặng, học trò là thầy Tử Lộ xin Thầy bày lễ cầu nguyện để mau được khỏi bệnh. Nhưng Ngài lại nói rằng “Khâu chi đảo cứu hỹ 丘之禱久矣” nghĩa là Ta cầu nguyện đã lâu rồi. Ý Ngài muốn nói chung thân Ngài làm điều nhưn nghĩa, như vậy lúc nào Ngài cũng đã cầu xin rồi. Theo Ngài nếu ai bất nhân bất nghĩa, làm điều trái đạo, mắc tội với

Trời, dù có cầu xin cũng không có ích gì: Hoạch tội ư Thiên, vô sở đảo dã 獲罪於天無所禱也 Phải tội với Trời còn cầu xin vào đâu được.

- **Bổ báo** 補報: Báo đáp lại lời cầu xin. Thường viết báo bổ 報補.
- ▶ **Câu 9–10:** Điều hằng mong muốn là ghi khắc trong lòng để cầu đảo với các Đấng Thiêng Liêng. Nhờ Ôn Chí Tôn báo đáp và ban ơn phước lành cho con.

CHÚ THÍCH CÂU CHÚ THẦY:

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無高臺仙翁大菩薩摩訶薩

Câu chú của Đức Chí Tôn gồm 12 chữ (Số riêng của Thầy) được thể hiện cho qui nguyên tam giáo:

- Cao Đài tượng trưng Nho giáo,
- Tiên Ông tượng trưng Tiên Giáo,
- Đại Bồ Tát Ma Ha Tát tượng trưng Phật giáo.
- **Nam. Mô** 南無: Từ tiếng Phạn Namah, nghĩa là Kính lễ, đánh lễ: cúi đầu làm lễ. Tiếng Nam Mô thường được dùng đặt trước hồng danh chư Phật, Bồ Tát, hay đặt trước câu của lời nguyện.
- **Cao Đài** 高臺: Một Đài cao ở Linh Tiêu Điện, Ngọc Hư Cung, là nơi ngự của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Trong một đàn cơ năm 1927, Đức Chí Tôn có ban cho bài thi để giải thích hai chữ Cao Đài như sau:

Linh Tiêu nhứt tháp thị Cao Đài

靈霄一塔是高臺

Đại hội quần Tiên thử ngọc giai.

大會群仙此玉階

Vạn trượng hào quang tùng thủ xuất,

萬丈毫光從此出

Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai.

古名寶境樂天台

Nghĩa là:

Linh Tiêu Điện có một tháp gọi Cao Đài.

Đại hội các Tiên họp tại nơi bệ ngọc này.

Muôn trượng hào quang từ nơi ấy mà chiếu ra.

Tên khi xưa, cảnh báu đó gọi Lạc Thiên Thai.

- ▣ **Tiên Ông** 仙翁: Một vị Tiên, một phẩm của đạo Tiên.
- ▣ **Đại Bồ Tát** 大菩薩: Một vị Bồ Tát lớn.
Bồ Tát do từ Bodhisattva Bồ Đề Tát Đóa. Bodhi = giác ngộ, Sattva = chúng sinh. Bồ Tát là bậc đã giác ngộ và đang cứu độ chúng sinh. Bồ Tát là con người tỉnh thức và đang giúp người khác tỉnh thức.
- ▣ **Ma Ha Tát** 摩訶薩: Mahasattva dịch là Ma Ha Tát Đóa. Ma Ha là Đại, Tát tức là Bồ Tát. Nói cách khác Ma Ha Tát là vị Đại Bồ Tát là bậc phát Đại tâm. Bồ Đề cứu độ chúng sanh

THIÊN THỨ NHÌ

KHAI KINH

I. NGUỒN GỐC

II. KINH VĂN

III. CHÚ GIẢI

A. NGUỒN GỐC

Bài Khai Kinh này do Đức Lữ Tổ dịch ra Nôm từ bài Hán văn tựa là “*Khai Kinh Kệ*” trong kinh Huyền Môn Nhật Tụng bên Trung Hoa, và giảng cơ bản cho Chi Minh Lý. Hội Thánh Cao Đài được Chí Tôn dạy thỉnh về làm kinh nhật tụng. Sau đây xin chép lại nguyên bản, phiên âm bài “*Khai Kinh Kệ*” để chúng ta tiện đối chiếu.

開經偈

Khai Kinh Kệ

塵海茫茫水日東

Trần hải mang mang thủy nhật đông,

挽回全仗主人公

Vãn hồi toàn trượng chủ nhơn công.

要知三教心源合

Yếu tri Tam giáo tâm nguyên hiệp,

忠恕慈悲感應同

Trung thứ Từ bi cảm ứng đồng.

B. KINH VĂN

KHAI KINH

Biển trần khổ với với Trời nước,

Ảnh Thái Dương gội trước phương đông.
 Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông
 Ra tay dẫn độ, dày công giúp đời,
 Trong Tam Giáo có lời khuyên dạy
 Gốc bởi lòng làm phải làm lành,
 Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành,
 Từ bi Phật dạy: Lòng thành lòng nhơn.
 Phép Tiên Đạo: Tu chơn dưỡng tánh,
 Một cội sanh ba nhánh in nhau.
 Làm người rõ thấu lý sâu,
 Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh Kinh.

C. CHÚ GIẢI

Biển trần khổ với với Trời nước Ảnh Thái Dương gội trước phương đông.

- **Biển trần khổ:** Theo Đạo Phật, nơi cõi trần gian này, sự đau khổ của con người dầy dẫy như nước biển mênh mông, lai láng, không bờ, không bến. Bài kệ chuỗi bên Phật có câu:

Ái hà thiên xích lãng,

愛河千尺浪

Khổ hải vạn trùng ba.

苦海萬重波

Dục thoát luân hồi khổ,

欲脫輪迴苦

Tảo cấp niệm Di Đà.

早急念彌陀

Dịch vân:

Sông yêu ngàn thước sóng,
Biển khổ muôn lượn qua.
Luân hồi mong vượt thoát,
Mau sớm niệm Di Đà.

(THIÊN VÂN DỊCH)

Sự đau khổ như muôn lượn sóng dồn dập ở biển khơi đã nhận chìm biết bao nhiêu sanh linh từ muôn đời ngàn kiếp. Phật cho rằng: “Nước mắt chúng sinh trong ba ngàn thế giới đem chứa lại còn nhiều hơn nước ngoài bốn biển”.

▫ **Voi voi:** Mệnh mỏng, bát ngát.

▫ **Thái dương** 太陽: Mặt trời.

Theo sự phân tích về âm dương, mặt trời được người xưa quan niệm là dương, nên gọi là Thái dương; còn mặt trăng là âm nên gọi là Thái âm.

▫ **Ánh Thái dương:** Ánh sáng mặt trời.

▫ **Ánh Thái dương gọi trước phương Đông:** Ánh sáng mặt trời là nguồn sống của mọi sinh vật và cũng là nguồn sáng phá tan những bóng tối bao trùm trên quả địa cầu này. Ánh Thái dương mọc ở phương Đông còn được hiểu Đạo đến từ Đông (Đạo xuất ư Đông 道出於東), đem giáo pháp tiêu trừ, xóa tan những bóng tối khổ đau và tội lỗi của chúng sanh, và mang đến ánh sáng hạnh phúc cho nhơn loại ở cõi trần gian này.

Trí huệ cũng được ví như ánh mặt trời xóa tan bóng tối của vô minh, nên gọi là huệ nhật. Thiền sư Bách Trượng nói: Tâm địa nhược không, huệ nhật tự chiếu: Khi tâm thức vắng lặng (vô niệm) thì mặt trời trí huệ

tự nhiên chiếu sáng.

- ▶ **Câu 1:** *Khổ đau của con người nơi trần gian này đầy như nước biển mênh mông, chỉ có trời và nước.*
- ▶ **Câu 2:** *Ánh mặt trời chiếu ra từ phương Đông (Ý chỉ Đạo xuất từ phương Đông).*

Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông **Ra tay dẫn độ, dày công giúp đời,**

- ▣ **Tổ sư 祖師:** Người sáng lập ra một tông, một phái có đường lối tu hành rõ ràng, tức là một tôn giáo và làm Tổ của tôn giáo đó.
- ▣ **Thái Thượng 太上:** Còn được gọi là Thái Thượng Lão Quân 太上老君, Thái Thượng Đạo Tổ 太上道祖, hay Lão Tử 老子.

Thái Thượng Lão Quân hay Thái Thượng Đạo Tổ là vị Tổ Sư của Tiên giáo. Theo bài kinh Tiên giáo, thì Ngài do khí Tiên Thiên hóa sinh ra (Tiên thiên khí hóa Thái Thượng Đạo Quân 先天氣化太上道君).

Thái Thượng Đạo Tổ có một kiếp giáng trần nhằm ngày rằm tháng hai vào đời nhà Thương bên Trung Hoa được gọi là Lão Tử.

(Xem tiểu sử Lão Tử nơi bài Kinh Tiên Giáo).

Câu Kinh “**Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông**” có người hiểu một cách khác như sau:

- ▣ **Tổ sư:** Vị Tổ của Phật giáo, tức Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chỉ Phật Giáo.
- ▣ **Thái Thượng:** Đức Thái Thượng Lão Quân, chỉ Tiên Giáo.
- ▣ **Đức Ông:** Tức Đức Khổng Tử, chỉ Thánh Giáo.

Như vậy, câu Kinh trên theo nghĩa sau được hiểu bao gồm Tam Giáo: Phật, Tiên, Thánh, tức là chỉ Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.

- ▣ **Dẫn dắt:** Dẫn dắt và cứu giúp.

Đức Thái Thượng Đạo Tổ lưu lại cho đời nhiều bộ kinh để dẫn dắt chúng sanh tu hành, như Đạo Đức Kinh, Cảm Ứng Kinh, Huỳnh Đình Kinh...

Ngài là vị Đại Tiên có pháp thuật thần thông, thiên biến vạn hóa, nên từ thời hỗn độn sơ khai cho đến nay, Ngài đã lâm phạm nhiều kiếp.

Đời vua Phục Hy, Ngài là Uất Hoa Tử.

Đời vua Thần Nông, Ngài là Đại Thành Tử.

Đời vua Huỳnh Đế, Ngài là Quảng Thành Tử.

Đời vua Võ Vương, Ngài là Dục Thành Tử.

Đời vua Tây Hán, Ngài là Huỳnh Thạch Công.

Ngài giáng trần nhiều kiếp là mong dẫn dắt chúng sanh lần lần hướng về việc lánh ác làm thiện, tu tâm luyện tánh để đạt đạo.

- ▶ **Câu 3:** Tổ Sư Tiên giáo là Đức Thái Thượng Đạo Quân.

- ▶ **Câu 4:** Ngài dẫn dắt và cứu giúp chúng sanh rất dày công phu.

Trong Tam Giáo có lời khuyên dạy Gốc bởi lòng làm phải làm lành

- ▣ **Tam giáo** 三教: Ba nền Tôn Giáo lớn là: Phật giáo hay Thích giáo ở Ấn Độ, Đạo giáo hay Lão giáo ở Trung Hoa, Nho giáo hay Khổng giáo cũng ở Trung Hoa.
- ▣ **Khuyến dạy:** *Khuyên răn dạy dỗ.*

- **Gốc bởi lòng:** *Cái gốc của việc tu hành là do lòng hay tâm 心. Vạn Pháp Duy tâm 萬法惟心: Tất cả các Pháp, các sự vật, vạn vật đều do tâm tạo, ngoài tâm không có pháp.*

Tam giáo cũng lấy tâm và tánh làm gốc để tu hành: Phật thì dạy “*Minh Tâm kiến Tánh*”; Tiên thì dạy “*Tu Tâm luyện Tánh*”; Nho thì dạy “*Tồn Tâm dưỡng Tánh*”.

Giải thích về Tồn Tâm dưỡng Tánh, Mạnh Tử nói: “*Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tánh, sở dĩ sự Thiên dã 存其心, 養其性, 所以事天也*”: Giữ gìn cái tâm, bồi dưỡng cái tính, tức là thuận theo lẽ thiên nhiên vậy.

- **Làm phải:** *Làm việc phải, lấy luân thường đạo đức làm căn bản để ứng xử với đời.*

Hằng ngày, chúng ta làm việc phải thì sẽ nhận được những điều phải đáp lại. Việc phải dù chưa nhận được, nhưng trước nhứt chúng ta cũng cảm thấy thơ thới trong lòng. Lúc rảnh rang xét việc làm của mình lúc bình sinh, lúc yên vắng nghĩ những việc làm phải trong ngày, lúc nào cũng giữ một lòng chánh đạo, thì tự nhiên Trời đất không có sai chạy bao giờ (Nhân trung kiểm điểm bình sinh sự, tĩnh lý tư lương nhứt sở vi; thường bả nhứt tâm hành chánh đạo, tự nhiên thiên địa bất tương khuy 閒中檢點平生事, 靜裏思量日所為; 常把一心行正道, 自然天地不相虧).

- **Làm lành:** *Làm những việc thiện.*

Làm lành, ngoài việc không tạo nhân ác, không thọ nghiệp dữ, chúng ta còn làm một điều phù hợp với đức hiếu sinh của Thượng Đế và nhất là tạo cho Chơn linh được nhẹ nhàng để tiến hóa. Mã Phục Ba Tiên

Sinh dạy cho chúng ta một điều mà ta phải cần lưu tâm đến: Làm lành cả đời mà việc lành cũng còn chưa đủ; làm dữ một ngày thì việc dữ đã quá dư rồi (Chung thân hành thiện, thiện do bất túc; nhất nhật hành ác, ác tự khởi dư—Mã Phục Ba 終身行善, 善猶不足, 一日行惡, 惡自起餘).

- ▶ **Câu 5:** *Giáo lý của ba nền Tôn giáo (Phật, Tiên, Nho) có nhiều điều khuyên răn dạy dỗ.*
- ▶ **Câu 6:** *Phật, Tiên, Thánh đều lấy tâm làm gốc, dạy làm điều phải điều lành.*

**Trung Dung Khổng thánh chỉ rành,
Tử bi Phật dạy: Lòng thành lòng nhơn.**

- **Trung Dung 中庸:** *Trung Dung là một quyển sách của Thầy Tử Tư (Khổng Cấp), cháu nội của Đức Khổng Tử, học trò của Tăng Tử gom góp những phần uyên áo của Khổng Giáo viết thành một học thuyết. Theo sách Hán Thư, thiên Trung Dung trước chép ở trong sách Lễ Ký, mãi đến đời Tống mới in riêng ra thành sách.*

Tử Tư dẫn lời Đức Khổng Tử giảng về Đạo Trung Dung như sau: Trung Hòa là cái tính tình tự nhiên của trời đất, Trung Dung là cái đức hạnh của con người. Trung là giữa, không lệch bên nào, Dung là thường, nghĩa là dùng đạo trung làm đạo thường. Vậy Trung Dung là phải có một thái độ ngay chính, lúc nào cũng không nghiêng không lệch, mà lại có cái sáng suốt biết rõ sự thật và thi hành ra thì làm không thái quá không bất cập.

Đạo Trung dung theo Khổng Mạnh là một qui tắc hành động của bậc hiền minh, hợp với lẽ đương

nhiên, không thái quá, không bất cập, song phải biết quyền biến, biết tùy thời, tùy cảnh ngộ, tùy địa vị mà xử sự, lúc nên làm thì làm, lúc không nên làm thì không làm. Nghĩa là phải cho hợp tình hợp lý chứ không chấp nhứt.

Đây là thái độ của người Quân tử theo đạo Trung dung: Người quân tử cứ theo địa vị mình mà ăn ở, không cần ở ngoài; địa vị giàu sang thì ăn ở theo cách giàu sang; địa vị nghèo hèn thì ăn ở cách nghèo hèn; ở nơi mọi rợ thì ăn ở theo cách mọi rợ; ở vào lúc hoạn nạn thì ăn ở theo cảnh hoạn nạn. Người quân tử ở vào cảnh nào cũng tự đắc (tức là vui vẻ, thân nhiên) (*Quân tử tổ kỳ vị nhi hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại; tổ phú quý hành hồ phú quý; tổ bản tiện hành hồ bản tiện; tổ di địch hành hồ di địch; tổ hoạn nạn hành hồ hoạn nạn, quân tử vô nhập nhi bất đắc yên* 君子其位而行, 不願乎其外, 素富貴行乎富貴, 素貧賤行乎貧賤, 素夷狄行乎夷狄, 素患難行乎患難, 君子無入而不自得焉).

Người tu thì lấy đường trung đạo mà tu tập, phải tránh xa hai cực đoan, tức là giữ thái độ vô chấp, vô trụ, là không bị lệ thuộc vào định kiến nào và không bị đóng khung trong một phạm trù tư tưởng nào, cứ theo mức trung mà hằng ngày tu tập.

- **Khổng Thánh** 孔聖: Tức là Đức Khổng Tử 孔子. Khổng Tử, người làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, nay thuộc phủ Duyện Châu, tỉnh Sơn Đông bên Tàu. Thân phụ Ngài là Thúc Lương Ngột làm quan võ, mẹ Ngài là Bà Nhan Thị. Ngài sinh vào mùa đông tháng mười năm Canh Tuất là năm thứ 21 đời vua Linh Vương nhà Châu, tức là năm 551 trước Tây Lịch.

Vì có cầu tự trên núi Ni Khâu, cho nên sinh ra Ngài mới đặt tên là Khâu 丘, tên tự là Trọng Ni 仲尼.

Khi Đức Khổng Tử lên ba tuổi, thân phụ Ngài mất, nhờ mẹ nuôi nấng và dạy dỗ nên người. Lớn lên Ngài là người học Nho, nên rất trọng về lễ nghi và những phép tắc của các Đế Vương đời trước.

Ngài có ra làm quan cho nước Lỗ, nhưng thấy vua mê nữ sắc bỏ phế việc triều chính, Ngài bèn từ quan mà đi chu du liệt quốc chư hầu, mong tìm vị minh quân để phò tá, nhân đó xiển dương Thánh Đạo.

Cuối cùng, Ngài thất vọng phải trở về nước Lỗ mở trường dạy học và san định lục kinh. Lúc Ngài viết quyển kinh Xuân Thu vừa xong, có tin người thợ săn bắt được một con kỳ lân què chơn trái, Ngài thắc mắc “Kỳ lân ra làm gì thế?”. Ít hôm sau nghe tin kỳ lân bị giết chết, Ngài bưng mặt khóc mà than rằng: Đạo Ta cùng vậy (Ngô Đạo cùng hỹ 吾道窮矣). Ngài mất vào đời vua Ai Công nước Lỗ, tháng 4, ngày Kỷ Sửu thọ được 73 tuổi.

- **Tử Bi 慈悲:** Là lòng thương yêu tất cả chúng sanh không vụ lợi, không phân biệt sang hèn hay thân sơ, không trông mong một sự đền đáp nào.
- **Lòng thành, lòng nhơn:** Lòng thành thật và lòng thương người mến vật.

Nho giáo đề cao đức “Thành”, sách Trung Dung cho rằng lòng chí thành thì rộng dày và cao sáng tựa như Càn khôn, có thể che chở muôn vật: Cố chí thành vô túc, bất túc tắc cửu, cửu tắc trưng, trưng tắc du viễn, du viễn tắc bác hậu, bác hậu tắc cao minh, bác hậu sở dĩ tái vật dã, cao minh sở dĩ phú vật dã, du cửu sở dĩ thành vật dã 故至誠無息, 不息則久, 久則

徵, 徵則悠遠, 悠遠則博厚, 博厚則高明, 博厚所以載物也, 高明所以賦物也, 悠久所以成物也: *Hễ Chí thành không ngừng, không ngừng thì dài lâu, dài lâu thì hiện ra ngoài, hiện ra ngoài thì truyền xa, truyền xa thì rộng dày, rộng dày thì cao sáng; rộng dày để chở muôn vật (tức là đất), cao sáng là để che muôn vật (tức là Trời), còn xa xôi lâu dài là để làm thành muôn vật.*

Thánh thi của Đức Chí Tôn có dạy về lòng thành như sau:

Tâm thành có thuở nghiệp nhà nên,
Đạo đức khuyên con cứ giữ bền.
Hễ đặng bữa cày, bông bữa giỗ,
Phân thân đâu đặng hưởng hai bên.

Khổng Tử là một người nhưn tử, thường có lòng xót thương dân chúng bị khổ sở, đốn đau, nên Đạo của Ngài chủ trương lấy nhưn làm gốc của trăm nết. Đức Chí Tôn cũng có dạy về lòng nhưn như sau:

Nhơn là đầu hết các hành tàng,
Cũng bởi vì nhưn, dân hóa quan.
Dân trí có nhưn nhà nước trị,
Nước nhà nhưn thiết một cơ quan.

- ▶ **Câu 7:** Đức Khổng Thánh dạy rành về Đạo Trung Dung.
- ▶ **Câu 8:** Đức Phật căn dặn phải có lòng Từ bi, lòng thành thật và lòng nhưn tử biết thương yêu vạn vật.

Phép Tiên Đạo: Tu chơn dưỡng tánh Một cội sanh ba nhánh in nhau

- **Phép Tiên Đạo:** Phép tu luyện của Đạo Tiên.

Tu theo Đạo Tiên, trước đây thường hay tịnh luyện. Điều này, nếu người có minh sư chỉ giáo hoặc người có đầy đủ công đức thì nên tu tịnh, nhưng phải do Hội Thánh cho phép vào Tịnh thất và tuân hành luật nhà Tịnh.

*Việc luyện đạo, Đức Chí Tôn có giải thích như sau: “Người tu hành nếu chưa trưởng trai trì giới nổi dạng thì hãy lo lập đức, bồi công để làm nền móng vững chắc cho việc Luyện Đạo tương lai, chớ dục vọng mong sớm Luyện Đạo để làm Tiên Phật mà thiếu phần công quả, âm chất. Vì **Thầy lập Đạo kỳ này là mở một trường thi công quả**”.*

- ▣ **Tu chơn** 修真: Là một phương pháp tu sửa để con người trở nên chơn chánh, thiện lương. Đường lối tu hành này chủ trương không qua hình thức áo mão, chức quyền, mà chuyên chú về Tam lập: Lập công, Lập ngôn, Lập đức cho viên mãn để được thọ truyền bửu pháp tịnh luyện tự giải thoát lấy mình.

Đức Hộ Pháp đã dựa Thánh ý Đức Chí Tôn trong bài thi:

Tĩnh ngộ xá thân tại **Phạm Môn**,

醒悟舍身在梵門

Khuyến tu hậu nhật độ sanh hồn.

勸修後日度生魂

Vô lao bất phục hồi chơn mạng,

無勞不復回真命

Tĩnh thế kỳ thân đắc chánh tôn.

醒世其身得正尊

mà lập ra Phạm Môn là đường lối tu chơn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đây chính là tu theo con

đường thứ ba của Đạo Cao Đài.

- ▣ **Dưỡng tánh 養性:** Nuôi dưỡng tánh.

Con người khi được sinh ra thì Chí Tôn đã ban cho một Thiên Tánh, nhưng lớn lên lại mang quá nhiều vọng tưởng và chấp trước, là cội gốc của mọi phiền não, nên dần dần mất Thiên Tánh, và mãi chìm sâu trong vòng luân hồi sinh tử vô tận.

Theo Mạnh Tử, con người mới sinh ra, tánh vốn lành nhưng vì do tập nhiễm xã hội mà xa dần tánh lành đi (Nhân chi sơ, tánh bản thiện, tánh tương cận, tập tương viễn 人之初, 性本善, 性相近, 習相遠). Vì thế, con người cần phải nuôi dưỡng cái Tánh của mình cho trở lại lành như xưa, tức là phục hồi cái Linh tánh hay Thiên Tánh vậy.

- ▣ **Một cội sanh ba nhánh in nhau:** Nghĩa là một gốc mà sinh ra ba nhánh, tức là từ một nguồn cội mà phát sinh ra Tam giáo in nhau. Như ta biết, gốc là Đạo, mà Đạo sinh ra ngôi Thái Cực hay Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, rồi lại sinh ra Tam giáo là Phật giáo, Tiên giáo và Nho giáo.

Thực vậy, Đức Chí Tôn tùy theo thời kỳ, nguồn hội hay căn cơ chúng sinh mà mở ra các nền Tôn giáo ở mỗi xứ có giáo lý khác nhau, nhưng tựu trung mục đích vẫn là giáo hóa chúng sinh, đưa chúng sinh trở về với cội Thiêng Liêng Hằng Sống.

Tam Giáo có những giáo điều, phương pháp khác nhau nhưng vẫn lấy Tâm và Tánh làm gốc để dạy chúng sinh tu hành: Phật dạy Minh Tâm kiến Tánh, Tiên dạy: Tu Tâm luyện Tánh, Nho dạy Tôn Tâm dưỡng Tánh.

- ▶ **Câu 9:** Phương pháp tu Tiên là phải tu chơn dưỡng tánh.
- ▶ **Câu 10:** Đức Chí Tôn làm chủ hay nói cách khác là gốc của Tam giáo.

Làm người rõ thấu lý sâu

Sửa lòng trong sạch tưng cầu Thánh kinh

- **Rõ thấu lý sâu:** Con người vốn là một sinh vật thượng đẳng, chẳng những có một hình thể hoàn hảo, mà cả đến phần tâm linh cũng mãi huệ tinh vi. Chính vì thế, con người luôn luôn lúc nào cũng băn khoăn thắc mắc, thường tìm hiểu về cội nguồn của mình để biết rõ cái nguyên lai của vạn vật và lý huyền diệu cao sâu của Trời đất.

Có tìm hiểu bản căn của Càn khôn muôn loại, mới thấy được vũ trụ bao la bát ngát, vạn vật muôn hình vạn trạng, từ đó con người mới thán phục công trình sáng tạo của Đấng toàn tri, toàn năng.

Có hiểu được cái chơn lý huyền diệu của Trời đất thì con người mới ý thức được sự sống của mình, thế nào để được hòa điệu nhịp nhàng với muôn loài vạn vật, với Trời và đất, tức là có một đời sống thuận theo thiên lý hầu sau này chơn linh nhẹ nhàng mà trở về cùng Đức Chí Tôn.

- **Sửa lòng trong sạch tưng cầu Thánh kinh:** Muốn tưng những bài kinh của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, trước hết con người nên tu sửa hằng ngày cái tâm cho chơn chánh, và lòng trong sạch, dứt hết mọi dục vọng, có vậy tư tưởng mới nhẹ nhàng hòa đồng với Thiên lý: Nhân dục tận tĩnh, Thiên lý lưu hành 人欲盡淨, 天理流行. Và Thánh giáo Đức Chí Tôn

dạy như sau: “Phải thường hỏi lấy mình, khi đem mình lạy Thầy buổi tối, coi phạm sự ngày ấy xong chưa, mà lương tâm có điều chi cần rút chằng?”

Nếu phạm còn nét chưa rồi, lương tâm chưa đặng yên tĩnh thì phải biết cải quá, rán sức chuộc lấy lỗi đã làm, thì các con lo chi chằng bì chí Thánh”.

Theo Phật, thế gian là cõi cấu trước nên con người sống trong ấy, lòng phải bị ô nhiễm bởi những phàm trước. Do vậy, người tu phải nhất tâm tu sửa hằng ngày, hằng đêm như lời khuyên trong bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối:

*Ngày ngày tập sửa tánh thành,
Đêm đêm tự tỉnh tu hành ăn năn.*

▶ **Câu 11:** *Làm con người phải đạt lẽ sâu xa của chơn lý.*

Câu 12: *Khi tụng niệm những bài kinh Phật Tiên thì trước hết phải sửa lòng cho trong sạch.*

THIÊN THỨ BA

KINH NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

- I. NGUỒN GỐC.
- II. KINH VĂN.
- III. VIẾT RA HÁN TỰ.
- IV. CHÚ THÍCH.
- V. GIẢI NGHĨA

I. NGUỒN GỐC

Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế còn gọi là Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo, hay Thiên Đế Bửu Cáo.

*Thời kỳ đầu mới khai nền Đạo, Đức Chí Tôn giao cho Ngài Ngọc Lich Nguyệt chọn lựa kinh thêm cho Đạo Cao Đài tụng đọc trong thời cúng, Ngài bèn tìm được bốn bài kinh là Ngọc Hoàng kinh, và ba bài kinh Tam giáo: Là Phật giáo, tức là Nhiên Đăng Cổ Phật Chí Tâm qui mạng lễ, Tiên giáo, tức là Thái Thượng Chí Tâm qui mạng lễ, Nho giáo tức là Khổng Thánh Chí Tâm qui mạng lễ. Bốn bài kinh này đều bằng chữ Hán, Hội Thánh sau này phiên âm ra Quốc ngữ và cho in trong những cuốn kinh “**Thiên Đạo và Thế Đạo**”.*

Những bản kinh Cúng Tử Thời từ trước đến nay thường có những lỗi như chánh tả, lỗi âm Hán Việt. Lỗi chánh tả thường có trong những cuốn kinh bằng Quốc ngữ. Còn lỗi do bởi chữ Hán Việt đọc cùng âm mà có nhiều cách viết khác nhau, nên nghĩa cũng khác nhau. Nếu thiếu bản gốc chữ Hán thì khó mà truy tìm ra nghĩa Kinh.

Chú giải kinh Cúng Tử Thời này, chúng tôi dựa theo những bản kinh bằng chữ Quốc ngữ của Hội Thánh, đối chiếu với bản kinh có phần chữ Hán của hai Ngài Đầu

Sư Thượng Trung Nhựt, Ngọc Lịch Nguyệt, phối hợp với bản Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh của Bà Lâm Hương Thanh.

Khi chép lại những bài kinh văn của Hội Thánh, chúng tôi giữ nguyên bản (không sửa lỗi), chỉ hiệu đính những lỗi lầm trong phần Chú thích để Hội Thánh sau này chỉnh lại. Bởi chúng tôi nghĩ vì không tìm được bản gốc của kinh bằng chữ Hán, mà chỉ lấy bản kinh của Nhị vị Đầu Sư làm bản gốc, mà trong bản kinh đó hai Ngài có lưu ý nơi lời “Tiểu dẫn” như sau: “Việc cần ích là kinh Tứ Thời Nhựt Tụng, mỗi chữ đều lời châu ngọc mà cung kính Đấng Từ bi nên phải để **chánh tự chẳng nên sai lầm ý nghĩa**. Bởi cố ấy, chúng tôi phải giữ bản quyền đăng in cho nhằm nguyên bản hầu để lưu truyền hậu thế”. Do vậy, chúng tôi chỉ nêu những từ sai chính tả hay vạch những điểm nghi ngờ, chờ sau này Hội Thánh sẽ chỉnh lại.

II. KINH VĂN

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

Đại La Thiên Đế,
Thái Cực Thánh Hoàng.
 Hóa dục quần sanh,
 Thống ngự vạn vật.
 Diệu diệu “Huỳnh Kim Khuyết”,
 Nguy nguy “Bạch Ngọc Kinh”.
 Nhược thiệt, nhược hư,
 Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa.
 Thị không, thị sắc,
 Vô vi nhi dịch sử quần linh.

Thời thừa Lục long,
Du hành bất tức,
Khí phân Tứ tượng,
Hoát truyền vô biên.
Cần kiện cao minh,
Vạn loại thiện ác tất kiến,
Huyền phạm quang đại,
Nhứt toán họa phúc lập phân.
Thượng chưởng Tam thập lục Thiên,
Tam Thiên Thế giới.
Hạ ốc Thất thập nhị Địa,
Tứ Đại Bộ Châu
Tiên Thiên Hậu Thiên,
Tịnh dục **Đại Từ Phụ**.
Kim gương, cổ gương,
Phổ tế Tổng Pháp Tông.
Nãi Nhứt, Nguyệt, Tinh, Thần chi Quân,
Vi Thánh, Thân, Tiên, Phật chi Chủ.
Trạm tịch chơn Đạo,
Khôi mịch tôn nghiêm.
Biến hóa vô cùng,
Lũ truyền Bửu Kinh dĩ giác thế,
Linh oai mạc trắc,
Thường thi Thân giáo dĩ lợi sanh.
Hồng oai, hồng từ,
Vô cực, vô thượng.
Đại Thánh, Đại Nguyên, Đại Tạo, Đại Bi.
Huyền Khung Cao Thượng Đế,

*Ngọc Hoàng tích phúc hựu tội,
Đại Thiên Tôn.*

*Niệm: “Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma
Ha Tát”*

III. VIẾT RA CHỮ HÁN

玉皇上帝

大羅天帝,
太極聖皇.
化育群生,
統御萬物.
渺渺黃金闕,
巍巍白玉京.
若實若虛, 不言而默宣大化.
是空是色, 無為而役使群靈.
時乘六龍, 遊行不息,
氣分四象, 斡旋無邊.
乾健高明, 萬類善惡悉見,
玄範廣大, 一算禍福立分.
上掌三十六天, 三天世界,
下握七十二地, 四大部洲.
先天後天, 並育大慈父,
今仰古仰, 普濟總法宗.
乃日月星辰之君,
為聖神仙佛之主.
湛寂真道,

恢漠尊嚴。
變化無窮，屢傳寶經以覺世。
靈威莫測，常施神教以利生。
洪威洪慈，無極無上，
大聖大願，大造大悲。
玄穹高上帝，
玉皇錫福宥罪
大天尊。
念：“南無高臺仙翁大菩薩摩訶薩”

IV. CHÚ THÍCH

Đại La Thiên Đế 大羅天帝，
Thái Cực Thánh Hoàng 太極聖皇。

- **Đại La** 大羅: Là tám lưới lớn, chỉ bầu Trời cõi Đại la. Người xưa thường quan niệm rằng Trời như một tấm lưới tròn, rộng lớn phủ xuống thế gian, bao trùm cả nhật, nguyệt, tinh; đất như một cái bàn vuông chỏ cả sơn xuyên và vạn vật.

Do Trời to lớn, mệnh mông, nên người ta thường dùng từ “Bao la” để chỉ Trời đất, hay “Thiên la Địa võng” 天羅地網 để nói đến việc bị bao vây bởi trời đất và bốn bên.

Minh Tâm Bửu Giám có câu: “Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu”: “Lưới trời lồng lộng, thưa mà chẳng lọt” là cũng để nói lên trời đất mệnh mông nhưng không dễ thoát được lưới trời.

- **Thiên Đế** 天帝: Vua Trời.
Vũ trụ mệnh mông bát ngát, chỗ nào cũng thấy Trời

xanh xanh bao bọc khắp mọi nơi, thế mà khi mưa khi nắng, lúc tối lúc sáng, hồi sớm chớp hồi giông bão, khiến người ta phải tin có vị Thiên Đế cai quản cả bách thần và vạn vật.

Theo Cao Đài, nơi thế gian này muốn có trật tự an ninh thì phải có một vị Hoàng đế hay một vị lãnh đạo để cầm quyền trị dân, còn Càn khôn Vũ trụ muốn được điều hòa an tịnh thì phải có vị Thiên Đế (Vua Trời) thống quản Thần, Thánh, Tiên, Phật và vạn linh.

Người ta thường gọi vị Thiên Đế này bằng nhiều danh hiệu: Thượng Đế, Ngọc Đế, Ngọc Hoàng Thượng Đế, hay Huyền Khung Thượng Đế. Và Cao Đài gọi là Chí Tôn, hay tá danh là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát....là Đấng chí thánh, chí nhân, có lòng thương yêu sanh chúng.

Trong Kinh Thi có xưng tụng Đức Thượng Đế như sau :

Hoàng hỹ Thượng Đế!

皇矣上帝

Lâm hạ hữu hách,

臨下有赫

Giám quan tứ phương,

監觀四方

Cầu dân chi mạc

求民之莫

Nghĩa là:

– Vĩ đại thay Thượng Đế!

- Soi xét xuống dưới rất rõ ràng, uy nghiêm.
- Ngài xem xét bốn phương,
- Để tìm sự khổ khổ của dân mà cứu giúp.
- ▣ **Đại La Thiên Đế** 大羅天帝: Là một vị vua Trời (Thiên Đế) cầm quyền rộng lớn mệnh mông như một tấm lưới trời bao trùm cả các cõi thế giới (cõi Đại La). Đây cũng là Hồng danh của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- ▣ **Thái Cực** 太極: Ngôi Thái Cực.
Theo lý thuyết của Dịch, nguyên thủy vũ trụ là khoảng không gian vô hình, thường được biểu tượng bằng một vòng tròn trống không, đó là Thái Cực.
Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thái Cực là ngôi của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thầy giải thích như sau: “*Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì khí hư vô sanh có một mình Thầy và ngôi của Thầy là ngôi Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn Khôn Thế Giới*”.
- Như vậy, ngôi Thái Cực có trước Trời đất và hóa sanh ra Càn Khôn vạn vật.
Chính vì Thái Cực tạo hóa ra vạn linh, thì vạn linh cũng phải tìm trở về với ngôi Thái cực. Nho có câu: “Nhất bản tán vạn thù, vạn thù qui nhất bản 一本散萬殊, 萬殊歸一本”: một gốc phân ra muôn chi, muôn chi về một gốc. Đây là con đường phản bốn hoàn nguyên để mọi sanh linh cần tu hành tiến hóa, được siêu phàm nhập Thánh mà qui hồi cựu vị.
- ▣ **Thánh Hoàng** 聖皇: Vua Thánh, vị vua sinh hóa

ra và cai quản chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Chí Tôn có trước Trời đất và sinh Thần, Thánh, Tiên, Phật. Thánh giáo cho biết như sau: “Một Chơn thân Thầy mà hóa sanh thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh...”

- **Thái Cực Thánh Hoàng** 太極聖皇: Là Vị vua Thánh ngự tại ngôi Thái Cực cầm quyền sinh hóa vạn vật. Đây cũng là Hồng danh của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- ▶ **Đại La Thiên Đế:** Vị Thiên Đế nắm quyền cõi Đại La. Đây là một hồng danh của Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- ▶ **Thái Cực Thánh Hoàng:** Một vị vua Thánh thường ngự ngôi thái cực. Đây cũng là một hồng danh của Chí Tôn.

Hóa dục quần sanh 化育群生,

Thống ngự vạn vật 統御萬物.

- **Hóa dục** 化育: Hóa sanh và nuôi dưỡng.

Thái Cực vận hành khí Âm Dương giao nhau mà sinh hóa ra và nuôi dưỡng muôn loài, vạn vật.

Tuân Tử tin rằng có Trời, rằng Trời sinh ra muôn vật và Đạo Trời vô hình, thâm viển và công hiệu, nhờ nó mà muôn vật trưởng thành được. Ông giải thích như sau: Muôn vật đều được cái động lực huyền diệu của Trời, nó nuôi nấng mà trưởng thành. Việc làm của cái động lực huyền diệu ấy không thấy được, nhưng công hiệu của cái động lực huyền diệu ấy thì rõ ràng. Cái động lực huyền diệu ấy gọi là Thần. Thành hình rồi thì ai cũng biết, còn vô hình thì không ai biết được, thế gọi là Trời (Vạn vật các đặc kỳ hòa dĩ sinh, các

đắc kỳ dưỡng dĩ thành, bất kiến kỳ sự nhi kiến kỳ công, phù thị chi vị Thần. Giai tri kỳ sở dĩ thành, mạc tri kỳ vô hình, phù thị chi vị Thiên. 萬物各得其和以生, 各得其養以成, 不見其事而見其功, 夫是之謂神. 皆知其所以成, 莫知其無形, 夫是之謂天).

▫ **Quần sanh** 群生: *Nhiều sanh linh, mọi sanh linh.*

Quần sanh đồng nghĩa với chúng sanh, là một danh từ chỉ tất cả các loài có sự sống như kim thạch, thảo mộc, thú cầm và nhơn hồn.

Loài kim và loài đá không có giác hồn, nhưng vẫn có sự sống: Khoa học hiện nay cho thấy rằng đất (địa cầu) hóa sanh loài kim thạch và nó có thể phát triển, lớn dần lên.

Thật vậy, các loài sanh linh sống được trước nhứt là nhờ sinh khí, hay Tiên Thiên khí. Ngoài ra, còn nhờ các nguồn dinh dưỡng từ nhơn tạo như các vật thực nuôi dưỡng cơ thể, Cần thiết hơn hết là nhờ các nguồn dinh dưỡng từ thiên nhiên, tức do Tạo hóa cung cấp như không khí, nước, ánh sáng, nóng, lạnh, nhứt là sinh khí. Đây chính là sự nuôi dưỡng của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mà con người nếu cạn suy xét thì không thấy được.

▫ **Hóa dục quần sanh** 化育群生: *Đức Thượng Đế hóa sanh và nuôi dưỡng vạn vật.*

Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “Khi chưa có chi trong Càn khôn Thế giới thì khí Hư vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.

Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát

Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn khôn Thế giới.

Thầy lại phân tách Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh.

Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi Chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống”.

Như vậy, do lòng háo sanh mà Thượng Đế đã sinh hóa và dưỡng dục chúng sanh.

Đổng Trọng Thư đời nhà Hán cho rằng Trời thương yêu người nên mới sinh ra muôn vật, mục đích là làm lợi cho người: Trời là nhân ái. Trời che chở và nuôi nấng muôn vật; đã hóa sinh rồi lại dưỡng thành. Việc hóa sinh, công dưỡng thành đó không lúc nào ngừng, cứ hết rồi lại bắt đầu; mục đích đều là phụng sự người. Xét rõ ý Trời, thấy rằng ý Trời là thương yêu vô cùng, vô hạn (Thiên, nhân dã. Thiên phú dục vạn vật, ký hóa nhi sinh chi, hựu dưỡng nhi thành chi. Sự công vô dĩ, chung nhi phục thủy; phạm cử qui chi dĩ phụng nhân. Sát vu Thiên chi ý, vô cùng cực chi nhân dã 天, 仁也. 天賦育萬物, 既化而生之, 又養而成之. 事功無已, 終而復始; 凡舉歸之以奉人. 察于天之意, 無窮極之仁也).

- ▣ **Thống ngự** 統御: *Cai trị, cai quản cả toàn thể.*
- ▣ **Vạn vật** 萬物: *Muôn vật, tức là mọi sinh vật trong vũ trụ.*
- ▣ **Thống ngự vạn vật** 統御萬物: *Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế cai quản và điều hành sự tiến hóa của vạn vật.*

Chính nhờ sự cai trị và điều hành của Thượng Đế theo một qui luật mà Càn khôn Vũ trụ mới an tịnh, muôn loài vạn vật mới yên ổn. Theo Xuân Thu Phồn Lộ, Đông Trạng Thư cho biết cuộc tuần hoàn của Trời đất, tuy rằng rộng lớn vô cùng, nhưng không bao giờ trái với qui luật gọi là thường hằng, ông nói: “Đạo Trời có thứ tự mà đúng thời, có chừng mực mà đúng tiết, biến mà vẫn theo **qui luật thường**” (Thiên chi Đạo, hữu tự nhi thời, hữu độ nhi tiết, biến nhi hữu thường 天之道, 有叙而時, 有度而節, 變而有常).

- ▶ **Hóa dục quần sanh:** Đức Thượng Đế hóa sanh ra và nuôi dưỡng muôn loài vạn vật.
- ▶ **Thống ngự vạn vật:** Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế cai quản và điều hành sự tiến hóa của vạn vật.

Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết 渺渺黃金闕,
Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh 巍巍白玉京.

- **Diệu diệu** 渺渺: Còn đọc là miểu miểu, hay diểu diểu, có nghĩa là xa xôi, mù mù.
- **Huỳnh kim** 黃金: Vàng ròng, một thứ kim loại quý.
- **Khuyết** 闕: Cái cổng.
- **Huỳnh Kim Khuyết** 黃金闕: Là cái cổng làm bằng vàng ròng, đặt trước con đường dẫn vào Điện hạp triều nghi của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đức Hộ Pháp đã chứng kiến và thuật lại trong “Con đường Thiên liêng Hằng sống” như sau: “Coi vòi vọi xa xăm hơn nữa, chúng ta không thể gì tưởng tượng được, con mắt mình ngó thấy như một đạo hào quang chớp nhoáng mà không có hình ảnh gì hết, chiếu diệu trên cái triều nghi của Ngài là Huỳnh Kim Khuyết, mà dưới Huỳnh Kim Khuyết là cửu phẩm Thần Tiên.

đang ngự triều với Đức Chí Tôn, chúng ta không thể gì tưởng tượng được, oai nghiêm, huyền bí làm sao!”.

- ▣ **Nguy nguy** 巍 巍: Cao vọt vọt, cao ngất.
- ▣ **Bạch Ngọc Kinh** 白玉京: Tòa Kinh thành của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ngự, làm bằng ngọc màu trắng, sáng lòa rực rỡ. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có bài thơ tả Bạch Ngọc Kinh như sau:

Một tòa Thiên Các ngọc lầu lầu,
 Liền bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
 Vạn trượng then gài ngăn Bắc Đẩu,
 Muôn trùng nhiếp khảm hiệp Nam Tào.
 Chư Thần chóa mắt màu thường đổi,
 Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao.
 Dời đổi chớp giăng đoanh đờ nổi,
 Vững bền muôn kiếp chẳng hề xao.

(THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN)

Công Huỳnh Kim Khuyết vàng óng ả chói lòa, Bạch Ngọc Kinh, tòa Thiên Các bằng nhiều thứ ngọc trắng nguy nga rực rỡ. Tất cả được kết thành bằng nhiều thứ báu như vàng bạc ngọc ngà mà nơi cõi Ta Bà là những món vật quý giá nhất. Tại sao vàng bạc ngọc ngà là vật chất hữu hình nơi thế gian, mà hữu hình là hữu hoại, thì làm sao công Huỳnh Kim và tòa Bạch Ngọc lại có thể tồn tại vĩnh viễn?

Theo Kinh A Di Đà, Đức Phật thuyết pháp cũng cho rằng nơi Cực Lạc Quốc, tất cả lầu các đều được trang sức bằng bảy thứ báu. Ngài nói: “Tứ biên giai đạo kim, ngân, lưu ly, pha lê hiệp thành. Thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu mã não nhi nghiêm sức chi 四邊階道,

金, 銀, 琉璃, 玻璃合成. 上有樓閣, 亦以金, 銀, 琉璃, 玻璃, 碑磬, 赤珠, 瑪瑙而嚴飾之” (Bốn phía có thêm bạc, đường đi do vàng bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Phía trên lại có lầu gác cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não để trang hoàng). Bảy thứ báu kể trên chỉ là mượn danh hiệu ở cõi thế gian này để tạm diễn tả nơi cõi Phật trang nghiêm rực rỡ, chứ mỗi thứ báu nơi Phật quốc đều thù thắng, siêu việt hơn các thứ báu là vật chất trong cõi trần của chúng ta gấp trăm vạn lần.

Theo Đức Hộ Pháp, Tòa Bạch Ngọc Kinh được giải thích trong Thiêng Liêng Hằng Sống như sau: “Lại gần tới, còn thấy một vật khác thường quái lạ, nhưng nó là một tòa Thiên các đẹp đẽ lắm, màu sắc thay đổi sáng rỡ, mà cả thoại khí bao quanh, làm như thể vận chuyển hình trạng của nó vậy. Lâu đài chón chờ mà nó là con vật sống chớ không như gạch đá chúng ta làm đây, nó vận hành như con vật sống vậy, thay đổi màu sắc vô cùng vô biên. Bí pháp ấy không thể gì tả đặng, ngó thấy đặc sắc lắm.

Nhà cửa ở thế gian này là con vật chết, Bạch Ngọc Kinh là con vật sống, biến hóa thay đổi như thể vận hành, xung quanh thoại khí bao trùm, từ nam chí bắc, từ đông qua tây. Khối lửa ánh sáng ấy, chúng ta ngó thấy như mặt trời vậy, mà ánh sáng mặt trời thì nóng nực bức bối, còn ánh sáng nơi Tòa Bạch Ngọc Kinh lại dịu dàng và huyền bí lắm, sung sướng khoái lạc lắm!

Tại sao Đài các là con tử vật mà nó sống? Sống là do nơi đâu? Nếu biết thì không lạ gì.

Bạch Ngọc Kinh là do Hỗn Nguyên khí biến hình

ra. Hồn. Ngươn. khí là khí Sanh Quang của chúng ta đã thở, đã hô hấp, khí để nuôi các sanh vật sống. Ta sống cũng do nơi nó xuất hiện, mà biểu nó làm sao không sống?”

- ▶ **Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết:** *Cổng Huỳnh Kim Khuyết sắc vàng lóng lánh hiện ra mù mù, diệu vợi.*
- ▶ **Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh:** *Tòa Bạch Ngọc Kinh căn ngọc trắng sáng cao vợi vợi, nguy nga.*

Nhuộc thiệt nhuộc hư 若實若虛,
Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa 不言而默宣大化.

- ◻ **Nhuộc thiệt nhuộc hư** 若實若虛: Là dường như thiệt dường như hư. Như có như không. Trời đất là lý huyền diệu không thể nào nghĩ bàn được, lúc hư lúc thực, lúc có lúc không. biến hiện chẳng ngừng. Trời đất thấy lặng lẽ, không không thể mà vẫn có sự vận hành và sinh hóa trong Càn khôn Vũ trụ, như hết ngày tới đêm, Trăng tròn rồi khuyết. Muôn loài, vạn vật cùng ứng theo Trời đất mà sinh sinh hóa hóa.
- ◻ **Bất ngôn** 不言: Không nói lời nào, không lời nói.
- ◻ **Nhi mặc** 而默: Mà yên lặng, mà mặc nhiên.
- ◻ **Tuyên** 宣: Nói cho mọi người biết, tuyên bố.
- ◻ **Đại hóa** 大化: Sự sinh hóa lớn.
- ▶ **Bất ngôn. nhi mặc tuyên. đại hóa** 不言而默宣大化: Trong sự tĩnh lặng, Trời đất cứ vận hành sinh hóa cả Càn khôn Vũ trụ. Không thấy có Trời đất, nhưng không đâu là chẳng có trời đất. Trong Trời đất không có cái gì là không biến đổi luôn.

Đức Khổng Phu Tử có lần đứng trên bờ sông, ngắm dòng nước chảy mà than rằng: “Thệ giả như tư phù,

bất xả trú dạ! 逝者如斯夫不舍晝夜!": Đêm ngày cứ chảy luôn như thế mãi! Ý của Phu tử muốn nói Đạo của Trời đất cứ lưu hành như nước chảy, không lúc nào ngừng nghỉ, chẳng nơi đâu mà không lưu hành và lưu hành trong tĩnh lặng. Luận Ngữ có câu: "Trời có nói gì đâu! mà bốn mùa đổi thay, muôn vật sinh thành, Trời có nói gì đâu!": (Thiên hà ngôn tai! Tứ thời hành yên, vạn vật sanh yên? Thiên hà ngôn tai! 天何言哉! 四時行焉, 萬物生焉, 天何言哉!).

- ▶ **Nhược thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa:** Dường như thật, dường như hư. Không nói gì, trong sự tĩnh lặng mà vạn hành sinh hóa.

Thị không thị sắc 是空是色,
Vô vi nhi dịch sử quần linh 無為而役使群靈.

- **Thị không 是空:** Là không. Mọi sự vật đều không có thực thể tự tánh sinh khởi mà đều do các nhân duyên giả hợp lại tạo thành. Không, chẳng có hình tướng, thuộc vô vi như Linh hồn không thấy sắc tướng mà bất tiêu bất diệt.
- **Thị sắc 是色:** Là hình sắc, hình thể, vật chất. Sắc có mặt khi hội đủ những nhân duyên nào đó, và tùy những nhân duyên ấy mà trụ một thời gian, rồi tiêu diệt mất. Sắc vốn vô thường, tương đối. Ví dụ: Sắc thân là cái thân vật chất có sinh diệt, do bốn chất là đất, nước, gió, lửa tạo thành. Sắc thì có hình tướng, thuộc hữu hình.

Đối với "sắc, không", Bát Nhã Tâm Kinh cho rằng: "Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Sắc bất dị không, không bất dị sắc 色即是空, 空即是色, 色不異空, 空不異色".

Sắc, không cũng là cái “hữu hình” và “vô vi”. Nói về Hữu, Vô, sách Hoài Nam Tử có viết: “Cái không có hình là gốc đầu tiên của mọi vật” (Phù vô hình giả, vật chi đại tổ dã 夫無形者, 物之大祖也). Hay nói cách khác, “cái có hình là từ cái không hình mà ra” (Hữu hình xuất vu vô hình 有形出于無形).

Theo Lão Tử, Đạo được quan niệm dưới hai phương diện: Vô 無 và Hữu 有. “Vô” thì Đạo là vô hình, nguyên lý của Trời đất. “Hữu” thì Đạo là nguyên lý hữu hình, là mẹ sinh ra vạn vật: “Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu 無名天地之始, 有名萬物之母”.

- ▣ **Vô vi 無為**: Không làm gì, nhưng không phải là không hoạt động. Lão Tử trong Đạo Đức Kinh đã nói về Đạo vô vi như sau: Đạo thường không làm gì nhưng không gì là không làm. (Đạo thường vô vi nhi vô bất vi 道常無為而無不為).
- ▣ **Nhi dịch sử 而役使**: Mà sai khiến.
- ▣ **Quần linh 群靈**: Vạn chơn linh, tất cả mọi chơn linh trong bát hồn: kim thạch, thảo mộc, thú cầm, nhơn loại, Thần, Thánh, Tiên, Phật.
- ▣ **Vô vi nhi dịch sử quần linh 無為而役使群靈**: Trời đất rất huyền diệu, không ai thấy làm gì hết, nhưng trong Càn Khôn Vũ Trụ mọi sanh linh đều do Trời sai khiến và vận hành. Mọi sự việc cũng đều do Thượng Đế an bài.

Sách Mạnh Tử có thuật lại câu chuyện sau: Vạn Chương hỏi Mạnh Tử: “Vua Nghiêu đem thiên hạ cho vua Thuấn, có vậy không?” Mạnh Tử nói: “Không, thiên tử không thể đem thiên hạ cho người khác”. “Vậy thì vua Thuấn có thiên hạ là do ai cho?” Mạnh Tử nói: “**Trời**

cho". "Trời cho, Trời bảo rõ ư?". Mạnh Tử đáp: "Không, **Trời không nói**, Trời chỉ lấy đức hạnh và việc làm của vua Thuấn mà bảo ý thôi".

*Vạn Chương hỏi: "Trời lấy đức hạnh và việc làm của vua Thuấn mà bảo cho biết, thì như thế nào? Mạnh Tử đáp: "Ngày xưa vua Nghiêu tiến cử vua Thuấn lên Trời, thì Trời chấp thuận, đưa vua Thuấn ra tiếp xúc với dân, thì dân chấp nhận; cho nên nói: **Trời không nói**, chỉ lấy đức hạnh và việc làm của vua Thuấn mà bảo ý cho biết mà thôi vậy"* (Vạn Chương vấn viết: Dĩ hành dữ sự thị chi giả, như chi hà? Mạnh Tử viết:..Tích giả Nghiêu tiến Thuấn ư Thiên, nhi Thiên thụ chi, bộc chi ư dân, nhi dân thụ chi; cổ viết: Thiên bất ngôn, dĩ hành dữ sự thị chi nhi dĩ hỹ 萬彰問曰: 以行與事示之者, 如之何? 孟子曰: 昔者堯薦舜於天, 而天受之, 暴之於民, 而民受之, 故曰: 天不言, 以行與事示之而已矣).

- ▶ **Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh:** Là không là sắc. Không thấy làm nhưng sai khiến quần linh.

Thời thừa lục long, du hành bất tức, 時乘六龍, 遊行不息,

- **Thời 時:** Thời cơ, tùy thời, tùy lúc.
- **Thừa 乘:** Cỡi.
- **Lục long 六龍:** Sáu rồng. Đây chỉ sáu hào dương trong quẻ Bát thuần cần.

Trong kinh Dịch, quẻ Cần có câu: Thời thừa lục long dĩ ngự thiên 時乘六龍以御天.

Vua Phục Hy lập ra các quẻ kép (trùng quái), bằng cách chồng lẫn lượt quẻ đơn của Tiên thiên bát quái lên với nhau tạo thành 64 quẻ. Như vậy quẻ

Bát thuần càn là chồng hai quẻ càn lên nhau, nên ta có sáu vạch dương, hay nói cách khác, sáu hào đều dương, mỗi hào dương ở vào cái thời trung riêng:

1. Hào sơ cửu: Tiềm long 潛龍: Rồng còn đang chìm dưới nước, thì không nên làm việc gì.
 2. Hào cửu nhị: Hiện long 現龍: Rồng đã hiện lên ruộng, hợp với vị đại nhơn.
 3. Hào cửu tam: Tịch tích 僻跡: Mặc dầu rồng nằm ở ruộng nhưng mong vùng vẫy.
 4. Hào cửu tứ: Tại uyên 在淵: Rồng nhảy lên khỏi vực.
 5. Hào cửu ngũ: Phi long 飛龍: Rồng bay lên Trời.
 6. Hào thượng cửu: Cang long 剛龍: Rồng mạnh mẽ cứng cáp bay xa.
- ▣ **Thời thừa lục long 時乘六龍:** Thường cỡi sáu rồng. Nghĩa bóng là Đạo Trời vốn mạnh mẽ, cương kiện.
 - ▣ **Du hành bất tức 遊行不息:** Đi khắp nơi không ngừng nghỉ. Đây có ý chỉ sự vận xoay hay vận hành của Trời đất.
 - ▣ **Thời thừa lục long, du hành bất tức:** Thường cỡi sáu rồng đi khắp nơi không ngừng nghỉ. Nghĩa bóng là Đạo Trời mạnh mẽ vận hành khắp vũ trụ không ngừng nghỉ.

Khí phân Tứ tượng, hoát truyên vô biên.

氣分四象，斡旋無邊。

- ▣ **Khí 氣:** Hơi, chất hơi.

Các triết gia Trung Quốc có Hà Hữu đời Hậu Hán thuộc phái khí luận, tức là coi khí là bản căn của vũ trụ vạn vật. Họ Hà nói: “Cái nguyên thủy là khí.

Bắt đầu từ vô hình, khi hữu hình thì khí phân bố mà dựng nên trời đất. Nó là cái nguồn gốc của trời đất vậy”(Nguyên giả, khí dã. Vô hình dĩ khởi, hữu hình dĩ phân, tạo khởi Thiên địa, Thiên địa chi thủy dã- Công Dương Truyện 元者氣也, 無形以起, 有形以分, 造起天地, 天地之始也).

- **Phân** 分: Chia ra, tách ra.
- **Tứ tượng** 四象: Theo Dịch, Tứ Tượng do Lưỡng Nghi biến thành, Tứ Tượng gồm có Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm.

Đây là khí Lưỡng nghi phân ra Tứ Tượng. Như ta đã biết Thái Cực biến ra khí Lưỡng nghi, tức là khí Dương và khí Âm. Rồi Lưỡng nghi tức hai khí Dương và Âm mới phối hợp nhau mà sanh Tứ Tượng: Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm.

Theo học thuyết Trương Hoành Cừ, một vật mà hai thể như: Âm dương, Động tĩnh, Hư thực... Ấy là khí vậy. Một vật mà hai thể cho nên diệu dụng của nó không lường, Hai thể (cùng trong một vật) cho nên mới biến hóa linh diệu (Nhất vật lưỡng thể khí dã. Nhất cố Thần, lưỡng cố hóa 一物兩體氣也, 一故神, 兩故化).

Chữ một của Trương Hoành Cừ dùng đây là chỉ Thái Cực của Dịch, còn chữ hai là chỉ hai thể của Thái Cực, tức Âm Dương.

- **Khí phân Tứ tượng** 氣分四象: Khí Lưỡng Nghi tức hai khí Âm Dương phối hợp sanh Tứ Tượng.
Cái khoảng không trung mà mắt ta nhìn không thấy có gì, ngỡ là trống không, thật ra nó không phải là chân không mà chính là đầy ắp những khí, có điều

khí đó chưa tụ, còn ở thể vô hình, gọi là Thái hư, nên mắt ta không nhận thấy. Khi khí tụ, hóa Thái Cực, phân âm dương, sinh tứ tượng, biến Bát quái mà tạo thành Trời đất vạn vật. Như vậy, theo Trương Hoàng Cừ, cái Thái hư đó là nguồn gốc của Trời đất; Trời đất từ Thái hư đó mà ra (Hư giả Thiên địa chi tổ, Thiên địa tòng hư trung lai 虛者天地之祖, 天地從虛中來).

- ▣ **Hoát truyền:** Đây là từ dùng trong bản kinh bằng chữ Quốc ngữ của Hội Thánh.

Chú thích: Các bản chánh kinh do Hội Thánh in bằng chữ Quốc Ngữ từ trước đến nay đều viết là “Hoát truyền 豁傳”: Tức là truyền rộng lớn ra. Nhưng theo bản chữ Hán của nhị vị Đẩu Sư Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt, phiên âm thì hai Ngài viết “Hoát truyền”, phần chữ Hán ngữ thì lại viết “斡旋 Oát triển”. Như vậy có lẽ trật cách phát âm chằng, nên chúng tôi theo nghĩa “Oát triển” mà giải thích.

- ▣ **Oát triển 斡旋:** Oát 斡 là xoay chuyển ra. Triển 旋, còn đọc âm: Tuyên hay toàn là xoay chuyển lại. Oát triển: Xoay chuyển qua lại. Sự xoay chuyển qua lại tức là sự vận hành theo hai chiều âm dương, đó là Đạo vậy.
- ▣ **Vô biên 無邊:** Không có giới hạn, không cùng.
- ▣ **Oát triển vô biên 斡旋無邊:** Đạo do nguyên lý Âm dương, nên lúc nào cũng xoay chuyển, vận hành cả cần khôn thế giới không bao giờ ngừng nghỉ, do vậy Vũ trụ, vạn vật mới trường tồn, vĩnh cửu. Nếu ngừng xoay chuyển thì làm sao có cùng lại thông, bí rồi lại thối. Dịch viết: Biến đổi đến cùng thì biến, biến ắt thông, thông thì dài lâu (Dịch cùng tắc biến,

biến tắc thông, thông tắc cửu 易窮則變, 變則通, 通則久).

- ▶ **Khí phân Tứ Tượng, oát triển vô biên:** Khí Âm Dương phối hợp sanh ra Tứ Tượng, rồi xoay chuyển qua lại mãi mãi không giới hạn. Đây chỉ Đạo phối hợp Âm Dương rồi sinh Tứ Tượng, và vận hành cả Càn Khôn Vũ Trụ không bao giờ ngừng nghỉ.

Càn kiện cao minh 乾健高明,
Vạn loại thiện ác tất kiến 萬類善惡悉見,

- ◻ **Càn 乾:** Cung Càn, tượng trưng cho Trời.
- ◻ **Kiến 健:** Mạnh mẽ.
- ◻ **Cao minh 高明:** Cao vọi sáng tỏ, sáng suốt.
- ◻ **Càn kiện cao minh 乾健高明:** Ngôi Càn mạnh mẽ, cao và sáng.

Trong tám quẻ của bát quái, thì ngôi Càn cũng mạnh nhất, sáng tỏ nhất, cao vọi nhất. Càn tượng trưng cho Trời, cho Thượng đế, là ngôi độc tôn làm chúa tể Vũ trụ vạn vật, khôn tượng trưng cho đất.

Con người sống ở thế gian phải chịu lưu hành trong cái Đạo biến hóa của Trời đất, tẻ như người lội dưới nước thuận theo dòng chảy. Dòng nước càng mạnh bao nhiêu thì sự trôi đi của người lội khó cưỡng lại bấy nhiêu. Dòng nước cuốn trôi đó được gọi là thiên mệnh. Đạo của người Quân tử cũng phải theo Đạo Trời, lúc nào cũng phải tự cường tự kiện. Kinh dịch có câu: Việc hành động của Trời đất rất mạnh, người Quân tử phải theo mà tự cường, không bao giờ ngừng nghỉ (Thiên hành kiện quân tử dĩ tự cường bất tức 天行健君子以自強不息).

Trời quay mỗi ngày một vòng trời, không gì mạnh hơn?

Con người cũng là một tiểu Thiên địa, đi được một vòng trời cũng là hành kiện vậy:

Trời cao mạnh mẽ phi thường,

Người Quân tử phải tự cường bản thân.

- ▣ **Vạn loại thiện ác** 萬類善惡: Tất cả các điều lành dữ của muôn loài.
- ▣ **Thiện** 善: Những hành động, lời nói, ý nghĩ tốt, lành, hợp với đạo lý, đem lại lợi ích, hạnh phúc cho mình và cho người khác.
- ▣ **Ác** 惡: Những điều xấu xa do thân, khẩu, ý con người gây ra, hại cho mình và cho người khác. Ác là hành động theo chiều mê vọng.
- ▣ **Tất kiến** 悉見: Ất thấy rõ, đều thấu suốt.
- ▶ **Vạn loại thiện ác tất kiến** 萬類善惡悉見: Muôn vật lành dữ ở dưới thế gian, Trời đều thấy rõ hết.

Trong kinh Thư có câu: Thiên vô sở bất văn, vô sở bất kiến 天無所不聞, 無所不見 nghĩa là không có gì mà Trời không nghe, không thấy được.

Sách Trung Dung cũng có câu: “Mạc kiến hồ ẩn, mạc hiển hồ vi 莫見乎隱, 莫顯乎微”: Chẳng có gì tỏ hơn những chỗ mờ tối; chẳng có gì rõ hơn những điều nhỏ bé.

Trời tuy thấy lạng tanh, không nghe được tiếng gì hết, sắc thì xanh xanh, không tìm thấy xứ nào cho ra? Trời chẳng cao mà cũng chẳng xa, đều chỉ nơi lòng người. Lòng người nghĩ một điều gì thì Trời đều thấy rõ hết, nên việc lành việc dữ nếu không có quả báo, thì Trời đất có tư vị hay sao? “Thiên tính tịch vô âm, thương thương hà xứ tâm, phi cao diệc phi viễn, đô chỉ tại nhân tâm; nhân tâm sanh nhất niệm, thiên địa

tất giai tri, thiện ác nhược vô báo, Càn khôn tất hữu tư 天聽寂無音, 蒼蒼何處尋, 非高亦非遠, 都只在人心, 人心生一念, 天地悉皆知, 善惡若無報, 乾坤必有私”.

Trong bài ngự chế của vua Nhân Tông có viết: Càn khôn dù rộng lớn vô biên, cũng có mặt trời mặt trăng soi xét rõ ràng khắp cả, Vũ trụ tuy mênh mông vô lượng, trời đất cũng chẳng hề dung thứ lũ gian đảng bao giờ (Càn khôn hoàng đại, nhật nguyệt chiếu giám phân minh, Vũ trụ khoan hồng, thiên địa bất dung gian đảng 乾坤弘大, 日月照鑑分明, 宇宙寬洪, 天地不容奸黨).

- ▶ **Càn kiện cao minh, vạn loại thiện ác tất kiến:** Ngôi Càn (Đạo Trời) mạnh mẽ sáng suốt có thể thấy rõ việc lành dữ của muôn loài.

Huyền phạm quảng đại 玄範廣大,
Nhất toán họa phước lập phân 一算禍福立分.

- ◻ **Huyền phạm 玄範:** Cái khuôn mẫu sâu kín, ý chỉ cái khuôn phép nhiệm mầu của luật trời.
- ◻ **Quảng đại 廣大:** Rộng lớn.
- ▶ **Huyền phạm quảng đại 玄範廣大:** Cái pháp luật huyền diệu của Trời bao la rộng lớn, mũi kim cũng chẳng lọt. Tích Hiền trong Minh Tâm Bửu Giám có nói: Lưới trời lồng lộng thưa mà chẳng lọt (Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu 天網恢恢疏而不漏).
- ◻ **Nhất toán 一算:** Tính ra.
- ◻ **Họa phước 禍福:** Điều tai họa, điều phước lành. Con người sống ở thế gian này, ai nấy đều phải có mang lấy không họa thì phước. Nhưng lòng người ai

cũng đều sợ tai họa, lại mong cầu phúc đức. Theo Thái Thượng cảm ứng thiên, Phúc và họa không có cửa, do mình tự rước lấy mà thôi: Họa phúc vô môn duy nhơn tự triệu 禍福無門惟人自召).

Nhưng đối với Lão Tử, chuyện họa phúc cũng như những trạng thái mâu thuẫn khác như tốt xấu, thiện ác, thị phi... là những cặp mâu thuẫn bên ngoài mà tựu trung chỉ là bề trái, bề mặt của một thực tại mà thôi. Ngài nói: Thiên hạ đều biết tốt là tốt, thì đã có xấu rồi; đều biết lành là lành, thì đã có điều chẳng lành rồi (Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ 天下皆知美之為美, 斯惡已; 皆知善之為善, 斯不善已). Chính hiểu được lẽ mâu thuẫn đó, ta đừng nên vướng mắc hay lệ thuộc vào nó, như vậy mới có được thái độ điềm tĩnh, thản nhiên trước những “mừng vui hay đau khổ” của cuộc đời. Lão Tử nói: “Họa là chỗ dựa của phúc; phúc là chỗ núp của họa” (Họa hể, phúc chi sở ỷ, phúc hể, họa chi sở phục 禍兮福之所倚, 福兮禍之所伏).

- **Lập phân** 立分: Phân định rõ ràng.
- **Nhất toán họa phúc lập phân** 一算禍福立分: Xét ra họa phúc đều được phân định rành rẽ.

Thật vậy, “Quả báo về việc lành dữ thì như cái bóng theo hình vậy. Lòng người khởi điều lành, tuy chưa có làm lành, mà có cát thân đã theo rồi; hoặc lòng đã dậy điều ác, tuy chưa làm ác, nhưng vị hung thân đã theo rồi vậy” (Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình, sở dĩ nhơn tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi nhi cát thân dĩ tùy chi, hoặc tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi nhi hung thân dĩ tùy chi 善惡之報如影隨形; 所以

人心起於善,善雖未為,而吉神已隨之,或心起於惡,惡雖未為,而凶神已隨之).

- ▶ **Huyền phạm quang đại, nhất toán họa phúc lập phân:** *Cái khuôn phép mẫu nhiệm rộng lớn. Từng việc lành dữ đều được phân định rõ ràng.*

Thượng chưởng Tam thập lục Thiên, Tam thiên Thế giới,
上掌三十六天,三千世界,

- ◻ **Thượng chưởng 上掌:** *Trên năm giữ, trên cai quản.*
- ◻ **Tam thập lục thiên 三十六天:** *Ba mươi sáu tầng Trời.*
- ◻ **Tam Thiên Thế giới 三千世界:** *Ba ngàn Thế giới. Trong vũ trụ có hàng hà sa số Thế giới, nghĩa là không biết bao nhiêu mà kể cho xiết. Theo kinh Phật, cứ một ngàn Thế giới, thì gọi là một Tiểu Thiên Thế giới, một ngàn Tiểu Thiên Thế giới hay một triệu Thế giới, thì gọi là một Trung Thiên Thế giới, một ngàn Trung Thiên Thế giới thì gọi là một Đại Thiên Thế giới hay còn gọi Tam Thiên Đại Thiên Thế giới. Như vậy, một Đại Thiên Thế giới gồm một ngàn triệu Thế giới.*
- ▶ **Thượng chưởng Tam thập lục Thiên, Tam Thiên Thế giới:** *Thượng Đế, trên thì chưởng quản ba mươi sáu tầng Trời, ba ngàn Thế giới.*

Hạ ốc Thất thập nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu.
下握七十二地,四大部洲.

- ◻ **Hạ ốc 下握:** *Dưới năm giữ, dưới cai quản.*
- ◻ **Thất thập nhị Địa 七十二地:** *Bảy mươi hai Địa cầu. Theo Thánh giáo, con người chúng ta đang ở trên Địa cầu 68, trên chúng ta nữa là Địa cầu 67, 66... rồi đến*

Địa cầu thứ nhất, tức là được sắp xếp theo thứ tự từ trong trước đến khinh thanh. Như thế, dưới Địa cầu 68 là bốn Địa cầu u tối nặng nề, ấy là u minh giới. Chúng ta phải tu lần để lên được Đệ nhất cầu, rồi tiến vào Tam Thiên Thế giới nữa, qua khỏi Tam Thiên Thế Giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu, qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào đặng Tam thập lục Thiên. Vào Tam thập lục Thiên rồi còn phải chuyển kiếp tu hành nữa, mới đặng lên đến Bạch Ngọc Kinh.

- ▣ **Tứ Đại Bộ Châu** 四大部洲: Bốn châu này không phải là lục địa mà là khoảng không rộng lớn, chia ra theo bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc: Đông Thắng Thần Châu 東勝神洲, Tây Ngưu Hạ Châu 西牛夏洲, Nam Thiêm Bộ Châu 南瞻部洲, Bắc câu lư Châu 北俱闍洲.

Thánh giáo Thầy có dạy: Tam Thiên Thế Giới và Thất Thập Nhị Địa vốn là ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao nguội rồi có nhưn loại ở, còn Tứ Đại Bộ Châu và Tam Thập Lục Thiên là cái không không, trong cái không trung không khí, tức là cái có trong cái không.

- ▶ **Hạ ốc Thất thập nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu:** Bên dưới (Phân bên dưới Vũ Trụ): Chưởng quản bảy mươi hai Địa cầu và bốn Đại Bộ Châu.

Tiên thiên Hậu thiên, tịnh dục Đại Từ Phụ, 先天後天, 並育大慈父,

- ▣ **Tiên thiên** 先天: Là thời kỳ trước khi tạo dựng Trời đất, tức là thời kỳ Vũ trụ còn hỗn độn, chưa phân định, cho đến khi có ngôi Thái Cực xuất hiện. Đây là thời kỳ chưa có vật chất, thời vô vi.
- ▣ **Hậu thiên** 後天: Là thời kỳ vũ trụ, vạn vật đã được

tạo dựng nên. Thời kỳ này đã có vật chất nên thuộc hữu hình.

- **Tịnh dục 並育:** Nuôi dưỡng đồng đều như nhau.
Đạo đối với Nho giáo, ví như Trời đất, không có gì là không che chở, chuyển vận như bốn mùa, sáng rõ như mặt trời mặt trăng. Sách Trung Dung cho rằng Đạo ấy thì muôn vật đều được nuôi dưỡng đồng đều, nên không sát hại lẫn nhau, các Đạo đều được thi hành mà không trái nhau, Đức nhỏ thì phân minh như nước sông chảy, đức lớn thì đôn hậu mà sinh hóa vô cùng (Vạn vật **tịnh dục**, nhi bất tương hại, Đạo **tịnh hành** nhi bất tương bội, tiểu đức xuyên lưu, đại đức đôn hóa 萬物並育,而不相害,道並行而不相悖,小德川流,大德敦化).
- **Đại Từ Phụ 大慈父:** Đấng cha lành lớn hơn hết.
Đây là từ dùng để gọi Đức Chí Tôn, một Đấng có công sanh hóa ra muôn loài muôn vật, có lòng thương yêu vô bờ bến, nuôi nấng và dìu dẫn một cách đồng đều tất cả chúng sinh, tựa như một vị cha lành có lòng tha thiết, chẳng chiu lo cho các con còn bé nhỏ: “Các con ôi! Thầy lấy đức háo sanh mà dìu dắt các con, chẳng khác nào như kẻ làm cha nâng niu dạy dỗ một trẻ bé trông cho mau trưởng thành, hầu lưu danh truyền nghiệp cho có tên tuổi với đời” (Thánh ngôn hiệp tuyển).
- ▶ **Tiên Thiên hậu thiên, tịnh dục Đại Từ Phụ:** Đức Thượng Đế từ thời kỳ tiên thiên đến thời kỳ hậu thiên nuôi dưỡng chúng sanh đồng đều như nhau.

Kim ngưỡng cổ ngưỡng, phổ tế tổng Pháp Tông.

今仰古仰, 普濟總法宗.

- **Kim ngưỡng** 今仰: Ngày nay vẫn ngưỡng vọng hay kính ngưỡng.
- **Cổ ngưỡng** 古仰: Ngày xưa rất ngưỡng vọng, kính ngưỡng.

Từ xưa con người đã thừa nhận có một Đấng với quyền năng sáng tạo ra Càn khôn Vũ trụ và vạn vật. Đấng Tạo Hóa ấy được tôn vinh là Thượng Đế hay là Trời mà con người đã từ lâu tôn sùng và kính ngưỡng.

Thời xưa, chỉ có các vị vua chúa mới có quyền thay cho toàn dân để lập đàn tế Trời đất cáo quỷ thần, gọi là tế giao. Trong Lễ Ký, thiên Khúc Lễ chép: Thiên tử tế Trời đất, tế bốn phương, tế núi sông, tế ngũ tự¹; chư hầu tế phương mình ở, tế ngũ tự; quan đại phu tế ngũ tự; kẻ sĩ tế tổ tiên. (Thiên tử tế Thiên địa, tế tứ phương, tế sơn xuyên, tế ngũ tự; chư hầu phương tự, tế ngũ tự; đại phu tế ngũ tự; sĩ tế kỳ tiên. 天子祭天地, 祭四方, 祭山川, 祭五祀; 諸侯祭方祀, 祭五祀; 大夫祭五祀; 士祭其先).

Ngày nay, ai có tín ngưỡng Trời đều được lập bàn thờ tại các Thánh Đường, Thánh Thất hay tại tư gia để thờ cúng.

Ngoài ra, các giáo pháp của Đức Thượng Đế như Thánh Kinh (Thiên Chúa Giáo), Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Cao Đài)... và Giáo pháp của Tam giáo là chân lý vĩnh cửu, làm cây đuốc soi rọi cho chúng sanh thoát đường mê lộ, để dìu dẫn lên vào nẻo chánh đường ngay. Vì vậy, chẳng những người xưa rất kính ngưỡng, mà hơn mấy ngàn năm nay, người bấy giờ

¹ Ngũ tự là thần của, ngô, giếng, bếp và giữa nhà

vẫn còn kính ngưỡng.

Theo Kinh sách Phật viết, khi Đức Phật đã thành Đạo rồi, một thời gian sau Ngài mới cùng với các Sa môn đi thuyết pháp các nơi, để lấy Đạo Từ bi, Bác ái dạy chúng sanh. Đi đến đâu vua quan cùng dân chúng tranh nhau đón rước. Những người theo Đạo qui Phật mỗi lúc mỗi đông. Mọi người thời bấy giờ đều kính ngưỡng Đức Phật.

Sau khi Đức Phật tịch diệt, những lời dạy của Ngài được các hàng đệ tử coi như khuôn vàng thước ngọc để mọi người noi theo tu tập, và còn mong muốn những lời dạy đó lưu lại ngàn đời sau. Vì vậy, năm trăm vị đại Đệ tử Đức Phật mới họp nhau kết tập thành ba Tạng Kinh.

Đến nay đã hơn 2500 năm, bước vào thời kỳ văn minh, khoa học phát triển vượt bậc, mà những lời của Đức Phật dạy vẫn còn và mãi mãi sẽ còn được chúng sanh kính ngưỡng.

Đức Phật còn được chúng sanh kính ngưỡng vậy thay, huống gì là Đấng Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế là Đấng đã tạo hóa ra Càn khôn vũ trụ và vạn vật.

- **Phổ 普**: *Rộng khắp.*
- **Tế 濟**: *Cứu vớt, tế độ.*
- **Phổ tế 普濟**: *Cứu vớt rộng khắp.*

Con người sống ở thế gian được Đức Phật ví như những người bị chìm đắm trong biển khổ bao la bát ngát, mà Đạo được coi như con thuyền bát nhã chèo khắp mọi nơi trong biển cả mênh mông đó, để cứu vớt từng sanh linh đưa vào bờ Giác, tức bờ thoát vòng sanh tử luân hồi vậy.

- **Tổng Pháp Tông** 總法宗: Gồm các Giáo Pháp của mọi nền Tôn giáo.

Đức Chí Tôn là Cha chung của chúng sanh và là chủ của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Vì vậy những Giáo pháp của các Đấng, Đức Ngài qui lại thành một mối để chính mình Ngài mở Đạo cứu đời trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, như lời Thánh giáo đã dạy: “*Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa và qui nguyên phục nhứt Ngũ Chi Đại Đạo là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo*”.

- ▶ **Kim ngưỡng cổ ngưỡng phổ tế tổng Pháp Tông:** Từ xưa đến nay vẫn kính ngưỡng Thượng Đế, Ngài gồm các Giáo pháp để phổ độ chúng sanh.

Nãi Nhựt Nguyệt Tinh Thần chi quân, 乃日月星辰之君,

- **Nãi** 乃: bèn là (Từ nối với ý câu trên)
- **Nhựt Nguyệt Tinh** 日月星: Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao.

Trời có Âm dương, đất Cương nhu. Có Âm dương nên mới có Nhựt, Nguyệt, Tinh, Thần. Có Cương nhu mới có Sơn, Xuyên, Thảo, Mộc.

Tất cả các vì Tinh tú này đều nằm trong Càn khôn Vũ trụ, nên là không gian của Vũ Trụ. Người ta thường nói: Trời có ba món báu (Tam bửu) là Nhựt, Nguyệt, Tinh; đất cũng có ba báu là Thủy, Hỏa, Phong; người cũng có ba báu là Tinh, Khí, Thần.

- **Thần** 辰: Thời giờ, chỉ về Thời gian.
- **Quân** 君: Vua.
- ▶ **Nãi Nhựt Nguyệt Tinh Thần chi quân:** Là vua

của không gian tức mặt trời, mặt trăng, các vì sao và vua cả thời gian.

*Thật vậy, theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Chí Tôn là “**Chúa cả Càn Khôn Thế Giới**”, nên Ngài là vua của Nhật, Nguyệt, Tinh, tức là cai quản cả không gian của Vũ trụ, và còn “**Nắm trọn thập nhị Thời Thần trong tay**”, vậy Ngài cũng là Chúa của Thời Thần, tức chủ quản thời gian.*

Vi Thánh, Thần, Tiên, Phật chi chủ. 為聖神仙佛之主。

*Chí Tôn là chủ của Thánh, Thần, Tiên, Phật, do theo Thánh giáo Đức Chí Tôn đã dạy như sau: “**Khai Thiên địa vốn Thấy, sanh Tiên, Phật cũng Thấy. Thấy nói một chơn thần mà biến Càn Khôn Thế Giới và cả nhơn loại**”. Lại nữa, Ngài là vị Thiên Đế, làm chúa tể chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.*

▶ **Vi Thánh, Thần, Tiên, Phật chi chủ:** Ngài là chủ của Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Trạm tịch chơn đạo 湛寂真道,
Khôi mịch tôn nghiêm 恢漠尊嚴。

- ◻ **Trạm** 湛: Trong trẻo, sâu dày.
- ◻ **Tịch** 寂: Im lìm, lặng lẽ.
- ◻ **Khôi** 恢: To lớn.
- ◻ **Mịch** 漠: Yên lặng.
- ◻ **Tôn nghiêm** 尊嚴: Vẻ uy nghiêm, tôn kính.
- ◻ **Trạm tịch chơn đạo** 湛寂真道: Đạo Trời chơn chánh sâu xa, lặng lẽ.
- ◻ **Khôi mịch tôn nghiêm** 恢漠尊嚴: To lớn và uy nghiêm vô cùng.

Đạo Trời rộng lớn mênh mông, mịt mờ lặng lẽ, không

bờ không bến, mà sinh ra vạn vật. Bản căn từ đó, muôn loài vạn hữu có mục đích qui chung về cùng Thượng Đế, đó là Chơn Đạo.

Giải thích về Đạo Trời, Lão Tử viết trong Đạo Đức Kinh như sau: Đạo thì trống không, nhưng đở vô mãi mà không đầy; Đạo như vực thẳm, dường như tổ tông của vạn vật. Đạo trong trẻo thay! lại dường như trường tồn! Ta không biết nó là con ai, dường như có trước Thiên Đế (Đạo xung nhi dụng chi hoặc bất doanh; Uyên hể tự vạn vật chi tông. Trầm hể tự hoặc tồn, ngô bất tri thù chi tử, tượng Đế chi tiên. 道冲而用之或不盈, 渊兮似万物之宗. 湛兮似或存, 吾不知誰之子, 象帝之先).

Theo Bồ Đề Đạt Ma trong Tuyệt Quán Luận: Đạo lớn thâm sâu, u diệu mà tịch nhiên quảng đại, chẳng thể lấy tâm mà hiểu, chẳng thể lấy lời mà giải (Phù Đại Đạo xung hư, u vi tịch quảng, bất khả dĩ tâm hội, bất khả dĩ tâm thuyên. 夫大道冲虚, 幽微寂广, 不可以心會, 不可以心詮).

Thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn cảm chánh pháp mở nền Đại Đạo, nên đó là nền Chơn Đạo, như Thánh giáo Thầy đã nói: “Thầy đến lập cho các con nền Chơn Đạo, tức là mỗi sự chi đối trá là chẳng phải của Thầy”. Lại nữa, mỗi Đạo Thầy do huyền diệu cơ bút lập ra và có tôn chỉ Qui nguyên Tam giáo, Hiệp nhưt Ngũ chi để tận độ chúng sanh trong thời Hạ nguơn mạt Pháp này, nên đó là một mối Đạo to lớn, sâu dày, mẫu nhiệm và tôn nghiêm.

- ▶ **Trạm tịch chơn đạo:** Đạo Trời chơn chánh sâu xa, lặng lẽ.
- ▶ **Khôì mịch tôn nghiêm:** To lớn và uy nghiêm vô cùng.

Biến hóa vô cùng 變化無窮,
Lữ truyền bửu kinh dĩ giác thế 屢傳寶經以覺世.

Chú thích: Trong các bản chánh kinh bằng chữ Quốc ngữ của Hội Thánh và chữ quốc ngữ trong quyển của nhị vị Đầu Sư đều viết là “Vô cùng”, mà phần chữ Hán trong quyển kinh ấy, nhị vị Đầu Sư lại viết “空窮 không cùng”.

- **Biến hóa vô cùng 變化無窮:** Đạo Trời thiên biến vạn hóa, không cùng không tận.

Theo Lão Tử, Đạo sinh ra trước Trời đất và là nguồn gốc sinh ra muôn vật (Đạo giả vạn vật chi áo). Chính vì thế, Đạo lúc nào cũng phải biến hóa và biến hóa mãi mãi.

Theo Chu Liêm Khê, sự vật trong thế giới lúc nào cũng biến đổi, vũ trụ chẳng khác gì một dòng sông lớn, những lượn sóng cứ xô dịch trôi mãi mãi. Đạo Trời theo sự vật cũng phải biến hóa vô cùng vô tận. Sở dĩ Đạo có biến hóa là do hai khí âm dương giao cảm nhau mà hóa sinh muôn vật, muôn vật sinh rồi lại tiếp tục sinh nữa, cho nên cuộc biến hóa trở nên vô cùng: “Nhị khí giao cảm, hóa sinh vạn vật, vạn vật sinh sinh nhi biến hóa vô cùng yên. 二氣交感, 化生萬物, 萬物生生而變化無窮焉).

- **Lữ truyền 屢傳:** Nhiều lần truyền đi.
- **Bửu kinh 寶經:** Kinh báu, kinh quý báu.
- **Giác thế 覺世:** Giác ngộ đời.
- **Lữ truyền bửu kinh dĩ giác thế 屢傳寶經以覺世:** Biết bao nhiêu lần đã truyền kinh sách quý báu để giác ngộ người đời.

Kinh là nền tảng của một triết thuyết hay một Tôn

giáo, nên từ ngàn xưa, các vị Giáo chủ của Tam giáo đã đăc lệnh của Đức Chí Tôn, giảng cơ mở Đạo để tùy thời, tùy căn cơ, tùy hoàn cảnh mà truyền những kinh sách quý báu, hầu khai hóa đạo tâm cho con người, đưa con người đến sự giác ngộ.

Về Nho giáo, Đức Không Thánh đã để lại một kho kinh sách quý giá như Tứ Thư, Ngũ Kinh, sau này các hàng Đệ tử và hậu Nho tiếp tục xiển dương hệ thống triết lý đó làm nền tảng về nhân sinh, đạo đức và phong tục cho xã hội con người, mà hơn hai nghìn năm nay con người vẫn còn sùng thượng.

Về Lão giáo, từ hai quyển “Đạo Đức Kinh” của Lão Tử và “**Nam Hoa Kinh**” của Trang Tử làm cơ sở cho triết lý “Vô vi”, đến thời nhà Tống các nhà Nho đem lý thuyết Vô vi của Lão Trang phối hợp với Dịch Lý của Nho mà tạo thành một phong trào “Huyền học” hay “Lý học”. Phong trào này có công lớn trong việc phát triển học thuyết Lão Trang đến chỗ phổ biến như vào đời Ngụy, Tấn, Lục Triều...Lão giáo hướng con người về với Đạo là thuận lẽ thiên nhiên vô vi tự tại. Vì vậy, thuyết Vô vi của phái Đạo Gia đã ảnh hưởng không nhỏ về Vũ trụ quan và Nhân sinh quan qua con người Việt Nam ta từ ngày xưa cho đến bây giờ.

Về Phật giáo, sau khi Đức Phật thành Đạo, Ngài đã đem điều chứng đắc để giác ngộ chúng sinh tìm về bản thể chơn như, hầu đưa chúng sanh theo con đường giải thoát. Đến khi Phật nhập diệt, các vị Đệ Tử mới đem những lời dạy của Ngài kết tập lại thành Tam Tạng Kinh. Từ đó, kinh sách của Phật được phổ truyền theo muôn đường vạn nẻo để đem cái Giáo

Pháp cao siêu của Đức Phật mà giác ngộ chúng sinh trong tam đồ, lục đạo.

- ▶ **Biến hóa vô cùng, lũ truyền bửu kinh dĩ giác thế:** Đạo Trời thiên biến vạn hóa, không cùng không tận. Biết bao nhiêu lần đã truyền kinh sách quý báu để giác ngộ người đời.

Linh oai mạc trắc 靈威莫測,
Thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh 常施神教以利生.

- ◻ **Linh oai** 靈威: Tiếng Hán viết là Uy linh, tức là uy nghiêm và linh thiêng.
- ◻ **Mạc trắc** 莫測: Không đo lường được.
- ◻ **Linh oai mạc trắc** 靈威莫測: Là cái oai quyền thiêng liêng của Chí Tôn không thể đo lường được. Cái oai quyền thiêng liêng của Đức Thượng Đế và chư Tiên Phật rất cần thiết để giáo hóa, cứu độ chúng sanh. Bởi vì uy linh của Đức Chí Tôn còn khiến chư Thần, Thánh, Tiên, Phật phải nể vì, huống lựa là chúng sinh làm sao không kính ngưỡng? Ngoài ra, các Đấng có thể đem cái oai quyền Thiêng liêng đó hàng phục ma vương, quỉ quái để cứu độ chúng sinh thoát vòng ma chướng.
- ◻ **Thường** 常: Thường xuyên, luôn luôn.
- ◻ **Thi** 施: Thi hành, ban ra.
- ◻ **Thần** 神: Thiêng liêng, huyền diệu.
- ◻ **Giáo dĩ** 教以: Dạy dỗ để mà.
- ◻ **Lợi sanh** 利生: Làm lợi cho chúng sanh.
- ▶ **Linh oai mạc trắc, thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh:** Cái oai quyền Thiêng liêng của Chí Tôn không thể đo lường biết được và Ngài đem những giáo điều diệu

mẫu để làm lợi ích cho chúng sanh.

Thực vậy, chúng sanh vì vô minh, sống nơi cõi trần lao giả tạm này, lại còn gây nhiều nhân ác nghiệt, nên bị nhiều nghiệp chướng chất chồng mà phải chịu biết bao luân hồi sinh tử, không thể nào giải thoát được. Những lời dạy của Tam Giáo Tổ Sư, từ xưa đến nay không đủ đưa hết con người trở về Thánh Thiện. Đến thời Hạ Ngươn mặt Pháp này, con người càng xu hướng theo văn minh vật chất, càng chìm sâu vào tội lỗi. Vì vậy, Đức Chí Tôn mới giáng cơ mở Đạo tại nước Việt Nam ta hầu mong dạy dỗ và dìu dắt chúng sanh mau thoát vòng khổ não:

*Thiên Cơ đã lộ lúc khai Trời,
Kêu khách phạm trần đã hột hơi.
Cứ mến vinh hoa cùng lợi lộc,
Chẳng lo kiếp thác đến gần nơi.*

(THÁNH THI HIỆP TUYẾN)

Hồng oai hồng từ vô cực vô thượng,

洪威洪慈, 無極無上,

- **Hồng oai:** *Hay hồng uy 洪威: Cái oai linh lớn.*

Cái oai quyền không ai bằng vua chúa. Thế mà, trong Kinh Thi có những bài thi cho thấy rằng cái oai linh của Thượng Đế còn to lớn hơn, khiến cho các vị vua không dám trễ nãi việc trị dân, phải lo lắng sợ sệt mà cung kính Trời. Nếu như việc làm của vua có trái đạo lý khiến cho Trời phải nổi cơn giận dữ mà gieo mưa lụt hay nắng hạn, làm biến động nước nhà thì vua phải chịu tội mà cầu đảo vị Thiên Đế:

敬天之怒

Kính Thiên chi nô

無敢戲豫

Vô cảm hý dự.

敬天之渝

Kính Thiên chi du

無敢馳驅

Vô cảm kỳ khu.

昊天曰明

Hạo Thiên viết minh.

及爾出王

Cập nhĩ xuất vương.

昊天曰旦

Hạo Thiên viết đán.

及爾游衍

Cập nhĩ du diễn.

Nghĩa là:

Khi Trời giận, phải khiêm cung.

Thì xin chớ dám để lòng vui chơi.

Phải cung kính lúc Trời biến động,

Chớ dám lo phóng túng ruỗi dong.

Trời thì sáng suốt vô cùng,

Nơi nào vua đến, Trời trông theo liền.

Trời sáng suốt vô biên rõ thật,

Nôm theo vua phóng dật vui chơi.

- **Hồng từ** 洪慈: Lòng từ bi rất lớn. Hay đại từ bi.

Thật vậy, Đức Chí Tôn là một Đấng đại từ đại bi, đã

có công sinh hóa ra vạn vật, lại mong dìu dẫn sanh linh vào nẻo chánh đường chơn mà lánh khỏi đọa luân hồi, nên Ngài, từ khai Thiên lập Địa đến giờ đã bao lần giáng thế mở Đạo để phổ độ chúng sanh. Đến thời hạ nguơn mặt Pháp này, “sanh nhằm thời buổi nhưn sanh dụng gương bắt đức mà gieo họa cho bước trần, khiến cho sai sót nẻo luân thường. Bến khổ đường mê vẫn cứ tìm vào mà làm cho biển trần chẳng biết bao nhiêu chìm đắm. Đạo đức chẳng rèn lòng mà tội tình càng chác lấy. Nếu chẳng có **một Đấng Từ Bi lấy đức háo sanh mở Đạo Tam Kỳ** đặng vớt những kẻ hữu căn thì toàn thế giới sẽ bị dần dần tiêu diệt, ngôi cựu vị ở chốn non thẳm rừng xưa, cũng chẳng có một bực Tiên Thánh đọa trần nào đoạt lại được”. *Quả thực, Đức Chí Tôn là một Đấng đại từ đại bi, có lòng hiếu sanh, thương yêu vạn linh, sanh chúng.*

- ▣ **Vô cực 無極**: Vô cùng, không giới hạn.
- ▣ **Vô thượng 無上**: Cao hơn hết, không gì cao hơn.
- ▶ **Hồng oai hồng từ, vô cực vô thượng**: Đức Thượng Đế có cái oai linh lớn, có lòng từ bi lớn, là Đấng vô cực vô thượng, không bậc nào sánh bằng.

Đại Thánh Đại Nguyện, Đại Tạo Đại Bi.

大聖大願, 大造大悲.

- ▣ **Đại Thánh 大聖**: Đức Thánh lớn. Đức Thượng Đế là Bậc toàn tri, toàn năng, là Đấng có đức hóa sanh rộng lớn, cho nên gọi rằng Đại Thánh. Thật vậy, từ ngày gây dựng nên Vũ trụ vạn vật, Đức Thượng Đế đã nhiều phen hóa thân Phật, Tiên, Thánh để đem Đạo cứu đời. Nhưng vì chúng sanh

mê mờ tội lỗi, lấy giả thành chơn, lấy hư làm thiệt, mãi chạy theo ảo ảnh sắc trần, nên phải lăn quay trong vòng luân hồi sanh tử.

Giáo pháp Tam giáo tùy theo phong tục, tùy căn cơ chúng sanh mà tìm phương cứu độ. Chính vì điểm khác nhau của các Tôn giáo nên khiến cho chúng sanh chấp ngã, chấp pháp mà có sự chống đối, chia rẽ, làm cho các Tôn giáo càng ngày càng xa rời chánh pháp. Hiện nay, nhằm thời kỳ Hạ ngươn mặt Pháp, lại nữa nền văn minh vật chất đã kéo lôi con người càng ngày càng xa “Tự tánh”, nên Đức Chí Tôn, một lần nữa vì lòng Đại Từ Đại Bi, dùng cái oai quyền lớn lao của một vị Đại Thánh, tức vì Thiên Đế mà chính mình Ngài giáng cơ khai Đạo. Thánh giáo Thầy dạy: “Thầy vì đức háo sanh, nên chẳng kể bậc Chí Tôn cầm quyền Thế giới, đến lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong lúc Hạ ngươn nầy mà vớt sanh linh khỏi vòng khổ hải”.

- ▣ **Đại nguyện.** 大願: Lời nguyện lớn. Các Đấng Thiêng Liêng thấy chúng sanh trầm luân trong khổ não, vì lòng Đại từ Đại bi nên thường có lời nguyện hầu cứu vớt tất cả chúng sanh. Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát có lời phát nguyện: “Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật. Chúng sanh tận độ, phương chứng Bồ Đề 地獄未空, 誓不成佛, 眾生盡度, 方證菩提” (Địa ngục chưa sạch không, thệ không thành Phật. Chúng sanh độ hết, mới chứng Đạo Bồ Đề). Đức Phật A Di Đà có phát ra 48 lời đại nguyện.

Đến với thời Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức Chí Tôn đã lập những lời đại nguyện: “Thầy buộc mình hứa cùng Ngọc Hư cung rằng nếu Đạo còn, thì Thầy cũng

theo gìn các con”. *Hoặc Thầy còn nguyện lãnh tội lỗi, oan nghiệt của chúng sanh: “Mỗi phen Thầy đến lập Đạo thì là phải cam đoan và lãnh các con, chẳng khác nào kẻ nghèo lãnh nợ. Các con làm tội lỗi bao nhiêu, oan nghiệt bấy nhiêu, Thầy đều lãnh hết”.*

- ◻ **Đại tạo** 大造: *Đấng Tạo hóa lớn. Đức Thượng Đế là Đấng tạo ra Càn khôn Thế giới và muôn loài vạn vật. Vì thế người bình dân thường gọi Ngài là Đấng Hóa Công, Đấng Tạo Hóa.*
- ◻ **Đại bi** 大悲: *Từ bi lớn.*
- ▶ **Đại Thánh Đại Nguyện Đại Tạo Đại Bi:** *Ngài là Bậc Thánh lớn, có lời đại nguyện, có công tạo hóa lớn và có lòng từ bi lớn lao.*

Huyền Khung Cao Thượng Đế, 玄穹高上帝,

- ◻ **Huyền** 玄: *Sắc đen.*
- ◻ **Khung** 穹: *Cao rộng như vòm trời.*
- ◻ **Huyền Khung** 玄穹 là từ đã được sách *Ấu học* gọi Đức Thượng Đế do câu: “Huyền Khung bỉ thương tặc xưng Thượng Đế 玄穹彼蒼則稱上帝” (*Huyền Khung màu trời xanh kia được xưng là Thượng Đế*).
- ◻ **Thượng Đế:** *Chỉ Đức Chí Tôn.*
- ▶ **Huyền Khung Cao Thượng Đế:** *Tức Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.*

Ngọc Hoàng tích phúc hựu tội, Đại Thiên Tôn.

玉皇錫福宥罪, 大天尊.

- ◻ **Tích phúc** 錫福: *Ban phúc cho.*
Con người muốn được Ổn Trên ban phúc cho, trước nhứt tự mình phải biết trau dồi cái thiện tâm và phải làm việc lành thì tự sẽ được ban phúc. Khổng Tử

đã dạy: “Vi thiện giả thiên báo chi dĩ phước, vi bất thiện giả thiên báo chi dĩ họa 為善者天報之以福, 為不善者, 天報之以禍”.

▣ **Hựu tội 宥罪:** *Xá tội, tha tội.*

Đức Chí Tôn là Đấng từ bi bác ái, thương yêu chúng sanh nên thường ban phước đức, xá tội lỗi cho muôn loài.

Cõi thế gian là nơi chứa nhiều tội lỗi. Bởi vô minh, con người mới tạo ra nhiều tội ác. Nhưng nếu biết ăn năn chữa lỗi, cải tà qui chánh, lo tu tâm sửa tánh thì Chí Tôn tha hết tội tình. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Thầy có nói: “Thầy lại nói, buổi lập Thánh Đạo, Thầy đến độ rỗi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không có tội lỗi, đâu nhọc đến công Thầy.

Ấy vậy, các con rán độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui lòng hơn hết”.

▣ **Đại Thiên Tôn 大天尊:** *Đấng tối cao được tôn quý nhất.*

▶ **Tích phước hựu tội Đại Thiên Tôn:** *Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế là một vị Đại Thiên Tôn đã ban phước, xá tội cho chúng sanh.*

Nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lấy công quả làm nấc thang thăng tiến cho các Chơn linh. Làm công quả tức là tích phước đức, có tội quá thì phước đức sẽ được tiêu trừ, đến lúc nào đó, tội chướng do chính bản thân ăn năn tự hối, và được phước đức giảm trừ thì con người sẽ dứt nghiệp. Nếu dứt nghiệp mà thừa công đức thì con người sẽ thoát được luân hồi sanh tử.

V. GIẢI NGHĨA

KINH NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

- ▶ **Đại La Thiên Đế:** Đức Thượng Đế còn gọi là Đại La Thiên Đế, một vị vua Trời (Thiên Đế) cầm quyền rộng lớn, mệnh mông như một tấm lưới trời bao trùm cả các cõi thế giới (Đại La). Đây cũng là Hồng danh của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- ▶ **Thái Cực Thánh Hoàng:** Ngài cũng là Đấng Thái Cực Thánh Hoàng, tức là vị vua Thánh ngự tại ngôi Thái Cực cầm quyền sinh hóa vạn vật. Đây cũng là Hồng danh của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- ▶ **Hóa dục quần sanh:** Đức Thượng Đế thường tạo hóa và nuôi dưỡng chúng sanh.
- ▶ **Thống ngự vạn vật:** Ngài cai quản và điều hành sự tiến hóa của muôn vật.
- ▶ **Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết:** Cống Huỳnh Kim Khuyết trên thiên cung, sắc vàng lóng lánh hiện ra mù mù, diệu vợi.
- ▶ **Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh:** *Tòa Bạch Ngọc Kinh cần ngọc trắng sáng, cao vòi vọi, nguy nga.*
- ▶ **Nhược thiệt, nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa:** *Dường như thật, dường như hư. Không nói gì, trong sự tĩnh lặng mà vận hành sinh hóa.*
- ▶ **Thị không, thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh:** Là không là sắc. Không thấy làm nhưng sai khiến quần linh.
- ▶ **Thời thừa Lục long, du hành bất tức:** Theo thời mà cõi sáu rồng, đi khắp nơi không ngừng nghỉ.
- ▶ Tức là Đạo Trời mạnh mẽ vận hành khắp vũ trụ

không bao giờ ngừng nghỉ.

- ▶ **Khí phân Tử tượng oát triển vô biên:** Khí Lưỡng nghỉ tức Âm Dương phối hợp nhau mới phân ra Tử Tượng. Xoay chuyển qua lại mãi mãi không giới hạn.

Đây chỉ Đạo phối hợp Âm Dương rồi sinh Tử Tượng, và vận hành cả Càn Khôn Vũ Trụ không bao giờ ngừng nghỉ.

- ▶ **Càn kiện cao minh, vạn loại thiện ác tất kiến:** Ngôi Càn (Đạo Trời) mạnh mẽ sáng suốt có thể thấy rõ việc lành dữ của muôn loài.
- ▶ **Huyền phạm quang đại, nhứt toán họa phúc lập phân:** *Cái khuôn phép mẫu nhiệm rộng lớn. Từng việc lành dữ đều được phân định rõ ràng.*
- ▶ **Thượng chương Tam thập lục Thiên, Tam Thiên Thế giới:** Thượng Đế, trên thì chương quản ba mươi sáu tầng Trời, ba ngàn Thế giới.
- ▶ **Hạ ốc Thất thập nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu:** Bên dưới (Phần bên dưới Vũ Trụ): chương quản bảy mươi hai Địa cầu và bốn Đại Bộ Châu.
- ▶ **Tiên Thiên Hậu Thiên, tịnh dục Đại Từ Phụ:** Đức Thượng Đế từ thời kỳ tiên thiên đến thời kỳ hậu thiên nuôi dưỡng chúng sanh đồng đều như nhau.
- ▶ **Kim ngưỡng, cổ ngưỡng, phổ tế Tổng Pháp Tông:** Từ xưa đến nay vẫn kính ngưỡng Thượng Đế, Người gom các Giáo pháp để phổ độ chúng sanh.
- ▶ **Nãi Nhựt, Nguyệt, Tinh, Thần chi Quân:** Thượng Đế là vua của mặt Trời, mặt Trăng, các vì sao và thời thần.
- ▶ **Vi Thánh, Thần, Tiên, Phật chi Chủ:** Ngài là chủ của Thần, Thánh, Tiên, Phật.

- ▶ **Trạm tịch chơn Đạo:** Đạo Trời chơn chánh sâu xa, lặng lẽ.
- ▶ **Khôi mịch tôn nghiêm:** To lớn và uy nghiêm vô cùng.
- ▶ **Biến hóa vô cùng, lũ truyền Bửu Kinh dĩ giác thế:** Đạo Trời thiên biến vạn hóa, không cùng không tận. Biết bao nhiêu lần đã truyền kinh sách quý báu để giác ngộ người đời.
- ▶ **Linh oai mạc trắc, thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh:** Cái oai quyền thiêng liêng của Chí Tôn không thể đo lường được. Chí Tôn đem những giáo điều diệu mầu để làm lợi ích cho chúng sanh.
- ▶ **Hồng oai, hồng từ, vô cực, vô thượng:** Cái oai linh to lớn, cái lòng đại từ bi của Đức Thượng Đế thật là lớn vô ngần, không chỗ nào tận cùng, không còn gì cao hơn nữa.
- ▶ **Đại Thánh, đại nguyện, đại tạo, đại bi:** Đức Ngài là một vị Đại Thánh, có một tâm nguyện rộng lớn, một lòng đại từ bi nên Ngài là Đấng Tạo hóa ra Càn khôn vũ trụ và vạn vật.
- ▶ **Huyền Khung Cao Thượng Đế:** Ngài chính là Đức Huyền Khung Cao Thượng Đế.
- ▶ **Ngọc Hoàng, tích phúc hựu tội, Đại Thiên Tôn.** Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế là một vị Đại Thiên Tôn đã ban phúc, xá tội cho chúng sanh.

THIÊN THỨ TƯ

PHẬT GIÁO

- I. KINH VĂN
- II. VIẾT RA HÀNH TỰ
- III. CHÚ THÍCH
- IV. GIẢI NGHĨA

I. KINH VĂN

PHẬT GIÁO

*Nhiên Đăng Cổ Phật chí tâm qui mạng lễ
Hỗn Độn Tôn Sư
Càn Khôn Chủ Tế.
Qui Thế giải ư nhứt khí chi trung,
Ốc trần hườn ư song thủ chi nội.
Huệ đặng bất diệt,
Chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh.
Đạo Pháp trường lưu,
Khai cứu thập nhị Tào chi mê muội.
Đạo cao vô cực,
Giáo xiển hư linh.
Thổ khí thành hồng,
Nhi nhứt trụ xang thiên.
Hóa kiếm thành xích,
Nhi tam phân thác địa,
Công tham Thái Cực,
Phá nhứt khiểu chi huyền quang,
Tánh hiệp vô vi.
Thống Tam Tài chi bí chí,*

Đa thi huệ trạch,
 Vô lượng độ nhưn.
 Đại Bi, Đại Nguyện,
 Đại Thánh Đại Từ,
 Tiên Thiên Chánh Đạo
Nhiên Đăng Cổ Phật
 Vô vi xiển giáo Thiên Tôn.

Niệm: “Nam Mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”

II. VIẾT RA HÁN TỰ

佛 教
 燃燈古佛志心皈命禮
 混沌尊師,
 乾坤主宰.
 歸世界於一氣之中,
 握塵寰於雙手之內.
 慧燈不滅,
 照三十六天之光明.
 道法長流,
 開九十二曹之迷昧.
 道高無極,
 教闡虛靈.
 吐氣成虹, 而一柱撐天.
 化劍成尺, 而三分托地.
 功參太極, 破一竅之玄關.
 性合無為, 統三才之秘旨.

多施慧澤,
無量度人.
大悲大願,
大聖大慈,
先天正道,
燃燈古佛,
無為闡教天尊.

念: 南無燃燈古佛大菩薩摩訶薩

III. CHÚ THÍCH

Nhiên Đăng Cổ Phật chí tâm qui mạng lễ.

燃燈古佛志心皈命禮.

- **Nhiên Đăng Cổ Phật** 燃燈古佛: Xem chú thích tiểu sử Đức Phật ở phần sau.
- **Chí tâm** 志心: Dem hết tâm chí ra làm.
- **Qui mạng lễ** 皈命禮: Kính lạy và qui y.
- ▶ **Nhiên Đăng Cổ Phật chí tâm qui mạng lễ** 燃燈古佛志心皈命禮: Hết lòng kính lạy qui y Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.

Hỗn Độn Tôn Sư 混沌尊師,

Càn khôn chủ tể 乾坤主宰.

- **Hỗn Độn** 混沌: Thời kỳ Trời đất chưa phân định. Theo Cao Đài, thời kỳ Trời đất chưa phân định thì khắp cả Vũ trụ có một thứ khí hồng hồng, mờ mờ mịt mịt, hỗn độn, lớn rộng bao la, không sáng không tối, vô thủy vô chung, lạng lẽ vô vi, thanh trước hỗn hiệp. Khí ấy gọi là khí Hỗn độn hay Tiên thiên hư vô chi khí, hay khí hư vô và không gian ấy gọi là vô cực.

- ◻ **Tôn Sư** 尊師: Vị Thầy đáng kính trọng.
- ◻ **Hỗn Độn Tôn Sư** 混沌尊師: *Nhiên Đẳng Cổ Phật là một vị Thầy được hóa sinh trong thời kỳ Hỗn độn. Như ta đã biết, thời Hỗn độn là thời kỳ mà Trời đất chưa phân định, tức là còn trong thời kỳ hỗn mang, trong ấy khí Hư vô là khí vô cùng nhẹ nhàng, tinh khiết bằng bạc khắp Càn khôn Vũ trụ, kết tụ muôn đời nhiều kiếp, rồi hóa sinh ngôi Thái Cực, đó là Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thái Cực mới phân hóa Âm Dương, Âm quang thì do Đức Phật Mẫu chứng quản, Dương quang thì do Chí Tôn làm chủ. Hai khí Âm Dương mới phối hợp nhau, mới hóa sinh Tiên Phật.*

Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy: “Một Chơn thân Thầy mà hóa sanh thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhưn loại trong Càn khôn Thế giới, nên chi các con là Thầy, Thầy là các con.”

- ◻ **Càn khôn** 乾坤: Trời đất, chỉ toàn thể Vũ trụ.
- ◻ **Chủ tể** 主宰: Người làm chủ hết thảy, tức là chúa tể.
- ◻ **Càn khôn chủ tể** 乾坤主宰: Đức Phật là Đấng làm chúa tể Càn khôn Thế giới.

Ta đã biết, Ngọc Hoàng Thượng Đế là vị Thiên Đế, làm chúa tể Càn khôn Thế giới, mà tại sao theo ý nghĩa câu kinh này, Nhiên Đẳng Cổ Phật lại có quyền đó?

Theo thuyết Tam thân của Phật, Pháp thân là cái thể sở chứng của Phật, còn Báo thân và Hóa thân chỉ cái dụng, tức là nhờ Pháp thân mà có được Báo thân và Hóa thân. Như vậy, chỉ có một Phật (Pháp thân), nhờ minh giác linh diệu lưu chuyển thành Báo

thân và Hóa thân của Phật.

Theo Thánh giáo, Đức Chí Tôn sinh ra chư Tiên Phật, Như vậy Đức Chí Tôn là vị Phật lớn trong các vị Phật. Hay nói cách khác, Đức Chí Tôn là Pháp thân, còn chư Phật chư Tiên là Hóa thân của Đức Chí Tôn.

Nhiên Đăng Cổ Phật được hóa sanh trong thời kỳ hỗn độn, như vậy **Pháp thân của Ngài là Đức Chí Tôn**. Điều này, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Thầy có dạy: “**Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã 燃燈古佛是我**”: Nhiên Đăng Cổ Phật là Ta (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển). Hay có thể nói cách khác, Ngài là hóa thân của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.

- ▶ **Hỗn Độn Tôn Sư:** Nhiên Đăng Cổ Phật là một bậc Thầy sinh ra vào thời Hỗn độn
- ▶ **Càn Khôn chủ tử:** Ngài là Đấng chủ tử Càn khôn Vũ trụ.

Qui Thế giới ư nhưt khí chi trung,

歸世界於一氣之中,

- ◻ **Qui 歸:** Gom lại một.
- ◻ **Thế giới 世界:** Nghĩa thông thường là hoàn cầu. Nhưng ở đây là theo nghĩa trong kinh Phật.

Theo kinh Phật, trong Vũ trụ không biết bao nhiêu là Thế giới, hiệp một ngàn Thế giới thành ra một Tiểu thiên Thế giới; hiệp một ngàn Tiểu thiên Thế giới, thành một Trung thiên Thế giới; hiệp một ngàn Trung thiên Thế giới, gọi là một Đại thiên Thế giới. Một Đại thiên Thế giới, thông thường còn được gọi là Tam thiên Đại thiên Thế giới.

Mỗi một Đại thiên Thế giới, có mười muôn vạn

Thế giới. Đây là cội mà Đức Phật hiện ra để hóa độ chúng sanh. Trong Vũ trụ có vô lượng vô số Đại thiên. Thế giới, gọi là Thập phương vi trần Thế giới hay Thập phương hằng sa Thế giới (Mười phương Thế giới nhiều như vi trần hay mười phương Thế giới nhiều như cát sông Hằng).

Thế giới mà chúng ta đang sống thuộc về Thế giới Ta Bà hay Sa Bà Thế giới 娑婆世界, là một thế giới thuộc sự hóa độ của Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật.

Danh từ Phật dùng như hằng hà, vô biên, vô lượng để chỉ số không thể ước lượng được. Do vậy, ta thấy Càn khôn Thế giới là một cõi rộng lớn không thể nghĩ bàn được.

- ▣ **Ư nhất khí chi trung** 於一氣之中: Trong chỗ một khí. Đây là khí đầu tiên trước khi sinh ra Trời đất, có nhiều từ để gọi như: Nguyên khí, Hỗn nguyên khí, Hư vô khí, Tiên thiên khí...

Đạo Giáo gọi nhất khí là tổ khí sinh Trời đất, sinh vạn vật. Tổ là nghĩa “nguyên thủy”. Ngô Chân ghi: Đạo từ hư vô sinh nhất khí, rồi từ nhất khí sinh âm dương.

- ▶ **Qui Thế giới ư nhất khí chi trung:** Gom thân Thế giới về trong một khí (khí Hư vô).

Do nơi khí Hư vô mới có Thái Cực. Từ thái Cực, mà có Âm Dương, thì Đạo cũng ở trong Âm Dương đó. Đạo vô vi biến hóa không cùng, sanh ra Đức Nhiên Đăng Cổ Phật. Phật là vị Tôn sư được hóa sinh từ một khí Hư vô, trong thời kỳ hỗn độn, và Càn khôn Thế giới cũng do khí Hư vô tạo thành, nên có phải là Ngài có thể tóm thân Càn khôn Thế giới về trong

một khí hư vô chẳng?

Ốc trần huồn ư song thủ chi nội.

握塵寰於雙手之內.

- **Ốc 握:** Còn đọc là ác, có nghĩa là nắm giữ.
- **Trần huồn 塵寰:** Tức là trần hoàn, chỉ cõi trần là cõi sống của nhân loại. Có rất nhiều danh từ để chỉ cõi này như trần gian, trần thế, trần tục, trần cấu, thế gian, hồng trần...
- **Ư song thủ chi nội 於雙手之內:** Vào trong hai bàn tay.
- **Ốc trần huồn ư song thủ chi nội 握塵寰於雙手之內:** Nắm giữ cõi trần hoàn trong hai bàn tay. Nhưng ở đây phải hiểu một nghĩa sâu xa hơn, đó là nói cõi trần huồn nằm trong sự chi phối của hai khí âm dương, tức là Đạo vậy.
Cái nguyên lý âm dương ấy tối cao tối đại, là nguồn gốc của vạn vật vẫn thường tồn không thay đổi. Cái đức của nó sinh ra vạn vật và Trời đất.
- ▶ **Ốc trần huồn ư song thủ chi nội:** Nắm cõi trần hoàn vào trong hai bàn tay.

Huệ đăng bất diệt, chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh.

慧燈不滅,照三十六天之光明.

- **Huệ đăng 慧燈:** Đèn trí huệ. Trí huệ được ví như cây đèn được thắp sáng lên để xoá tan bóng tối vô minh, vọng tưởng. Người có trí huệ sáng suốt thì thấy lại bản tâm (tâm linh) của mình, nên còn có thể gọi là tâm đăng (Đèn lòng) để chỉ người có tâm linh sáng suốt. Ngoài ra, người ta còn ví trí huệ quang minh như ánh sáng mặt trời là Huệ nhật 慧日.

- ◻ **Bất diệt** 不滅: *Không bị mất, còn mãi.*
- ◻ **Chiếu** 照: *Rọi sáng, soi sáng.*
- ◻ **Tam thập lục Thiên** 三十六天: *Ba mươi sáu tầng Trời.*
- ◻ **Quang minh** 光明: *Sáng tỏ.*
- ◻ **Huệ đăng bất diệt chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh** 慧燈不滅, 照三十六天之光明: *Đèn huệ cháy hoài không tắt, soi sáng ba mươi sáu tầng Trời.*

Con người vì mê mờ nên không thấy được chân lý thiệt tướng của sự vật, nếu tu hành đắc quả thì ánh sáng trí huệ lúc đó phá tan màn lưới vô minh, mà trở nên quang minh sáng suốt. Vì thế, người ta thường vẽ tượng Phật có những tia hào quang phát sáng ra từ trên đầu Đức Phật, đó là thể hiện trí huệ Phật chiếu sáng rực rỡ. Hào quang hay Phật quang nầy của chư Phật không bị chướng ngại che khuất, mà có thể soi sáng 36 tầng Trời và 72 cõi đất, để chiếu tan hết thảy những điều tối tăm, mê vọng của chúng sanh.

- ▶ **Huệ đăng bất diệt chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh:** *Đèn huệ cháy hoài không tắt, soi sáng ba mươi sáu tầng Trời.*

Đạo Pháp trường lưu, khai cứu thập nhị tào chi mê muội.

道法長流, 開九十二曹之迷昧.

- ◻ **Pháp** 法: *Những lời dạy, giáo lý của các Đấng Thiêng Liêng. Ngoài ra pháp còn có thể hiểu là những nguyên tắc, luật lệ Tôn giáo và những qui luật trong Vũ trụ.*
- ◻ **Đạo pháp** 道法: *Chơn pháp của Đạo.*

Bất cứ một Tôn giáo nào cũng có một nền Chơn pháp. Phật giáo thì có Phật pháp, tức là Đức Phật nhận thấy rằng con người vì cứ mãi bị khổ đau trong cõi trần này là do trí huệ bị vô minh che lấp, nên pháp của Phật có mục đích đem cái trí huệ giải thoát cho con người.

Còn Đạo pháp trong thời Tam Kỳ Phổ Độ có tôn chỉ là qui nguyên Tam giáo, hiệp nhất Ngũ chi có mục đích **tận độ chúng sanh** bằng cách dìu dẫn chúng sanh hướng đến:

- **Thương yêu:** Đây là lòng từ bi bác ái. Trong Thánh ngôn hiệp tuyển thầy nói: “Thầy đã dạy, Thầy chỉ một lòng mơ ước cho các con biết thương yêu nhau trong Thánh đức của Thầy. Sự thương yêu là chìa khoá mở **Tam thập lục Thiên, Cực Lạc Thế giới và Bạch Ngọc Kinh**. Kẻ nào ghét sự thương yêu, thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi”.
- **Lập công:** Thánh giáo dạy: “Người tu hành, nếu chưa trường trai trì giới nổi đăng thì hãy lo lập đức, bồi công để làm nền móng vững chắc cho việc luyện đạo tương lai, chớ dục vọng mong sớm luyện đạo để làm Tiên Phật mà thiếu phần công quả, âm chất. Vì Thầy lập Đạo kỳ này là mở một trường **thi công quả**”. *Chí Tôn có giải thích:* “Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là phần xác thịt. Còn **Thần, Thánh, Tiên, Phật** muốn đắc Đạo, phải có công quả”.
- **Trường lưu** 長流: Chảy dài mãi, chảy hoài không dứt.
- **Đạo pháp trường lưu** 道法長流: Đạo pháp như dòng nước chảy hoài.

Đạo pháp được ví như một dòng nước chảy hoài chảy mãi từ ngàn xưa đến nay, không bao giờ dứt. Dòng Đạo pháp có lúc cũng bị cây cỏ bao phủ, chận lấp làm tắc nghẽn, thì lúc ấy sẽ có Thánh nhân ra đời khai thông dòng Đạo pháp cho lưu thông trở lại và tiếp tục chảy mãi. Như vậy, Đạo pháp vẫn luôn tồn tại và vận chuyển không ngừng trong Càn khôn Vũ trụ. Pháp của Đạo được ví như nước biển, nước sông, nước suối nguồn chảy từ thượng lưu đến hạ lưu, để chúng sanh dùng nước Đạo pháp đó rửa sạch những bụi trần, tẩy nhơ những phiền não và gội rửa những khổ nghiệp, làm cho thân tâm an lành. Đức Lão Tử cũng ví Đạo như dòng nước, chảy từ thượng lưu đến hạ lưu để là lợi cho muôn vật mà không tranh. Ở chỗ mà người ta đều ghét : “Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ ư đạo 水善利萬物而不爭,處眾人之所惡,故幾於道”.

- ▣ **Khai** 開: *Mở mang, khai hóa.*
- ▣ **Cửu thập nhị** 九十二: *Chín mươi hai. Ý trong kinh là chỉ 92 ức nguyên nhân.*

Nguyên nhân là các Chơn linh do Chí Tôn, Phật Mẫu sai xuống có nhiệm vụ độ rỗi chúng sanh, nhưng vì mê luyến hồng trần, nên 100 ức nguyên nhân xuống đầu kiếp, Phật giáo và Tiên giáo chỉ độ đặng 8 ức, còn 92 ức đang mê muội nơi cõi trần này.

- ▣ **Tào** 曹: *Bọn, đám, chỉ số nhiều.*
- ▣ **Mê muội** 迷昧: *Mê mờ, tối tăm, không phân biệt được chân giả, chánh tà...*

Con người sở dĩ bị khổ đau, phiền não, là vì không

thấu đáo chân lý, không hiểu hư thật, cứ mê lầm, nhận những cái lãng xăng trần cảnh là tâm, chứ không biết nó chỉ là vọng tưởng, không phải là chân tâm. Đạo ra đời với mục đích giác ngộ chúng sanh khỏi đường mê muội, trở lại tỉnh giác. Phật có dạy: Mê là chúng sanh, giác là Bồ Tát. Trong Thánh giáo Giác mê có viết:

*Ma Phật tự mình tạo nó ra,
Biết khôn làm Phật, dại làm ma.
Thuận đường Thiên lý vào Tiên cảnh,
Nhơn dục khiến sai, vương bẫy tà.*

- ▣ **Khai cứu thập nhị tào chi mê muội** 開九十二曹之迷昧: Khai hóa 92 ức nguyên nhân còn đang mê muội.

Theo quyển Ngọc Lộ Kim Bàn, nguyên nhân là những linh căn chơn tánh mà Đức Kim Bàn Phật Mẫu cho xuống thế gian để dạy dỗ chúng sanh. Nhưng khi xuống trần bị nhiễm mùi tục lụy, mất hết bửu nang, nên không trở về ngôi cũ được. Sau nhứt và nhị kỳ phổ độ, các bậc nguyên nhân vì chìm sâu trong mê muội còn lại 92 ức (tức là chín triệu hai trăm ngàn).

Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu vì lòng Đại từ Đại bi, giáng cơ khai Đạo kỳ ba nầy với tôn chỉ Đại ân xá để tận độ toàn chúng sanh và 92 ức nguyên nhân được trở lại ngôi xưa vị cũ như lời dạy trong Phật Mẫu Chơn Kinh :

*Phục nguyên nhân huần tồn Phật tánh,
Giáo hóa hồn hữu hạnh hữu duyên.*

- ▶ **Đạo pháp trường lưu, khai cứu thập nhị tào chi mê**

muội: Đạo pháp như dòng nước chảy hoài, khai hóa 92 ức nguyên nhân còn đang mê muội.

Đạo cao vô cực 道高無極.

Giáo viễn hư linh 教闡虛靈.

- **Đạo cao vô cực** 道高無極: *Đạo cao thâm vô cùng tận.*

Đạo pháp bao giờ cũng vi diệu cao thâm, nhưng không phải vì thế mà chúng sanh vói không tới được. Được hay không là tại lòng của chúng sanh vậy. Trong Thánh thi có bài :

Đạo cao thâm, Đạo cao thâm,

道高深, 道高深

Cao bất cao, thâm bất thâm.

高不高, 深不深

Cao khả xạ hê thâm khả điếu,

高可射兮深可釣

Cao thâm vạn sự tại nhơn tâm.

高深萬事在人心.

Nghĩa là:

Đạo cao sâu, Đạo cao sâu.

Cao chẳng cao, sâu chẳng sâu,

Cao có thể bắn, sâu có thể câu,

Cao sâu muôn việc tại lòng người.

Theo Lão Tử, Đạo mà đem ra nói thì lạt lẽo vô vị, mặc dù nhìn không thấy, lắng không nghe, nhưng công dụng của Đạo thì vô cùng (Đạo chi xuất khẩu, đạh hồ kỳ vô vị. Thị chi bất túc kiến, thính chi bất túc văn, dụng chi bất túc ký 道之出口, 淡乎其無

味. 視之不足見, 聽之不足聞, 用之不足既).
Thông thường, khi chưa hiểu thấu lẽ Đạo, thì con người ta nhiều khi thờ ơ lãnh đạm, nhưng khi tỏ ngộ rồi mà nghe được cái yên áo của Đạo, thì con người có niềm vui thú vô cùng. Vì thế Đức Khổng Tử mới nói rằng: Buổi sáng mà nghe Đạo, chiều chết cũng cam lòng (Triêu văn Đạo, tịch tử khả hỹ 朝聞道夕死可矣).

Trong Đạo Đức Kinh, Lão Tử viết: “Thượng đức văn Đạo, cần nhi hành chi 上德聞道, 勤而行之” (Người thượng đẳng khi nghe biết Đạo, liên siêng năng mà hành theo).

Chỉ nghe mà không hành, làm sao mà thành Đạo được.

- **Xiển 闡:** *Làm sáng tỏ, mở rộng ra.*
- **Hư linh 虛靈:** *Trống không mà thiêng liêng huyền diệu.*
- **Giáo xiển hư linh 教闡虛靈:** *Dạy con người hiểu được lẽ hư vô mầu nhiệm của Đạo pháp.*

Đạo tuy cao thâm vô cùng tận, nhưng nhờ Phật dạy cho con người sáng tỏ mà hiểu được lẽ hư vô mầu nhiệm của Đạo.

Đời là hữu hình hữu tướng, mà hữu hình thì bị hoại diệt, nên là giả tạm. Đạo thì huyền diệu, cao thâm bởi vì xuất từ vô vi, mà vô vi thì vĩnh cửu, thường hằng, nên là Chân thực. Đức Phật dạy chúng sanh bỏ giả tầm chơn. Đức Chí Tôn mở Đạo kỳ ba cũng khuyên chúng sanh hướng theo đường vô vi, nhưng Đạo mà không có hữu hình, tức không có thể pháp thì cũng không đặng. Ví như Ngọc Hoàng Thượng Đế là

Đấng vô hình vô ảnh, nếu chẳng mượn Thiên Nhân để tượng Đức Chí Tôn thì Đạo làm sao có thể pháp. Nhưng nếu vì hình thể thái quá thì Đạo sẽ xa rời chánh pháp. Điều này, Đức Chí Tôn cũng dạy:

Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
 Chẳng kỳ hạ giới vọng cao ngôi.
 Bản sang trời mặc, tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngôi.

Thầy Cũng đã dạy Ngài Thái Thơ Thanh như sau: “Thời kỳ mạt pháp này, khiến mới có Tam Kỳ Phổ Độ, các sự hữu hình phải phá tiêu diệt.

Thầy đến chuyển Đạo, lập lại vô vi, các con coi thử bên nào chánh lý: Hữu hình thì bị diệt đặng, chớ vô vi chẳng thể nào diệt đặng.

Th...Thầy đã khiến con đi “Đế Thiên Đế Thích” đặng xem cho tạn mặt hữu hình, nội thể gian này, ngày nay ai cũng nhìn nhận cho là tối đại, mà con đã thấy nó còn bền vững đặng chẳng? Lòng Đạo đức con. Thấy thấy rõ, nhưng thời giả dối đã qua, thời kỳ chân thật đã đến, Thầy không muốn cho con hao tài, tổn của, mà gìn giữ sự giả dối.

Chẳng cần con lo lập Thánh Thất của Thầy và sùng tu Phật tượng chi hết. Con hiểu bốn nguyên **BẢO SANH** là bốn nguyên Thánh Chất của Thầy.

Thầy khuyên con để dạ lo cho nhơn sanh mà thôi...”.
 Rõ ràng Đức Chí Tôn dạy nhơn sanh phải xem nhẹ hữu hình mà hướng trọn tâm linh về với vô vi, tức là về với Đạo vậy.

- ▶ **Đạo cao vô cực:** Đạo cao không cùng,
- ▶ **Giáo xiển hư linh:** Dạy con người hiểu được lẽ hư

vô mầu nhiệm của Đạo pháp.

Thổ khí thành hồng, nhi nhứt trụ xang thiên.

吐氣成虹, 而一柱撐天.

- **Thổ khí** 吐氣: Thổi ra, phun ra, hà hơi.
- **Hồng** 虹: Cái mống Trời, cầu vồng.

Theo sách Trung Hoa xưa, mống xuất hiện trên bầu Trời một lần hai cái. Cái sắc tươi và dài gọi là hồng 虹, thuộc mống đực, cái màu sậm hơn gọi là nghê 蜺, thuộc mống cái.

- **Nhứt trụ** 一柱: Một cây cột.

Xang:

Chú thích: Bản chánh kinh bằng chữ Quốc ngữ của Hội Thánh đọc là “Xang”, còn bản kinh của hai Ngài Đầu Sư cũng đọc Quốc ngữ là “Xang”, và viết chữ Hán là 控 (âm khống), nhưng hai Ngài giải với nghĩa là **chống, chỏi**, như vậy viết theo nghĩa phải là 撐: Xanh, tức chống, chỏi. Do vậy, từ trên viết là Xanh Thiên 撐天.

- **Xanh Thiên** 撐天: Chống Trời, chỏi Trời.

- ▶ **Thổ khí thành hồng nhi nhứt trụ xanh Thiên:** Hà hơi thành cái mống như một cây cột chống vững Trời.

Hóa kiếm thành xích, nhi tam phân thác địa.

化劍成尺, 而三分托地.

- **Hóa kiếm** 化劍: biến cây kiếm, biến cây gươm.
- **Xích** 尺: Thước, Cây thước.
- **Tam phân** 三分: Chia ra ba phần (của cây thước).
- **Thác địa** 托地: Nâng, đỡ đất.
- **Hóa kiếm thành xích nhi tam phân thác địa** 化

劍成尺,而三分托地: *Biến gươm thành cây thước, mà lấy ba phân đỡ vững giềng đất.*

Hai câu kinh trên, về nghĩa đen thì tán tụng thân thông biến hóa của Đức Phật, còn về nghĩa bóng, có ý nói về bí chỉ trong phép luyện Đạo. Người tu luyện phải thấu lý siêu nhiên mới có thể đạt mục đích là “biến con người phàm phu thành con người siêu việt, tức biến người thành Trời”. Muốn vậy, phải biết rõ cách “chế phách luyện hồn” 制魄煉魂 hay “chiết khảm điền ly” 折坎填離, vì có luyện phải có chế, có chiết phải có điền, đó là chơn truyền của Đạo pháp.

Hai câu kinh trên nói về việc điền và chiết quẻ Ly (☲) và quẻ Khảm (☵), nghĩa là thế và chặt hai hào giữa trong hai quẻ Ly, Khảm để thành Càn (☰), Khôn (☷), tức là luyện cho Hậu thiên biến thành Tiên thiên, thì đắc Đạo vậy.

Quẻ Ly (☲) (Ly trung hư, thuộc Hậu thiên bát quái), trên dưới có hai hào dương, hào giữa là âm, mà câu kinh “*Nhứt trụ xanh Thiên*” có ý chỉ cách luyện để “điền” hào âm (--) ở giữa của quẻ Ly, cho thế vào một hào dương (—) biến thành quẻ Càn (Càn tam liên, thuộc Tiên thiên bát quái). Như vậy, quẻ Ly thành quẻ Càn, Hậu thiên trở về Tiên thiên thì đắc Đạo.

*Tương tự, quẻ Khảm (☵) (Khảm trung mẫn, Hậu thiên bát quái), trên dưới có hai hào âm, giữa hào dương, mà câu kinh “*Tam phân thác địa*” có ý chỉ luyện quẻ Khảm thành quẻ Khôn (Khôn lục đoạn, Tiên thiên bát quái) thì phải luyện cách “chiết”, tức là hào dương ở giữa của quẻ Khảm làm đứt ra thành hào âm (--), lúc đó quẻ Khảm thành quẻ Khôn,*

Hậu thiên trở về Tiên thiên thì đắc Đạo.

- ▶ **Hóa kiếm thành xích nhi tam phân thác địa:**
*Biến gươm thành dây thừng, mà lấy ba phân đỡ
vững giềng đất.*

Công tham Thái cực, phá nứt khiếu chi huyền quang.

功參太極, 破一竅之玄關.

- **Công 功:** Công lao, công đức.
- **Tham 參:** Tham dự. Còn có nghĩa là “ngang bằng” ví dụ như tham thiên 參天: Cao ngất Trời, ngang bằng Trời.
- **Thái cực 太極:** Ngôi Thái cực, chỉ Đức Chí Tôn.
- **Công tham Thái cực 功參太極:** Công đức sánh với Thái cực (Trời đất).
- **Phá 破:** Phá vỡ ra.
- Khiếu huyền quang.

Chú thích: *Viết đúng là khiếu huyền quan (Quan là cái cửa), chứ không phải Quang là ánh sáng. Bản chánh kinh bằng chữ Quốc ngữ của Hội Thánh viết Quang, chúng tôi giữ nguyên, khi chú thích chúng tôi viết Quan cho đúng hơn.*

Khiếu huyền quan, hay huyền quan khiếu 玄關竅 là một lỗ nhỏ, hay là một cái cửa khi luyện Đạo, người ta phải khai khiếu này thì mới đắc Đạo. Trong Thuật Ngữ Đạo Giáo có viết: Huyền quan khiếu là chỗ sinh ra nhất khí tiên thiên, vì nó không trong ngoài cũng không cạnh bên. Vả lại trong đó chứa Càn khôn, sửa đổi ngũ khí, hòa hợp bách thần, thông suốt thái cực. Tính mệnh bắt đầu từ đây, kết tiên thai gốc từ đây, tinh khí thần sinh ra từ đây.

Trong kinh Thượng Thừa Chơn Pháp có viết:

Tam quan cửu khiếu qui huần,

Rõ thông đặc bộ là chơn ứng thành.

Phá nhứt khiếu *điểm thanh bày lộ,*

Ứng vào trong mấy độ đặng âu.

Tri quan chơn pháp diệu mầu,

Tâm sừ chánh lý đạt thâm máy huyền.

Theo Tính Mệnh Khuê Chỉ (Dịch giả Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ) thì Khiếu này có rất nhiều tên và chẳng biết nằm tại đâu, “Đan kinh thường nói bằng ví dụ, làm cho học giả không biết đường vào. Tiên bối chỉ là Tiên Thiên chủ nhân, Vạn tượng chủ tử, Thái cực chi đế, Hỗn độn chi căn, Chí Thiện chi địa, Ngưng kết chi sở, Hư vô chi cốc, Tạo Hóa chi Nguyên, Bất Nhị Pháp Môn, Thâm Thâm Pháp Giới, Qui Căn Khiếu, Phục Mệnh Quan, Trung Hoàng Cung, Hi Di Phủ, Tổng Trì Môn, Cực Lạc Quốc, Hư Không Tạng, Tây Nam Hương, Mậu Kỷ Môn, Chân Nhất Xứ, Huỳnh Bà Xá, Thủ Nhất Đàn, Tịnh Thổ, Tây Phương, Hoàng Trung, Chính Vị, Giá Cá, Thần Thất, Chân Thổ, Huỳnh Đình, trăm nghìn tên khác nhau, khó mà ghi ra hết được.

Cái khiếu này phải cầu nơi thân: Không phải mồm, không phải mũi, không phải tâm, không phải thận, không phải gan, không phải phổi, không phải tì vị, không phải rốn, không phải Vĩ Lư, không phải Bàn quang, không phải Cốc đạo, không phải huyết giữa hai thận, không phải huyết dưới rốn một tấc ba phân, không phải Minh Đường, Nê Hoàn, không phải Quan Nguyên, Khí Hải. Như vậy nó thực sự

nằm ở đâu?

Thuần Dương Tử Sư (Lữ Động Tân) nói:

Huyền Tẩn, Huyền Tẩn, chân Huyền Tẩn,

玄牝, 玄牝, 真玄牝,

Bất tại Tâm hề bất tại Thận.

不在心兮不在腎

Cùng thủ sinh thân thụ khí sơ,

窮取生身受氣初

Mạc quái Thiên cơ đô tiết tận.

莫怪天機都泄盡

Nghĩa là:

Huyền tẩn, Huyền tẩn, chân Huyền tẩn,

Không phải ở tâm, không ở thận.

Ở tại chỗ người vừa thụ khí,

Không sợ Thiên cơ đã tiết lộ.

La Công Viễn (Mộng Cửu Tập) nói:

一竅虛無天地中

Nhất khiêu Hư vô thiên địa trung,

纏綿秘密不通風

Triền miên bí mật bất thông phong.

恍惚杳暝無色象

Hoảng hốt yếu minh vô sắc tượng,

真人現在寶珠中

Chân nhân hiện tại bảo châu trung.

Nghĩa là:

*Một khiếu Hư vô giữa đất trời,
 Triền miên bí mật, gió không chui.
 Khiếu đó sắc trần không có bợn,
 Chân nhân coi nó Ngọc châu thôi.*

Tư Mã Tử Vi cho biết khiếu đó cũng gọi là Huyền Quan khiếu :

虛無一竅號玄關

Hư vô nhất khiếu hiệu Huyền Quan,
 正在人身天地間

Chính tại nhân thân thiên địa gian.
 八萬四千分上下

Bát vạn tứ thiên phân thượng hạ,
 九三五六列循環

Cửu tam ngũ lục liệt tuần hoàn.
 大包法界渾無跡

Đại bao pháp giới hỗn vô tích,
 細入塵埃不見顏

Tế nhập trần ai bất kiến nhan.
 這個名為祖竅穴

Giá cá danh vi tổ khiếu huyệt,
 此珠一粒正中玄

Thử châu nhất lập chính trung huyền.

Dịch nghĩa:

*Hư vô một khiếu gọi **Huyền Quan**,
 Giữa lòng Trời đất với nhơn gian.
 Tám vạn bốn nghìn phân thượng hạ,*

*Chín, ba, năm, sáu liệt tuần hoàn.
Lớn trùm pháp giới không lưu vết,
Nhỏ nhập trần ai chẳng thấy nhan.
Cái đó gọi là Chân Tổ Khiếu,
Trường sinh, Linh Bảo vốn hàm tàng.*

- ▶ **Công tham Thái cực phá nút khiếu chi huyền quang:** Công đức sánh với Thái cực (bằng Trời đất), mở thông một lỗ khiếu huyền quan trong con người mà phối hiệp với Trời.

Tánh hiệp vô vi, thống tam tài chi bí chỉ.

性合無為, 統三才之秘旨.

- **Tánh 性:** Tánh thực của chúng sanh, tức là phần Thiên tánh Trời ban cho con người, nên còn gọi là Thiên tánh, Phật tánh.
Phật và chúng sanh không khác gì nhau, cùng một tánh, tức là Phật tánh. Nhưng Phật là bậc đã giác ngộ bản thể sáng suốt, trong lặng, còn chúng sanh vì bị vọng tưởng, phiền não che lấp nên chưa thấy được bản thể đó.
- **Hiệp vô vi 合無為:** Hiệp với hư không.
- **Tánh hiệp vô vi 性合無為:** Tánh hiệp với hư không. Bản thể của Tánh vốn là không, khi tịnh, nó không là gì hết, nhưng khi động thì nó ứng hóa muôn vật. Thể Tánh hư tịch, vô vi ứng dụng ra cái biết khi đối tiếp với cơ duyên, tánh tức là biết, một cái biết tức thì, thuần túy. Cho nên Đạt Ma Tổ Sư dạy: “Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật 教外別傳, 不立文字, 直指人心, 見性成佛. (Truyền ngoài giáo lý, chỉ thẳng tâm

người, thấy tánh thành Phật), và Phật cũng có dạy: “*Mình tâm kiến tánh*” tức là làm sáng tâm thấy tánh. Nhưng ta phải hiểu sáng là sáng cái “tâm không”, thấy là thấy cái tánh tịch.

Mạnh Tử cũng nói: “*Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tánh, sở dĩ sự Thiên dã* 存其心, 養其性, 所以事天也”. Giữ gìn cái tâm, bồi dưỡng cái tính, tức là thờ Trời vậy.

- ▣ **Thống 統**: Gồm năm lại, năm trọn cả.
- ▣ **Tam tài 三才**: Trong Trời đất có Tam tài là Trời, Đất, Người (Thiên 天, Địa 地, Nhân 人).
- ▣ **Bí chỉ 秘旨**: Ý chỉ Mâu nhiệm.
- ▣ **Thống Tam tài chi bí chỉ 統三才之秘旨**: Năm trọn được ý chỉ mâu nhiệm của Tam tài Thiên, Địa, Nhân.
- ▶ **Tánh hiệp vô vi, thống Tam tài chi bí chỉ**: Đức Tánh Phật hiệp với hư vô tức là Ngài đã huyền đồng với Trời đất, năm trọn được ý chỉ của Tam tài Thiên, Địa, Nhân.

Đa thi huệ trạch 多施慧澤,
Vô lượng độ nhơn 無量度人.

- ▣ **Đa thi 多施**: Nhiều lần thi hành, nhiều lần ban cho.
- ▣ **Huệ trạch 慧澤**: Hai từ đều có nghĩa là ân trạch, ơn huệ.
- ▣ **Đa thi huệ trạch 多施慧澤**: Nhiều lần ban ơn huệ.
- ▣ **Vô lượng 無量**: Không lường được.
- ▣ **Vô lượng độ nhơn 無量度人**: Cứu giúp người không thể lường được.

Công đức của Phật thực là vô lượng, vô biên, sánh bằng Trời đất.

Vào thời nhứt kỳ phổ độ, đời Hiền Viên Huỳnh Đế Trung Hoa, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật được sinh ra từ ngôi Hư Vô Thiên, tá thế hóa độ chúng sanh thời kỳ ấy đặc Đạo. Ngài là vị Chưởng Giáo Phật Đạo.

Pháp của Phật hư vô, tịch tịnh, thâm trầm, uyên áo, cho nên Phật thi ân huệ cho chúng sanh tỷ như mưa nhuần nắng gội, và Đức Phật tế độ chúng sanh bị trầm luân nơi biển khổ nhiều không biết bao nhiêu mà kể đếm cho xiết.

- ▶ **Đa thi huệ trạch:** Ngài đã ban ơn huệ không biết bao nhiêu lần, nhiều như Trời mưa gội nhuần cho trăm họ.
- ▶ **Vô lượng độ nhơn:** Còn công đức cứu độ nhơn gian thì không thể đo lường hết được.

Đại bi, Đại nguyện 大悲, 大願,

Đại Thánh, Đại từ 大聖, 大慈.

- ◻ **Đại bi** 大悲: Lòng thương xót chúng sanh của Đức Phật rất bao la, biểu hiện một tình thương rộng lớn làm vơi bớt niềm đau của con người bằng cách đem cái năng lực hiểu biết để xoa dịu và chuyển hóa những khổ đau.
- ◻ **Đại Nguyện** 大願: Lời nguyện lớn lao. Vì thương xót chúng sanh nên vị Phật nào cũng có lập những điều nguyện lớn lao.
 - A Di Đà Phật có phát ra 48 lời nguyện. Nếu có lời nguyện không đăng thành tựu, thì Ngài chẳng chịu thành Phật.
 - Phổ Hiền Bồ Tát có 10 điều nguyện, gọi là Phổ Hiền thập nguyện.

1. Lễ kính chư Phật 禮敬諸佛
2. Xưng tán Như Lai 稱讚如來: Khen ngợi Đức Như Lai.
3. Quảng tu cúng dường 廣修供養: Rộng mở sự cúng dường.
4. Sám hối nghiệp chướng 懺悔業障: Sám hối các điều nghiệp chướng.
5. Tùy hỷ công đức 隨喜功德: Vui mừng mà thuận theo công đức của chư Phật và chư Bồ Tát.
6. thỉnh chuyển pháp luân 請轉法輪: Xin quay xe pháp để cho chúng sinh hiểu biết.
7. thỉnh Phật trụ thế 請佛住世: Xin Phật ở lại Thế gian.
8. Thường tùy Phật học 常隨佛學: Xin thường theo Phật để học Đạo.
9. Hằng thuận chúng sanh 恆順眾生: Thường làm chúng sinh yên vui sung sướng.
10. Giai hồi hướng 皆回向: Dem công đức hồi hướng về chúng sinh.

Mười điều hành nguyện ấy rộng như biển cả nên được gọi là Phổ Hiền nguyện hải 普賢願海.

- Thích Ca Mâu Ni Văn Phật cũng có Tứ hoằng thệ nguyện 四弘誓願, tức là bốn lời nguyện lớn lao:
 - a. Chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ.
 - b. Phiền não vô tận, thệ nguyện đoạn.
 - c. Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học.
 - d. Phật đạo vô thượng, thệ nguyện thành.
- Địa Tạng Vương Bồ Tát chỉ có một lời nguyện lớn

lao là độ cho hết các vong linh nơi cõi Diêm cung thì mới thành Phật: Địa ngục vị không thệ bất thành Phật 地獄未空, 誓不成佛.

- Quan Âm Bồ Tát có mười hai lời nguyện, gọi là thập nhị Đại nguyện. Ngài là vị Bồ Tát có lòng đại từ đại bi, thường hay cứu khổ cứu nạn, lúc nào Ngài cũng lắng nghe âm thanh ở thế gian, nơi nào, lúc nào có tiếng kêu đau khổ của chúng sanh thì Ngài đều đến cứu giúp hóa độ. Trong kinh Pháp Hoa có câu: Chúng sanh bị khổ não mà nhứt tâm niệm đến tên Bồ Tát, tức thì Ngài nghe âm thanh của chúng sanh mà độ cho được giải thoát (Khổ não chúng sinh nhứt tâm xưng danh, Bồ Tát tức thì quan kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát 苦惱眾生一心稱名, 菩薩即時觀其音聲皆得解脫).

- **Đại Thánh** 大聖: Vị Thánh lớn, Đại Thánh.
- **Đại từ** 大慈: Lòng thương yêu rộng khắp, biểu hiện một thứ tình thương rộng lớn, không giới hạn, hoàn toàn vị tha, không một chút vị kỷ.
Hạnh từ bi của Phật không chỉ hạn chế trong loài người, mà còn mở rộng đến tất cả các loài động vật và cây cỏ.
- ▶ **Đại bi, Đại nguyện:** Phật là một Đấng có lòng thương xót chúng sanh rất rộng lớn, lời nguyện thật to lớn.
- ▶ **Đại Thánh, Đại từ:** Thánh đức và lòng thương muôn vật của Ngài thật là vô ngần, không thể nào dung chứa đặng.

Tiên thiên chánh Đạo 先天正道,
Nhiên Đăng Cổ Phật 燃燈古佛.

- **Tiên Thiên chánh Đạo** 先天正道: Một Đạo chơn

chánh có trong thời Tiên Thiên, tức là có trước khi có Trời đất.

Đạo Phật vốn có từ lâu đời, trước Phật Thích Ca Mâu Ni, đã có Nhiên Đăng Cổ Phật đem giáo pháp Phật để tế độ chúng sanh rồi. Như vậy, Đạo Phật là một nền Đạo chơn chánh có từ thời tiên thiên, tức là khi chưa có Trời, đất, người thì đã có Đạo vô vi của Phật rồi.

- ▣ **Nhiên Đăng Cổ Phật** 燃燈古佛: Một vị Phật của đời quá khứ, nên được gọi là Cổ Phật. Đức Nhiên Đăng Cổ Phật còn được gọi là Định Quang Phật 定光佛, vị Phật đã sống vô lượng kiếp trước thời đại chúng ta. Đó là vị Phật đầu tiên và quan trọng nhất trong các vị Phật có trước Đức Thích Ca Mâu Ni.

Nhiên Đăng Cổ Phật là vị Phật tượng trưng cho các vị Phật trong đời quá khứ. Bên Phật Giáo ở Trung Hoa, người ta thường thờ Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chung với Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Vương Phật để gọi là thờ Tam Thế Chư Phật 三世諸佛 (Đời quá khứ, hiện tại và vị lai).

Theo Di Lặc Chơn Kinh và kinh Tiểu Tường thì Đức Nhiên Đăng Cổ Phật cai quản từng Hư Vô Thiên. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn cho biết Nhiên Đăng Cổ Phật đã giáng trần mở Phật Đạo ở Ấn Độ vào thời mà bên Trung Hoa là đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế.

- ▶ **Tiên Thiên chánh Đạo:** *Mối Đạo chơn chánh đã có trước Trời đất, tức là có vào thời Tiên Thiên.*
- ▶ **Nhiên Đăng Cổ Phật:** *Ngài là Nhiên Đăng Cổ Phật.*

Vô vi xiển giáo Thiên Tôn 無為闡教天尊

- **Vô vi 無為:** Không âm thanh sắc tướng, không hình thể.

Pháp vô vi của Phật là không tạo tác nhân duyên, không chịu sự chi phối của định luật vô thường, vượt ra ngoài các điều kiện nhân duyên.

Vô vi pháp có hai nghĩa:

- Pháp không sinh không diệt.
- Thực tính không, tức là tất cả phiền não diệt tắt, nghiệp báo cũng diệt, thì giải thoát sinh.
Các Pháp vô vi là các pháp ly tham, ly thủ, vô cấu, vô sinh, thanh tịnh.
- **Xiển Giáo 闡教:** Đạo chánh, tức là mỗi đạo dạy cho chúng sanh những chơn lý tuyệt đối để chúng sanh thoát vòng luân hồi sinh tử mà trở về với cõi Hư vô.
- **Thiên Tôn 天尊:** Là một Đấng được Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế phong. Còn Thế Tôn là nhờ công đức vô lượng vô biên tế độ chúng sanh, nên được vạn linh tôn xưng hàng Phật vị hay hàng Bồ Tát.
- ▶ **Vô vi xiển giáo Thiên Tôn:** Một Đấng Thiên Tôn dạy nền chánh giáo Vô vi.

Giải nghĩa câu chú:

- **Nam Mô 南無:** Từ tiếng Phạn Namah, nghĩa là Kính lễ, đánh lễ: cúi đầu làm lễ. Tiếng Nam Mô thường được dùng đặt trước hồng danh chư Phật, Bồ Tát, hay đặt trước câu của lời nguyện.
- **Nhiên Đăng Cổ Phật 燃燈古佛:** Xem chú thích ở phần trên.
- **Đại Bồ Tát 大菩薩:** Một vị Bồ Tát lớn.

Bồ Tát do từ Bodhisattva Bồ Đề Tát Đóa. Bodhi = giác ngộ, Sattva = chúng sinh. Bồ Tát là bậc đã giác ngộ và đang cứu độ chúng sinh. Bồ Tát là con người tỉnh thức và đang giúp người khác tỉnh thức.

- **Ma Ha Tát** 摩訶薩: *Mahasattva* dịch là *Ma Ha Tát Đóa*. *Ma Ha* là *Đại*, *Tát* tức là *Bồ Tát*. Nói cách khác *Ma Ha Tát* là *vị Đại Bồ Tát* là *bậc phát Đại tâm Bồ Đề cứu độ chúng sanh*.

IV. -GIẢI NGHĨA

PHẬT GIÁO

- ▶ **Hỗn Độn Tôn Sư:** Nhiên Đăng Cổ Phật là một bậc Thầy sinh ra vào thời Hỗn độn.
- ▶ **Càn Khôn Chủ Tổ:** Ngài là Đấng chủ tổ Càn khôn Vũ trụ.
- ▶ **Qui Thế giải ư nhứt khí chi trung:** Gom Thế giới vào trong một khí Hư vô.
- ▶ **Ốc trần huồn ư song thủ chi nội:** Nắm cõi trần hoàn vào trong hai bàn tay.
- ▶ **Huệ đăng bất diệt, chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh:** Đèn huệ của Ngài cháy mãi, không bao giờ tắt, soi ba mươi sáu (36) tầng Trời sáng rực rỡ.
- ▶ **Đạo Pháp trường lưu, khai cứu thập nhị Tào chi mê muội:** Đạo pháp như dòng nước chảy hoài, không bao giờ cạn, không bao giờ ngưng, khai hóa 92 ức nguyên nhân còn đang mê muội.
- ▶ **Đạo cao vô cực:** Đạo pháp của Ngài cao không cùng tận.
- ▶ **Giáo xiển hư linh:** Dạy con người hiểu được lẽ hư vô mầu nhiệm của Đạo pháp.

- ▶ **Thổ khí thành hồng, nhi nhứt trụ xanh thiên:** Hà hơi thành cái mống như một cây cột chống vững bầu Trời.
- ▶ **Hóa kiếm thành xích, nhi tam phân thác địa:** Biển gươm thành cây thước, mà lấy ba phân đỡ vững giềng đất.
- ▶ **Công tham Thái Cực, phá nhứt khiếu chi huyền quan:** Công đức sánh với Thái cực (Trời đất).
- ▶ Ngài khai mở được khiếu Huyền Quan để hiệp với Trời.
- ▶ **Tánh hiệp vô vi, thống Tam Tài chi bí chỉ:** Tánh hiệp với hư vô, nắm trọn được ý chỉ của Tam tài Thiên, Địa, Nhân.
- ▶ **Đa thi huệ trạch:** Ngài đã nhiều lần ban ơn huệ cho chúng sanh.
- ▶ **Vô lượng độ nhơn:** Và công đức cứu độ người đời nhiều không kể hết.
- ▶ **Đại Bi, Đại Nguyện:** Phật là một Đấng có lòng từ bi lớn, lời nguyện lớn,
Đại Thánh Đại Từ: Là một vị Đại Thánh và có lòng thương rộng khắp.
- ▶ **Tiên Thiên Chánh Đạo:** Chánh Đạo của Ngài có trong thời Tiên Thiên, tức là có trước khi hình thành Trời đất.
- ▶ **Niên Đăng Cổ Phật, vô vi xiển giáo Thiên Tôn:** Niên Đăng Cổ Phật, một Đấng Thiên Tôn dạy nền chánh giáo Vô vi.

THIÊN THỨ NĂM

TIÊN GIÁO

- I. KINH VĂN
- II. VIẾT RA HÁN TỰ
- III. CHÚ THÍCH
- IV. GIẢI NGHĨA

I KINH VĂN

TIÊN GIÁO

Thái Thượng chí tâm qui mạng lễ.
 Tiên Thiên khí hóa.
 Thái Thượng Đạo Quân,
 Thánh bất khả tri,
 Công bất khả nghị.
 Vô vi cư Thái cực chi tiền,
 Hữu thi siêu quần chơn chi thượng.
 Đạo cao nhưt khí,
 Diệu hóa Tam Thanh.
 Đức hoán hư linh,
 Pháp siêu quần Thánh
 Nhị ngoạt thập ngũ,
 Phân tánh giáng sanh.
 Nhứt thân ức vạn,
 Diệu huyền thần biến.
 Tử khí đông lai,
 Quảng truyền Đạo Đức.
 Lưu sa tây độ,
 Pháp hóa tướng tông.

Sản Tất Viên, Phương Sóc chi bối.
Đơn tích duy mang.
Khai Thiên Địa nhưn vật chi tiên,
Đạo kinh hạo kiếp,
Càn khôn hoá vận.
Nhứt nguyệt chi quang.
Đạo pháp bao la,
Cửu hoàng tử tổ.
Đại Thiên Thế giới,
Dương tụng từ ân.
Vĩnh kiếp quân sanh,
Ngưỡng kỳ huệ đức.
Đại Thân Đại Thánh
Chí cực chí tôn
Tiên Thiên chánh nhứt.
Thái Thượng Đạo Quân.
Chưởng Giáo Thiên Tôn.
Niệm: “Nam Mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh
Ứng Hóa Thiên Tôn”

II. VIẾT RA HÁN TỰ

仙教
太上志心歸命禮
先天氣化,
太上道君.
聖不可知,
功不可議.
無為居太極之前,

有始超群真之上。
道高一氣，
妙化三清。
德煥虛靈，
法超群聖。
二月十五，分性降生。
一身億萬，妙玄神變。
紫氣東來，廣傳道德。
流沙西度，法化相宗。
產漆園，方朔之輩，
丹析微茫。
開天地，人物之先，
道經浩劫。
乾坤斡運，日月之光，
道法包羅，九皇鼻祖。
大千世界，揚頌慈恩，
永劫群生，仰其惠德。
大神大聖，
至極至尊，
先天正一，
太上道君，
掌教天尊。
念：“南無太上道祖三清應化天尊”

III CHÚ THÍCH

Tiên Thiên khí hóa 先天氣化.

Thái Thượng Đạo Quân 太上道君.

- **Tiên Thiên khí hóa** 先天氣化: Khí Tiên Thiên hóa sinh ra Đức Thái Thượng Đạo Quân.

Tiên Thiên khí còn gọi là nguyên khí, Hư vô chi khí, Hỗn nguơn khí. Khí này có trước khi Càn khôn Vũ trụ được thành hình.

Khi Trời đất chưa phân định thì khắp cả vòm trời chỉ có một khối khí duy nhất, gọi là tiên thiên hư vô khí. Khí hư vô này là một khối nguyên khí mới luân chuyển hóa sanh thành Đức Thái Thượng Đạo Quân.

- **Thái Thượng Đạo Quân** 太上道君: Còn gọi là Thái Thượng Đạo Tổ, Thái Thượng Lão Quân, là Giáo chủ Tiên giáo. Đức Thái Thượng Lão Quân là do khí Tiên Thiên hóa sanh ra.

Thái Thượng Đạo Tổ có một kiếp giáng trần nhằm ngày rằm tháng hai vào năm 604 trước Công nguyên. (Đời nhà Thương bên Trung Hoa), được gọi là Lão Tử.

Theo sử ký Tư Mã Thiên, Lão Tử là người nước Sở Bửu, huyện Khổ 苦, làng Lệ 厲, xóm Khúc nhân 曲仁, ở tỉnh Hồ Nam bây giờ.

Ngài họ Lý 李, tên là Nhĩ 耳, tự là Bá Dương 伯陽, thụy là Đàm 聃. Ngài làm quan giữ Tàng thất (Kho sách) ở Kinh đô Lạc Dương của nhà Châu.

Về gia thế thì sử sách không có nói đến, nhưng theo truyền thuyết thì nói rằng mẹ của Lão Tử mang thai Ngài có đến 80 năm mới sinh Ngài do hông bên trái dưới cội cây lý. khi Ngài được sinh ra thì râu tóc dài và bạc trắng, mới gọi Ngài là Lão Tử. Lão Tử chỉ cây

lý mà bảo rằng đó là họ của Ngài.

Khi đến Kinh Đô nhà Châu, gặp Lão Tử hỏi lễ, lúc về Khổng Tử bảo với các đệ tử rằng: Chim ta biết nó bay như thế nào, cá ta biết nó lội làm sao, thú ta biết nó chạy cách nào. Thú chạy, thì ta có thể lưới bắt nó, cá lội, thì ta có dây câu ví nó, chim bay, thì ta có bẫy gài nó. Chí như con rồng, thì ta không biết nó theo mây theo gió mà bay lượn như thế nào. Nay ta thấy Lão Tử như con rồng! (Ngô kim kiến Lão Tử kỳ do long da! 吾今見老子其猶龍耶!).

Ở tại Lạc Dương phía đông nhà Châu một thời gian lâu, sau thấy nhà Châu suy, nên Lão Tử cỡi trâu đi về hướng tây, khi đi đến cửa ải Hàm Cốc, quan lệnh là Doãn Hỷ 尹喜. Biết Lão Tử là một Thánh nhân nên quan Doãn tôn Ngài là Thầy để xin theo học Đạo. Lão Tử ở lại Hàm Cốc dạy Đạo cho Doãn Hỷ và soạn ra bộ sách nói về Đạo Đức, sách phân làm hai thiên, gồm có trên 5000 chữ. Sau này được gọi là “Đạo Đức Kinh”.

Rồi từ đó, Lão Tử cỡi trâu đi về hướng tây mất dạng, người ta không biết Ngài đi về đâu.

Đức Lão Tử được vua Đường Cao Tông nhìn là thủy tổ, nên truy phong cho Ngài “*Huyền Nguyên Hoàng Đế*”.

- ▶ **Tiên Thiên khí hóa Thái Thượng Đạo Quân:** Tiên Thiên khí hóa sinh ra Đức Thái Thượng Đạo Quân.

Thánh bất khả tri 聖不可知.

Công bất khả nghị 功不可議.

- **Thánh bất khả tri** 聖不可知: Không thể biết được hết sự Thiêng Liêng mầu nhiệm của Ngài.

Đức Thái Thượng Đạo Quân do Tiên Thiên khí sinh ra, Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy rằng: Thái Thượng, Nguơn Thỉ thị Ngã,...(太上,元始是我... Thái Thượng Nguơn Thỉ là Ta vậy) thì ta có thể nói rằng Thái Thượng Lão Quân có Pháp thân là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Hay nói cách khác, Ngài là Hóa thân của Đức Chí Tôn. Vì Thế, đức Thánh của Ngài rất cao siêu, huyền diệu mà không ai có thể hiểu thấu hết được.

- **Công bất khả nghị** 功不可議: Không thể nào luận bàn hết công đức to lớn của Ngài được.

Công nghiệp Đức Thái Thượng Đạo Quân không chỉ có một kiếp là Ngài giáng sinh xuống trần làm Lão Tử mà thôi đâu, từ lúc sơ khai cho đến bây giờ, Ngài còn giáng sinh nhiều kiếp khác nữa để ban kinh sách giáo hóa và cứu độ chúng sanh thì công đức của Ngài sâu dày không thể nghĩ bàn được.

Oai linh và công đức của Ngài bao trùm khắp Vũ trụ, Ngài đem nền Đạo Giáo phổ truyền cho con người, với mục đích đưa loài người trở lại lối sống thuần lương chất phác, không tranh giành cấu xé vì lợi danh, tức là trừ hết dục vọng, hướng con người về với Đạo là thuận lẽ thiên nhiên vô vi tự tại.

- ▶ **Thánh bất khả tri:** Không thể biết hết sự Thiêng liêng mầu nhiệm của Thái Thượng Đạo Quân.
- ▶ **Công bất khả nghị:** Và không thể nào luận bàn hết công đức to lớn của Ngài đặng.

Vô vi cư Thái cực chi tiên, 無為居太極之前,

- **Vô vi 無為:** Đạo “Vô vi” của Lão Tử là Đạo thường, tức là Đạo trường cửu bất biến. Đạo này nếu được

đem thi hành thì thấy dường như không làm gì cả, nhưng không có cái gì là Đạo không làm, tức là việc làm của Đạo đâu đâu cũng có, nhưng không ai thấy được việc làm ấy, vì vậy mới được gọi là Đạo “vô vi”.

Tỷ dụ: Hằng ngày, mặt Trời hiện lên từ phương đông, ta tưởng dường như không làm gì cả, nhưng trong vạn vật không có vật nào mà không thọ ánh sáng của mặt Trời. Thái dương chiếu rọi tia ấm cho muôn loài mà không biết mình đang giúp muôn loài, thảo mộc lớn lên nhờ ánh mặt Trời mà vẫn không biết mình đã thọ. Đây là “việc làm mà không làm” của Đạo Vô vi. Đạo Đức Kinh có câu: Đạo thường không làm. Nhưng không gì không làm. (Đạo thường vô vi, nhi vô bất vi 道常無為而無不為).

Hãy có thể nói Đạo vô vi nhi vi, nghĩa là Trời đất vô vi mà sinh vạn vật, nhật nguyệt vô vi mà vận hành bốn mùa, Thánh nhân vô vi mà cai trị thiên hạ, tất cả thấy đều không làm mà làm, tự nhiên mà như thế.

- ▣ **Cư Thái cực chi tiên.** 居太極之前: Ở trước ngôi Thái Cực.
- ▣ **Vô vi cư Thái cực chi tiên.** 無為,居太極之前: Đạo Vô vi của Đức Thái Thượng Lão Quân có trước Trời đất (Thái cực).

Đạo Vô vi của Lão Tử là Thiên Đạo, là cái tổng nguyên hay cái bản căn mà muôn vật sinh ra. Đạo cũng là đường lối để muôn vật noi theo. là cái tổng qui luật chi phối sự sinh thành, biến hóa của Trời đất và vạn vật.

Theo Nguyễn Hiến Lê, (Đại cương triết học Trung Quốc, nhà xb Cảo Thơm), “Xưa kia, ai cũng nghĩ rằng Trời sinh ra muôn vật, làm chủ cả muôn vật,

và cái sinh ra trước hết thấy là Trời. Khổng Tử không chối cái điều đó, Mặc Tử xác tín điều đó, Mạnh Tử, sau này, cũng một phần thừa nhận điều đó. Lão Tử thì khác hẳn, Lão tử không thừa nhận Trời sinh ra trước hết thấy, trong Đạo Đức Kinh có nói: “ Có một vật trộn lộn mà thành, sinh ra trước Trời đất...Ta không biết tên nó là gì, nên mới cho nó cái tên riêng là Đạo, gượng gọi nó là Đại” (Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh...Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết Đạo, cưỡng vi chi danh viết Đại 有物混成, 先天地生...吾不知其名, 字之曰道, 強為之名曰大). **Đạo của Lão Tử là Đạo không hình thể, tức là Đạo Vô vi, mà muôn vật có hình sắc lại do Đạo sinh ra, như vậy về thể, Đạo vốn không, không hình tướng, về mặt dụng, thì Đạo là có, vì là nguồn gốc sinh ra muôn vật. Hay nói khác đi, khi Đạo còn ở trạng thái hư vô, thanh tĩnh thì Đạo là không, khi Đạo đã sinh ra vạn vật thì Đạo là có. Trong Đạo Đức kinh có câu: “Không, là tên cái đầu tiên của Trời đất, có là tên gọi mẹ muôn vật” (Vô danh thiên địa chi thủy; hữu danh vạn vật chi mẫu 無名, 天地之始, 有名, 萬物之母).**

Trương Tử Dương nói về chữ Đạo như sau:

道是虛無生一氣

Đạo thị Hư vô sinh Nhất khí,

便從一氣產陰陽

Tiên tông Nhất khí sản Âm dương.

陰陽者合成三體

Âm dương giả hợp thành tam thể,

三體重生萬物昌

Tam thể trùng sinh vạn vật xương.

Nghĩa là:

*Đạo tự Hư vô sanh một khí,
 Một khí sinh ra được Âm dương.
 Âm dương hợp lại thành Tam thể,
 Tam thể trùng sinh vạn vật xương.*

(NHÂN TỬ, NGUYỄN VĂN THỌ DỊCH)

- ▶ **Vô vi cư Thái cực chi tiên:** Đạo Vô vi có trước Trời đất (Thái cực).

Hữu thủy siêu quần chơn chi thượng. 有始超群真之上。

- ◻ **Hữu thủy 有始:** *Hay hữu thủy, có nghĩa là mới có đầu tiên hết, có nguồn gốc. Khi chưa hình thành Trời đất là Vô vi (Vô thủy), Đến khi Vũ trụ đã được phân định, an ngôi trở về sau là thời kỳ hữu thủy.*

Trong thời kỳ hỗn độn chỉ có khí Hư vô, đến giai đoạn khí Hư vô sinh Thái cực rồi phân ra Âm dương, Dương nhẹ bay lên làm Trời, Âm nặng ngưng đọng xuống làm đất thì lúc đó Trời đất đã được hóa sinh, tức là thời kỳ vật chất đã được hình thành (Hữu hình). Điểm khởi của thời kỳ hữu hình là thời hữu thủy.

Khi nói về hữu thủy, Lão Tử cho rằng Đạo là mẹ của thiên hạ. Do Đạo mà có thể biết được tình của vạn vật. Biết được tình của vạn vật rồi mà lại giữ Đạo đó thì suốt đời không nguy: “Thiên hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu. Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử; ký tri kỳ tử, phục thủ kỳ mẫu, một thân bất đãi 天下有始, 以為天下母. 既得其母, 以知其子; 既得其子, 復守其母, 沒身不殆” (Thiên

hạ có cái khởi thủy, coi như là mẹ của thiên hạ. Hễ giữ được mẹ thì biết được con, đã biết được con, trở về giữ mẹ thì đến chết không nguy hại).

- **Siêu 超:** *Vượt trội.*
- **Quần chơn 群真:** *Chỉ các Đấng Thiêng Liêng.*
- ▶ **Hữu thi siêu quần chơn chi thượng:** *Lúc Vũ trụ đã hình thành, tức là thiên địa đã an ngôi rồi (Hữu thi), thì Ngài là Đấng cao ngôi hơn tất cả các bậc Chơn Thánh, Chơn Nhơn.*

Đạo cao nhất khí 道高一氣.

Diệu hóa Tam Thanh 妙化三清.

- **Đạo cao nhất khí 道高一氣:** *Đạo cao siêu do một khí sinh ra, đó là Nguyên khí.*
Như trên ta đã biết Đạo Vô vi có trước Trời đất, tức là Đạo Vô vi cao siêu, huyền diệu cũng do nơi Hỗn nguơn nhứt khí, hay nguyên khí mà sinh ra.
- **Diệu hóa 妙化:** *Biến hóa một cách huyền diệu.*
- **Tam Thanh 三清:** *Ba ngôi phẩm gồm Ngọc Thanh, Thượng Thanh, Thái Thanh.*

Đạo Cao Đài thường dùng Tam Thanh để đối với Tam Giáo và tam sắc. Nên lá cờ của Đạo gọi là cờ Tam thanh, gồm ba màu đỏ, xanh, vàng.

Trong truyện Phong Thần, khi phá trận Tru Tiên, Lão Tử dùng huyền diệu nguơn khí biến hóa ra Tam Thanh, tức ba người là Ngọc Thanh, Thượng Thanh, Thái Thanh để xông vào ba cửa trận, cùng giúp Lão Tử đánh Thông Thiên Giáo Chủ. Tam Thanh đây cũng là ba sắc hào quang hay nguơn tinh, nguơn khí, và nguơn thần của Thái Thượng Lão Quân: Ngọc

Thanh màu hồng, Thượng Thanh màu xanh, Thái Thanh màu vàng. Trong truyện có bài thơ xưng tụng Đức Thái Thượng như sau:

Hồng Quân truyền phép Đạo đã thành
 Làm chủ Thần Tiên độ chúng sanh
 Biến thử ba hình ai dễ biết
 Cho hay Ngươn khí hóa Tam Thanh.

Chức sắc Cửu Trùng Đài của Hội Thánh Cao Đài được chia là ba phái: Phái Ngọc, mặc Đạo phục màu đỏ, thuộc Nho giáo, ngươn tinh; phái Thượng, mặc Đạo phục màu xanh, thuộc Tiên giáo, ngươn khí; phái Thái, mặc Đạo phục màu vàng, thuộc Phật giáo, ngươn thần.

Theo Đạo giáo, Tam Thanh còn được chỉ **Tam Thanh Thiên**, Tam Thanh Cảnh, là thiên giới tối cao chỉ dưới Đại La Thiên trong 36 tầng thiên, cũng chỉ tiên cảnh của Thần Tiên ở. Cho rằng đó là do tam khí Huyền Nguyên Thủy được sản sinh bởi Đại La Thiên hóa thành. Thái Chân Khoa ghi: Đại La sinh tam khí: Huyền Nguyên Thủy hóa thành Tam Thanh Thiên: Một là Thanh Vi Thiên Ngọc Thanh cảnh do thủy khí hóa thành, hai là Vũ Du Thiên Thượng Thanh cảnh do Nguyên Khí tạo thành, ba là Thái Xích Thiên Thái Thanh cảnh do Huyền khí hóa thành.

- ▶ **Đạo cao nhứt khí, diệu hóa Tam Thanh:** Đạo vốn sinh ra từ một khí rất cao siêu, huyền diệu rồi biến hóa ra Tam Thanh.

Đức hoán hư linh 德煥虛靈,
Pháp siêu quần Thánh 法超群聖.

- ◻ **Đức** 德: Cái Thánh đức 聖德 của Thái Thượng Đạo

Quân.

- **Hoán** 煥: Rực rỡ.
- **Hư linh** 虛靈: Cõi Thiêng liêng huyền diệu.
- **Pháp siêu** 法超: Đạo pháp vượt trội.
- **Quần Thánh** 群聖: Các bậc Thánh.

Đức hoán, hư linh 德煥虛靈: Thánh đức của Ngài sáng rực khắp cõi hư linh.

Như ta đã biết, Thái Thượng Lão Quân do khí Tiên thiên biến sinh ra, tức là trước thời khai thiên lập đã có Ngài, cho nên cái Thánh đức cao dày của Ngài vượt lên khỏi các bậc Địa Tiên, Nhơn Tiên và Thiên Tiên, hay nói khác hơn, Thánh đức của Ngài làm sáng rực nơi cõi Hư linh.

- **Pháp siêu quần Thánh** 法超群聖: Đạo pháp của Ngài vượt trội hơn các bậc Thánh.

Đức Thái Thượng Lão Quân mượn cái hư linh lập Đạo, cho nên Đạo pháp của Ngài nương theo vô vi thanh tịnh, thuận lẽ tự nhiên của Trời đất. Vì vậy, Đạo pháp vượt trội hơn các bậc Thánh.

- ▶ **Đức hoán, hư linh:** Thánh đức của Ngài sáng rực khắp cõi hư linh.
- ▶ **Pháp siêu quần Thánh:** Đạo pháp của Ngài vượt trội hơn các bậc Thánh.

Nhị nguyệt thập ngũ, phân tánh giáng sanh.

二月十五, 分性降生.

- **Nhị nguyệt** 二月: Hay nhị nguyệt, tức tháng hai âm lịch.
- **Thập ngũ** 十五: Viết đầy đủ là Thập ngũ nhật, ngày mười lăm. Đây chỉ ngày 15 hay ngày rằm âm lịch (Còn gọi là vọng nhật).

- ◻ **Phân tánh** 分性: Chia hay chiết cái thể tánh.

Đối với các Đấng Phật Tiên, tánh là một thể Thiêng liêng, nên gọi là Thiên tánh hay Phật tánh. Tánh là thể tự nhiên sẵn có, vốn rộng lớn trong sáng, tràn đầy lòng thương yêu (từ bi), và sự hiểu biết chân thật (Trí huệ). Thể tánh của chúng sanh cũng đồng với Phật Tiên, nhưng vì chúng sanh bị vô minh, mê mờ nên không thấy được tánh. Kinh Pháp Hoa có câu: “Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh 一切眾生皆有佛性”. Vì thế Phật giáo cho rằng: Phật là chúng sanh đã được giác ngộ, còn chúng sanh là Phật chưa giác ngộ, hay nói cách khác, chúng sanh là Phật sẽ thành. Còn Thánh giáo Cao Đài cũng dạy rằng: “Thầy là các con, các con là Thầy”. Tánh của các bậc Đại giác tức là bản lai tự tánh, cũng là cái bản lai diện mục. Nói khác đi là cái Linh quang hay Chơn linh. Như vậy phân tánh có nghĩa là chiết chơn linh, giáng linh.

- ◻ **Nhị nguyệt thập ngũ phân tánh giáng sanh** 二月十五, 分性降生: Ngài chiết chơn linh giáng sinh vào ngày rằm tháng hai.

Vào thời thượng cổ, Đức Thái Thượng Lão Quân từ cõi Tiên Thiên nhiều lần giáng sinh xuống thế gian vào các đời Tam Hoàng Ngũ Đế để giáo hóa chúng sanh. Ngài là Chưởng Giáo Đạo Tiên.

Đến thời nhà Châu, ngày rằm tháng hai, Đức Thái Thượng Đạo Tổ lại chiết chơn linh giáng thế là Lão Tử, soạn ra cuốn Đạo Đức Kinh để xiển dương Đạo Giáo và phổ độ chúng sanh ở miền lưu sa Tây vực mênh mông.

- ▶ **Nhị nguyệt thập ngũ phân tánh giáng sanh:** Ngài

chiết chơn linh giáng sinh vào ngày rằm tháng hai.

Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thần biến.

一身億萬, 妙玄神變.

- **Nhứt thân** 一身: *Một thân.*
- **Ức億**: *Mười muôn, tức một trăm ngàn.*
- **Vạn萬**: *Một muôn, tức mười ngàn.*
- **Ức vạn億萬**: *Muôn ức, dùng để chỉ số nhiều.*
- **Diệu huyền thần biến** 妙玄神變: *Biến hóa ra một cách mầu nhiệm.*
- **Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thần biến** 一身億萬, 妙玄神變: *Từ một thân, Ngài biến hóa ra hằng vạn thân một cách mầu nhiệm.*

Đức Thái Thượng Lão Quân hóa sinh từ khí Tiên Thiên, nên Ngài rất thần thông biến hóa, một thân có thể ứng hiện muôn ức thân để cứu độ cho chúng sanh. Theo Sách “Thực Văn Hiến Thông Khảo”, Ông Các Trữ Xương nói rằng: Lão Tử không đời nào mà không có Ngài giáng sinh, hằng đổi tên cải họ, như:

- *Đời vua Huỳnh Đế hiệu Ngài là Quảng Thành Tử.*
 - *Đời vua Văn Vương hiệu Ngài là Nhiếp Ấp Tử.*
 - *Đời vua Võ Vương hiệu Ngài là Dục Thành Tử.*
 - *Đời vua Khương Vương hiệu Ngài là Quách Thúc Tử.*
 - *Đầu đời Hồn hiệu Ngài là Huỳnh Thạch Công.*
 - *Đời vua Hồn Vũ Đế hiệu Ngài là Hà Thượng Công.*
- ▶ **Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thần biến:** *Từ một thân, Ngài biến hóa ra hằng vạn thân một cách mầu nhiệm.*

Tử khí đông lai, quảng truyền Đạo Đức.

紫氣東來, 廣傳道德.

- ▣ **Tử khí** 紫氣: *Một luồng khí màu tía, biểu hiện cho điềm lành, còn gọi là thoại khí hay thụy khí.*

Do hơi của mây nên hiện ra nhiều loại màu sắc, sắc tía là một màu tươi tốt, ứng hiện ra điềm lành, nên khi có đám mây lành bay qua, được gọi là tường vân, tức là mây lành, tượng cho điềm tốt.

- ▣ **Đông lai** 東來: *Từ hướng đông đến.*
- ▣ **Quảng truyền** 廣傳: *Truyền ra rộng khắp.*
- ▣ **Đạo Đức** 道德: *Là quyển Đạo Đức Kinh của Lão Tử.*

Theo “Lão Quân nội truyện” của Doãn Hỷ thì Lão Tử đi về xứ Tây Tạng, khi đến ải Hàm Cốc, gặp Doãn Hỷ, Ngài lưu lại ở đây để viết quyển Đạo Đức Kinh đưa cho ông rồi mới đi về phía tây Trung Quốc. Quyển Đạo Đức Kinh này, nội dung gồm 81 chương, chia làm hai thiên, hơn năm ngàn chữ viết, là một tác phẩm triết học siêu hình luận về Đạo và Đức.

- ▣ **Tử Khí đông lai** 紫氣東來: *Một luồng khí màu tía từ hướng đông bay đến, tức là từ Lạc Dương Thành đến Hàm Cốc quan.*

Đức Lão Tử trước khi đến một nơi nào, Ngài thường ứng hiện ra những điềm báo trước, nên vầng mây màu tía là điềm báo hiệu Ngài sẽ đến.

- ▣ **Quảng truyền Đạo Đức** 廣傳道德: *Truyền bá quyển Đạo Đức Kinh rộng khắp.*
- ▣ **Tử khí đông lai, quảng truyền Đạo Đức**: *Một vầng mây màu tía từ hướng đông bay đến và truyền bá Đạo Đức Kinh rộng khắp.*

Trước khi Lão Tử đến ải Hàm Cốc, quan lệnh Doãn, tên Hỷ xem Thiên văn thấy vầng mây màu tía từ hướng đông bay đến, ông biết sẽ có vị Thánh Nhân đến ải, bèn sửa áo mũ ra thành nghinh tiếp. Đức Lão Tử cởi con thanh ngưu bay đến, Doãn Hỷ tiếp rước vào ải, xin thọ giáo học Đạo. Trước khi tiếp tục đi độ miền tây vực, Ngài có để lại cho Doãn Hỷ một bộ sách, gọi là “Đạo Đức Kinh”.

Trong Đạo Đức kinh, Lão Tử đem cái thuyết vô vi (không làm) ra dạy đời, nhưng “không làm” không có nghĩa là chẳng làm chút nào. Câu: “Vi chi ư vị hữu, trị nhi ư vị loạn 為之於未有, 治而於未亂”, nghĩa là “làm lúc việc chưa xảy ra, trị lúc nước nước chưa có loạn” của Lão Tử đã chứng thực điều đó. Như vậy, Ngài chủ trương vô vi thanh tĩnh. Ngài cho tính nước là cái nên theo, nó gần như Đạo: “Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ ư đạo 水善利萬物而不爭, 處眾人之所惡, 故幾於道” (Nước thì hay làm lợi cho vạn vật mà không tranh. Ở chỗ mà người người đều ghét, nên gần với Đạo).

Lưu sa tây độ, Pháp hóa tướng tông.

流沙西度, 法化相宗.

- **Lưu sa** 流沙: Những dòng cát chảy. Sa mạc. Phía Tây vực của Trung Quốc có những dãy sa mạc lớn, nơi đó thường xuyên có gió thổi mạnh, cuốn cát chảy thành dòng, nên vùng này được gọi là Lưu sa.
- **Tây độ** 西度: Cứu độ những người nơi phía Tây.
- **Lưu sa tây độ** 流沙西度: Cứu giúp người đời ở vùng sa mạc phía tây vực của Trung Quốc.

Như trên ta đã biết, Đức Lão Tử từ biệt ái Hàm Cốc, Ngài rời trâu qua các vùng sa mạc phía Tây. Đến miền Tây vực, Ngài đem đạo Vô vi tế độ cho chúng sanh nơi ấy để dìu dẫn chúng sanh vào con đường đạo đức. Theo hai Ngài Đâu Sư, trong giai đoạn phổ độ nơi vùng lưu sa này, Lão Tử đã độ được vị Huyền Nguyên đắc thành Tiên vị.

- **Pháp hóa** 法化: Giáo pháp biến hóa ra.
- **Tướng tông** 相宗: Thể tướng của một Tông giáo (hay tôn giáo).
- **Pháp hóa tướng tông** 法化相宗: Giáo pháp hóa sinh ra thể tướng của một Tôn giáo (Đạo Giáo).

Thực vậy, Đạo giáo trước tiên chỉ là một nền triết lý (Giáo pháp) vô vi, hay nói cách khác, là một triết lý ưa thích cái tự nhiên của Trời đất do Đức Lão Tử chủ xướng trong Đạo Đức Kinh. Về sau, thuyết vô vi của Ngài ảnh hưởng rất lớn ở Trung Hoa, các triết gia kế thừa có ông Liệt Tử đã dựa theo triết lý cao siêu của Ngài mà viết nên quyển Xung Hư Chơn Kinh. Và nhất là Trang Tử, là một nhà hùng biện, đem giáo thuyết vô vi của Ngài ra xiển dương trong quyển Nam Hoa Kinh.

Trong giai đoạn này Đạo giáo vẫn còn là triết lý, đến đời Hán, nhờ ông Trương Thiên Sư, Đạo giáo mới bắt đầu truyền bá rộng rãi trong nhơn gian. Đến đời Tấn, triết lý của các Đạo gia mới được ông Nguyễn Bá Dương chỉnh đốn lại hẳn hoi thành hệ thống một tôn giáo. Đạo giáo mới thực sự là một tôn giáo kể từ đó.

- **Lưu sa tây độ, Pháp hóa tướng tông** 流沙西度, 法化相宗: Lão Tử sang miền sa mạc phía tây độ

người đời, đến ải Hàm Cốc truyền Kinh Đạo Đức để làm thể tướng cho nền Đạo Giáo.

Khi Đức Lão Tử đến ải Hàm Cốc ban cho Doãn Hỷ quyển Đạo Đức Kinh, rồi Ngài từ giả, tiếp tục ra đi để độ những người ở phía tây vùng sa mạc Trung Quốc. Doãn Hỷ ở lại tu học theo quyển Đạo Đức Kinh và sau được đắc Đạo. Còn quyển Đạo Đức Kinh được truyền bá sâu rộng, lúc đầu chỉ được coi như một triết lý, về sau Trang Tử tập đại thành những tư tưởng trong Đạo Đức Kinh mà dựng nên một học thuyết trong Nam Hoa Kinh.

Đến đời Đường, vua nhìn là thủy tổ và truy phong cho Lão Tử là Huyền Nguơn Huynh Đế, về sau có lập đền thờ Ngài trong cung. Từ đó, mỗi Đạo của Ngài được gọi là Đạo Giáo (Gọi theo chữ Đạo trong Đạo Đức Kinh), và bắt đầu truyền bá khắp trong nước.

- ▶ **Lưu sa tây độ, Pháp hóa tướng tông:** Lão Tử sang miền sa mạc phía tây độ người đời, đến ải Hàm Cốc truyền Kinh Đạo Đức để làm thể tướng cho nền Đạo Giáo.

Sản Tắt Viên, Phương Sóc chi bối, 產漆園, 方朔之輩, Đơn tích vi mang 丹跡微茫.

- **Sản 產:** Sanh ra.
- **Bối 輩:** Bọn
- **Tắt viên 漆園:** Vườn cây tắt, tức là cây sơn, một loại cây dùng nhựa làm sơn mài. Tắt Viên ở đây là hiệu của Trang Tử hay Trang Chu (Châu), vì Ông được bổ làm một chức quan nhỏ là Tắt viên lại, thuộc nước Tống.
- **Trang Tử 莊子,** tên là Chu hay Châu 周, Tự là Tử

Hữu, người nước Tống, sanh khoảng 369 trước Tây lịch, đời vua Châu Liệt Vương, Ông mất khoảng 286 trước Tây lịch, thường giao du với Huệ Tử. Ông là người chịu ảnh hưởng tư tưởng của Lão Tử và Dương Tử, nên có đời sống thanh bạch, ghét danh lợi, chủ trương trở về với tự nhiên.

Trang Tử có một tư tưởng rất lãng mạn, lại là người không màng thế tục, không ham sống cũng chẳng sợ chết, coi cuộc đời như một giấc mộng lớn, chết đi là tỉnh giấc mộng. Ông có soạn ra bộ Nam Hoa Kinh 南華經.

Triết lý của Lão và Trang có ảnh hưởng rất lớn đối với văn gia, tư tưởng gia sau này. Có thể nói các nhà Nho lỗi lạc như Đào Uyên Minh, Lý Bạch ở Trung Hoa, Nguyễn Bỉnh Khiêm và Nguyễn Khuyên ở Việt Nam là những người tiêm nhiễm vào tâm hồn về thú say sưa bên chén rượu cuộc cờ, hay cảnh hưởng nhàn của phong, hoa, tuyết, nguyệt.

Bộ Nam Hoa Kinh của Trang Tử hiện thời còn 33 thiên, chia làm ba phần: Nội thiên 內篇, Ngoại thiên 外篇, và Tạp thiên 雜篇, gồm những điểm sau đây:

- Cho rằng Vũ trụ luôn luôn tiến hoá.
- Vạn vật đều ngang nhau, không có lớn nhỏ, không có tốt xấu, không có sang hèn, không có phải quấy, vì chúng thay là tương đối cả.
- Sống phải tự do, bình đẳng, trong cá nhân, và vô vi một cách tuyệt đối.

Những tư tưởng này đã ảnh hưởng nhiều đến phái Trúc Lâm Thất Hiền như Kê Khang, Nguyễn Tịch...

thời Lục Triều, hay Lý Bạch đời Đường.

- **Phương Sóc** 方朔: Túc là Đông Phương Sóc, người đời Hán Vũ Đế, tự Man Thiên, có tài khôi hài. Đời Vũ Đế giữ chức Kim Mã Môn Thị trung, thường lấy tài trào phúng, hoạt kê để chữa lỗi cho vua. Về sau, Ông có đi tu theo Đạo Tiên và đắc quả, được người đời gọi là Đông Phương Lão Tổ.

Trong Báo Ân Từ tại Tòa Thánh Tây Ninh, nơi chánh điện có tượng Đông Phương Sóc quì, hai tay nâng cái đĩa lên để rước lộc (bốn quả Đào Tiên) của Phật Mẫu.

Về lịch sử của Đông Phương Sóc không rõ ràng, chỉ được Sử ký Tư Mã Thiên nhắc đến trong chương “Hoạt Kê Liệt Truyện” như sau:

Thời Hán Vũ Đế, nước Tề có người họ Đông Phương, tên Sóc, tính ưa Kinh truyện cũ, đọc rộng tất cả các bách gia chư tử. Lúc mới đến Trường An, Sóc đến dinh Công Xa dâng thư, thư dài đến ba ngàn giản đọc (Thẻ tre có khắc chữ), nha Công Xa phải cho hai người khiêng mới xuể. Vua đọc thư của Sóc ở nội cung, mỗi khi dừng phải vạch đánh dấu. Đọc ròng rã hai tháng mới hết. Vua xuống chiếu bổ Sóc làm quan Lang, thường thường thừa trực ở nội đình. Vua vờ Sóc đến hầu chuyện luôn và chưa hề bao giờ không vui thích....

Lối sống của Đông Phương Sóc hơi ngông, nên có người hỏi ông:

- Người ta ai cũng cho là Tiên sinh cuồng.

Ông đáp:

- Những người như Sóc này, người ta gọi là kẻ trốn

đời, vào ở ẩn nơi Triều đường đấy. Người xưa thì lánh đời ở ẩn nơi hang sâu.

Có khi giữa tiệc, rượu đến lúc ngà say vui chén, ông vừa bò vừa hát rằng:

Không nước mà chìm, ôi thôi tục lụy!

Lánh đời lánh quách nơi “Kim Mã Môn”

Trong cung điện, ẩn thân toàn vẹn,

Lọ là cần hò hẹn hang sâu?

Bồng cao chẳng hẹn lác lau?...

- ▣ **Sản. Tất Viên, Phương Sóc chi bối** 產漆園, 方朔之輩: Ngài sản sinh ra những người như Trang Chu, Đông Phương Sóc. Đây có ý muốn nói Trang Tử và Đông Phương Sóc, tuy sinh sau nhưng đồng một nguồn triết lý vô vi như Ngài, và đem nền Đạo giáo xiển dương cho hậu thế.

- ▣ **Đan. 丹**: Hay Đan là sắc đỏ, thuốc. Thuốc Tiên thường gọi là Tiên đan, kim đan, linh đan. Đan được là một thứ thuốc được Đạo giáo sử dụng để luyện đan. Trong thuật ngoại đan đó là chì, thủy ngân, lưu huỳnh, phèn; trong thuật nội đan chỉ tinh, khí, thần. Kim đan hay linh đan còn là một từ trong phép luyện Đạo để chỉ sự hòa hợp âm dương mà sản sinh ra đan: Rỗng hổ giao nhau, gọi là đan (Long hổ tương giao vị chi viết đan).

Theo sách “Tính Mệnh Khuê Chi” nói về Kim đan hay linh đan như sau:

一顆金丹何赫赤

Nhất lỏa **Kim Đan** hà hích xích,

大似彈丸黃似橘

Đại tự Đan hoàn, huỳnh tự quất,

人人分上本圓明

Nhân nhân phân thượng bản viên minh,

夜夜靈光照神室

Dạ dạ Linh quang chiếu Thần thất.

Một hột Kim Đan sắc đỏ hồng,

To như viên đạn, vàng như quít.

Những kẻ có duyên thấy nó sáng,

Đêm đêm chiếu rạng Thượng Đan Điền.

Nguyên sơ có một điểm Tinh Kim còn nằm trong
khoáng, vì bị lửa bức bách, nên bay lên cung Kiền.
Dần dần thái thủ, dần dần tích tụ, để nấu, để nung,
luyện rồi lại luyện.

Cho đến khi khói tan, lửa tắt, khoáng tận, kim thuần.
Bấy giờ mới được một hạt Long Hồ Kim Đan, tròn
tròn, sáng rõ rõ, như sương như điện, không phải
sương mù, không phải khói, huy hoàng rực rỡ, chói lọi
Côn Lôn. Phóng ra thì khai thông Thiên Địa huyết,
thu lại thì ẩn tại Thúi Vi Cung (Thượng Đan Điền).
Đó là **Linh đan**.

Chú thích: Theo quyển Kinh của Nhị vị Đầu Sư
viết Tích 析: Phân tích. Nhưng hai Ngài giải nghĩa
rằng: Cái dấu linh đơn thiết là huyền diệu, mầu nhiệm.
Như vậy, phải chăng do đồng âm mà viết từ chữ Tích
跡: Dấu vết.

- **Vi mang** 微茫: Nhỏ cực điểm, mờ hồ không thể thấy
được. (Trong quyển của hai vị Đầu Sư viết mang 芒).
- **Đơn tích vi mang** 丹跡微茫: Dấu tích việc luyện
linh đan của Ngài rất sâu kín.
- ▶ **Sản Tất Viên, Phương Sóc chi bối, đơn tích vi
mang:** Ngài sản sinh ra những người như Trang Chu,

Đông Phương Sóc, dấu tích việc luyện linh đơn của Ngài rất sâu kín.

Khai Thiên địa, nhơn vật chi tiên 開天地, 人物之先.

- ◻ **Đạo kinh hạo kiếp** 道經浩劫.
- ◻ **Khai Thiên địa** 開天地: *Mở Trời đất, ý nói từ lúc Trời đất được hình thành.*
- ◻ **Nhơn vật** 人物: *Người và vật.*
- ◻ **Tiên** 先: *Trước.*
- ◻ **Khai Thiên địa nhơn vật chi tiên** 開天地人物之先: *Khi Trời đất được hình thành thì Đạo Ngài có trước con người và muôn vật.*

Thái Cực sinh Âm dương, âm dương mới phối hợp nhau sinh ra Đạo. Rồi Đạo mới biến hóa mà sinh ra Càn khôn Vũ trụ và con người. Như vậy Đạo có trước Trời đất và muôn vật. Từ đó, Đạo như dòng nước, cứ thế mà lưu hành mãi mãi, không biết bao nhiêu đời kiếp, không bao giờ ngừng nghỉ.

- ◻ **Đạo** 道: *Đạo pháp.*
- ◻ **Kinh** 經: *Trải qua.*
- ◻ **Hạo** 浩: *Lớn, đây có nghĩa là nhiều.*
- ◻ **Kiếp** 劫: *Sự thành hoại của Thế giới hay vạn vật xoay vần không ngừng nghỉ, mỗi Thế giới hay mỗi vật đều có thành 成, trụ 住, hoại 壞, không 空, bốn thời kỳ.*
Kiếp, tiếng Phạn gọi là Kiếp Ba (Kalpa), Hán dịch là trường thời hay thời phận, là đơn vị thời gian của Vũ trụ. Đơn vị thời gian ngắn nhất là Sát Na, đơn vị thời gian dài nhất Kiếp Ba. Kiếp gồm bốn thời kỳ : Thành kiếp, Trụ kiếp, Hoại kiếp và Không kiếp. *Kiếp còn là từng chặng một của vòng luân hồi con*

người, tức là một đời người. Phật giáo phân biệt ba loại kiếp: Tiểu kiếp, Trung kiếp, Đại kiếp. (Mỗi Tiểu kiếp: 16.000.000 năm).

- **Đạo kinh hạo kiếp** 道經浩劫: Đạo trải qua lâu đời nhiều kiếp. Thật vậy, Đạo có trước khi Trời đất và vạn vật được hóa sanh, đến nay trải qua không biết bao nhiêu đời kiếp.

Sở dĩ Đạo Trời đặng trường cửu, theo Lão Tử, bởi vì Đạo không sống cho riêng mình, mà sống vì vạn vật, cho nên Đạo mới trường sanh: “Thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sanh, cố năng trường sanh 天地所以能長且久者, 以其不自生, 故能長生”.

- ▶ **Khai Thiên địa nhưn vật chi tiên, Đạo kinh hạo kiếp:** Đạo của Ngài mở trước khi có trời đất, muôn vật, trải qua rất lâu đời, nhiều kiếp cũng như Trời đất vận hành, xoay chuyển không ngừng.

Càn khôn oát vận, nhật nguyệt chi quang,

乾坤斡運, 日月之光,

- **Càn khôn** 乾坤: Trời đất, chỉ Âm Dương.
Chú thích: Các quyển kinh Thiên Đạo và Thế Đạo bằng chữ Quốc ngữ của Hội Thánh in đều viết “Hoát vận”. Nhưng trong quyển Tứ Thời Giải Nghĩa của nhị vị Đầu Sư lại viết: “Oát vận 斡運”.
- **Oát** 斡: Xoay chuyển ra.
- **Vận** 運: Xoay vận.
- **Càn khôn oát vận** 乾坤斡運: Trời đất xoay chuyển vận hành không ngừng nghỉ.
Càn khôn là Trời đất, cũng có thể hiểu là Âm dương,

mà hễ Âm dương thì nguyên lý của nó phải xoay chuyển, vận hành để tác động đùn đẩy lẫn nhau mà biến hóa, có biến hóa mới thông, có thông mới có dài lâu: Dịch cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu 易窮則變, 變則通, 通則久.

- ◻ **Nhật nguyệt** 日月: Mặt trời và mặt trăng.
- ◻ **Quang** 光: Sáng, ánh sáng.
- ◻ **Càn khôn oát vận, Nhật nguyệt chi quang** 乾坤斡運, 日月之光: Trời đất xoay chuyển, vận hành không ngừng nghỉ, nên mới có ánh sáng của mặt Trời mặt trăng soi rọi (tức có âm dương).

Đạo của Ngài là do Trời đất, Âm dương xoay chuyển, vận hành, như mặt Trời tượng cho dương, mặt trăng tượng cho âm thay nhau chiếu sáng ngày đêm, không chỗ nào mà không tỏ rạng.

Đạo là Trời đất cứ xoay vần mãi mãi, hết xuân đến hạ, dứt thu qua đông, trăng tròn rồi khuyết, hết ngày tới đêm, ấy là sự biến dịch của âm dương, có biến dịch, âm dương mới có sinh hóa, có sinh hóa mới có Đạo. Đạo pháp mới lưu hành mãi không bao giờ dứt, đem ánh sáng soi tỏ rạng khắp nơi, tựa như nhật, nguyệt chiếu ngời vạn vật.

- ▶ **Càn khôn oát vận, nhật nguyệt chi quang:** Trời đất xoay chuyển vận hành không ngừng nghỉ, nên mới có ánh sáng của mặt Trời mặt trăng soi rọi (tức có âm dương).

Đạo pháp bao la, Cửu hoàng tỷ tổ.

道法包羅, 九皇鼻祖.

- ◻ **Đạo pháp bao la** 道法包羅: Đạo pháp rộng lớn vô hạn.

Đạo đối với Lão Tử không có hình thể, nhìn không rõ, nghe không tiếng, nắm bắt không được, nhưng muôn vật phải nương nhờ vào Đạo mà sinh. Đạo là mẹ của muôn vật. Vì thế, cái Đạo ấy to lớn, rộng rãi, có thể lan tràn sang bên trái, sang bên mặt. Muôn vật phải nhờ cậy ở nơi đó sinh ra, mà Đạo không chối từ (Đại Đạo phiếm hê, kỳ khả tả hữu, vạn vật thị chi nhi sinh, nhi bất từ 大道汎兮, 其可左右, 萬物恃之而生, 而不辭).

Trang Tử thì cho rằng: “Đạo cũng lớn vô cùng, nhỏ không sót, cho nên muôn vật đầy đủ. Đạo rộng thay! Không cái gì là không chứa được, Đạo sâu thay! Không thể nào lường được” (Phù Đạo, ư đại bất chung, ư tiểu bất di. Cố vạn vật bị quảng. Quảng hồ kỳ vô bất dung dã, uyên hồ kỳ bất khả trắc dã 夫道, 於大不終, 於小不遺. 故萬物備廣. 廣乎其無不容也, 淵乎其不可測也).

- **Cửu Hoàng 九皇:** *Chín vị vua thời Thái cổ, có công khai hóa cho con người.*

Theo quyển “*Trung Quốc Đại Từ Điển*” của Vương Vân Ngũ, thì Cửu Hoàng là chín vị vua, từ vua Thần Nông trở về trước.

- **Tỷ Nối:** *Mũi, trước hơn hết.*
- **Tỷ tổ 鼻祖:** *Ông tổ đầu tiên sinh ra người.*

Theo sách Chánh Nghĩa thì con người bắt đầu tượng hình, cái mũi sinh ra trước hết, vì thế chữ tỷ 鼻 là mũi có nghĩa là đầu tiên hay trước hơn hết. Tỷ tổ do đó có nghĩa là Ông tổ đầu tiên hết.

- ▶ **Đạo pháp bao la, Cửu Hoàng tỷ tổ:** *Đạo pháp của Ngài rộng lớn bao la, chẳng khác nào tấm lưới giăng*

trùm từ trước chín vị vua trong thời Thái Cổ và vị tỷ tổ.

Đại thiên Thế giới, dương tụng từ ân,

大千世界, 揚頌慈恩,

- ◻ **Đại thiên Thế giới** 大千世界: Xem giải thích trong bài Kinh “Phật Giáo”, nơi câu “Qui Thế giới ư nhứt khí chi trung”.
- ◻ **Dương tụng** 揚頌: Ca ngợi, Xưng tụng.
- ◻ **Từ ân** 慈恩: Ôn lành.

Đại thiên Thế giới dương tụng từ ân 大千世界揚頌慈恩: Trong cõi Đại thiên Thế giới nơi nào cũng đều xưng tụng ôn lành của Ngài. Bởi Ngài là vị Xiển Giáo Thiên Tôn đã nhiều kiếp giáng trần dạy bày chúng sanh biết cách “chế phách luyện hồn”, “Chiết khảm điền ly”, để âm dương tương hiệp mà được phân bốn huần nguyên hầu trở về với Tiên thiên cứu vị.

- ▶ **Đại thiên Thế giới dương tụng từ ân:** Trong cõi Đại thiên Thế giới nơi nào cũng đều xưng tụng ôn lành của Ngài.

Vĩnh kiếp quần sanh, ngưỡng kỳ huệ đức.

永劫群生, 仰其惠德.

- ◻ **Vĩnh kiếp** 永劫: Vĩnh viễn kiếp đó, mãi mãi, đời đời.
- ◻ **Quần sanh** 群生: Tức là chúng sanh.
- ◻ **Ngưỡng** 仰: Ngửa mặt lên với sự tôn kính.
- ◻ **Huệ** 惠: Ân huệ.
- ◻ **Đức** 德: Công đức, đức độ.
- ◻ **Vĩnh kiếp quần sanh, ngưỡng kỳ huệ đức** 永劫群生仰其惠德: Chúng sanh mãi mãi ngưỡng nhờ

công đức của Ngài.

Đức Thái Thượng Đạo Quân do Tiên thiên khí hóa sanh, từ thời hồng mông cho đến nay, công đức Ngài phủ trùm các cõi giới, trong đó, có cõi Ta Bà Thế giới của chúng sanh. Đạo của Ngài chan rưới ân đức, không khác nào nắng hạn gặp mưa, cây khô được nước, chúng sanh nhờ đó noi theo mà giác ngộ, thoát cõi luân hồi, siêu phàm nhập Thánh.

- ▶ **Vĩnh kiếp quần sanh, ngưỡng kỳ huệ đức:** *Chúng sanh mãi mãi ngưỡng nhờ công đức của Ngài.*

Đại Thần Đại Thánh 大神大聖,
Chí cực chí tôn 至極至尊.

- ◻ **Đại Thần** 大神: *Bực Thần lớn.*
- ◻ **Đại Thánh** 大聖: *Bực Thánh lớn.*
- ◻ **Chí cực** 至極: *Cao tột cùng.*
- ◻ **Chí tôn** 至尊: *Được tôn kính hơn hết.*
- ◻ **Đại Thần Đại Thánh** 大神大聖: *Ngài là Bực Thần lớn, là Đấng Thánh lớn.*
- ◻ **Chí cực Chí tôn** 至極至尊: *Thật là Đấng cao tột và được tôn kính hơn hết.*

Thánh đức và công đức của Thái Thượng Đạo Quân rất cao dày đối với chúng sanh, nên Ngài được xưng tụng như là bậc Đại Thần, Đại Thánh, là Đấng cao tột và được tôn kính hơn hết.

- ▶ **Đại Thần Đại Thánh:** *Bực Thần lớn, Đấng Thánh lớn,*
- ▶ **Chí cực Chí tôn:** *Là Đấng cao tột và được tôn kính hơn hết.*

Tiên Thiên Chánh Nhất 先天正一,
Thái Thượng Đạo Quân 太上道君.

- **Tiên Thiên Chánh Nhất** 先天正一: Vào thời kỳ Tiên Thiên, Ngài là vị Đại Tiên, nghĩa là Ngài đứng vào ngôi thứ nhất trước khi có Trời đất. Hay nói cách khác, ngôi tiên thiên chánh nhất.
- **Thái Thượng Đạo Quân** 太上道君: Xem tiểu sử ở trên.
- ▶ **Tiên Thiên Chánh Nhất Thái Thượng Đạo Quân:** Ngài thật xứng đáng với tôn hiệu là ngôi Tiên Thiên Chánh nhất Thái Thượng Đạo Quân.

Chưởng giáo Thiên Tôn 掌教天尊

- **Chưởng giáo Thiên Tôn:** Ngài là Đấng Thiên Tôn cầm giềng mỗi Đạo Tiên.
- ▶ **Chưởng Giáo Thiên Tôn:** Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng Thiên Tôn cầm giềng mỗi Đạo Tiên.

IV GIẢI NGHĨA

TIÊN GIÁO

- ▶ **Tiên Thiên khí hóa, Thái Thượng Đạo Quân:** Tiên Thiên khí hóa sinh ra Đức Thái Thượng Đạo Quân.
- ▶ **Thánh bất khả tri, công bất khả nghị:** Thánh đức của Thái Thượng Đạo Quân cao cả, không ai có thể biết hết sự Thiêng liêng mầu nhiệm của Ngài. Và công đức của Ngài cao thâm rộng lớn, không ai có thể luận bàn cho hết được.
- ▶ **Vô vi cư Thái cực chi tiên:** Đạo Vô vi của Ngài đã có từ trước khi Trời đất chưa định (Thái cực).
- ▶ **Hữu thủ siêu quần chơn chi thượng:** Lúc Vũ trụ đã

hình thành, tức là thiên địa đã an ngôi rồi (Hữu thi), thì Ngài là Đấng cao ngôi hơn tất cả các bậc Chơn Thánh, Chơn Nhơn.

- ▶ **Đạo cao nhứt khí, diệu hóa Tam Thanh:** Đạo vốn sinh ra từ một khí rất cao siêu, huyền diệu rồi biến hóa ra Tam Thanh.
- ▶ **Đức hoán hư linh, pháp siêu quần Thánh:** Thánh đức của Ngài sáng rực khắp cõi hư linh.
- ▶ *Đạo pháp của Ngài vượt trội hơn các bậc Thánh.*
- ▶ **Nhị nguyệt thập ngũ, phân tánh giáng sanh:** Ngài chiết chơn linh giáng sinh vào ngày rằm tháng hai.
- ▶ **Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thần biến:** Từ một thân, Ngài biến hóa ra hằng vạn thân một cách mâu nhiệm.
- ▶ **Tử khí đông lai, quảng truyền Đạo Đức:** Một vầng mây màu tím từ hướng đông bay đến và truyền bá Đạo Đức Kinh rộng khắp.
- ▶ **Lưu sa tây độ, Pháp hóa tướng tông:** Lão Tử sang miền sa mạc phía tây độ người đời, đến ải Hàm Cốc truyền Kinh Đạo Đức để làm thể tướng cho nền Đạo Giáo.
- ▶ **Sản Tất Viên, Phương Sóc chi bối. Đơn tích duy mang:** Ngài sản sinh ra những người như Trang Chu, Đông Phương Sóc. Dấu tích việc luyện linh đơn của Ngài rất sâu kín.
- ▶ **Khai Thiên Địa nhưn vật chi tiên. Đạo kinh hạo kiếp:** Đạo của Ngài mở trước khi có trời đất, muôn vật, trải qua rất lâu đời, nhiều kiếp cũng như Trời đất vận hành, xoay chuyển không ngừng.
- ▶ **Càn khôn oát vạn. Nhựt nguyệt chi quang:** Trời

đất xoay chuyển vận hành không ngừng nghỉ nên mới có ánh sáng của mặt Trời mặt trăng soi rọi (tức có âm dương).

- ▶ **Đạo pháp bao la, Cửu hoàng tử tổ:** *Đạo pháp của Ngài rộng lớn bao la, chẳng khác nào tấm lưới giăng trùm từ trước chín vị vua trong thời Thái Cổ và vị tỷ tổ.*
- ▶ **Đại Thiên Thế giới, dương tụng từ ân:** *Trong cõi Đại thiên Thế giới nơi nào cũng đều xưng tụng ơn lành của Ngài.*
- ▶ **Vĩnh kiếp quần sanh, ngưỡng kỳ huệ đức:** Chúng sanh mãi mãi ngưỡng nhờ công đức của Ngài.
- ▶ **Đại Thần Đại Thánh, chí cực chí tôn:** Bực Thần lớn, Đấng Thánh lớn, Là Đấng cao tột và được tôn kính hơn hết.
- ▶ **Tiên Thiên chánh nhất. Thái Thượng Đạo Quân:** Ngài thật xứng đáng với tôn hiệu là ngôi Tiên Thiên Chánh nhất Thái Thượng Đạo Quân.
- ▶ **Chưởng Giáo Thiên Tôn:** *Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng Thiên Tôn cầm giềng mối Đạo Tiên.*

THIÊN THỨ SÁU

NHO GIÁO

- I. KINH VĂN
- II. VIẾT RA HÁN TỰ
- III. CHÚ THÍCH
- IV. GIẢI NGHĨA

I. KINH VĂN

NHO GIÁO

Khổng Thánh chí tâm qui mạng lễ

Quế Hương nội điện,

Văn. Thi *thượng cung.*

Cửu thập ngũ hồi

Chưởng thiện quả ư thi thơ chi phổ,

Bá thiên vạn hóa

Bồi quế thọ, ư âm chất chi điền.

Tự lô trử bính, linh ư phụng lãnh.

Chí như ý từ, tường ư ngao trụ.

Khai nhơn tâm tất bốn, ư đốc thân chi hiếu.

Thọ quốc mạch tất tiên, ư trí chúa chi trung.

Ứng mộng bảo sanh, thùi từ mẫn khổ,

Đại Nhơn, Đại Hiếu, Đại Thánh, Đại Từ

Thân văn, Thánh võ, Hiếu Đức Trung Nhơn

Vương Tân sách phụ,

Nho Tông khai hóa,

Văn. Tuyên. Tư Lộc

Hoảng nhơn Đế Quân

Trùng chơn chánh quang.

Bửu Quang từ tế Thiên Tôn.

*Niệm: “Nam Mô Không Thánh Tiên Sư Hưng Nho
Thạnh Thế Thiên Tôn”.*

II. VIẾT RA HÁN TỰ

儒教

孔聖志心皈命禮
桂香內殿,
文始上宮.
九十五回,
種善果於詩書之圃.
百千萬化,
培桂樹於陰鷺之田.
字雷貯炳,靈於鳳嶺.
至如意慈,祥於鰲柱.
開人心必本於篤身之孝.
壽國脈必先於致主之忠.
應夢保生,
垂慈憫苦.
大仁大孝,
大聖大慈.
神文聖武,
孝德忠仁.
王賓策輔,
儒宗開化,
文宣司祿,
弘仁帝君,

澄真正光,
寶光慈濟天尊.

念:“南無孔聖先師興儒盛世天尊”

III. CHÚ THÍCH

Quế Hương nội điện 桂香內殿,
Văn Thị thượng cung 文始上宮.

- **Quế Hương** 桂香: Mùi thơm của cây quế.
Quế là loại cây có vỏ ngoài rất thơm, ngọt và cay có thể dùng làm vị thuốc, như quế chi (Cành cây quế), quế khâu (Vỏ cây quế).
Tương truyền rằng trên cung trăng có cây quế, nên gọi mặt trăng là Quế cung 桂宮, hay quế luân 桂輪. Vì vậy, ở thời khoa cử, ai thi được khoa thi thì được gọi là Thiêm cung chiết quế 蟾宮折桂: Bẻ cành quế trên cung trăng.
Sân Quế còn dùng để chỉ những gia đình có con mà hiển đạt như câu Yên Sơn Ngũ Quế, do tích Đậu Võ Quân đời Ngũ Đại, tỉnh Yên Sơn, là người có tánh ngay thẳng, lại hay làm phước, nên trời cho hiển đạt. Năm người con của ông học giỏi, cả năm đều đậu cao và làm quan to trong triều, được danh tiếng là Yên Sơn Ngũ Quế 燕山五桂.
- **Nội điện** 內殿: Bên trong điện.
- **Quế Hương nội điện** 桂香內殿: Bên trong đền Quế Hương, mùi thơm quế bát ngát. Đây là một Điện ở cõi Thiêng liêng, nơi ngự của Đức Khổng Thánh.
- **Văn Thị** 文始: Hay Văn Thủy là khởi đầu của văn chương, của nhơn nghĩa. Đây chỉ tên một Cung ở trên cõi Thiêng liêng.

- ◻ **Thượng cung** 上宮: Cung điện trên cao.
- ◻ **Văn Thi thượng cung** 文始上宮: Cung Văn Thi là nơi ngự của Đức Khổng Thánh.
- ▶ **Quế Hương nội điện:** Đức Khổng Phu Tử ở nơi điện Quế Hương.
- ▶ **Văn Thi thượng cung:** Trên cung Văn thi.

Cửu thập ngũ hồi, chủng thiện quả ư thi thơ chi phổ,
九十五回, 種善果於詩書之圃,

- ◻ **Cửu thập ngũ hồi** 九十五回: Chín mươi lăm lần lên xuống cõi trần, tức là nhiều lần giáng sinh xuống trần.

Đức Khổng Phu Tử vốn là sao Văn Xương ở nơi thượng giới, Ngài đã rất nhiều lần (chín mươi lăm lần) thác sinh xuống cõi trần để dạy dỗ nhơn sanh trong đường nhân nghĩa, đạo đức.

Trong kinh Xưng Tụng Phật Tiên Thánh Thần có câu :

*Đạo Nho truyền dạy nghĩa nhân,
Văn Tuyên Khổng Thánh khuyến dân răn đời.
Ghi các sách ngàn lời để lại,
Chép nhiều thơ vạn đại truyền ra.*

- ◻ **Chủng:** Hay chủng 種, nghĩa là trồng.
- ◻ **Thiện quả** 善果: Trái lành, tức là làm việc phước đức để được hưởng quả lành.

Nho giáo coi việc làm của con người như là trồng cây, sự trồng trọt vun quén là nhơn, cây đơm bông kết trái là quả. Hễ trồng cây có trái, mà càng vun phân tưới nước thì trái càng nhiều, càng tốt, tức là đã được hưởng thì càng tạo thêm nhơn nữa. Ngoài ra, nếu giống tốt thì trái ngon, còn việc làm

thiện lành thì quả báo phúc đức, tử như trồng gì thì ăn quả nảy như lời răn đời của Tể Điền Hòa Thượng: Trồng dưa thì được dưa, trồng đậu thì được đậu (Chường hoa hoàn đắc hoa, chường đậu hoàn đắc đậu 種瓜還得瓜, 種豆還得豆).

- 𠄎於: Nơi, ở.
- **Thi thư** 詩書: Hay thi thư, là hai thể loại trong văn chương: Văn và thơ. Đây ý chỉ là văn chương.
- **Phổ** 圃: Vườn cây.
- **Chường thiện quả ư thi thư chi phổ** 種善果於詩書之圃: Ngài trồng cây có trái lành trên mảnh vườn văn thơ, hay kinh điển để lưu truyền giống tốt cho muôn đời sau được hưởng dùng.

Mục đích của văn chương đối với Nho giáo là “*Văn dĩ tải đạo*” (文以載道 lấy văn chở Đạo). Vì thế, tất cả các sách của Thánh hiền xưa ra đời không ngoài việc giáo hóa con người.

Khổng Tử từ nhỏ có tính rất thông minh và nhơn hậu, hết lòng lo việc cứu đời trong thời kỳ đạo đức suy đồi, nên Ngài mới đem cái đạo Thánh Hiền của đời trước, phát huy thêm để viết lại thành những kinh sách dạy đời mà lưu truyền mãi về sau cho các dân tộc Á đông. Vì thế, trong Luận Ngữ mới có viết như sau : Thiên hạ không Đạo đã lâu rồi, Trời cho Khổng Tử ra làm cái mỗ khuya để cảnh tỉnh nhơn tâm. (Thiên hạ chi vô đạo giả cửu hỹ, Thiên tương dĩ Khổng Tử vi mỗ đạc 天下之無道者久矣, 天將以孔子為木鐸).

Mỗi chữ viết, mỗi lời nói của Ngài, đời đời người ta lấy làm khuôn vàng thước ngọc để mà noi theo.

Thí dụ như quyển Kinh “*Xuân Thu*” của Ngài, chỉ là quyển sử ghi chép lại chuyện nước Lỗ, từ Lỗ Ẩn Công đến Lỗ Ai Công, thế mà trong ấy, Ngài cũng lấy luân lý ra để dạy đời, nên trong kinh *Xuân Thu* một chữ chê của Ngài có thể mang tiếng xấu muôn đời, một lời khen mà thành danh thơm muôn thủa. Người đời sau nói về kinh *Xuân Thu* như sau: “*Một chữ khen, thì vinh hơn cái áo cổn hoa của vua ban cho, một chữ chê thì nhục hơn phải tội rìu búa*” (Nhất tự chi bao, vinh ư hoa cổn, nhất tự chi biếm, nhục ư phủ việt 一字之褒, 榮如華袞, 一字之貶, 辱於斧鉞).

- ▶ **Cửu thập ngũ hồi, chương thiện quả ư thi thơ chi phổ:** *Đức Khổng Thánh đã chín mươi lăm lần đầu thai xuống cõi trần mà lần nào Ngài cũng gieo trái lành nơi vườn thi thơ.*

Bá thiên vạn hóa, bồi quế thụ ư âm chất chi điền.

百千萬化, 培桂樹於陰鷲之田.

- ◻ **Bá thiên vạn** 百千萬: Trăm, ngàn, muôn (tức là mười ngàn). Đây có ý chỉ vô số, tức là số nhiều.
- ◻ **Hóa** 化: Biến đổi, biến hóa.
- ◻ **Bá thiên vạn hóa** 百千萬化: Trăm ngàn muôn lần biến hóa, nghĩa là rất nhiều lần biến hóa. Đức Khổng Thánh đã trăm ngàn muôn lần hóa thân xuống trần để dạy dỗ nhơn sanh về đường nhơn nghĩa.
- ◻ **Bồi** 培: Vun xới gốc để cây tốt, vun bồi, bồi đắp.
- ◻ **Quế thụ** 桂樹: Hay quế thụ là cây quế.
- ◻ **Âm chất** 陰鷲: Hay âm đức là những hành vi tốt đẹp do ta làm tuy người thế gian không rõ, nhưng

Thần, Thánh đều biết rõ.

Cái kết quả việc làm hằng ngày thường có lợi trước mắt, nhưng không được bền lâu; còn việc làm âm chất thì không thấy được, nhưng còn hoài chẳng mất. Bởi thế, Thánh Hiền thường khuyên ta nên tích âm đức lại cho con cháu. Tư Mã Ôn có nói rằng : Tích trữ vàng bạc để lại cho con cháu thì chắc gì con cháu giữ bền, chứa sách vở để lại cho con cháu thì con cháu chắc gì đọc, sao bằng tích cái **Âm chất** không ai thấy để mà làm kế lâu dài cho con cháu (Tích kim dĩ di tử tôn, tử tôn vị tất nan thủ, tích thư dĩ di tử tôn, tử tôn vị tất nan đọc, bất như tích âm đức ư minh minh chi trung, dĩ di tử tôn trường cửu chi kế 積金以遺子孫, 子孫未必能守, 積書以遺子孫, 子孫未必能讀, 不如積陰德, 於冥冥之中, 以爲子孫長久之計).

Nói về âm chất, Đức Hộ Pháp cũng có dạy : “Chỉ có chứa đức là con nó hưởng được mà thôi. Nếu không ở vào Đạo thì không bao giờ tạo đức được, nên ngày nay Đức Chí Tôn đến lập Đạo để cho các người lập đức nơi cửa Đạo Cao Đài này đó vậy”.

Thánh thi cũng có bài:

Thiện ác đáo đầu đã thấy chưa?

Hiểu rồi cái ác cũng nên chừa.

Theo làm Âm chất may bồi đắp,

Thì sẽ trở về chỗ vị xưa.

- **Diễn** 田: Ruộng, đây chỉ cái tâm của con người.

Tâm được ví như ruộng, nếu ruộng không cày bừa, dọn cỏ thì trở thành ruộng hoang, cây cỏ um tùm; còn tâm cũng vậy, không trau giồi sẽ trở nên tầm

tối, đảo điên. Vì vậy, hằng ngày phải rèn luyện cho tâm trong sáng thì đạo tâm mới càng ngày càng phát triển thêm.

- ▣ **Âm chất chi điền** 陰鷲之田: Là mảnh ruộng âm chất. Người ta thường ví việc làm công quả để tạo âm chất như mảnh ruộng phì nhiêu, bởi vì ruộng đất càng màu mỡ thì hoa màu càng tươi tốt, càng sinh sôi bông trái; còn con người có nhiều âm chất thì tự thân và con cháu an vui và được hưởng nhiều phước đức. Nếu tâm chẳng giỏi mài thì tỷ như ruộng đất bị bỏ hoang, cỏ cây sẽ mọc um tùm. Mạnh Tử có bảo Cao Tử rằng: “*Đường mòn ở trên núi được người ta đi lại luôn, thì thành ngay đường lớn, bỗng chốc không được dùng để qua lại nữa, thì bị cỏ tranh mọc lấp ngay. Nay cỏ tranh mọc lấp lòng anh rồi đấy*” (Sơn kính chi khê gian, giới nhiên dụng chi nhi thành lộ; vi nhân bất dụng, tắc mao tắc chi hỹ. Kim mao tắc Tử chi tâm hỹ 山徑之蹊間, 介然用之而成路; 為閒不用, 則茅塞之矣. 今茅塞子之心矣).

Trong câu trên, ý Mạnh Tử muốn dạy, lòng đạo lý của con người không thể gián đoạn một phút giây nào được.

- ▣ **Bá thiên vạn hóa, bồi quế thọ ư âm chất chi điền** 百千萬化, 培桂樹於陰鷲之田: Ngài đã hóa thân hàng trăm ngàn lần mà lần nào Ngài cũng vun bồi gốc quế, gieo trồng âm chất nơi tâm điền để con cháu đời đời kiếp kiếp được hưởng phúc đức. Qua sử liệu, chúng ta thấy rằng riêng chỉ trong kiếp Khổng Phu Tử, Ngài đã bôn ba hơn nửa cuộc đời chu du khắp các nước cũng vì mong muốn đem cái

đạo lý Thánh hiền ra để dạy nhơn nghĩa cho đời. Nửa cuộc đời còn lại, Ngài đem hết tâm huyết ra để dạy dỗ các học trò mình, và san định lại nhiều kinh sách, hầu có thể thay thế Ngài, truyền bá cái Đạo Nho cho người đời sau học hỏi.

- ▶ **Bá thiên vạn hóa, bồi quế thọ ư âm chất chi điền:**
Ngài đã hóa thân hàng trăm ngàn lần mà lần nào Ngài cũng vun bồi cây quế nơi ruộng âm chất.

Tự lôi trữ bính, linh ư phụng lãnh

字雷貯炳, 靈於鳳嶺.

- **Tự** 字: Chữ viết.

Chú thích: Bản kinh bằng chữ Hán của Nhị vị Đầu Sư viết Tự 自: kể từ; Trữ 杼: Cái thoi trong khung cửi. Phân giải nghĩa xuôi hai Ngài viết: “Ông Thương Hiệt, người có đức thông minh duệ trí, trên thì xem tượng sao, dưới thì xét soi dấu chơn chim, chế ra văn tự. Khi văn tự thành rồi thì “Thiên vũ túc, quĩ dạ khốc” (Trời mưa lúa, quĩ khóc đêm). Căn cứ theo nghĩa trên đây thì các chữ Tự và Trữ phải viết như sau: Tự 字: Chữ viết, Trữ 貯: chứa.

- **Lôi** 雷: Sấm sét.
- **Trữ** 貯: Chứa.
- **Bính** 炳: Sáng rực rỡ.
- **Tự lôi trữ bính** 字雷貯炳: Chữ viết vừa được chế ra thì sấm sét nổ vang. Bởi vì việc sáng chế ra chữ viết là một việc làm vĩ đại, đánh dấu một giai đoạn quan trọng của loài người vì từ đó con người được mở mang, trí tuệ được khai hóa, khiến cho con người hiểu được luân thường đạo lý, chẳng khác nào Trời gâp ra mưa giông và nổi cơn sấm sét làm

tỉnh thức con người.

Hứa Thận đời Hậu Hán có cho biết lai lịch văn tự Trung Hoa như sau : Đời xưa họ Bao Hy cai trị thiên hạ, ngừng xem hình tượng trên Trời, cúi xem phép tắc dưới đất, trông dáng vẻ loài cầm thú cùng trạng thái đất đai, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở muôn vật, bắt đầu sáng tác ra Dịch Bát quái để truyền lại các hiện tượng về sau. Đến Thần Nông thắt nút dây cai trị thiên hạ, thống hợp mọi sự. Sử quan Hoàng Đế là Ông Thương Hiệt nhìn vết chân chim muông chạy nhảy mà biết rằng văn lý có thể phân biệt nhau, mới sáng tạo ra chữ viết. Thương Hiệt chế ra chữ viết căn cứ vào loại, mô tả ra hình, nên gọi là Văn. Về sau, hình thanh bổ túc cho nhau, nên gọi là Tự.

Tương truyền rằng khi văn tự được hình thành rồi thì Trời gâ mưa giông và nổi cơn sấm sét. Bởi vì nhờ Thánh Hiền chế ra chữ viết mới có Kinh sách ra đời để truyền đạt những giáo lý của Thánh nhân từ đời này qua đời khác.

- ▣ **Linh** 靈: Linh thiêng.
- ▣ **Phụng**: Hay Phượng 鳳: là một loài chim trống, Hoàng 凰: là chim mái. Giống chim này là một trong bốn vật linh (Tứ linh): Long 龍, Lân 麟, Qui 龜, Phụng 鳳.

Chim phụng hoàng là một loại chim linh, ưa thích âm nhạc, có lông ngũ sắc. Trong kinh Thư, thiên Ích Tắc 益稷 có nói : Khi nhạc tiêu thiếu tấu đến khúc thứ chín, thì chim phượng hoàng đến múa, có vẻ uy nghi (Tiêu thiếu cửu thành, phụng hoàng lai nghi 簫韶九成, 鳳凰來儀).

Sách xưa cho rằng loại chim này tượng trưng cho hòa bình, cho điềm lành nên khi giống chim này xuất hiện thường báo hiệu một minh quân, thánh chúa hoặc là vĩ nhân xuất thế như câu “*Phụng gáy non Kỳ*” là có ý nói chim phụng gáy ở núi Kỳ Sơn tại xứ Tây Kỳ, là điềm báo cho biết cuối đời Ân Trụ có Thánh chúa là Văn Vương, Võ Vương ra đời diệt Trụ và dựng nghiệp nhà Châu, đem lại thái bình cho thiên hạ.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có bài thi nói về chim phụng như sau :

*Phụng gáy non Nam, Đạo trở mời,
Trở mời nhân vật bốn phương trời.
Trời Âu biển Á chờ thay sắc,
Sắc trắng mây lành phủ khắp nơi.*

- **Phụng lãnh** 鳳嶺: Chim phụng trên đỉnh núi.
- **Linh ư phụng lãnh** 靈於鳳嶺: Linh thiêng hơn núi có chim phụng, tức là linh thiêng hơn việc chim phụng gáy ở đâu non báo hiệu Thánh Chúa ra đời.
- **Tự lôi trữ bính, linh ư phụng lãnh** 字雷貯炳, 靈於鳳嶺: Khi văn tự được chế ra thì Trời có điềm sấm sét chớp giáng, chữ viết tự như ánh lửa soi sáng cho tâm linh con người. Nhờ thế, Đức Khổng Phu Tử mới có thể lấy văn tự để ghi những lời dạy của bậc Thánh nhân xưa mà truyền lại cho con người. Kinh sách mới ra đời, đạo lý mới có phương tiện truyền đạt rộng khắp. Như vậy, sự xuất hiện của văn tự thì linh thiêng hơn chim phụng gáy ở núi Kỳ Sơn, nghĩa là chữ viết ra đời thì thiêng liêng hơn có các vị chúa Thánh ra đời để dạy và trị dân.

Điều này dễ hiểu, bởi vì dù có chúa Thánh ra đời để trị nước, an dân, nhưng chưa có chữ viết thì dân cũng chưa khai hóa. Đến khi có Thánh hơn chế ra văn tự rồi mới có thể truyền bá kinh sách để dạy đời được. Bởi vậy câu kinh cho rằng sự ra đời của văn tự thì linh thiêng hơn đời có chúa Thánh.

- ▶ **Tự loi trử bính, linh ư phụng lãnh:** *Khi văn tự được chế ra thì Trời có điềm sấm sét, chớp giông, chữ viết tự như ánh lửa soi sáng cho tâm linh con người, nên là một điềm thiêng liêng hơn đời có chúa Thánh (tức phụng gáy non Kỳ).*

Chí như ý từ, tường ư ngao trụ.

至如意慈, 祥於鰲柱.

- ◻ **Chí như** 至如: Đến như.
- ◻ **Ý** 意: Ý tưởng.
- ◻ **Từ** 慈: Lòng thương yêu.

Chú thích: Bản chữ Hán của nhị vị Đầu Sư viết Từ 儲 (Chữ này đọc là Trừ: là để dành, như trừ bị 儲備) và chữ Trụ 岫 (Chữ này đọc Tự: Hang núi). Về nghĩa thì hai Ngài giải: Từ là lòng hơn, Trụ là cây cột. Do đó dùng chữ 慈 và 柱 đúng hơn.

- ◻ **Tường** 祥: Tốt lành.
- ◻ **Ngao** 鰲: Con trạch, tức là một loại rùa lớn ở biển. Trong văn chương người ta thường dùng từ “Ngao đầu” để chỉ việc thi cử đỗ đầu khoa. Như câu:

*Ngao đầu trúng tuyển quý chân quý,
Nhạn tháp đề danh vinh cánh vinh.*

Nghĩa là: Trúng được đầu ngao thật là quý, Đề được tên trên tháp nhận thật là vinh.

- **Trụ 柱:** Cây cột.
- **Ngao trụ 鰲柱:** Đây là một từ ngữ dùng để chỉ cây cột trụ, hay núi rất cao. Theo “*Thần Di Kinh*”, một quyển sách thần thoại của ông Đông Phương Lão Tổ (tức Đông Phương Sóc) có viết lại nhiều cảnh ly kỳ.
 1. Từ thuở tạo thiên lập địa, nơi núi Côn Lôn có một cây cột đồng cao ngất, được gọi là thiên trụ, dùng để chống Trời. Vào thuở ấy, có một vị nữ thần là Cung Công Thị, sức mạnh phi thường, đã xô ngã cây thiên trụ làm cho sập hết một góc Trời. Em gái vua Phục Hy là bà Nữ Oa, luyện được năm thứ đá mà vá lại Trời, nên sách thường gọi “*Nữ Oa luyện thạch bổ thiên*”(女媧煉石補天).
 2. Từ lúc mới tạo thiên địa, tại Bắc Cù Lư Châu, có ngọn núi Ngao Trụ rất cao, chư Thần Tiên thường ở trên núi ấy. Núi này có điểm lạ kỳ là không chơn, nổi trên mặt biển và hay trôi theo con nước. Chư vị Thần Tiên e rằng núi linh ấy trôi đi nơi khác, nên tâu xin với Vua Trời giữ núi Ngao Trụ đứng yên ở một điểm cố định. Ngọc Đế mới sai mười lăm con Cự ngao đến đỡ núi ấy, kể từ đó núi mới vững và không còn trôi đi nữa.
- **Chí như ý tử, tường ư ngao trụ 至如意慈, 祥於鰲柱:** Đến như cái ý như tử, những tư tưởng lành, tốt đẹp của Đức Khổng Thánh đem ban cho thiên hạ để giáo hóa thế nhân cho họ biết bốn phận làm con, làm tôi, làm vua cứ một lòng ngay thẳng vững vàng như cây cột ngao chống trời.
- ▶ **Chí như ý tử, tường ư ngao trụ:** Đến như cái ý như tử, tốt đẹp của Đức Khổng Thánh cứ một lòng ngay thẳng vững vàng như cây cột ngao chống trời.

Khai nhơn tâm tất bản, ư đốc thân chi hiếu.

開人心必本, 於篤身之孝.

- **Khai** 開: Mở ra, bắt đầu.
- **Nhơn tâm** 人心: Cái tâm của con người. Đây chỉ cái chơn tâm, theo Nho thì gọi lương tâm. Chân tâm tức là tâm chân thật, tâm nảy vốn thanh tịnh, an nhiên tự tại, không bị phiền não, vọng tưởng, vọng thức chi phối, che mờ. Vì quên nó, chúng ta cố chấp nội tâm vọng tưởng là tâm mình, nên hằng ngày chúng ta chỉ sống với tâm sanh diệt, đối đãi phân biệt. Khi chúng ta dứt sạch hết phiền não, vọng tưởng rồi thì chân tâm Phật tánh sẽ được hiển lộ.
- **Tất bản** 必本: Hay tất bản: Ất là cái gốc, cái căn bản.
- **Đốc** 篤: Rất, lắm, dốc một lòng.
- **Hiếu** 孝: Thảo, hiếu thảo, một cách ăn ở có đạo lý của người con, người cháu đối với cha mẹ hay ông bà.
- **Khai nhơn tâm tất bản** 開人心必本: Khai hóa tâm con người là cái gốc của Nho giáo. Muốn khai hóa nhơn tâm, Đức Khổng Tử đặt nặng vấn đề dạy dỗ bằng cách trước nhứt lấy Thi, Thư mà dạy; rồi lấy Hiếu Đễ mà đạo dẫn người ta, lấy Nhân Nghĩa mà giảng dụ, lấy Lễ Nhạc mà khiến người ta xem xét; sau cùng lấy Văn lấy Đức mà làm cho nên người “Khổng Tử thi giáo dã, tiên chi dĩ Thi Thư, nhi đạo chi dĩ Hiếu Đễ, thuyết chi dĩ Nhân Nghĩa, quan chi dĩ Lễ Nhạc, nhiên hậu thành chi dĩ Văn Đức”.
 孔子之施教也, 先之以詩書, 而道之以孝悌, 說之以仁義, 觀之以禮樂, 然後成之以文德”.
- **Ư đốc thân chi hiếu** 於篤身之孝: Dốc một lòng

hiếu kính với cha mẹ:

Đạo của Khổng Tử chủ lấy sự dạy người ta cho có “*nhân*”, mà gốc đạo nhân là ái 愛 và kính 敬. Rồi Ngài lấy ái và kính làm cái nền của Hiếu Đễ. Do vậy, trong sự giáo hóa Khổng giáo lấy Hiếu Đễ là một nét quan trọng.

- ▶ **Khai nhơn tâm tất bổn, ư đốc thân chi hiếu:** *Khai hóa nhơn tâm là cái gốc của con người, đốc một lòng hiếu kính với cha mẹ.*

Theo Nho giáo, cái nhơn tâm, tức là tâm chưa bị nhiễm, là cái sáng suốt tự nhiên có sẵn trong con người, có thể gọi là minh đức, lương tri hay trực giác, tức là cái hiểu biết rất mẫn tiệp đến tinh thần và chân lý của sự vật. Hễ ta giữ được tâm hư tĩnh, thì vật dụng không thể che mờ mất cái sáng suốt tự nhiên, nên khi có vật gì cảm đến thì ứng ngay được và biết rõ mọi lẽ. Vì thế, Kinh Dịch có nói : “*Không nghĩ, không làm, im lặng không động, đến lúc cảm thì suốt được mọi lẽ trong thiên hạ.*” (Vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố 無思也, 無爲也, 寂然不動, 感而遂通, 天下之故).

Nếu con người vì cái tư tâm tư ý mà nghĩ việc lợi hại, hơn thiệt riêng thì cái trực giác sẽ mờ tối đi, khiến mình không sáng suốt trông thấy được chân lý của mọi việc trong thế gian. Vì vậy, Đức Khổng Thánh mới chủ trương khai mở cái tâm con người làm gốc.

Muốn khai tâm, Đức Khổng Tử lấy nét Hiếu Đễ để làm đầu trong mọi nét, Ngài nói trong Lễ Ký như sau : “Xây dựng lòng yêu thương khởi đầu từ cha

mẹ là dạy dân hoà mục. Xây dựng lòng kính trọng khởi đầu từ huynh trưởng là dạy dân kính thuận. Lấy từ mục mà dạy dân, thì dân biết quý có cha mẹ; lấy kính người huynh trưởng mà dạy dân thì dân biết quý sự theo mệnh lệnh người trên. Hiếu là để thờ cha mẹ; thuận là để vâng mệnh người trên, đem những điều ấy mà thi thố ra thiên hạ, thì không có điều gì mà không làm được (Lập ái tự thân thủy, giáo dân mục dã, lập kính tự trưởng thủy, giáo dân thuận dã. Giáo dĩ từ mục, nhi dân quý hữu thân, giáo dĩ kính trưởng, nhi dân quý dụng mệnh. Hiếu dĩ sự thân, thuận dĩ thính mệnh, thố chư thiên hạ vô sở bất hành 立愛自親始, 教民睦也, 立敬自長始, 教民順也. 教以慈睦, 而民貴有親, 教以敬長, 而民貴用命. 孝以事親, 順以聽命, 錯諸天下無所不行).

Thọ quốc mạch tất tiên, ư trí chúa chi trung.

壽國脈必先, 於致主之忠.

- **Thọ 壽:** Sống lâu, ở đây có nghĩa là bền vững.
- **Quốc mạch 國脈:** Gọi chung cả học thuật, chính trị, kinh tế, là tất cả những cái mà một quốc gia nhờ đó mà sống, cũng như người nhờ có huyết mạch mà sống được. Quốc mạch không thể hiểu là vận mệnh của một nước được. (Từ Điển Hán Việt, Đào Duy Anh).
- **Thọ quốc mạch 壽國脈:** Mạch sống của đất nước bền vững, lâu dài (Sống lâu).

Chú Thích: Trong quyển Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh của Bà Lâm Hương Thanh viết chữ Thọ 受 hay thụ là thọ lãnh, nhận lãnh. Với chữ này Thọ quốc mạch 受國脈: Thọ lãnh huyết mạch của nước tức

là thọ lãnh ơn vua lộc nước.

Xét thấy chữ Thọ 受: Nhận lãnh không đầy đủ nghĩa câu kinh hơn là dùng chữ Thọ 壽: Vững bền. Hơn nữa, hai Ngài Đầu Sư giải nghĩa câu kinh đó là : Còn vững bền cội nước, thì kẻ làm tôi như thần, hề phận làm tôi phải hết lòng trung trực, liễu mình cùng vua chúa... Do vậy, chúng tôi chọn chữ Thọ 壽 là vững bền theo hai Ngài Đầu sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt.

- **Tất tiên** 必先: Trước nhứt ắt phải.
- **Trí 致**: Rất, rất mực.
- **Chúa** 主: Còn đọc là Chủ. Chúa là người đứng đầu một nước, đồng nghĩa với vua.
- **Trung** 忠: Lòng trung thành. Một tôi con hết lòng đối với vua và nước gọi là trung.

Theo tư tưởng Nho giáo, trong một nước tất phải có một quyền tối cao để giữ kỷ cương cho cả đoàn thể. Cái quyền ấy, gọi là Quân quyền, quyền này phải được thống nhất giao cho một người gọi là Đế hay Vương, mà ta gọi là vua.

Vua thì phải có quan, là một người có tài đức chọn trong dân ra để giúp vua làm việc lợi ích chung cho cả nước. Một nước được trị hay loạn là nhờ vua và quan giỏi hay dở. Do vậy, Khổng giáo lấy cái nghĩa Quân Thần làm trọng.

Trong gia đình, con phải hiếu cha mẹ, còn trong một nước thì dân phải trung với quân. **Trung quân** không phải là trung với vị đế hoặc vương, mà phải hiếu nghĩa rộng ra là trung với cái quân quyền trong nước, miễn sao cái quân quyền ấy hợp với

lòng dân là được.

- **Thọ quốc mạch tất tiên, ử trí chúa chi trung** 壽國脈必先, 於致主之忠: Đối với quốc gia, muốn cho cội nước được vững bền phải biết bốn phận làm dân, làm tôi trong nước, nghĩa là phải trung thành với tổ quốc, liêu minh cùng quốc gia, không kể chi đến khổ nhục, hiểm nguy.

Theo Nho giáo, ở trong nhà thì con phải hiếu với cha mẹ, ở trong nước thì thần dân phải trung với nước. Có lòng trung ấy thì nhân dân mới yên ổn, đất nước mới thịnh trị.

- ▶ **Thọ quốc mạch tất tiên, ử trí chúa chi trung:** *Làm cho mạch sống của đất nước được bền lâu, vững chắc, trước nhất làm người dân phải biết trung với vua và nước.*

Ứng mộng bảo sanh 應夢保生,
Thùy từ mẫn khổ 垂慈憫苦.

- **Ứng mộng** 應夢: Cho thấy trong giấc mộng.
- **Bảo sanh** 保生: Bảo vệ sự sống, gìn giữ sự sống. Đức lớn của Trời đất là sự sinh. Người là một phần nhỏ của muôn vật, cho nên cũng phải theo lẽ Trời mà sinh hóa. Khổng giáo lấy sự sinh làm gốc cho hành vi thiện ác: Việc gì hợp với đức sinh là thiện, trái với đức sinh là ác. Như vậy, cái tông chỉ của Đạo Khổng là theo Thiên lý mà bồi bổ cho sự sinh của vạn vật, hay nói cách khác, là phải bảo sanh vạn vật.
- **Ứng mộng bảo sanh** 應夢保生: Các Đấng Thiêng liêng ứng cho điềm chiêm bao chỉ dạy cách bảo sanh nhơn loại.

Người làm vua có lòng nhơn từ, hết lòng thương

yêu dân chúng, tức là hợp với lòng Trời, thì sẽ được các Đấng ứng vào mộng để chỉ dạy cách bảo hộ sự sống cho nhơn sanh, còn Đức Khổng Phu Tử là người suốt đời có lòng thương dân, nên Ngài cũng mộng thấy Chu Công khuyên dạy đạo lý cứu khổ cho nhơn sanh.

- **Thùy từ** 垂慈: Rủ lòng thương.
- **Mẫn** 憫: Thương xót, lo lắng.
- **Thùy từ mẫn khổ** 垂慈憫苦: Rủ lòng thương xót những khổ cảnh của con người.

Đức Khổng Tử là một người rất nhân hậu, hề thấy ai đau đớn, buồn rầu, khổ sở thì Ngài động lòng thương xót. Chương Thuật Nhi có kể lại rằng : Đức Phu Tử mà ngồi ăn bên cạnh người có tang thì ăn không no. Ngày nào có đi phúng điếu về thì suốt cả ngày không đàn hát (Tử thực ư hữu tang giả chi trắc, vị thường bão dã. Tử ư thị nhật, khốc tắc bất ca. 子食於有喪者之側, 未嘗飽也. 子於是日, 哭則不歌).

Do tính thương người mà suốt đời Ngài phải bồn ba chu du khắp các chư hầu, mong đem cái Đạo mình ra để bảo toàn sự sống cho nhơn dân. Ngài muốn giúp đời nên chủ trương chính sách “nhập thế”, khiến trước đây, có một người nước Sở là Tiếp Dư cho Ngài không thức thời, chẳng biết cái lẽ lánh đời. Lúc Khổng Tử sang nước Sở, gặp Lục Thông tên là Tiếp Dư, theo đạo Lão, chủ trương thuyết vô vi, nghĩa là xuất thế, thấy Khổng Tử bồn ba chạy lo đời, nên làm bài hát “Phụng Hoàng” để kích bác Ngài :

Phượng hề! Phượng hề!

Hà kỳ đức chi suy?
 Vãng giả bất khả gián;
 Lai giả bất khả huy!

Nghĩa là: Phượng ôi! Phượng ôi! Sao đức suy đến thế? Cái gì đã qua rồi thì không thể ngăn được nữa; mà cái gì sẽ tới thì cũng chẳng đuổi được nào! Người đời sau vì tôn sùng Đức Khổng Tử nên cho Lục Thông là kẻ nói bậy, và đặt cho cái tên hiệu là Sở Cuồng (thằng điên nước Sở).

Tấm lòng của Khổng Tử lúc nào cũng nghĩ đến việc cứu đời, nên các Đấng Thiên liêng thường ứng vào mộng của Ngài để dạy những điều đem lại lợi ích cho nhân dân. Chương Thuật Nhi, mục “*Mộng kiến Chu Công*” (Nằm mộng thấy Chu Công) kể lại cho ta biết Chu Công Đán cũng từng về ứng vào giấc mộng của Ngài.

- ▶ **Ứng mộng báo sanh, thù từ mãn khổ:** Ứng vào mộng để chỉ dạy cách bảo hộ sự sống cho nhơn sanh, Ngài rủ lòng nhơn từ mà thương người khổ nạn.

Đại nhơn, Đại hiếu 大仁, 大孝,
Đại Thánh, Đại từ 大聖, 大慈.

- ◻ **Đại nhơn** 大仁: Lòng nhơn lớn, nhơn từ lớn. Đạo Nho là Đạo thi hành nhơn nghĩa, lấy sự yêu thương người làm trọng. Trong Khổng Tử Gia Ngữ có chép lại câu chuyện như sau : Vua Cung Vương nước Sở bị đánh rơi mất một cây cung, các quan tâu xin vua cho người đi tìm. Vua nói rằng : Vua nước Sở mất cung, dân nước Sở nhặt được, mất đi đâu mà phải tìm. Có người mang câu chuyện đó nói với Khổng Tử, Ngài nói rằng : Tiếc thay lòng

vua Sở còn hẹp! Sao chẳng nói : Có người làm mất cây cung, lại có người lượm được, cần gì phải nói là người nước Sở. Câu chuyện này cho ta thấy lòng nhân của Ngài không giới hạn trong một nước, mà lan tỏa khắp trong thiên hạ.

▣ **Đại hiếu** 大孝: Hiếu lớn.

Đạo hiếu là đầu mối trước nhất của Nho giáo, nên trong sự giáo hóa, Khổng Tử lấy Hiếu làm đầu trong trăm nét (Hiếu vi bách hạnh chi tiên 孝為百行之先). Sách Hiếu Kinh cũng viết : Hiếu là đạo thường của Trời, lẽ phải của đất (Hiếu giả thiên chi kinh dã, địa chi nghĩa dã 孝者天之經也, 地之義也). Ngài dạy rất kỹ lưỡng về việc hiếu với cha mẹ, ông bà. Theo Ngài người có hiếu không phải nuôi dưỡng cha mẹ là đủ, mà còn phải có lòng kính. Điều này Ngài dạy Tử Du như sau : Cái hiếu ngày nay, người ta cho rằng chỉ có thể nuôi dưỡng cha mẹ, đến như loài chó ngựa đều có người nuôi, nuôi mà không kính thì lấy gì để phân biệt? (Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng, chí ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính hà dĩ biệt hồ? 今之孝者, 是謂能養, 至於犬馬, 皆能有養, 不敬何以別乎).

Ngoài việc phụng dưỡng cha mẹ, Ngài còn dạy chi ly về việc hiếu như phải quan tâm, lo lắng cha mẹ, làm vui lòng cha mẹ, không đi chơi xa khi cha mẹ còn sống, phải kế chí cha mẹ...Xem thế, ta thấy Đức Khổng Tử là người coi trọng chữ hiếu như thế nào. Có thể nói Ngài là bậc Đại hiếu.

▣ **Đại Thánh** 大聖: Bậc Thánh lớn.

Đức Khổng Tử được người đương thời cho là bậc Đại Thánh (Hay chí Thánh), nhưng Ngài là người

rất khiêm tốn, không dám nhận mình là Thánh. Ngài nói rằng : Nếu bảo Ta là Thánh, là nhân thì sao Ta dám nhận, nhưng Ta làm việc Thánh việc nhân không chán ngán, dạy người không mỏi mệt, có thể bảo Ta được như thế mà thôi. (Nhược Thánh dĩ nhân, tắc ngô khởi cảm, ức vi chi bất yếm, hồi nhân bất quyện, tắc khả vị vân. nhĩ dĩ hỹ 若聖與仁, 則吾豈敢, 抑為之不厭, 誨人不倦, 則可謂云爾已矣).

- **Đại từ** 大慈: Từ bi lớn, lòng thương người lớn. Chính do vì lòng thương người to lớn mà Ngài suốt đời phải bôn ba khắp các nước để truyền bá đạo Thánh hiền, mong đất nước được an bình thịnh trị và dân chúng được hiền lương như nghĩa.
- ▶ **Đại nhân, đại hiếu:** *Lòng nhân hậu và lòng hiếu thảo của Đức Khổng Thánh rất to lớn.*
- ▶ **Đại Thánh, đại từ:** *Thánh đức và lòng thương của Ngài thật là bao la rộng lớn.*

Thần văn, Thánh võ, 神文, 聖武,
Hiếu đức trung nhân 孝德忠仁.

- **Thần văn** 神文: Văn tuyệt bút, văn chương như Thần.
- **Thánh võ** 聖武: Võ tuyệt giỏi, võ bị như Thánh.
- **Hiếu, đức, trung, nhân** 孝德忠仁: Hiếu thảo, đức hạnh, trung thành, nhân ái.
- ▶ **Thần văn, Thánh võ:** *Ngài có văn chương như Thần, võ nghệ như Thánh.*
- ▶ **Hiếu đức trung nhân:** *Ngài gồm bốn đức: Hiếu thảo, đức hạnh, trung trực, và nhân từ.*

Vương Tân sách phụ 王賓策輔.

Nho Tông khai hóa 儒宗開化.

▫ **Vương tân** 王賓: Vị tân khách của vua.

▫ **Sách phụ** 策輔: Giúp đỡ kế sách

Chú thích: Bản Kinh chữ Hán của nhị vị Đầu Sư viết Tân 新: Mới, sách 冊: quyển sách. Về nghĩa, hai Ngài giải thích là vị khách, và kế sách, như vậy, do đồng âm dị nghĩa mà sai chữ Hán, chúng tôi viết lại cho đúng là 賓: Khách. 策: Sách lược.

▫ **Vương tân sách phụ** 王賓策輔: Đức Khổng Tử là bậc thượng khách của các vua chư hầu (Vương tân), và bày kế sách để giúp trị nước.

Lúc Đức Khổng Tử còn chu du khắp các chư hầu, vua các nước thường hỏi về kế sách trị an, hoặc thuật trị nước, Ngài đem cái vương đạo để làm phương cách trị bình trong thiên hạ. Hễ nước chư hầu nào vô Đạo, không lấy dân làm trọng, chỉ say mê tử sắc, thì Ngài bỏ nước đó mà đi. Còn nước chư hầu nào có vị vua là minh quân, biết thương dân mến nước, chuộng cái Đạo lý của Ngài thì Ngài ở lại giúp vua để trị nước, đem lại sự thái bình, thanh trị cho đất nước, rồi các vua đó tôn Ngài như một vị khách quý, hay bậc thầy (Tân sư 賓師), hoặc xem Ngài là bậc thượng khách của nhà vua gọi là Vương tân 王賓.

▫ **Nho tông** 儒宗: Đạo Nho.

Đạo Nho là Đạo dạy cho con người học biết suốt lẽ Trời đất và người, đồng thời dạy bảo cách ăn ở cho hợp với luân thường đạo lý. Nho 儒 là bởi chữ Nhân 亠 là người và nhu 需 là cần yếu hợp lại mà thành. Như vậy, theo nghĩa chữ, Đạo Nho đào tạo ra một hạng

người rất cần thiết để giúp cho nhân quần xã hội biết đường mà ăn ở và hành động cho hợp lẽ Trời. Nhu cũng có nghĩa là chờ đợi, tức là những người học giỏi, đợi mọi người cần đến, sẽ lấy tài trí của mình ra thi thố giúp đời.

Tóm lại Đạo Nho là nền tôn giáo dạy về nhân nghĩa cho con người và Khổng Tử dạy dỗ và đào tạo ra một lớp người cần ích để đem lại an bình, trật tự cho xã hội. Vì thế, kinh Xung Tụng Phật Tiên Thánh Thần viết :

Đạo Nho truyền dạy nghĩa nhân,

Văn Tuyên Khổng Thánh khuyến dân răn đời.

- ▣ **Khai hóa** 開化: Mở mang giáo hóa.
- ▣ **Vương Tân sách phụ:** Đức Khổng Tử là một vị thượng khách của vua (Vương tân), thường bày kế sách trị nước, an dân.
- ▶ **Nho Tông khai hóa:** Ngài lại có công truyền bá Đạo Nho để mở mang giáo hóa quần chúng.

Văn Tuyên Tư Lộc 文宣司祿.

Hoàng nhơn Đế Quân 弘仁帝君.

- ▣ **Văn Tuyên** 文宣: Là tên thụy của Đức Khổng Tử do các vua Trung hoa các đời trước truy tặng.
 - Năm Khai Nguyên thứ 27 (739), vua Đường Huyền Tông truy phong làm “Văn Tuyên Vương 文宣王”.
 - Năm Đại Trung Tường Phù nguyên niên (1008), vua Tống Chân Tông gia thụy là “Đại Thánh Văn Tuyên Vương 大聖文宣王”.
 - Năm Đại Đức thứ 10 (1306), vua Nguyên Thành Tông gia hiệu “Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên

Vương 大成至聖文宣王”.

- Năm Gia Tĩnh thứ 9 (1530), Minh Thế Tông phong làm “Chí Thánh Tiên Sư 至聖先師”.
- Năm Thuận Trị thứ 2 (1645), Thanh Thế Tổ phong làm “Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương Tiên Thánh Sư 大成至聖文宣王先聖師”.
- **Tư lộc** 司祿: Lo việc phước lộc.
- **Văn Tuyên tư lộc** 文宣司祿: Đức Khổng Tử coi việc phước lộc.
- **Hoảng** 弘: Rộng lớn, to lớn.
- **Hoảng nhưn Đế Quân** 弘仁帝君: Đức Ngài là vị Đế Quân có đức nhưn rộng lớn.
- ▶ **Văn Tuyên Tư Lộc:** *Khổng Thánh là Đấng trông coi về phước lộc.*
- ▶ **Hoảng nhưn Đế Quân:** *Ngài là vị Đế Quân có đức nhưn rộng lớn.*

Trừng chơn chánh quang 澄真正光,

Bửu quang từ tế Thiên Tôn 寶光慈濟天尊.

- **Trừng** 澄: Trong sạch, tinh khiết.
- **Chơn** 真: Chơn thật.
- **Chánh** 正: Ngay thẳng.
- **Quang** 光: Sáng, ánh sáng.
- **Bửu quang** 寶光: Ánh sáng quý báu.
- **Từ tế** 慈濟: Có lòng thương yêu, hay cứu giúp người.
- **Thiên Tôn** 天尊: Một đấng được tôn kính nơi cõi Thiêng liêng.
- ▶ **Trừng chơn chánh quang:** *Đức Khổng Thánh có đức độ trong sạch, chơn thật, ngay thẳng, xán lạn.*

- ▶ **Bửu quang từ tế Thiên Tôn:** Ngài là một vị Thiên Tôn có lòng thương hay cứu giúp người đời.

IV. GIẢI NGHĨA

NHO GIÁO

- ▶ **Quế Hương nội điện, Văn Thi thượng cung:** Đúc Khổng Phu Tử ở trên cung Văn Thi, điện Quế Hương, nơi cõi Thiêng liêng.
- ▶ **Cửu thập ngũ hồi, chương thiện quả ư thi thơ chi phổ:** Đúc Khổng Thánh đã chín mươi lăm lần đầu thai xuống cõi trần mà lần nào Ngài cũng gieo trái lành nơi vườn thi thơ.
- ▶ **Bá thiên vạn hóa, bồi quế thọ, ư âm chất chi điền:** Ngài đã hóa thân hàng trăm ngàn lần mà lần nào Ngài cũng vun bồi cây quế nơi ruộng âm chất.
- ▶ **Tự lôi trừ bính, linh ư phụng lân:** Khi văn tự được chế ra thì Trời có điềm sấm sét, chớp giông, chữ viết tự như ánh lửa soi sáng cho tâm linh con người, nên là một điềm thiêng liêng hơn đời có chúa Thánh (tức phụng gáy non Kỳ).
- ▶ **Chí như ý từ, tường ư ngao trụ:** Đến như cái ý nhưn từ, tốt đẹp của Đúc Khổng Thánh cứ một lòng ngay thẳng vững vàng như cây cột ngao chống trời.
- ▶ **Khai nhưn tâm tất bổn, ư đốc thân chi hiếu:** Khai hóa nhưn tâm là cái gốc của con người, đốc một lòng hiếu kính với cha mẹ.
- ▶ **Thọ quốc mạch tất tiên, ư trí chúa chi trung:** Muốn cho mạch sống của đất nước được bền lâu, vững chắc, trước nhất làm người dân phải biết trung với vua và nước.

- ▶ **Ứng mộng bảo sanh, Thù từ miễn khổ:** Các Đấng Thiêng liêng (Chu Công) thường ứng vào mộng để chỉ dạy cách bảo hộ sự sống cho nhơn sanh, Ngài rủ lòng nhơn từ mà thương cho người khổ nạn.
- ▶ **Đại Nhơn, Đại Hiếu, Đại Thánh, Đại Từ:** Lòng nhân hậu và lòng hiếu thảo của Đức Khổng Thánh rất to lớn. Thánh đức và lòng thương của Ngài thật là bao la rộng lớn.
- ▶ **Thần văn, Thánh võ, Hiếu Đức Trung Nhơn:** Ngài có văn chương như Thần, võ nghệ như Thánh. Ngài gồm bốn đức: Hiếu thảo, đức hạnh, trung trực, và nhơn từ.
- ▶ **Vương Tân sách phụ, Nho Tông khai hóa:** Đức Khổng Tử là một vị thượng khách của vua (Vương tân), thường bày kế sách trị nước, an dân. Ngài lại có công truyền bá Đạo Nho để mở mang giáo hóa quần chúng.
- ▶ **Văn Tuyên Tư Lộc, hoàng nhơn Đế Quân:** Ngài là Đấng trông coi về phước lộc. Và là vì Đế Quân có đức nhơn rộng lớn.
- ▶ **Trừng chơn chánh quang, Bửu Quang từ tế Thiên Tôn:** Đức Khổng Thánh có đức độ trong sạch, chơn thật, ngay thẳng, xán lạn. Ngài là một vị Thiên Tôn có lòng thương hay cứu giúp người đời.

THIÊN THỨ BẢY DÂNG TAM BỬU

Trời đất tạo nên vạn vật hữu hình đều do ba thể: Vật thể, Khí thể và Thần thể. Ba thể được gọi là Tam bửu 三寶 (Ba báu).

Trời có Tam bửu là *Nhật* 日, *Nguyệt* 月, *Tinh* 星. Đất có Tam bửu là *Thủy* 水, *Hỏa* 火, *Phong* 風. Người có Tam bửu là *Tinh* 精, *Khí* 氣, *Thần* 神.

Tam bửu Tinh, Khí, Thần là ba món báu tạo nên tinh thần, thể xác của con người.

TINH: Là một chất nước rất tinh anh của nhục thể. Nhờ có tinh, con người mới có sức lực, tạo ra nòi giống, và nhứt là người tu nếu biết bảo tinh thì có thể tạo ra đệ nhị xác thân hay tượng hình Linh thể đặc Đạo.

Vật thực như ngũ cốc, hoa quả nuôi sống con người bằng cách sinh tinh hóa huyết. Nếu vì tư tưởng dục tình, tinh bị trót lọt ra ngoài theo dòng thuận chuyển để nảy sanh nòi giống; còn nếu tinh chưa bị dục niệm thì là phần trong sạch gọi là gương tinh, người tu sẽ luyện tinh này theo nghịch chuyển để hóa ra khí rồi hiệp với thần mà ngưng kết thành nhị xác thân.

Nói cách khác, tinh là hình hài, thể xác của con người được tượng trưng bằng hoa.

KHÍ: Là chất sinh để bảo tồn sự sống, gọi là sinh khí, cũng là nguồn sinh lực của con người. Nguyên khí này nếu ở ngoài là thanh khí, thuộc khí tiên thiên từ khí hư vô của Trời đất, qua sự hô hấp, đi vào phổi để lưu thông huyết mạch, nên khí này bị nhiễm lấy vật chất xác phàm mà hóa ra trược khí, hay khí hậu thiên.

Hễ khí này mạnh thì thân thể cường tráng, hễ khí yếu thì thân thể suy nhược.

Khí là Chơn thần của con người, được tượng trưng bằng rượu.

THẦN: Là phần chủ thể của con người, là điểm linh của Trời phú cho mà Đạo Cao Đài gọi là Tiểu linh quang hay Thiên tánh. Thần cũng là phần rất thiêng liêng, cai quản phần trí não, là linh hồn của con người mà bên Phật gọi Bản lai diện mục, Chơn như Phật tánh. Thần thường ở tại mắt (Thần cư tại nhãn), chính vì thế mà người tu luyện cao thâm, đôi mắt rất tinh anh và sáng quắc.

Thần là Chơn linh của con người được tượng trưng bằng trà.

Theo Đạo học, Tinh của hậu thiên nhờ khí tiên thiên đủ mà sinh tinh, bởi khí có thể hóa thủy. Khí tiên thiên nhờ Tinh hậu thiên thịnh mà dưỡng khí, bởi tinh có thể hóa khí. Thần hậu thiên nhờ khí tiên thiên sung mà nuôi thần, bởi khí tiên thiên có thể hóa thần. Như vậy, người tu phải bảo tinh, dưỡng khí, và tôn thần.

Tóm lại, người tu hành muốn được siêu phàm nhập Thánh thì phải biết luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần huần hư, tức là luyện ba báu đó hiệp lại làm một điểm linh quang rồi hiệp một với khối Đại linh quang của Tạo Hóa mà đắc Đạo.

Người luyện Đạo phải ăn chay để tinh huyết trong sạch, như lời Đức Chí Tôn đã giải thích: “Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân, một phàm gọi là Corporel, còn một thiêng liêng gọi là Spirituel, mà cái

thiên liêng đó do cái xác phàm mà ra, nên gọi là bán hữu hình vì nó có thể thấy đặng. Cái xác vô hình huyền diệu thiên liêng ấy do nơi Tinh Khí Thần mà luyện thành, nó nhẹ nhàng hơn không khí, nơi xác phàm xuất ra thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập.

Còn khi đắc Đạo mà có Tinh Khí không có Thần thì không thể nhập mà hằng sống đặng. Còn có Thần mà không có Tinh Khí thì khó huần đặng nhị xác thân. Vậy ba món báu ấy phải hiệp mới đặng. Nó vẫn là chất tức hiệp với không khí Tiên thiên, mà trong khí Tiên thiên thì hằng có điển quang. Cái Chơn thân buộc phải tinh tấn, trong sạch mới nhẹ nhàng hơn không khí, ra khỏi ngoài Càn khôn đặng, nó phải có bốn nguyên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật mới xuất Thánh Tiên Phật đặng. Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất chơn thân tinh khiết. Nếu các con còn ăn mặn luyện Đạo, rui có ấn chứng thì làm sao giải tán cho đặng, rui bị huần thì đến khi đắc Đạo cái trược khí ấy vẫn còn, mà trược khí thì lại là vật chất tiếp điển thì chưa ra khỏi lằn không khí đã bị sét đánh tiêu diệt. Còn như biết khôn ẩn nấp tại thế, mà làm một bậc như Tiên thì kiếp đọa trần cũng chưa mãn. Vậy Thầy buộc các con trường trai mới luyện Đạo đặng”.

I. NGUỒN GỐC BA BÀI KINH DÂNG TAM BỬU

II. Ý NGHĨA DÂNG TAM BỬU

III. KINH VĂN

IV. VIẾT RA HÁN TỰ

V. CHÚ THÍCH

VI. GIẢI NGHĨA

I. NGUỒN GỐC BA BÀI KINH DÂNG TAM BỮU

Những năm đầu của nền Đại Đạo, ba bài Dâng Tam bửu được Đức Chí Tôn chỉ dạy ba vị Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc qua thỉnh nơi Quan phủ Ngô Văn Chiêu về tụng niệm.

Ba bài Dâng Tam Bửu cũ (trước năm 1929) là do Quan Phủ Ngô văn Chiêu trao cho, xin được chép ra như sau:

DÂNG TIÊN HOA

*Hoa tươi năm sắc, sắc thiên nhiên,
Đầu cúi xin dâng lễ kính thiêng.
Cảm đức Cao Đài lòng đoái tưởng,
Từ bi cứu thế giáng đàn tiên.*

DÂNG TIÊN TỬU

*Tửu vị hương hê, tửu vị hương,
Khẩu đầu cung hiến chúc hồ tương.
Cao Đài hứng cảnh nhân quan nhã,
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.*

DÂNG TIÊN TRÀ

*Đông thổ thanh trà mỹ vị hương,
Khẩu đầu cung hiến chúc hồ trường.
Cao Đài hứng cảnh nhân quan nhã,
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.*

Ba bài Dâng Tam bửu hiện nay trong quyển “*Kinh Thiên Thế Đạo*” do Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh xuất bản, nguồn gốc từ Đức Hộ Pháp chỉ định Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu đặt ra, rồi dâng lên Bát Nương Diêu Trì Cung nhờ chính văn lại.

Đến ngày 17-06-Canh ngọ (Dl 12-07-1930), Ngài Đầu sư Thượng Trung Nhật ban hành ba bài Dâng Tam bữu này cùng với quyển “*Nghi Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn tại Tòa Thánh và Thánh Thất các nơi*”. Ba bài kinh dâng Tam bữu này được Hội Thánh chỉ định dùng để thài dâng Hoa, Rượu, Trà khi cúng Chí Tôn và Phật Mẫu từ lúc ban hành cho đến nay (Xem phần kinh văn).

II. Ý NGHĨA DÂNG TAM BỮU

Đức Hộ Pháp có dạy: “*Trong một thời cúng, Bản đạo đã căn dặn nhiều phen trọng hệ hơn hết, là khi dâng Tam bữu, dầu cho tinh thần suốt buổi cúng có nhiều lúc lo ra đi nữa, đến khi dâng Tam bữu, khuyên cả thầy định thần đăng mật niệm, dâng Tam bữu trọng hệ cho Chí Tôn*”.

Dâng Tam bữu là một bí pháp trong thời Tam Kỳ Phổ Độ nhằm nhắc nhở người tu phải biết ***bảo tinh, dưỡng khí, tôn thần*** để sao cho Tinh Khí Thần hiệp nhất mà đắc Đạo vậy.

- ***Bảo tinh***: Gìn giữ và nuôi dưỡng đệ nhứt xác thân cho được tinh khiết, nghĩa là phải tuyệt dục, và phải ăn chay. Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy có giảng về sự ăn chay như sau: “*Sự ăn chay là bổ cho Tiên thiên, còn ăn mặn lại bổ cho Hậu thiên. Các con nếu ăn mặn mà luyện Đạo thì chơn thần bị khí Hậu thiên làm nhơ bẩn nặng nề mà khó thể xuất ra cho khỏi vùng trung giới được*”
- ***Dưỡng khí***: Khí là đệ nhị xác thân, tức là trí não hay phách của chúng ta. Khí rất cần thiết cho cơ thể, sự sống, cho tinh thần và nghị lực của con người. Muốn nuôi dưỡng Khí thì phải biết cách luyện tập

để khí Âm dương lưu hành khắp ngũ tạng lục phủ con người. Luyện Khí đúng cách sẽ làm cho người ta khoẻ mạnh, tinh thần sáng suốt, minh mẫn, nghị lực dồi dào, và nhất là đạt được một thân lực hay một năng lực huyền diệu mà một người thường không thể có được.

- *Tôn Thân*: Hay định Thân là rèn luyện cho tâm hồn tỉnh thức, an ổn và tiêu trừ hết mọi thất tình lục dục, không để cho ngoại vật chi phối, rồi sau đó thu nhiếp tư tưởng vào một đối tượng không cho tán loạn. Khi tâm vắng lặng, các phiền não dần dần lắng xuống, làm lóng sạch cái tâm vọng tưởng của mình được sáng tỏ mạnh mẽ quán chiếu nhìn thấy sự vật như thật. Thân có định mới phát sinh trí tuệ, minh tâm kiến tánh, phá trừ được vô minh mê hoặc.

Ngoài ra, dâng Tam bửu còn được thể hiện tinh thần **phụng sự vạn linh** bằng lời nguyện dâng trọn cả Thể Xác, Chơn Thân và Linh Hồn cho Đức Chí Tôn để làm tô tử cho vạn linh, như lời của Đức Hộ Pháp đã dạy: *“Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt cơ giải thoát”*.

Khi thuyết về Hành pháp mỗi khi vô cúng Đền, Đức Hộ Pháp có giải thích như sau:

“Đang khi dâng bông, cả thầy hình thể con cái của Chí Tôn tức là Thánh thể của Ngài, trụ hết xác Thánh đó dâng cho Ngài dâng Ngài làm phương cứu thế. Đó là dâng bông.

Tôi dâng rượu, cả thầy, khi dứt câu kinh, nín lặng

hết, Bản Đạo vận dụng trí não tinh thần, đem đức tin của cả thầy dâng vào *Bát Quái Đài*.

Tối dâng trà, là dâng cả linh hồn cho Chí Tôn. Bản Đạo để cả tinh thần trụ lại, đem linh hồn của con cái Chí Tôn dâng cho Ngài”.

Về cách cầu nguyện khi dâng Tam bữu cúng Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, Đức Hộ Pháp cũng có dạy như sau:

- Khi thài **Dâng Hoa** thì ta cầu nguyện: “Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.
- Khi thài **Dâng Rượu** thì ta cầu nguyện: “Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.
- Khi thài **Dâng Trà** thì ta cầu nguyện: “Con xin dâng cả linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

Ở câu này, ta có thể gộp chung nguyện một lần như vậy:

“Cả Linh hồn, Cả Trí não, cả Hình hài, Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do quyền hành độc đoán của Thầy định”.

III. KINH VĂN

1.- BÀI DÂNG HOA

Từ Bi giá ngự rạng môn thiên,
 Đệ tử mừng nay hữu huệ duyên.
 Năm sắc hoa tươi xin kính lễ,
 Cúi mong **Thượng Đế** rưới Ân Thiên.

2.- BÀI DÂNG RƯỢU

*Thiên Ân huệ chiếu giáng thiên minh,
Thành kính trường xuân chúc tửu quỳnh.
Lạc hứng **khẩu cung** giai miễn lễ,
Thoát tai bá tánh ngưỡng Ân sinh.*

3.- BÀI DÂNG TRÀ

*Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương,
Kính lễ thành tâm hiến bửu tương.
Ngưỡng vọng **Từ Bi** gia tế phước,
Khai minh Đại Đạo hộ thanh bường.*

IV. VIẾT RA HÁN TỰ

(二) 獻仙酒

天恩惠照降禪明
誠敬長春酌酒瓊
樂興叩躬皆勉禮
脫災百姓仰恩生

(三) 獻仙茶

梅春月菊味茶香
敬禮誠心獻寶漿
仰望慈悲加濟福
開明大道護清平

V. CHÚ THÍCH

1.- BÀI DÂNG HOA:

Bài Dâng Hoa này được viết bằng thể chữ Nôm, nên chúng tôi không viết ra Hán tự hết bài được, chỉ

viết những từ Hán-Việt khi chú thích mà thôi.

Từ bi giá ngự rạng môn thiên,

- **Từ bi** 慈悲: Lòng từ bi.

Từ bi là lòng thương yêu, lo lắng mong giúp đỡ cho chúng sanh được an lành và cứu vớt chúng sanh ra khỏi tai ương khổ não. Lòng từ bi phải là một chân tâm, xuất phát từ lòng trắc ẩn thành thật, không vụ lợi, không phân biệt thân sơ hay sang hèn. Từ bi là một thứ tình thương đem đến niềm an vui cho kẻ khác. Người có từ tâm, thì lúc nào cũng muốn tạo và dâng hiến sự an lành, hạnh phúc cho kẻ khác, còn người có lòng từ bi thì bao giờ cũng mong xoa dịu hay làm vơi bớt những nỗi khổ đau của kẻ khác. Ban cho điều sung sướng, cứu giúp sự khổ não, mà làm sao ta tự không thấy mình là người ban ơn, người là kẻ thọ ơn, như thế mới thực là lòng từ bi. Chữ **Từ bi** ở đây là chỉ Đức Chí Tôn.

- **Giá ngự** 駕御: Hay Ngự giá, nghĩa bóng là xe vua đến một nơi nào. Xe của vua gọi là xa giá, vua đi gọi là ngự. Theo nghĩa ở đây, ý chỉ Đức Chí Tôn ngự xuống phàm.

Trong Thánh ngôn hiệp tuyển có bài thi như sau:

Hảo Nam bang! Hảo Nam bang!

好南邦! 好南邦!

Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn.

小國早開會涅槃

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,

幸遇高臺傳大道

Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.

好逢玉帝御塵間

- **Rạng:** Sáng rực, làm cho sáng.
- **Môn thiên:** Hay thiên môn 禪門: Cửa thiên, chỉ nơi chùa chiền của Phật, nghĩa bóng là cửa Phật, nơi tu học các pháp môn của Đạo Phật.
Ở đây mượn từ thiên môn để chỉ nơi thờ tự Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma, tức là Đền Thánh hay Thánh Thất.
- ▶ **Từ bi giá ngự rạng môn thiên:** Đức Chí Tôn giáng xuống phàm trần, tỏa sáng ngời ngời Thánh Thất.

Đệ tử mừng nay hữu huệ duyên.

- **Đệ tử** 弟子: Là học trò. Đây là một từ đặc biệt trong Đạo Cao Đài, lời tự xưng của các tín đồ đối với Đức Chí Tôn. Bởi Ngài thường giáng cơ tự xưng là Thầy, gọi chư tín đồ là môn đệ hay đệ tử.
- **Hữu** 有: Có.
- **Huệ** 惠: Ân, ơn huệ.
- **Duyên** 緣: Nhân duyên, nguyên nhân, noi theo.
- **Hữu huệ duyên** 有惠緣: Có được cái duyên hưởng ân huệ.
- ▶ **Đệ tử mừng nay hữu huệ duyên:** Đệ tử ngày nay vui mừng được may duyên hưởng ân huệ của Thầy ban cho.

Gặp được thời Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn giáng cơ khai nền Đại Đạo mở ra một thời kỳ đại ân xá cho toàn vạn linh là một duyên may rất lớn đối với chúng sanh. Thánh giáo Đức Lý Đại Tiên Trưởng có dạy: “*Mở một mối Đạo chẳng phải là thường tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp mối Đạo cũng chẳng*

phải dễ”.

Trong Thánh thi cũng có câu:

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,

幸遇高臺傳大道

Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.

好逢玉帝御塵間

Nghĩa là:

May mắn gặp được Cao Đài truyền nền Đại Đạo, Duyên lành gặp lúc Ngọc Đế ngự xuống trần gian. Sở dĩ chúng ta được hưởng cái duyên lành (tức có duyên phần) là do kết quả của việc làm đạo đức từ kiếp trước. Do vậy, kiếp này ta cũng lo tạo lập công đức để dành cho kiếp lai sinh. Thánh giáo Chí Tôn dạy: “Thầy vì đức háo sinh, nên chẳng kể bực Chí Tôn, cầm quyền thế giới, đến lập Đại Đạo Tam Kỳ trong lúc hạ nguơn này mà vớt sinh linh khỏi vòng khổ hải. Ai biết Đạo tức là có **duyên phần**, ai vô Đạo tức là số chịu hình khổ luân hồi”.

Năm sắc hoa tươi xin kính lễ

- **Năm sắc hoa tươi:** *Hoa tươi tốt gồm đủ năm màu.* Năm sắc hay ngũ sắc hoa là năm màu bông gồm trắng, xanh, đen, đỏ, vàng, ứng với ngũ hành, ngũ khí, ngũ tạng và ngũ quan.

NGŨ SẮC	NGŨ HÀNH	NGŨ TẠNG	NGŨ QUAN
Trắng:	Kim	Phế (phổi)	Tỷ (mũi)
Xanh:	Mộc	Can (gan)	Mục (mắt)
Đen:	Thủy	Thận (thận)	Nhĩ (tai)
Đỏ:	Hỏa	Tâm (tim)	Thiệt (lưỡi)

Vàng:	Thổ	Tỳ (lá lách)	Khẩu (miệng)
-------	-----	--------------	--------------

- **Kính lễ:** Hay kính lễ 敬禮: Kính cẩn dâng lễ.
- ▶ **Năm sắc hoa tươi xin kính lễ:** *Kính cẩn dâng lên năm màu hoa tươi tốt.*

Dâng Tam bửu là dâng bông, rượu, trà tượng trưng cho Tinh, Khí, Thần là ba báu của người tu hành cần phải gìn giữ, bởi lẽ muốn đắc đạo phải bảo Tinh, dưỡng Khí và tồn Thần, rồi phải luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần huồn hư. Hay nói cách khác, luyện Tinh, Khí, Thần hợp nhứt và quy về kim đánh mà Đạo học gọi là luyện cho Tam huê tụ đánh là thành Đạo.

Như ta biết bình hoa thuộc Dương, đĩa quả thuộc Âm và mượn việc dâng bông ngũ sắc tương quan với ngũ khí hay ngũ hành nhằm để thể hiện lễ bí nhiệm của Âm Dương và Ngũ Hành vận chuyển và tác động lẫn nhau một cách linh động, tinh vi để vạn vật được sinh hóa, muôn loài được tồn tại, khí hậu bốn mùa được điều hòa, thảo mộc tươi tốt, đơm hoa kết quả.

Ngoài ra, khi cúng Chí Tôn, dâng bông năm màu cũng được thể việc luyện Tam bửu sao cho Ngũ khí triều nguyên, Tam huê tụ đánh thì đắc đạo, tức là biến con người phàm phu thành con người siêu việt, hay biến người thành Trời thì đắc Đạo.

Cúi mong Thượng Đế rưới Ân Thiên

- **Thượng Đế** 上帝: *Tức là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, mà Đạo Cao Đài gọi là Đức Chí Tôn.*

Khi cúng tại Điện thờ Phật Mẫu, thì từ “**Thượng**

Đế” thay bằng từ “**Phật Mẫu**”, câu kinh đó sẽ đọc như sau: ***Cúi xin Phật Mẫu rưới ân Thiên.***

- ▶ **Cúi mong Thượng Đế rưới Ân Thiên:** *Cúi xin Đức Chí Tôn chan rưới ơn Thiêng liêng.*

2.- BÀI DÂNG RƯỢU:

Thiên Ân huệ chiếu giáng thiền minh

天恩惠照降禅明

- ◻ **Thiên Ân** 天恩: Ôn Trời. Đây chỉ Ôn Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Ôn Trời hay ơn Tạo Hóa, tức là ơn của Đấng sinh hóa ra Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật. Đấng Tạo Hóa ấy là Đấng toàn tri, toàn năng, vô thủy, vô chung, biến hóa không cùng, nên mới sinh ra muôn loài, vạn vật. Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “*Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn Khôn Thế Giới*”. Ngoài việc sinh hóa ra, Đấng Tạo Hóa còn nuôi dưỡng, giáo hóa chúng sanh. Vì vậy, công ơn của Trời đất xét ra thì vô cùng vô tận, không thể nào nghĩ bàn cho thấu đặng. Do vậy, người tu hành cần phải hiểu rõ nguồn ân đức đó mới có thể gần Đạo được: “*Vật hữu bản, sự hữu chung thủy, tri sở tiền hậu, tắc cận Đạo hỹ* 物有本末, 事有終始, 知所前後, 則近道矣”: Vật có gốc ngọn, việc có trước sau, nếu mình biết được gốc ngọn trước sau thì gần Đạo vậy.

- ◻ **Huệ chiếu** 惠照: Ôn huệ soi rọi xuống.
- ◻ **Giáng** 降: Xuống, như giáng hạ: Giáng xuống.
- ◻ **Thiền minh** 禅明: Cửa Thiền hay cửa Chùa sáng rực. Đây chỉ ngôi Thánh Thất của Đạo Cao Đài.

- ▶ **Thiên Ân huệ chiếu giáng thiên minh** 天恩惠照降禪明: *Ơn huệ của đức Chí Tôn soi sáng ngôi ngôi Thánh Thất.*

Thành kính trường xuân chúc tửu quỳnh.

誠敬長春酌酒瓊

- ◻ **Thành kính:** Hay thành kính 誠敬, là lòng thành thật kính trọng.
- ◻ **Trường xuân** 長春: Xuân lâu dài, xuân mãi mãi, vì thế người ta dùng chữ Trường xuân để chỉ Trời đất, đây ý chỉ Đức Chí Tôn. Trường xuân còn có nghĩa là cảnh Thần Tiên, vì bốn mùa đều là mùa xuân luôn.
- ◻ **Chúc** 酌: Mời rượu, rót rượu, uống rượu.
- ◻ **Tửu** 酒: Rượu.
- ◻ **Quỳnh** 瓊: Một thứ ngọc đỏ, đẹp tốt. Quỳnh bôi: chén uống rượu bằng ngọc quỳnh. Quỳnh tương 瓊醬: Rượu làm bằng nước ngọc quỳnh. Rượu ngon. Trong Kim Vân Kiều có câu:

Chén hà sánh giọng quỳnh tương.

- ◻ **Tửu quỳnh:** Hay quỳnh tửu 瓊酒, ý chỉ rượu quý, rượu ngon mà các vị Thần Tiên thường uống.
- ▶ **Thành kính trường xuân chúc tửu quỳnh** 誠敬長春酌酒瓊: *Lòng thành thật kính rót ly rượu quý dâng lên Đức Chí Tôn.*

Lạc hứng khấu cung giai miễn lễ

樂興叩躬皆勉禮

- ◻ **Lạc hứng** 樂興: Trong lòng cảm thấy phấn chấn, vui vẻ.
- ◻ **Khấu cung** 叩躬: Kính cẩn khấu đầu, cung kính

cúi đầu.

- ◻ **Giai** 皆: Đều, cùng.
- ◻ **Miễn lễ** 勉禮: Cố gắng hành lễ, gắng sức làm lễ.
- ▶ **Lạc hứng khấu cung giai miễn lễ** 樂興叩躬皆勉禮: *Chúng con gắng sức hành lễ với tấm lòng hăng hái vui vẻ.*

Thoát tai bá tánh ngưỡng ân sinh

脫災百姓仰恩生

- ◻ **Thoát tai** 脫災: Tránh khỏi tai họa.
- ◻ **Bá tánh** 百姓: Hay bách tính, tức là trăm họ, dùng để chỉ số đông dân chúng, hoặc quần chúng.
- ◻ **Ngưỡng** 仰: Ngửa trông lên, kính mến.
- ◻ **Ân sinh** 恩生: Nhờ ơn được sống còn, ơn bảo dưỡng sự sống.
- ▶ **Thoát tai bá tánh ngưỡng ân sinh** 脫災百姓仰恩生: *Chúng con cầu xin cho bá tánh thoát khỏi tai nạn và ban ơn lành cho được sống còn.*

3.- BÀI DÂNG TRÀ:

Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương

梅春月菊味茶香

- ◻ **Mai xuân** 梅春: Hoa mai trong mùa xuân.
- ◻ **Nguyệt cúc** 月菊: Hay cúc nguyệt 菊月 là tháng cúc, tức là tháng có hoa cúc nở. Mỗi năm hoa cúc nở vào tháng 8 âm lịch, nên người ta gọi tháng 8 âm lịch là cúc nguyệt. Như vậy, nguyệt cúc là cúc tháng tám, đồng nghĩa với thu cúc.
- ◻ **Vị** 味: Là mùi do lưỡi nếm mà biết được.
- ◻ **Trà hương** 茶香: Mùi thơm của trà.

- ▶ **Mai xuân, nguyệt cúc vị trà hương** 梅春月菊味
茶香: Trà như hoa mai mùa xuân, hoa cúc mùa
thu tỏa ngát hương vị thơm ngon.

Kinh lễ thành tâm hiến bửu tương

敬禮誠心獻寶漿

- **Kinh lễ** 敬禮: Thành kính dâng lễ.
- **Thành tâm** 誠心: Lòng thành thật.

Tâm của con người có tâm thật còn gọi là chân tâm hay Phật tánh và tâm giả là tâm chúng ta đem ứng xử hằng ngày trong cuộc sống.

Sống trên thế gian, trong vô số kiếp chúng ta không dùng chơn tâm ra để sống ở đời, mà chỉ dùng tâm giả. Vì vậy, chúng ta mới bị luân hồi trong sinh tử. Như vậy, khi dâng lễ cúng Chí Tôn, chúng ta phải thật “*thành tâm*”, tức là tìm lại cái chơn tâm Phật tánh của chúng ta vậy.

Sách Trung Dung rất coi trọng “*lòng thành*” hơn các đức tính khác, và cho rằng “*chí thành*” có thể giúp vào việc hóa dục của Trời đất nên có thể sánh cùng Trời đất: Người có thành tâm mới có thể phát huy đến cùng cực cái bản tính của mình; mà hễ phát huy đến cùng cực cái bản tính của mình thì có thể phát huy đến cùng cực cái bản tính của người; có thể khiến người phát huy đến cùng cực cái bản tính của người thì có thể khiến vật thực hành đến cùng cực bản tính của vật, có thể khiến vật thực hành đến cùng cực bản tính của vật, thì có thể giúp vào việc hóa dục của Trời đất; có thể giúp vào việc hóa dục của Trời đất thì có thể sánh cùng Trời đất: “Duy Thiên địa chí thành vi năng tận kỳ tính; năng tận

kỳ tính tắc năng tận nhân chi tính; năng tận nhân chi tính tắc năng tận vật chi tính; năng tận vật chi tính tắc khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục, khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục tắc khả dĩ dĩ Thiên địa tham hỹ 唯天地, 至誠為能盡其性; 能盡其性, 則能盡人之性; 能盡人之性, 則能盡物之性; 能盡物之性, 則可以贊天地之化育; 可以贊天地之化育, 則可以與天地參矣”.

- ◻ **Hiển 獻:** Dâng hiến.
- ◻ **Bửu tương 寶漿:** Nước quý báu. Đây chỉ nước trà thơm quý báu.
- ▶ **Kính lễ thành tâm hiến bửu tương 敬禮誠心獻寶漿:** *Kính dâng chung trà quý báu với tấm lòng chân thành để làm lễ hiến.*

Ngưỡng vọng Từ Bi gia tế phước

仰望慈悲加濟福

- ◻ **Ngưỡng vọng 仰望:** Thành kính mong chờ.
- ◻ **Từ bi 慈悲:** Lòng thương, lòng từ bi. Đây có ý chỉ Đức Chí Tôn.
- ◻ **Gia 加:** Thêm.
- ◻ **Tế 濟:** Cứu giúp.
- ◻ **Phước 福:** Điều tốt lành, phúc đức.
- ◻ **Tế Phước 濟福:** Cứu giúp cho điều phước đức.
- ▶ **Ngưỡng vọng Từ Bi gia tế phước 仰望慈悲加濟福:** *Kính mong ơn Đức Chí Tôn cứu giúp thêm cho điều phước đức.*

Khai minh Đại Đạo hộ thanh bường

開明大道護清平.

- **Khai minh** 開明: Khai mở cho sáng.
- **Đại Đạo** 大道: Đạo lớn. Đây là nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là Đạo Cao Đài, được khai sáng vào thời Hạ ngươn mặt pháp để tận độ toàn thể chúng sanh.
- **Hộ** 護: Che chở, giữ gìn.
- **Thanh bường**: Tức là “*thanh bình*” 清平, vì văn của bài thài nên đọc thành “*bường*”. Thanh bình hay thái bình là thời mà người dân được hưởng cảnh yên ổn, lạc nghiệp.
- ▶ **Khai minh Đại Đạo hộ thanh bường** 開明大道護清平: *Khai mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho sáng tỏ để hộ trì cho đời được thái bình thanh trị.*

VI GIẢI NGHĨA

1.- BÀI DÂNG HOA:

- ▶ **Câu 1:** Đúc Chí Tôn giáng xuống phàm trần, tỏa sáng ngời ngời Thánh Thất.
- ▶ **Câu 2:** Ngày nay, Đệ tử vui mừng được may duyên hưởng ân huệ của Thầy ban cho
- ▶ **Câu 3:** Nên kính cẩn dâng lên năm màu hoa tươi tốt.
- ▶ **Câu 4:** Cúi xin Đấng Ngài chan rưới ơn Thiêng liêng cho chúng con.

2.- BÀI DÂNG RƯỢU:

- ▶ **Câu 1:** Ổn huệ của đức Chí Tôn soi sáng ngời ngời Thánh Thất.
- ▶ **Câu 2:** Lòng thành thật kính rót ly rượu quý dâng lên Ngài.

- ▶ **Câu 3:** Chúng con gắng sức hành lễ với tấm lòng hăng hái vui vẻ.
- ▶ **Câu 4:** Chúng con cầu xin cho bá tánh thoát khỏi tai nạn và ban ơn lành cho được sống còn.

3.-BÀI DÂNG TRÀ:

- ▶ **Câu 1:** Trà như hoa mai mùa xuân, hoa cúc mùa thu tỏa ngát hương vị thơm ngon.
- ▶ **Câu 2:** Kính dâng chung trà quý báu với tấm lòng chân thành để làm lễ hiến.
- ▶ **Câu 3:** Kính mong ơn Đức Chí Tôn cứu giúp thêm cho điều phúc đức.
- ▶ **Câu 4:** Khai mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho sáng tỏ để hộ trì cho đời được thái bình thịnh trị.

THIÊN THỨ TÁM

NGŨ NGUYỆN

- I. KINH VĂN/
- II. VIẾT RA HÁN TỰ.
- III. CHÚ THÍCH
- IV/ GIẢI NGHĨA

I KINH VĂN

NGŨ NGUYỆN

*Nam Mô Nhứt nguyện: Đại Đạo hồng khai,
Nhì nguyện: Phổ độ chúng sanh,
Tam nguyện: Xá tội đệ tử
Tứ nguyện: Thiên hạ thái bình.
Ngũ nguyện: Thánh thất an ninh.*

II VIẾT RA HÁN TỰ

五願

南無一願: 大道弘開
二願: 普度衆生
三願: 舍罪弟子
四願: 天下太平
五願: 聖室安寧

III CHÚ THÍCH

Nhứt nguyện: Đại Đạo hồng khai

一願: 大道弘開

- **Nhứt nguyện** 一願: *Điều cầu nguyện thứ nhứt.*
- **Đại Đạo** 大道: *Tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,*

hay Đạo Cao Đài.

- ◻ **Hoằng khai** 弘開: Mở mang cho rộng khắp.
- ▶ **Nhứt nguyện:** Đại Đạo hoằng khai 一願: 大道弘開: Điều cầu nguyện thứ nhứt là con cầu xin và quyết lòng mở mang nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được rộng khắp.

Bất cứ con người tu theo Đạo nào, cũng phải thành tâm mới được. Nếu không có lòng thành thì dẫu Đạo ấy có cao thế mấy, cũng không ích gì cho bản thân. Có lòng thành, con người mới thực sự tu tập để tự độ và độ tha. Trong sách Luận Ngũ có viết: Con người có sự hiểu biết nên mới có thể làm cho Đạo rộng lớn ra, chứ Đạo bản thể là vô vi, nên tự nó không làm cho người rộng lớn ra được (Nhân năng hoằng Đạo, phi Đạo hoằng nhân 人能弘道, 非道弘人).

Người Tín đồ Cao Đài, mỗi thời cúng đều tụng lời nguyện thứ nhứt là cầu xin nền Đại Đạo được hoằng khai, nhưng chính bản thân phải tích cực hoằng khai nền Đại Đạo bằng cách tự tu rèn năng lực và phẩm cách, rồi sau đó mới lo phổ độ chúng sanh.

Nhì nguyện: Phổ độ chúng sanh

二願: 普度衆生

- ◻ **Nhì nguyện** 二願: Điều cầu nguyện thứ nhì.
- ◻ **Phổ độ** 普度: Cứu độ chúng sanh rộng khắp
- ◻ **Chúng sanh** 衆生: Mọi loài sanh vật, gồm con người, cầm thú và cây cỏ.
- ▶ **Nhì nguyện: Phổ độ chúng sanh** 二願: 普度衆生: Điều cầu nguyện thứ nhì là cầu xin cứu độ chúng sanh khắp mọi nơi.

- **Độ:** 度 Là Ba la mật đa, Hán dịch đao bĩ ngạn, là đến bên kia bờ giác hay bờ giải thoát. Như vậy phổ độ có nghĩa là cứu giúp chúng sanh vượt qua bờ sinh tử luân hồi. Trong lời cầu nguyện thứ nhì, chúng ta cầu xin Đức Chí Tôn cứu độ cho toàn chúng sanh, thì tự bản thân mình phải tu sửa thân tâm, đó là tự độ, rồi sau phải có lòng tích cực tìm cách độ người khác, đó là tha độ. Ví như muốn cứu vớt người sắp bị đuối nước, nếu ta chưa biết lội thì phải tìm mọi cách vớt người để khỏi bị chết chìm. Nhưng tự thân cũng phải lo tập lội để mình tránh được chết chìm (tự độ), mà lại có thể cứu giúp người khác (tha độ). *Bản thân chưa tốt thì làm sao có thể sửa người khác được. Mạnh Tử nói: Chính mình cong queo thì không thể nào sửa cho người ngay thẳng được. (Uống kỷ giả, vị hữu năng trực nhân giả dã 枉己者, 未有能直人者也).*

Tam nguyện: Xá tội đệ tử

三願: 舍罪弟子.

- **Tam nguyện** 三願: *Điều cầu nguyện thứ ba.*
- **Xá tội** 舍罪: *Tha tội.*
Thế gian là nơi chứa nhiều tội lỗi. Bởi vô minh, con người mới tạo ra tội ác, tội ác tạo thành nghiệp quả, nghiệp quả đó lại tạo nên những chướng ngại, gọi là nghiệp chướng. Nghiệp chướng mới che mờ Chân tâm, bản tánh của chúng ta.
Do vậy, người tu hành, trước hết phải biết sám hối ăn năn tội lỗi của mình, lo lập công bồi đức để được xá tội hiện tại và tội tiền khiên.
- **Đệ tử** 弟子: *Ý chỉ lời tự xưng của toàn tín đồ trong*

Đạo Cao Đài.

- ▶ **Tam nguyện: Xá tội đệ tử** 三願: 舍罪弟子: Điều nguyện thứ ba là xin Đức Chí Tôn tha tội cho toàn thể chúng con.

Chúng ta phải hiểu sống ở thế gian, mỗi con người đều phải mang nghiệp quả nặng nhẹ khác nhau, do nghiệp đó mà họ bị mê mờ gây ra tội lỗi. Nếu chúng ta, mỗi thời cúng đều cầu xin Đức Chí Tôn tha tội cho mình thì trước nhứt tự bản thân mình phải biết ăn năn sám hối, tức là tự mình độ rỗi cho chính mình. Ngoài ra, mình nguyện Chí Tôn tha thứ tội lỗi cho mình, thì mình cũng dụng từ tâm mà thứ tha cho người khác, đó là lòng hỷ xả.

Hỷ là vui không cho riêng mình, mà là vui cho người khác. Hoan hỷ trước sự thành công, hạnh phúc của người khác. Muốn có hỷ tâm ta phải diệt trừ lòng ganh tỵ, đố kỵ. Chính lòng ganh tỵ khiến tâm hồn ta trở nên xấu xa, đê hèn.

Xả là tâm buông bỏ, tâm bình đẳng, vượt qua mọi phân biệt, không chấp trước không bị vướng mắc vào phiền não. Tâm bình thản, không giận dữ, phẫn nộ, chán nản, buồn phiền hay lo âu. Người có tâm xả thì bỏ được tính kiêu căng, ngã mạn, tiếp nhận những lẽ đúng đắn để tiến bộ trên đường giác ngộ.

Có được tâm hỷ xả thì lòng ta mới an vui, bình thản, và thanh tịnh mà sám hối để Chí Tôn tha thứ tội tình.

Trong cùng tôn giáo, ngoài xã hội, nếu mọi người đều làm được như thế, thì nội bộ sẽ đoàn kết, hòa thuận anh em cùng một cha, và góp phần xây dựng cho xã hội được trật tự, yên ổn.

Tứ nguyện: Thiên hạ thái bình

四願: 天下太平

- **Tứ nguyện** 四願: Điều cầu nguyện thứ tư.
- **Thiên hạ** 天下: Dưới Trời, chỉ toàn thể nhân loại.
- **Thái bình** 太平: Thời rất bình yên, không có loạn lạc.
- ▶ **Tứ nguyện: Thiên hạ thái bình** 四願: 天下太平: Điều nguyện thứ tư là cầu xin nhân loại trên thế gian này được sống cảnh hòa bình thịnh trị.

Muốn thiên hạ thái bình, tức là thế giới không có chiến tranh, trước nhất, mỗi con người tín đồ của Đại Đạo phải tự tu sửa để làm một phần tử tốt đẹp trong gia đình, rồi lấy tình thương mà xây dựng một xã hội tốt đẹp. Mọi Tín đồ phải nghĩ rằng nhân loại là cùng một gia đình Thượng Đế, con chung một cha, anh em một nhà, nên phải có một tình yêu thương nhau như ruột thịt, điều này Thánh giáo Đức Chí Tôn cũng có dạy: “Sự thương yêu là giếng bảo sanh của Càn khôn Thế giới. Có thương yêu nhân loại mới hoà bình, Càn khôn mới an tịnh. Dặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa. Vì ghét nhau, vạ loại mới khi nhau, khi lẫn nhau mới tàn hại nhau, mà tàn hại nhau là cơ diệt thế. Vậy Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu nhau, thì cũng đừng ghét nhau. Nghe à!”. Tình thương yêu làm thắt chặt sợi dây thân ái giữa con người với nhau, nó là nền tảng của đời thái bình thịnh trị.

Ngũ nguyện: Thánh thất an ninh

五願: 聖室安寧

- **Ngũ nguyện** 五願: Điều cầu nguyện thứ năm.

- ▣ **Thánh Thất** 聖室: Ngôi thờ Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thánh Thất ở đây còn có thể hiểu là Tâm. Bởi vì Chí Tôn ngự nơi Thánh Thất cũng chính là ngự nơi Tâm của con người. Mạnh Tử nói rằng: Giữ gìn cho còn cái Tâm của mình, nuôi dưỡng cái tính của mình là thờ Trời vậy (Tôn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự Thiên dã 存其心, 養其性, 所以事天也).

- ▣ **An ninh** 安寧: Yên ổn.

- ▶ **Ngũ nguyện: Thánh thất an ninh** 五願: 聖室安寧: Điều nguyện thứ năm là cầu xin cho Thánh Thất được an ninh.

Thánh Thất hay Tòa Thánh là nơi thờ tự Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, và là nơi để mọi Tín đồ đặt trọn đức tin, nơi tu học hoặc hành Đạo. Vì vậy, khi chúng ta cầu xin Ông Trên ban cho Thánh Thất an ninh, thì tự mỗi cá nhân Tín đồ cũng phải góp phần xây dựng Thánh Thất an ninh. Mỗi Họ Đạo có Tín đồ hoà thuận, đồng giữ an ninh, thì góp phần yên ổn cho toàn tỉnh Đạo, các Tỉnh Đạo cũng vậy thì Hội Thánh và toàn Đạo đều được trật tự, yên ổn. Nhưng người tu không chỉ giới hạn trong Tôn giáo mình, mà còn phải với Tôn giáo bạn cùng xây dựng trật tự, an ninh cho xã hội. Muốn được vậy, mỗi cá nhân Tín đồ đều phải tự giữ an ninh cho chính mình và giữ gìn an ninh cho người khác.

Ngoài ra, còn có thể hiểu, Tâm là nơi ngự của Chí Tôn, Thánh thi có bài dạy như sau:

Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,

Chẳng kỳ hạ giới vọng cao ngời.

Bân sang trời mặc, tâm là quý,

Tâm ấy tòa sen của Lão ngời.

Thầy ngự nơi Thánh Thất cũng là ngự nơi tâm của mỗi con người chúng ta. Như vậy, cầu cho Thánh Thất an ninh cũng chính là cầu cho tâm của chư môn đồ được an ninh.

Người ta thường nói “tâm viên ý mã 心猿意馬”, tức là chỉ tâm ý cũng như con vượn và ngựa, lúc nào cũng chạy nhảy lảng xãng, không an định.

Lại nữa, con người thường bị hoàn cảnh và vọng niệm sai sử, tâm ý không yên ổn, lúc nào cũng bị phân tán, cho nên thường sống trong lãng quên, thất niệm. Cầu cho tâm thức được an ninh là cầu cho tâm không bị tán loạn, điên đảo, hay phiền não. Tâm có an ổn thì mới giúp cho con người sáng suốt, sống tỉnh thức, không còn đeo đuổi vọng niệm. Cầu cho tâm thức an ninh không có nghĩa là cầu Chí Tôn ban huyền diệu cho ta, mà nhờ Ngài chứng chiếu để ta tự phát tâm tu sửa, trau dồi tâm tánh cho được bình thản, an tịnh.

IV. GIẢI NGHĨA

NGŨ NGUYỆN

- ▶ Điều cầu nguyện thứ nhất là con cầu xin và quyết lòng mở mang nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được rộng khắp.
- ▶ Điều nguyện thứ nhì là cầu xin cứu độ chúng sanh khắp mọi nơi.
- ▶ Điều nguyện thứ ba là xin Đức Chí Tôn tha tội cho toàn thể chúng con.

- ▶ Điều nguyện thứ tư là cầu xin nhân loại trên thế gian này được sống cảnh hòa bình thịnh trị.
- ▶ Điều nguyện thứ năm là cầu xin cho Thánh Thất được an ninh và tâm của chúng sanh không bị tán loạn, điên đảo, hay phiền não, tức là được bình thản, an tịnh.

CHƯƠNG THỨ NHÌ

KINH CÚNG TỨ THỜI TẠI ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU

KHI CÚNG ĐỨC PHẬT MẪU TẠI BÁO AN TỪ HAY TẠI CÁC ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU ĐỊA PHƯƠNG, TẤT CẢ Chức sắc, Chức việc hay Đạo hữu dù Nam Nữ đều mặc đạo phục như hàng Đạo hữu, bởi vì mọi người đều là con cái của Đức Phật Mẫu, không phân biệt là Chức sắc hay Tín đồ.

Cúng Đại đàn, Đàn sóc vọng tại Báo Ân Từ hay các Điện Thờ Phật Mẫu tại địa phương được cúng vào thời Ngọ 12 giờ trưa (không cúng vào thời Tý), với những bài kinh như sau:

- Niệm Hương.
- Khai Kinh Chú.
- Phật Mẫu Chơn Kinh.
- Dâng Tam Bửu: Dâng Hoa, Dâng Rượu, Dâng Trà.
- Ngũ nguyện.

Ngoài ra, tại Báo Ân Từ còn được cúng Tứ thời mỗi ngày vào các thời: Tý 12 giờ khuya, Mẹo 6 giờ sáng, Ngọ 12 giờ trưa, Dậu 6 giờ chiều. Mỗi thời cúng đều tụng những bài kinh như sau:

- Niệm Hương^[1]
- Khai Kinh.
- Phật Mẫu Chơn Kinh.

¹ Những bài kinh: Niệm Hương, Khai Kinh, ba bài kinh Dâng Tam bửu và Ngũ nguyện đã chú giải. Phần này, chúng tôi chỉ Chú giải Phật Mẫu Chơn Kinh và Tán Tụng Công Đức Diệu Trì Kim Mẫu.

- *Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.*
- *Thời Mẹo, Dậu: Dâng Trà; thời Tý, Ngọ: Dâng Rượu.*
- *Ngũ nguyện.*

THIÊN THỨ NHẤT
PHẬT MẪU CHƠN KINH

- I. KINH VĂN
II. VIẾT RA HÁN TỰ.
III. CHÚ THÍCH:
IV/ GIẢI NGHĨA

I. KINH VĂN

PHẬT MẪU CHƠN KINH

*Tạo Hóa Thiên Huyền vi Thiên Hậu,
Chưởng Kim Bàn Phật Mẫu Diêu Trì.*

*Sanh quang dưỡng dục quần nhi,
Chơn linh phối nhứt thân vi Thánh hình.*

*Thiên cung xuất Vạn linh tòng pháp,
Hiệp Âm Dương hữu hạp biến sanh.*

*Càn Khôn sản xuất hữu hình,
Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sinh.*

*Cộng vật loại huyền linh đồ nghiệp,
Lập Tam Tài định kiếp hòa căn.*

*Chuyển luân định phẩm cao thấp,
Hư vô Bát quái trị thân qui nguyên.*

*Diệt tục kiếp trần duyên oan trái,
Chưởng Đào tiên thủ giải trường tồn.*

*Nghiệp hồng vận tử hồi môn,
Chí công định vị vĩnh tồn Thiên cung.*

*Chủ Âm quang thường tòng Thiên mạng,
Độ chơn thân nhứt vãng nhứt lai.*

Siêu thăng phụng liễn qui khai,
Tiên cung Phật xứ **Cao Đài** xướng danh.

Hội Ngươn hữu Chí Linh huấn chúng,
Đại Long Hoa nhưn chủng hoà ki (là cơ)
Tam kỳ khai hiệp Thiên thi,
Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên.

Trung khổ hải độ thuyền Bát nhã,
Phước Từ bi giải quả trừ căn.
Huần hồn chuyển đọa vi thăng,
Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn Chưởng Âm,

Thập Thiên can bao hàm vạn tượng,
Tùng Địa Chi hóa trường Càn Khôn.
Trùng huần phục vị Thiên môn,
Ngươn linh hóa chủng qui hồn nhứt thăng.

Vô siêu đọa quả căn hữu pháp,
Vô khổ hình nhưn kiếp lưu oan.
Vô Địa ngục, vô Quỷ quan,
Chí Tôn đại xá nhứt tràng qui nguyên.

Chiếu nhũ lệnh **Từ Huyền** thọ sắc,
Độ anh nhi nam, bắc, đông, tây.
Kỳ khai tạo nhứt Linh Đài,
Diệt hình tà pháp cường khai Đại Đồng.

Hiệp vạn chủng nhứt môn đồng mạch,
Qui thiên lương quyết sách vạn trừ.
Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Vu,
Hiệp qui Tam Giáo hữu cầu chí chơn.

Phục nguyên nhưn huờn tôn Phật tánh,
Giáo hóa hôn hữu hạnh hữu duyên.
Trụ căn quý khí Cửu tuyên,
Quảng khai Thiên thượng tạo quyền chí công.
Lịnh Mẫu Hậu khai Tông định Đạo,
Ấn dưỡng sanh đảm bảo hôn hài,
Càn Khôn Tạo Hóa sánh tài,
Nhứt triêu nhứt tịch kính bài mộ khang.

■ Niệm:

“NAM MÔ ĐIỀU TRÌ KIM MẪU TẠO HÓA HUYỀN THIÊN CẨM BÁI”

“NAM MÔ ĐẠI TỬ BI NĂNG HỖ XẢ THIÊN HẬU CHÍ TÔN, ĐẠI BI, ĐẠI ÁI”

II. VIẾT RA HÁN TỰ

佛母真經

造化天玄微天后
掌金盤佛母瑤池
生光養育群兒
真靈配一身為聖形
天宮出萬靈從法
協陰陽有合變生
乾坤產出有形
八魂運轉化成眾生
共物類玄靈圖業
立三才定劫和根
轉輪定品高升
虛無八卦治神歸元
滅俗劫塵緣冤債

掌桃仙守解長存
業洪運子回門
至公定位永存天宮
主陰光常從天命
度真神一往一來
超升鳳輦歸開
仙宮佛處高臺唱名
會元有至靈訓眾
大龍花人種和機
三期開合天書
科門仙位遇期佛緣
中苦海度船般若
福慈悲解果除根
還魂轉墮為升
九仙回復金盤掌陰
十天干包含萬象
從地支化長乾坤
重還復位天門
元靈化種鬼魂一升
無超墮果根有法
無苦刑人劫留冤
無地獄無鬼關
至尊大赦一場歸元
照乳令慈萱受敕
度嬰兒南北東西

期開造一靈臺
 滅形邪法強開大同
 協萬種一門同脈
 歸天良決策運籌
 春秋拂塵鉢盂
 協歸三教有求至真
 復元人還存佛性
 教化魂有幸有緣
 住根鬼氣九泉
 廣開天上造權至公
 令母后開宗定道
 恩養生擔保魂骸
 乾坤造化娉才
 一朝一夕敬排暮康

念: 南無瑤池金母造化玄天感拜。

南無大慈悲能喜舍天后至尊大悲大愛

III CHÚ THÍCH

- ▶ **Phật Mẫu Chơn Kinh** 佛母真經: *Bài Chơn kinh nói về nguồn gốc và quyền hành của Đức Phật Mẫu.*

Theo Đức Hộ Pháp, bài “*Phật Mẫu Chơn Kinh*” này được Bát Nương Diêu Trì Cung, thay quyền Đức Phật Mẫu giáng cơ cho tại Kim Biên Tông Đạo (Nước Cao Miên), nơi Báo Ân Đường, do chính Đức Hộ Pháp phò loan.

Bài “*Phật Mẫu Chơn Kinh*” là một bài kinh gồm đủ mọi quan niệm: Quan niệm về Vũ trụ, quan niệm

về nhân sinh, triết lý Tôn giáo, và con đường cứu rỗi của Cao Đài.

Khi chú giải bài Phật Mẫu Chơn Kinh này, chúng tôi dựa theo ý lời giải nghĩa tổng quát của Đức Hộ Pháp trong bài thuyết đạo tại Báo Ân Từ vào ngày Vía Đức Phật Mẫu 15 tháng 8 năm Đinh Hợi (1947). Chúng tôi chú giải chi tiết về từng chữ, từng câu, và luận thêm cho dễ hiểu.

Tạo Hóa Thiên Huyền vi Thiên Hậu

造化天玄微天后

- **Tạo hóa Thiên.** 造化天: Là tầng trời Tạo Hóa, một tầng Trời rất huyền diệu, nên còn gọi là Tạo Hóa Huyền Thiên. Đây là tầng Trời do Đức Diêu Trì Kim Mẫu chứng quản.
- Theo Đức Hộ Pháp: “Tầng Trời **thứ chín** gọi là cung Tạo Hoá Thiên, có vị cầm quyền năng tạo đoan gọi là Thiên Hậu, nắm cả Kim Bàn tức là nắm Đẳng cấp Thiêng liêng điều khiển chơn linh gọi là Phật Mẫu Diêu Trì”.
- Như vậy Tạo Hóa Thiên là chỗ ngự của Đức Phật Mẫu và là nơi cấu tạo, hóa sinh ra muôn loài vạn vật.
- Căn cứ theo bài kinh Đệ Cửu Cửu thì tầng Trời Tạo Hóa rất mâu nhiệm, luôn luôn lúc nào cũng có sự biến hóa, không lúc nào ngừng nghỉ:

Vùng thoai khí bát hồn vạn chuyển,

Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng.

Theo Di Lặc Chơn Kinh, tầng Tạo Hóa Thiên là một Tầng Trời huyền diệu, có các vị Phật như: Quảng Sanh Phật, Dưỡng Dục Phật, Chưởng Hậu Phật, Thủ Luân Phật, cùng với Cửu Vị Nữ Phật từng theo

mệnh lệnh của Kim Bàn Phật Mẫu, có thể tạo hóa ra vạn linh, có thể dạo khắp Ta Bà Thế Giới, để nuôi dưỡng chúng sanh, cứu độ trở về với ngôi vị Phật.

- **Huyền vi** 玄微: Sâu kín nhỏ nhặt, mâu nhiệm.
- **Thiên Hậu** 天后: Một Thánh hiệu của Đức Phật Mẫu.

Phật Mẫu có rất nhiều danh hiệu khác nhau, tùy theo địa phương, dân tộc hay Tôn giáo, được kể như sau:

- Mẹ sanh.
- Mẹ Thiêng Liêng.
- Địa Mẫu.
- Thiên Hậu.
- Cửu Thiên Huyền Nữ.
- Phật Mẫu.
- Đại Từ Mẫu.
- Kim Bàn Phật Mẫu.
- Diêu Trì Kim Mẫu.
-

- ▶ **Câu 1:** Đức Phật Mẫu là Đấng huyền vi ngự nơi tầng Tạo Hóa Thiên.

Chương Kim Bàn Phật Mẫu Diêu Trì

掌金盤佛母瑤池

- **Chưởng** 掌: Nắm giữ, chưởng quản.
- **Kim Bàn** 金盤: Là cái mâm vàng hay cái chậu vàng. Theo Kinh “Ngọc Lộ Kim Bàn”, khi Trời đất đã được hình thành, Phật Mẫu mới đem Chơn tánh phân ra một hạt. Từ một hạt đó, Ngài mới thổi hơi chân khí biến thành 100 ức Linh căn chân tánh (tức Nguyên

nhân), rồi Ngài đem chứa trong Kim Bàn. hay nói cách khác, Kim Bàn là nơi chứa các linh căn chơn tánh.

Căn cứ kinh Đệ Cửu Cửu, Kim Bàn (Kim bồn) cũng là nơi chứa các nguyên chất (nguyên chất) mà Đức Kim Bàn Phật Mẫu dùng để tạo các hình hài của các bậc nguyên nhân :

Nơi **Kim Bồn** vàn vàn nguyên chất,
Tạo hình hài các bậc nguyên nhân.

- **Diêu:** Hay dao 瑤 một thứ ngọc tốt, quý.
- **Trì** 池: Cái ao.
- **Diêu Trì** 瑤池: Hay Dao Trì là một cái ao được làm thành toàn bằng ngọc dao. Ao Diêu trì nằm nơi Cung ngự của Đức Phật Mẫu, nên Cung này được gọi là Diêu Trì Cung, và Phật Mẫu được gọi là Diêu Trì Phật Mẫu hay Diêu Trì Kim Mẫu. Ngoài ra, do Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn, nên còn được gọi là Kim Bàn Phật Mẫu.
- ▶ **Câu 2:** Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn, nơi Diêu Trì Cung ở tầng Tạo Hóa Thiên.

Sanh quang dưỡng dục quần nhi

生光養育群兒

- **Sanh** 生: Sanh là sự sống,
- **Quang** 光: Là ánh sáng.
- **Sanh quang** 生光 là một chất khí có khả năng nuôi sống cho muôn loài vạn vật. Thảo mộc, thú cầm, nhưn loại nhờ khí sanh quang (sanh khí) mà có được sự sống nơi thế gian, dứt khí sanh quang thì mọi vật đều phải chết.

Đối với con người và loài vật ở trên quả Địa cầu này, có thể sống được là nhờ Dưỡng khí và Dương khí (Ánh sáng mặt Trời), nhưng dù có đầy đủ các loại khí này mà khí sanh quang (sanh khí) tuyệt thì cũng phải chết. Vì vậy, chúng ta phải hiểu, khí sanh quang là một loại khí vô vi, mà Phật Mẫu ban cho chúng sanh từ lúc mới hóa sinh. Khí sanh quang này của Đức Phật Mẫu phân tán ra đã có: Đó là Khí Thái Cực hay Nguyên khí.

- ◻ **Dưỡng dục** 養育: Nuôi nấng.
- ◻ **Quần nhi** 群兒: Nhiều đứa con. Đây chỉ các con cái của Đức Phật Mẫu.
- ▶ **Câu 3:** Phật Mẫu lấy khí sanh quang mà nuôi dưỡng con cái của Ngài.

Chơn linh phối nhứt thân vi Thánh hình

真靈配一身為聖形

- ◻ **Chơn linh** 真靈: Là một phần vô vi của con người, đem kết hợp với phần hữu hình là thể xác thì con người mới có sự sống. Phần này thông thường được gọi là linh hồn.

Theo triết lý Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn từ khí Hỗn Độn hóa sinh ra thành một khối, được gọi là khối Đại Linh Quang. Từ khối Đại Linh Quang này, Ngài mới chiết ra thành các Tiểu Linh Quang để hóa sanh ra Thần, Thánh, Tiên, Phật và vạn vật. Như vậy, mỗi con người là một Tiểu Linh Quang hay là một Chơn linh được chiết ra từ Thượng Đế.

- ◻ **Phối nhứt** 配一: Phối hợp với nhau thành một.
- ◻ **Thân** 身: Thân thể.
- ◻ **Vi** 為: Làm.

- ◻ **Thánh hình** 聖形: Hình thể Thiên Liêng. Đây có thể hiểu là hình thể của một bậc nguyên nhân. Như trên ta đã biết, Chơn linh là một Tiểu Linh Quang được chiết ra từ Đức Chí Tôn, Phật Mẫu mới đem phối hợp với Chơn thân do Ngài tạo ra nơi Kim Bàn để làm thành một Thánh hình, hay một hình thể Thiên Liêng. Đó là bậc nguyên nhân vậy. Sau đó, Nguyên nhân mới đầu kiếp xuống phàm trần, kết hợp với nhục thể do cha mẹ nơi thế gian này tạo ra để thành một con người phàm trần.
- ▶ **Câu 4:** Chơn linh phối hợp với Chơn thân của Phật Mẫu để tạo thành một Thánh hình (Hình thể Thiên Liêng).

Thiên cung xuất Vạn linh tùng pháp

天宮出萬靈從法

- ◻ **Thiên Cung** 天宮: Cung Trời. Ý chỉ Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- ◻ **Xuất** 出: Đi ra.
- ◻ **Vạn linh** 萬靈: Muôn chơn linh, tức là các chơn linh trong Càn khôn Vũ trụ này.
- ◻ **Tùng** 從: Theo.
- ◻ **Pháp** 法: Là những quy luật điển bài chân lý tuyệt đối bao quát tất cả. Phật theo pháp mà sinh ra, tức là người hành giả nhờ tu hành theo pháp mà thành Phật, vì thế bên Phật giáo gọi Phật Mẫu là Pháp. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Chí Tôn có giải thích về pháp như sau: “Thầy khai bát quái mà tác thành Càn Khôn Thế Giới nên mới gọi là Pháp, Pháp có mới sinh ra Càn Khôn Vạn vật, rồi mới có người

nên gọi là tăng.

Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy”.

Như vậy, Đức Chí Tôn là Phật, tạo ra pháp để sinh ra Càn Khôn Vũ trụ và vạn linh.

- ▶ **Câu 5:** *Tùng theo Pháp của Đức Chí Tôn mà vạn loại được sinh ra.*

Hiệp Âm Dương hữu hợp biến sanh

協陰陽有合變生

- ◻ **Hiệp** 協: *hợp lại.*
- ◻ **Âm Dương** 陰陽: *Khí Âm và khí Dương, tức lưỡng nghi.*

Như ta đã biết, khí Hư vô sinh ra Thái cực, rồi Thái cực sinh lưỡng nghi, tức là khí âm và khí dương. Hai khí này phối hiệp nhau lại mà sinh hóa ra Càn Khôn Vũ trụ và vạn vật.

Điều này, một triết gia Trung Quốc, ông Chu Liêm Khê có nói rằng : Vì hai khí Âm Dương giao cảm với nhau mà hóa sinh muôn vật, muôn vật sinh rồi lại tiếp tục sinh nữa, cho nên cuộc biến hóa trở nên vô cùng (Nhị khí giao cảm, hóa sinh vạn vật, vạn vật sinh sinh mà biến hóa vô窮焉).

Đạo Cao Đài đã quan niệm sự tạo thành Âm dương cùng sự biến hóa ra Âm dương như sau :

Sau khi ngôi Thái Cực được hình thành thì Đức Chí Tôn đã ngự trên ngôi ấy. Sau đó, ngôi Thái Cực bùng phóng ra một vầng quang minh phân định khí khinh thanh nhẹ nhàng bay lên làm Trời, khí trọng trước

nặng nề ngừng giáng xuống làm đất, đó là hai khí Dương và khí Âm (lưỡng nghi).

Hai khí Âm dương quanh lộn, đùn đẩy nhau trong khoảng không gian rồi hỗn hiệp cùng nhau mà sinh ra Tứ tượng (lưỡng nghi sinh tứ tượng). Tứ tượng mới lặn quay như chong chóng để tạo thành bát quái. Bát quái mới biến hóa vô cùng vô tận để tạo nên Càn khôn Vũ trụ.

Âm dương chính là cơ động tịnh mâu nhiệm của Trời đất. Nếu không có Âm dương, muôn vật sẽ không thể hóa sanh. Nhờ có Âm dương tác động lẫn nhau nên mới tạo ra mọi cuộc biến hóa trên đời, Trời đất và vạn vật cũng nhờ đó mà sinh thành. Nếu chỉ có Âm mà không có Dương, hay ngược lại, có Dương mà không có Âm thì cuộc biến hóa cũng không thành hình, một Âm ấy rồi cũng tiêu, một Dương ấy rồi cũng diệt, vì cô Dương bất sinh, độc Âm bất trưởng 孤陽不生, 獨陰不長. Vậy Âm dương là hai yếu tố đi đôi với nhau, dung hòa nhau, tương phản nhau, bổ túc cho nhau. Chính nhờ sự tương hòa, tương phản nhau như nóng, lạnh, sáng tối, cứng mềm, ngày đêm... mà vạn vật biến chuyển không ngừng. Hệ Từ Thượng viết: Cương nhu tương thôi nhi sinh biến hóa 剛柔相摧, 而生變化 (Cứng mềm đùn đẩy nhau mà sinh ra biến hóa).

- **Hữu hợp:** Túc hữu hợp hay hữu hiệp 有合, nghĩa là có hiệp lại.
- **Biến sanh** 變生: Biến hóa sanh ra.
- ▶ **Câu 6:** Lấy hai khí Âm và khí Dương hiệp nhau lại mà biến sinh ra vạn vật.

Càn Khôn sản xuất hữu hình

乾坤產出有形

- **Càn Khôn** 乾坤: Quẻ Càn và quẻ Khôn trong Bát Quái, được tượng trưng cho Trời và đất.
- **Sản xuất** 產出: Làm ra, chế tạo ra.
- **Hữu hình** 有形: Có hình thể, có sắc tướng.
- ▶ **Câu 7:** Âm Dương (Càn khôn) là phần vô vi hiệp lại với nhau tạo ra thành vạn vật có hình thể.

Càn Khôn hay Dương Âm, thuộc về phần hình nhi thượng, tức là vô vi, không có hình sắc. Hai nguyên lý huyền vi mâu nhiệm của Âm Dương là phần vô hình mới phối hiệp nhau lại mà sinh hóa ra vạn vật là vật loại có hình thể.

Chính Đức Lão Tử trong Đạo Đức Kinh cũng có viết: Trời đất vạn vật từ cái “Có” mà sinh ra, cái “Có” ấy được sinh ra từ cái “Không” (Thiên địa vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô 天地萬物生於有, 有生於無).

Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sinh

八魂運轉化成眾生

- **Bát hồn** 八魂: Tám loại chơn hồn: Kim thạch hồn là loài kim loại đá; Thảo mộc hồn là loài cây cối; Thú cầm hồn là loài chim thú; Nhơn hồn là con người, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn. Tám đẳng cấp chơn hồn này được gọi là bát phẩm chơn hồn, theo Đức Hộ Pháp là do trong Kim Bàn của Phật Mẫu mà hóa sanh ra, được gọi chung là chúng sanh. Tám phẩm chơn hồn này được Đức Phật Mẫu cho đầu kiếp xuống trần, phải tu hành nhiều kiếp để tiến

hóa lên, từ phẩm này lên phẩm kia, cho đến nhưn hôn, rồi tiếp tục tu mãi để lên đến hàng Tiên, Phật hôn.

- **Vận chuyển** 運轉: Dời động, đem từ nơi này đến nơi khác.
- **Chúng sanh** 眾生: Gồm các vật có hồn như kim thạch, thảo mộc, thú cầm, nhưn loại gọi chung là Chúng sanh.
- ▶ **Câu 8:** Phật Mẫu đem bát hôn cho đầu kiếp xuống trần tạo thành chúng sanh.

Cộng vật loại huyền linh đồ nghiệp 共物類玄靈圖業

- **Cộng** 共: Gộp lại, tổng cộng.
- **Vật loại** 物類: Loại vật, gọi chung là chúng sanh.
- **Cộng vật loại** 共物類: Gộp tất cả các loài vật hữu sanh.
- **Huyền linh** 玄靈: Chơn linh huyền diệu.
- **Đồ nghiệp** 圖業: Lo tính sự nghiệp, mưu tạo sự nghiệp. Ý chỉ sự nghiệp Thiêng liêng.

Các Chơn linh xuống trần đều phải lo tu hành để tạo sự nghiệp Thiêng liêng, hầu lập vị cho chính mình. Muốn tạo nghiệp Thiêng liêng chỉ có con đường là công quả, Thánh giáo Thầy có dạy: “Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo, **phải có công quả**”.

Việc tạo sự lập nghiệp nơi cõi Thiêng liêng rất khó hành vì thuộc vô vi, nên trong Thánh ngôn hiệp tuyển có thi dạy như sau:

Sấm nghiệp trần gian còn phải khó,

Lựa là nghi trường tại Bồng Sơn.

- ▶ **Câu 9:** Hiệp cả thầy chơn linh loài vật hữu sanh để lo tính sự nghiệp lập vị cho chính mình.

Lập Tam Tài định kiếp hòa căn

立三才定劫和根

- ◻ **Tam tài** 三才: Gồm Thiên 天, Địa 地, Nhân 人, tức là Trời, đất và người, là ba yếu tố quan trọng nhất, cao quý nhất trong vũ trụ. Đồng Trọng Thu cho biết về Tam tài như sau: Người với Trời tương đồng từng điểm cho nên vũ trụ mà không có người thì vũ trụ không còn hoàn toàn, không thành được vũ trụ nữa vậy. Bởi vì vũ trụ là một đại hòa điệu Tam tài: Thiên, địa, nhân, nếu mất một yếu tố thì hòa điệu cũng không còn.
- ◻ **Lập Tam tài** 立三才: Là lập ra Trời đất và con người. Đây chỉ việc Đức Phật Mẫu tạo lập ra Càn khôn Vũ trụ và con người.
- ◻ **Kiếp** 劫: Chỉ một khoảng thời gian con người từ lúc được sinh ra đến lúc chết.
- ◻ **Căn** 根: Cái gốc rễ.

Do gốc rễ đó, mà kiếp sống hiện tại của con người phải thọ lãnh cái nghiệp, nếu kiếp trước làm những điều thiện, thì tạo căn lành cho kiếp sống hiện tại, nếu bây giờ ta làm những việc ác, thì tạo ác căn cho kiếp lai sinh. Như vậy, căn hay gốc rễ tạo thành cái nghiệp cho con người, vì thế người ta thường gọi căn quả hay căn nghiệp.

Thiện căn hay ác căn có khả năng ăn sâu và lớn mạnh lên vào gốc rễ mà tạo thành nghiệp báo. Kinh Giải Oan có câu:

*Bước đường sanh tử đã chôn,
Oan oan nghiệt nghiệt dập dồn trái căn.*

- ▶ **Câu 10:** *Phật Mẫu lập ra tam tài (Trời, đất, người) và định kiếp căn của con người sống ở cõi trần này.*
-

Chuyển luân định phẩm cao thăng

轉輪定品高升

- ◻ **Chuyển** 轉: *Xoay vần, quay chuyển.*
- ◻ **Luân** 輪: *Bánh xe xoay vòng.*
- ◻ **Chuyển luân** 轉輪: *Hay luân chuyển là sự chuyển động như một cái bánh xe quay tròn, từ vòng này đến vòng khác.*

Phật cho rằng sự sống chết qua nhiều kiếp của con người giống như một cái bánh xe quay tròn vòng này trở lại vòng khác, cứ thế mà xoay mãi.

Tuy nhiên sự xoay chuyển đó phải đi vòng trong sáu cõi (Phật gọi là Lục đạo), sanh tử, tử sanh, tiếp nối nhau mãi không ngừng, cho đến khi nào đạt được giải thoát, hay chứng ngộ Niết bàn (Đắc Đạo) mới thôi. Bánh xe sanh tử này không có điểm khởi đầu, vì nó bị nghiệp lực cuốn hút vào vòng sống chết, nên phải lên xuống trong sáu cõi, không bao giờ dừng nghỉ.

Muốn giải thoát con người ra khỏi vòng luân chuyển, chấm dứt sanh tử, thì chúng ta phải phá được bức màn vô minh, dứt được ba căn bất thiện, và tạo nhân lành để được hưởng quả tốt.

Kinh Lăng Nghiêm có viết: “Tất cả chúng sinh vì vô minh che lấp mắt chân tánh, bị dục vọng, phiền não sai khiến, tạo ra muôn ngàn nghiệp ác, vì đó phải trôi nổi trong biển khổ luân hồi”.

- **Định phẩm** 定品: Định ngôi thứ cao thấp.
- **Cao thăng** 高升: Thăng lên ngôi vị cao.

Sự luân hồi chuyển kiếp về sinh tử của con người là để trả nợ căn kiếp theo luật nhưn quả, và cũng là một trường thi công quả để các chơn linh đạt ngôi vị cao thăng.

Đức Hộ Pháp giảng: “Sự luân hồi chuyển kiếp của chúng ta, nẻo sanh tử là con đường đạt vị cao thăng: Sanh ra đăng trả căn kiếp ở thế gian theo luật nhưn quả, sanh đăng lập nghiệp đạt vị cũng có, mượn kiếp hữu sanh này lập vị cao thăng cũng có”.

- ▶ **Câu 11:** *Mượn việc luân hồi chuyển kiếp, mà các chơn linh có thể đạt ngôi vị cao thăng.*

Hư vô Bát quái trị thần qui nguyên

虛無八卦治神歸元

- **Hư vô** 虛無: Khí Hư vô, còn gọi là Hỗn nguyên khí, nguyên khí.
- **Bát quái** 八卦: Tám quẻ trong Kinh Dịch: Càn: Trời, Khôn: đất, Chấn: sấm Tốn: gió, Ly: lửa, Khảm: nước, Cấn: núi, Đoài: đầm.

Theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn: “Khí Hư vô là khí có trước khi có Trời đất, gọi là Tiên Thiên Chánh khí, hay Hạo Nhiên chi khí”.

Khí Hư vô này hóa sinh ra một ngôi, gọi là Thái cực, là một khối Đại Linh Quang, tức là Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thái cực mới phân âm dương, rồi sanh tứ tượng, biến bát quái mà tạo thành Càn Khôn Vũ trụ và vạn vật.

- **Trị thần** 治神: Sắp đặt Thần hồn.

- **Qui nguyên** 歸元: *Trở về nguồn cội, trở lại gốc.*
Nói theo Phật, mỗi chúng sanh đều có Phật tánh, theo Cao Đài, mỗi môn đệ của Đức Chí Tôn là một Tiểu Linh Quang được chiết ra từ khối Đại Linh Quang của Thượng Đế, nên chi Thầy có nói: “Thầy là các con, các con là Thầy”.
Nguồn cội của chúng sanh từ Chí Tôn hay Phật, nhưng vì chúng sanh bị mê mờ mà phải chìm trong luân hồi sanh tử. Vì thế, Phật Mẫu thường nhắc nhở con cái của Ngài lo lập vị, rồi Ngài đem từng chơn linh trở về nguồn cội (Qui nguyên) là Chí Tôn.
- ▶ **Câu 12:** *Phật Mẫu lấy khí Hư vô trong lò Bát quái để đem các chơn linh trở lại nguồn cội là Chí Tôn.*

Diệt tục kiếp trần duyên oan trái

滅俗劫塵緣冤債

- **Diệt** 滅: *Tiêu diệt.*
- **Tục kiếp** 俗劫: *Kiếp sống của con người ở cõi trần tục.*
Nơi chúng sinh đang sống là một cõi đầy dẫy ô trược, rối rắm, phiền não, đau khổ, nên có nhiều danh từ để chỉ cõi này như trần tục, trần cấu, tục lụy, thế tục, trần gian, trần thế, hồng trần... Tất cả các từ trên đều hàm ý trong cõi ấy có nhiều uế trược, nhiều cám dỗ, nhiều tranh danh đoạt lợi, và nhiều phiền não và đau khổ.
- **Trần duyên** 塵緣: *Có căn duyên nơi cõi trần, tức là có mối dây ràng buộc một con người với cõi thế gian.*
Do có trần duyên này, nên con người phải chịu sự luân hồi sinh tử.
- **Oan trái** 冤債: *Mối nợ oan khiên.*

Tự thân gây thù chuốc oán tạo nên một món nợ thì trước sau gì mình cũng phải đền trả. Ông Thái Công có nói rằng: “Khuyên người chớ có gieo thù kết oán, thù thâm thì khó giải cho ra. Thù kết thành trong một ngày, thì dù ngàn năm mở cũng không dứt. Nếu đem ơn mà trả oán thì ví như đem nước nóng đổ vào tuyết, nếu đem thù mà trả thù, thì cũng như chó sói gặp bò cạp. Ta thấy kẻ hay kết oán gây thù, hết thấy đều bị hư thân mà thôi (Khuyến quân mạc kết oán, oán thâm nan giải kết; nhất nhựt kết thành oán, thiên nhựt giải bất triệt; nhược tương ân báo oán, như thang khứ bất tuyết; nhược tương oán báo oán, như lang trùng kiến yết, Ngã kiến kết oán nhân, tận bị oán ma chiết 勸君莫結冤, 冤深難解結; 一日結成冤, 千日解不徹; 若將恩報冤, 如湯去潑雪, 若將冤報冤, 如狼重見蠍, 我見結冤人, 盡被冤磨折).

- ▶ **Câu 13:** Chấm dứt oan trái và tiêu diệt hết những mối dây ràng buộc của con người ở cõi trần, tức đã trả quả trong kiếp này

Chưởng Đào tiên thủ giải trường tồn

掌桃仙守解長存

- ◻ **Chưởng** 掌: nắm giữ, chưởng quản.
- ◻ **Đào tiên** 桃仙: Một loại quả nơi cõi Tiên.
Theo Đức Hộ Pháp, “nơi Diêu Trì Cung, Phật Mẫu trụ sanh quang lại thành một khối gọi là quả ☒ ã o Tiên, đủ phép sống vĩnh viễn trường tồn nơi cõi Hư linh. Phật Mẫu cầm quyền phép hườn Chơn thân cho ta đạt kiếp nơi cửa Hư linh”.
- ◻ **Thủ giải trường tồn** 守解長存: Nắm giữ cái lâu

dài. Đây chỉ sự hằng sống, vĩnh cửu.

- ▶ **Câu 14:** Phật Mẫu chứng quản vườn Đào Tiên, tạo quyền phép để các chơn linh được hằng sống nơi cõi Hư linh.

Nghiệp hồng vận tử hồi môn

業洪運子回門

- ◻ **Nghiệp hồng:** Hay Hồng nghiệp 洪業, sự nghiệp to lớn.
 - ◻ **Vận 運:** Vận chuyển. Theo nghĩa của câu là đem về.
 - ◻ **Tử 子:** Con cái. Đây chỉ chúng sanh.
 - ◻ **Hồi môn 回門:** Trở lại nhà. Ý chỉ trở về ngôi xưa vị cũ.
- ▶ **Câu 15:** Phật Mẫu đem con cái của Ngài về cõi Thiêng Liêng tạo thành một sự nghiệp to tát.

Chí Công định vị vĩnh tồn Thiên cung

至公定位永存天宮

- ◻ **Chí Công 至公:** Rất công bình. Đây chỉ Đức Chí Tôn, bởi vì Ngài là Đấng công bình tuyệt đối.
 - ◻ **Định vị 定位:** Sắp đặt ngôi vị.
 - ◻ **Vĩnh tồn 永存:** Còn mãi mãi, vĩnh viễn trường tồn.
 - ◻ **Thiên Cung 天宮:** Cung Trời, chỉ cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
- ▶ **Câu 16:** Tùy theo công nghiệp của mỗi Chơn linh mà Chí Tôn định vị cho vĩnh viễn ở nơi Thiên Cung.

Chủ Âm quang thường tùng Thiên mạng

主陰光常從天命

- ◻ **Chủ Âm quang 主陰光:** Làm chủ khí Âm quang. Ở đây chỉ Đức Phật Mẫu.

Ta đã biết Thái Cực phân Âm Dương. Khí Dương quang do Chí Tôn chưởng quản, khí Âm quang do Phật Mẫu làm chủ. Phật Mẫu mới đem khí Âm quang phối hợp với khí Dương quang của Chí Tôn để tạo hóa ra muôn vật.

- **Thường tùng** 常從: *Luôn luôn tùng theo.*
- **Thiên mạng** 天命: *Mạng lệnh của Trời, ở đây chỉ mạng lệnh của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.*
- ▶ **Câu 17:** *Làm chủ Âm quang, Phật Mẫu thường tùng theo mạng lệnh của Đức Chí Tôn.*

Độ chơn thần nhưt vãng nhưt lai

度真神一往一來

- **Độ** 度: *Cứu giúp.*
- **Chơn Thần** 真神: *Đệ nhị xác thân.*

Một con người ở cõi thể gian gồm có ba thể:

Phàm thân hay nhục thể là Đệ nhất xác thân, do cha mẹ đào tạo ra bằng xương thịt, Phật giáo cho là thân tứ đại do: Đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành. Thể này hữu hình, trọng trước, không thường tồn, bị hoại, nên có câu: “Nhục thể thổ sanh hoàn tại thổ”.

Chơn linh hay linh hồn là một Tiểu Linh Quang được chiết ra từ khối Đại Linh Quang của Thượng Đế ban cho con người, nên khi chết chơn linh sẽ trở về cõi Thiêng Liêng: “Linh hồn Thiên tứ phản hồi Thiên”.

Chơn Thần hay Đệ nhị xác thân, theo Thánh giáo, là một xác thân Thiêng liêng do Phật Mẫu dùng nguơn khí tạo thành. Thể này thuộc khí chất, bán hữu hình, vì nó có thể thấy đặng, mà cũng không có thể thấy đặng. Khi ra khỏi xác phàm, thì chơn thần

lấy hình ảnh xác phàm như khuôn in rập.

Khi còn sống, chơn thân không thể xuất ra đặng vì bị xác phàm níu kéo, chỉ bậc chân tu mới có thể xuất chơn thân đặng.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Chí Tôn có dạy về Chơn thân như sau: “Nó vẫn là chất tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong khí Tiên Thiên hằng có điển quang. Cái Chơn Thân buộc phải tinh tấn, trong sạch, mới nhẹ hơn không khí, ra khỏi ngoài Càn Khôn đặng.

Nó phải có bốn nguyên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật, mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng.

Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất Chơn thân tinh khiết”.

Nhút vãng nhút lai 一往一來: *Lúc đến lúc về. Ý chỉ lúc chơn thân đầu kiếp xuống trần hay mãn kiếp trở về cõi Thiêng liêng.*

- ▶ **Câu 18:** *Phật Mẫu dẫn độ Chơn thân của chúng sanh xuống trần đầu kiếp hay qui nguyên về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.*

Siêu thăng phụng liễn qui khai

超升鳳輦歸開

- **Siêu thăng** 超升: *Siêu thoát và cao thăng.*

Con người sống nơi cõi tục, vì bị mê vọng và phiền não mà cứ mãi bị chìm trong luân hồi sanh tử. Đạo Thầy ra đời đem giáo lý phá bức màn vô minh của chúng sanh, và chuyển hóa mọi phiền não thành thanh tịnh, tức là siêu độ con người thoát khỏi con đường sanh tử. Ngoài ra, Chí Tôn còn dạy con người phải lập vị bằng công quả để tạo ngôi vị nơi Thiêng

liêng, hay nói cách khác là phải cao thẳng Thiên vị.

- ◻ **Phụng liễn** 鳳輦: Xe Tiên có hình chim phụng. Theo Đức Hộ Pháp, Phụng liễn là chiếc xe Tiên dùng để rước các Chơn linh về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
- ◻ **Qui khai** 歸開: Mở cửa để trở về.
- ▶ **Câu 19:** Chơn linh được siêu thăng thì xe phụng liễn sẽ mở cửa rước trở về.

Tiên cung Phật xứ Cao Đài xướng danh

仙宮佛處高臺唱名

- ◻ **Tiên Cung** 仙宮: Cung Trời, cung của chư Tiên.
- ◻ **Phật xứ** 佛處: Xứ Phật, cõi của chư Phật.
- ◻ **Cao Đài** 高臺: Một danh xưng của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ mở Đạo tại Việt Nam trong thời Tam Kỳ Phổ Độ. Đạo của Đức Chí Tôn khai mở, được gọi là Đạo Cao Đài.

Hai chữ Cao Đài còn là tên của một cái đài cao ở Linh Tiêu Điện, ngọc Hư Cung, là nơi ngự của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Bài thi nói về Tháp Cao Đài như sau:

Linh tiêu nhất tháp thị Cao Đài,
Đại hội quần Tiên thử ngọc giai.
Vạn trượng hào quang từng thử xuất,
Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai.

(Đọc phần giải nghĩa nơi phần chú thích bài kinh Niệm Hương.)

- ◻ **Xướng danh** 唱名: Nêu tên họ.
- ▶ **Câu 20:** Do Phật Mẫu độ rồi, Đức Cao Đài Ngọc Đế xướng danh để ban cho về nơi cõi Tiên cung, Phật xứ.

Hội Ngươn hữu Chí Linh huấn chúng

會元有至靈訓眾

- **Hội** 會: *Giao hội. Từ thượng nguơn qua trung nguơn, đến hạ nguơn, rồi trở lại nhứt nguơn nữa, gọi là Hội.*
- **Nguơn** 元: *Là khoảng một thời gian dài trong sự hình thành Càn Khôn Vũ Trụ, vạn vật và sự tiến hóa của nhơn loại. Ba nguơn là một Chuyển, hay nói rõ hơn một Chuyển gồm Thượng nguơn hay nguơn Thánh đức, Trung nguơn hay nguơn Tranh đấu (Tấn hóa), Hạ nguơn hay Tái tạo (Bảo tồn). Hiện nay nhơn loại đang ở vào thời kỳ Hạ nguơn Tam chuyển, sắp bước qua Thượng nguơn Tứ chuyển.*
- **Chí Linh** 至靈: *Rất linh thiêng. Chỉ Đức Chí Tôn.*
- **Huấn chúng** 訓眾: *Dạy dỗ chúng sanh.*
- ▶ **Câu 21:** *Cuối thời Hạ nguơn Tam chuyển, bắt đầu Thượng nguơn Tứ chuyển, có Đức Chí Tôn đến giáo hóa chúng sanh.*

Đại Long Hoa nhơn chủng hoà ki (là cơ)

大龍花人種和機

- **Đại Long hoa** 大龍花: *Đại hội Long hoa.*
Long hoa là một loại cây hình giống như một con rồng, có nở hoa. Do Đức Phật Di Lặc đắc Đạo tại cội cây Long hoa này, nên Ngài mở và làm chủ một Đại hội, được gọi là Đại hội Long hoa. Đại hội có nhiệm vụ tuyển chọn những bậc hiền lương, đạo đức, không phân biệt chủng tộc, nòi giống, hiệp nhau làm một trong cuối thời kỳ Hạ nguơn tam chuyển để tạo dựng lại đời Thượng nguơn Tứ chuyển, tức là Thượng nguơn Thánh đức.

Từ xưa đến nay, Đức Chí Tôn đã mở được ba thời kỳ phổ độ cho nhơn sanh, mỗi thời kỳ phổ độ đều có mở một hội thi.

- Nhứt Kỳ Phổ Độ có Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là chủ khảo.
- Nhị Kỳ Phổ Độ có Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội, Đức Phật A Di Đà làm chủ khảo.
- Tam Kỳ Phổ Độ có Tam Hội Long Hoa Bạch Vương Đại Hội, Đức Di Lặc Vương Phật làm chủ khảo.
- ▣ **Nhơn chủng** 人種: Giống người. Trên thế giới ngày nay, người ta căn cứ vào màu da mà chia ra làm bốn giống dân: Da vàng, da trắng, da đen, da đỏ.
- ▣ **Hòa ky** 和機: tức là hòa cơ, nghĩa là có được một cơ hội (một dịp) để hoà hợp với nhau. (Chú không phải hiểu chữ cơ 機 này theo nghĩa là cơ quan).
- ▶ **Câu 22:** Đại Hội Long Hoa là một dịp làm cho các giống dân trên thế giới được sống hòa hợp với nhau.

Tam kỳ khai hiệp Thiên thi

三期開合天書

- ▣ **Tam kỳ** 三期: Kỳ thứ ba. Đây chỉ Đạo Cao Đài, một tôn giáo được khai mở trong thời kỳ thứ ba để phổ độ chúng sanh.
- ▣ **Khai hiệp** 開合: Khai mở ra để hiệp với.
- ▣ **Thiên Thi:** Hay Thiên thư (Thiên thơ) 天書, là quyển sách Trời. Trong đó ghi chép về luật pháp, thiên cơ, nguyên lý vận hành vũ trụ và sự tiến hóa của vạn vật.
- ▣ **Tam Kỳ khai hiệp Thiên thi:** Việc khai nên Đại Đạo

Tam Kỳ Phổ Độ ở nước Việt Nam cũng do Thiên thơ tiên định. Đức Chí Tôn có nói: “Đại Đạo Tam Kỳ hồng khai tại cõi Nam, đã chiếu theo Thiên thơ, Hội Tam Giáo, mà vượt chúng sanh thoát vòng ly khổ, thiệt thiệt, hư hư, một mảy chi, cũng chẳng qua là máy thiên cơ mà thôi”. Thánh thi có bài:

*Ký thành một cuốn gọi Thiên Thơ,
Khai Đạo muôn năm trước định giờ.
May bước phải gìn cho mạnh trí,
Năm đuôi phướn phụng đến dương bờ.*

(THÁNH NGÔN)

- ▶ **Câu 23:** *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được khai mở hiệp với thiên thơ tiên định.*

Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên

科門仙位遇期佛緣

- ◻ **Khoa môn** 科門: Cửa khoa cử. Đây chỉ một trường thi để chọn người tài đức.

Trong thời loạn, nước nào muốn được bình trị thì phải chọn người tài giỏi ra điều hành việc nước. Do đó, mới tổ chức khoa cử tuyển lựa sĩ tử ra giúp nước an trị.

Trong thời Hạ nguơn mặt pháp, Thiên thơ cũng có định sẵn cho các Đấng Thiêng Liêng mở Đại hội Long hoa để tuyển chọn người hiền đức hầu tạo lập lại đời Thượng nguơn Thánh đức.

- ◻ **Tiên vị** 仙位: Ngôi vị Tiên.
◻ **Ngộ kỳ** 遇期: Gặp gỡ thời kỳ.

Theo thiên ý, câu kinh này phải hiểu chữ Ngộ kỳ 遇期 là gặp gỡ thời kỳ, chứ không phải Ngộ kỳ 遇奇:

Gặp gỡ lạ lùng.

- ◻ **Phật duyên** 佛緣: Có mối duyên với Phật. Đây phải hiểu là có mối duyên với nền Đại Đạo.

Thật vậy, trong hằng hà sa số kiếp luân hồi sanh tử, chúng ta có duyên may mới gặp được thời kỳ Đại Ân xá của Đức Chí Tôn, như là gặp được thời kỳ mà Đức Ngọc hoàng Thượng Đế, vị sáng tạo ra Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật, dùng huyền diệu cơ bút dẫn dắt các vị Thiên sứ mở ra nền Đại Đạo để tận độ chúng sanh thoát khỏi luân hồi, đưa các chơn linh trở về ngôi xưa vị cũ. Đây có thể nói là rất may duyên mới gặp được.

Đức Lý Đại Tiên có cho biết như sau: “Mở một mối Đạo chẳng phải là sự thường tình, mà **sinh nhằm đời đặng gặp mối Đạo cũng chẳng dễ**”.

- ▶ **Câu 24:** Trường thi Tiên là dành cho những người có duyên gặp gỡ nền Đại Đạo.

Trung khổ hải độ thuyền Bát nhã

中苦海度船般若

- ◻ **Trung khổ hải:** Tức là khổ hải trung 苦海中 (Vi luật bằng trắc nên phải đảo ngữ), có nghĩa là trong biển khổ.

Đức Phật coi chúng sanh sống ở thế gian này như là những con người đang trôi nổi, lặn hụp nơi biển khổ mênh mông, bát ngát. Muốn cứu vớt những sanh linh chìm đắm đó, phải có một con thuyền đưa họ vào bờ. Thuyền đó, Đức Phật ví như thuyền Đạo hay thuyền Bát nhã.

- ◻ **Bát nhã** 般若: Do chữ Phạn là Prajna, Hán dịch là Trí huệ (Trí tuệ) 智慧. Trí huệ là trí sáng suốt

nhận biết được chân tướng của mọi sự vật, chứng ngộ được chân lý của vạn hữu, tức là trí đã sáng tỏ khi đã diệt trừ được mọi vô minh, phiền não, có nghĩa là giác ngộ hoàn toàn.

Bát nhã được Phật ví như một con thuyền chở chúng sanh vượt qua khỏi biển luân hồi sanh tử, để sang đến bờ Niết bàn, giải thoát.

- **Thuyền Bát nhã:** *Hay Bát Nhã thuyền 般若船, tức là thuyền trí huệ.*
- ▶ **Câu 25:** *Chúng sanh đang đắm chìm trong biển khổ, Đức Phật Mẫu đem chiếc thuyền Bát nhã vào trong ấy để cứu vớt nhưn sanh.*

Phước Từ bi giải quả trừ căn

福慈悲解果除根

- **Phước 福:** *Phước đức, điều may mắn tốt lành.*
- **Từ bi 慈悲:** *Lòng từ bi, lòng thương người.*
- **Giải quả 解果:** *Cởi bỏ những nghiệp quả.*
- **Trừ căn 除根:** *Tiêu trừ căn nghiệp.*
- **Căn quả 根果:** *Gốc rễ từ những hành vi thiện của kiếp trước gây thành quả báo trong kiếp hiện tại. Những hành vi thiện ác trong kiếp trước là cái gốc rễ thọ lãnh mọi quả báo trong kiếp này và cái kết quả ở hiện tại là do nguyên nhân gốc ở kiếp vừa qua. Như vậy, giàu sang, hạnh phúc hay phiền não, khổ sở trong cuộc sống hiện nay là gốc bởi chính mình đã tạo ra từ kiếp trước, mà kiếp này ta đang hưởng hay đền trả.*

Thánh giáo Đức chí Tôn cho biết về căn xưa quả cũ như sau: “Than ôi! Đường Thánh ít kẻ tìm, mà nẻo

tà nhiều người đến. Trò đời lằng xằng, cõi thế biết bao người chìm đắm vào biển khổ, mang nặng xác phàm, miếng đỉnh chung, mỗi danh lợi, giành giựt phân chia, mà chẳng kể đạo lý, luân thường khiến cho mỗi đạo quý báu ngàn năm, đã thành nấc thang để dắt người xuống hang sâu vực thẳm.

Nhơn loại dùng thế lực mà cấu xé nhau, giành giựt nhau, quên lũng cõi trần này, như sanh lãnh mỗi đứa một vai tuồng đặc biệt mà trả cho xong **căn xưa quả cũ**”.

- ▶ **Câu 26:** *Ban cho phước đức và do lòng từ bi Phật Mẫu giải trừ cho căn xưa quả cũ.*

Huần hồn chuyển đọa vi thăng

還魂轉墮為升

- **Huần hồn:** *Hay hoàn hồn 還魂, là hoàn trả linh hồn.*
- **Chuyển đọa vi thăng 轉墮為升:** *Ân xá Chơn linh bị đọa được thăng ngôi vị.*

Trong thời cuối hạ ngưng mạc pháp, lập lại đời Thượng ngưng Thánh đức, Chí Tôn giáng cơ mở nền Đại Đạo, ban cho ân huệ lớn lao là đại xá cho các chơn linh biết hồi tâm hướng thiện, lo việc tu hành, lập công bồi đức, thay vì bị đọa lạc cõi Âm quang, nhưng Phật Mẫu ân xá tội tình cho chơn linh để được siêu thăng.

- ▶ **Câu 27:** *Những Chơn linh bị tiêu hồn phách, nay được Phật Mẫu cho huần hồn trở lại và Đức Phật Mẫu cũng ân xá những chơn linh bị đọa nay được siêu thăng.*

Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn Chưởng Âm

九仙回復金盤掌陰

- **Cửu Tiên** 九仙: Chín vị Nữ Tiên, tức là Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung.
- **Hồi phục** 回復: Quay trở về.
- **Chưởng âm** 掌陰: Chưởng quản các âm linh hay âm hồn.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đạo Cao Đài khai mở mục đích tận độ các nguyên nhân và chúng sanh còn mê muội trong kỳ Hạ nguơn mặt pháp này, nên “Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa cho vạn linh” (Trích Luật Tam Thế). Ngoài ra căn cứ theo những bài Kinh tụng Cửu, mỗi vị Tiên Nương còn có nhiệm vụ dẫn dắt các Chơn linh giác ngộ, khi qui vị ở thế gian được đưa lên từng cõi của Cửu Trùng Thiên. Như vậy, Cửu Vị Tiên Nương thay Phật Mẫu nơi Diêu Trì Cung chưởng quản các âm linh.

- ▶ **Câu 28:** Nơi Diêu Trì Cung, Cửu Vị Tiên Nương trở lại Kim Bàn để phụ giúp Đức Phật Mẫu chưởng quản Âm linh.

Thập Thiên can bao hàm vạn tượng

十天干包含萬象

- **Thập Thiên Can** 十天干: Mười Thiên Can là Giáp 甲, Ất 乙, Bính 丙, Đinh 丁, Mậu 戊, Kỷ 己, Canh 庚, Tân 辛, Nhâm 壬, Quý 癸.
- **Bao hàm** 包含: Gồm chứa.
- **Vạn tượng** 萬象: Muôn hình trạng.
- ▶ **Câu 29:** Mười Thiên Can bao gồm muôn hình trạng.

Tùng Địa Chi hóa trưởng Càn Khôn

從地支化長乾坤

- **Tùng** 從: Theo.
- **Địa chi** 地支: Có tất cả mười hai Địa chi, gọi là Thập nhị Địa chi, đó là Tý 子, Sửu 丑, Dần 寅, Mão 卯, Thìn 辰, Tỵ 巳, Ngọ 午, Mùi 未, Thân 申, Dậu 酉, Tuất 戌, Hợi 亥.

Thập Thiên can và thập nhị Địa chi gọi chung là Can chi. Về xuất xứ hệ Can chi, người ta dựa vào ghi chép trong Sử Ký Tư Mã Thiên đời nhà Hán. Theo Sử Ký, người sáng lập Can chi là Đại Nhiêu, lấy Thiên can là “Thân”, lấy Địa chi là “Cành, Nhánh” để chia thời gian Năm, Tháng, Ngày, Giờ.

Ý nghĩa Can chi do người xưa quan sát sự sinh thành và phát triển của vạn vật mà đặt ra lịch số để chăn nuôi hay trồng trọt thích hợp với thời tiết, mùa màng.

Người xưa ghép 10 Can vào 12 Chi, cứ Can dương (lẻ) ghép với Chi dương (lẻ), Can âm (chẵn) ghép với Chi âm (chẵn) tạo thành một hệ thống 60 cặp cố định, có tên khác nhau, bắt đầu từ Giáp Tý và tận cùng là Quý Hợi. Người ta dùng hệ thống này để gọi Giờ, Ngày, Tháng, Năm, đi hết một vòng là 60 Giờ, 60 Ngày, 60 Tháng, 60 Năm. Hết một vòng rồi trở lại Can chi ban đầu.

- **Hóa trưởng** 化長: Sanh thành và lớn lên.
- **Càn Khôn** 乾坤: Trời đất.
- ▶ **Câu 30:** Mười Thiên Can tùng theo mười hai Địa Chi sanh thành và làm rộng lớn Càn Khôn Thế giới.

Trùng hườn phục vị Thiên môn

重還復位天門

- **Trùng huàn** 重還: Hoàn trả lại nhiều lần.
 - **Phục vị** 復位: Trở lại ngôi vị.
 - **Thiên môn** 天門: Chỉ cõi Trời, tức cõi Thiêng Liêng Hằng sống.
 - ▶ **Câu 31:** Cho trở lại nhiều lần về ngôi xưa vị cũ nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
-

Ngươn linh hóa chủng quỷ hồn nhứt thăng

元靈化種鬼魂一升

- **Ngươn linh** 元靈: Những chơn linh đầu tiên nhứt, tức là các chơn linh được chiết từ khối Đại linh quang của Chí Tôn giáng trần. Đây chỉ các Đấng nguyên nhân.
 - **Hóa chủng** 化種: Biến đổi thành các loài.
 - **Quỷ hồn** 鬼魂: Những linh hồn bị đọa nơi quỷ vị.
 - **Nhứt thăng** 一升: Tất cả đều siêu thăng.
 - ▶ **Câu 32:** Các Nguyên linh được biến hóa thành các loài cùng với quỷ hồn, tất cả đều được siêu thăng.
-

Vô siêu đọa quả căn hữu pháp

無超墮果根有法

- **Siêu đọa** 超墮: Siêu thăng hay đọa lạc, tức là được siêu thăng lên cõi trên hay đọa lạc xuống cõi thấp kém hơn.
- **Quả căn** 果根: Cái gốc rễ và cái kết quả.
- **Hữu pháp** 有法: Có hình pháp định.
- ▶ **Câu 33:** Không siêu, không đọa, căn quả đều có hình pháp định rõ.

Vô khổ hình nơn kiếp lưu oan 無苦刑人劫留冤

- ▣ **Khổ 苦**: Tiếng Hán có nghĩa là đắng, khó chịu. Khổ còn có nghĩa là sự đau khổ về vật chất hay tâm thức của con người. Những điều dễ chịu, vui sướng trong thế gian này Phật cũng cho là khổ, bởi vì chúng sẽ bị hoại diệt, không thường tại.

Trong kinh Phật dạy: Cái khổ trong địa ngục bị thiêu đốt cũng chưa phải là khổ, cái khổ bị làm nga quý đói khát cũng chưa phải là khổ, cái khổ làm súc sanh kéo cày bị đánh cũng chưa phải là khổ, mà cái khổ vô minh không biết đường đi mới là khổ. Vì thế, Tiên Phật thường dạy cho chúng sinh diệt trừ vô minh, trở nên tỉnh giác mà biết được đường tu hành để thoát vòng luân hồi sanh tử.

- ▣ **Vô khổ hình 無苦刑**: Không có hình phạt khổ sở.
- ▣ **Nơn kiếp 人劫**: Kiếp của con người.
- ▣ **Lưu oan 留冤**: Lưu lại các oan trái.
- ▶ **Câu 34**: Các oan nghiệt của kiếp sống con người để lại được Phật Mẫu ân xá, nên không có hình phạt khổ sở.

Vô Địa ngục, vô Quỷ quan 無地獄無鬼關

- ▣ **Vô Địa ngục 無地獄**: Không có Địa ngục.
- ▣ **Vô Quỷ quan 無鬼關**: Không có quỷ môn quan 鬼門關, là không có cửa Quỷ, tức là không có Diêm Đình hay Diêm Cung.
- ▶ **Câu 35**: Không có Địa ngục, không có cửa ải của Quỷ (Tức là không có Địa ngục Á Tỳ).

Chí Tôn đại xá nhứt tràng qui nguyên.

至尊大赦一場歸元

- **Chí Tôn** 至尊: Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- **Đại xá** 大赦: Hay Đại ân xá, nghĩa là ban bố đại ân tha tội cho tất cả những người phạm tội lỗi nơi thế gian, không hạn định.

Đức Chí Tôn mở nền Đại Đạo Cao Đài ở phương Đông, ban ân huệ lớn lao là Đại ân xá cho tất cả chúng sanh và các đẳng linh hồn. Vì thế, khi mới khai Đạo, Hội Thánh thường gọi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là “Đại ân xá kỳ ba của Thượng Đế ở Phương Đông” và dịch ra pháp văn như sau : Troisième Amnistie de Dieu en Orient.

Theo các kinh sách của Đạo Cao Đài, kỳ Đại ân xá này Chí Tôn cho chúng sanh được hưởng những đặc ân như:

- Tha thứ các tội lỗi và oan khiên của kiếp trước
Ấn nãn sám hối tội tình,
Xét câu minh thệ gởi mình cõi thăng.

Hay:

Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nản độ vong.

(KINH CẦU HỒN KHI HẤP HỐI)

- Đóng Địa ngục, Phong đô và mở cửa Thiên đường để các con cái Chí Tôn được về hội hiệp cùng Ngài.

Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây Phương.

(KINH GIẢI OAN)

- Tu một kiếp có thể đắc Đạo mà trở về cõi Thiêng

Liêng Hằng Sống. Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại trong Càn Khôn Vũ Trụ, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng”.

- ◻ **Nhút trường** 一場: Một trường.
- ◻ **Qui nguyên** 歸元: Trở về nguồn cội.

Nguồn cội hay là cái gốc ban đầu của con người là khối Đại linh quang của Đức Chí Tôn. Con người xuất phát từ nguồn cội đó, luân hồi sanh tử hằng hà sa số kiếp nơi cõi thế gian, nếu mê mờ thì mãi bị chìm sâu vào khổ não, còn nếu giác ngộ chịu học hỏi, tu hành thì có thể đoạt được phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tùy theo công đức. Đến ngôi Phật vị con người còn phải tu nữa để được qui nguyên, tức là trở về cùng Khối Đại Linh Quang của Đức Thượng Đế.

- ▶ **Câu 36:** Đức Đại Từ Phụ đại ân xá cho toàn thể chúng sanh và điu dắt con cái của Ngài trở về hội hiệp cùng Ngài.

Chiếu nhũ lệnh Từ Huyền thọ sắc

照乳令慈萱受敕

- ◻ **Chiếu** 照: Căn cứ theo.
- ◻ **Nhũ** 乳: Vú mẹ, sữa mẹ. Đây chỉ Phật Mẫu.
- ◻ **Chiếu Nhũ lệnh** 照乳令: Căn cứ theo lệnh của Mẹ, tức là theo lệnh Phật Mẫu.
- ◻ **Từ** 慈: Lòng thương yêu.
- ◻ **Huyền** 萱: Một loại cỏ ăn được. Khi ăn vào có thể quên phiền muộn, nên còn được gọi là vong ưu thảo. Cỏ huyền thường được người xưa ví như người mẹ, vì

lấy điển ở Kinh Thi: Yên đắc huyền thảo ngôn thụ chi bối (焉得萱草言樹之背 ước gì được cỏ huyền mà trồng thêm bắc). Do đó người ta gọi mẹ bằng huyền đường, hay huyền đình, nhà huyền.

- **Từ Huyền** 慈萱: Bà mẹ như từ hằng thương yêu con cái. Đây chỉ Đức Phật Mẫu.
- **Thọ sắc** 受敕: Nhận lãnh sắc lệnh. Đây chỉ Phật Mẫu lãnh sắc lệnh của Đức Chí Tôn.
- **Câu 37:** Căn cứ theo lệnh Phật Mẫu, thì Đức mẹ đã thọ sắc của Chí Tôn.

Độ anh nhi nam, bắc, đông, tây 度嬰兒南北東西

- **Anh nhi** 嬰兒: Đứa trẻ còn nhỏ dại.

Phật Mẫu là Đấng mẹ hiền. Thiêng liêng, tạo hóa ra toàn thể chúng sanh, Ngài thường coi chúng sanh như những đứa con còn ngây thơ nhỏ dại, nên Ngài hằng dạy dỗ và dìu dắt chúng sanh mong sao được trở lại cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Ngồi trông con đặng phi thường,

Mẹ đem con đến tận đường hằng sanh.

(TÁN TỤNG CÔNG ĐỨC DTKM)

- **Nam, Bắc, Đông, Tây** 南北東西: Chỉ bốn hướng của cõi thế gian.
- ▶ **Câu 38:** Cứu độ con cái thơ dại của Phật Mẫu khắp bốn phương ở cõi thế gian.

Kỳ khai tạo nhứt Linh Đài 期開造一靈臺

- **Kỳ khai** 期開: Mở ra trong một thời kỳ.
- **Tạo nhứt** 造一: Tạo ra một.

- **Linh Đài 靈臺:** Theo Từ Điển Đào Duy Anh, linh đài là tâm linh của con người.

Tâm không phải là khối thịt. Phàm chỗ nào có tri giác là tâm, như tai mắt biết trông, biết nghe, biết đau, biết mỏi, cái tri giác ấy được gọi là tâm.

Người là tâm của Trời đất muôn vật. Tâm là chủ của Trời đất muôn vật. Tâm tức Trời, nói tâm là nói cả Trời đất muôn vật rồi. (Nhân giả thiên địa vạn vật chi tâm dã, tâm giả thiên địa vạn vật chi chủ dã. Tâm tức Thiên, ngôn tâm tắc thiên địa vạn vật giai cử chi hĩ 人者, 天地萬物之心也, 心者, 天地萬物之主也, 心即天, 言心則天地萬物皆舉之矣). (Dương Minh).

Tâm của con người rất thiêng liêng sáng suốt, muôn lý muôn việc đều căn bản ở đó cả. Tâm cai quản hết thảy, bao gồm hết thảy: Tâm là bản căn của vũ trụ (Hư linh bất muội, chúng lý cụ nhi vạn vật xuất 虛靈不昧眾理具萬事出). (Dương Minh).

Lão Tử nói: Muốn tu đạo, phải nhìn vào tâm (nội quan). Muốn nhìn vào tâm, cái hay là phải biết Linh Quan Nhất Khiếu (Nê Hoàn Cung hay Linh Đài). Con người từ khi thụ sinh, đã bẩm thụ được một điểm “Nguyên Dương”, nên sinh ra khiếu này để tàng trữ Nguyên Thần. Khiếu này rỗng không, chí hư, chí linh, là Chủ tử con người chúng ta. Cho nên có nó thì sống, không có nó thì chết. Sinh tử thịnh suy đều do nó định đoạt.

Nho gọi “Linh Đài”, Đạo gọi “Linh Quan”, Phật gọi “Linh Sơn”. Bên Phật có bài thi như sau:

Phật tại Linh Sơn mạc viễn cầu,

佛在靈山莫遠求

Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm đầu.

靈山只在汝心頭

Nhơn, nhơn hữu cá Linh sơn tháp,

人人有個靈山塔

Hảo hướng Linh Sơn tháp hạ tu.

好向靈山塔下修

Nghĩa là:

Phật tại Linh Sơn, khỏi tìm đâu.

Linh Sơn ở tại nhữ tâm đầu,

Ai ai cũng có Linh Sơn tháp,

Hãy hướng Linh Sơn tháp mà tu.

(TÍNH MỆNH KHUÊ CHỈ, NHÂN TỬ)

- ▶ **Câu 39:** Thời kỳ khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn tạo ra một linh đài qui tụ tín ngưỡng của toàn nhơn loại lại thành một khối gồm đủ Tam giáo, Ngũ chi.

Diệt hình tà pháp cường khai Đại Đồng

滅形邪法強開大同

- ◻ **Diệt hình** 滅形: Diệt bỏ những hình thức.
- ◻ **Tà pháp** 邪法: Những giáo pháp, đạo lý hay luật lệ không ngay thẳng, không chơn thật.
- ◻ **Cường khai** 強開: Khai mở mạnh mẽ.
- ◻ **Đại đồng** 大同: Có nghĩa là hết thảy đều như nhau. Đây chỉ một xã hội lý tưởng của Nho giáo, trong đó nhơn loại đều là anh em, không phân biệt không phân biệt giai cấp, chủng tộc, tôn giáo. Mọi người đều sống bình đẳng, không có kẻ giàu người nghèo, không có người bóc lột người, chung nhau làm, chung nhau ăn,

cuộc sống thanh bình, thánh đức.

Trong Kinh Lễ, thiên Lễ vận chép rằng Khổng Tử buồn bã, thở dài về việc Vua nước Lỗ cúng tế không đủ lễ, rồi nói với môn đệ là Tử Du rằng:

“Thực hành đại đạo cùng với các bậc anh tuấn đời Tam đại thì Khâu này không làm được, nhưng vẫn có chí đó.

Ở thời Đại đạo thực hành thì thiên hạ là của chung, người ta chọn kẻ hiền năng, giáng điều tìn thực, sửa điều hòa mục. cho nên người ta không riêng thân cha mẹ mình, không riêng yêu con mình, kẻ già được nuôi dưỡng trọn đời, trai tráng có chỗ dùng, trẻ con được săn sóc đến trưởng thành; người ta thương kẻ góa, con cô, người già cô độc; người tàn tật được chu cấp, con trai có phận, con gái có nơi chốn để nương cậy. Người ta ghét của bỏ phế trên đất mà lượm lên, chứ không chú ý lo lợi riêng cho mình. Vì vậy những ngón cơ mưu không thi thố được, kẻ trộm cắp, người làm loạn, làm giặc không nổi lên, cho nên cửa ngõ không cần đóng. Đó là thời Đại đồng.

(Đại đạo chi hành dã, dữ Tam đại chi anh, Khâu vị chi đãi dã nhi hữu chí yên. Đại đạo thành dã, thiên hạ vi công, tuyển hiền dữ năng, giáng tìn tu mục. Cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử, sử lão hữu sở chung, tráng hữu sở dụng, ấu hữu sở trường, căng quả cô độc phế tật giả giai hữu sở dưỡng, nam hữu phận, nữ hữu quy. Hóa ố kỳ khí vu địa dã, bất tất tàng vu kỹ; lực ố kỳ bất xuất ư thân dã, bất tất vị kỹ. Thị cố mưu bế nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác, cố ngoại hộ nhi bất bế. Thị vị Đại đồng.)
(大道之行也，與三代之英，丘未之逮也，而

有志焉大道之行也,天下為公,選賢與能,講信修睦.故人不獨親其親,不獨子其子,使老有所終,壯有所用,幼有所長,矜寡孤獨廢疾者皆有所養,男有分,女有歸.貨惡其棄于地也,不必藏于己,力惡其不出於身也,不必為己.是故謀閉而不興,盜竊亂賊而不作,故外戶而不閉,是謂大同).

- ▶ **Câu 40:** *Tiêu diệt những tà pháp để đem nhơn loại đến thế giới Đại đồng.*

Hiệp vạn chủng nhứt môn đồng mạch

協萬種一門同脈

- ◻ **Hiệp vạn chủng** 協萬種: *Hợp mọi chủng tộc.*
 - ◻ **Nhứt môn** 一門: *Một cửa, nói rộng ra là một nhà.*
 - ◻ **Đồng mạch** 同脈: *Cùng một mạch máu, hay cùng một mạch nước chảy. Mạch nước có thể hiểu nguồn Đạo, tức là trong câu này ý chỉ cùng một tín ngưỡng, hay cùng một Đạo.*
- ▶ **Câu 41:** *Hiệp các chủng tộc làm một nhà, một tín ngưỡng duy nhất, không phân biệt Quốc gia, dân tộc. Sống trong một xã hội, con người phải biết sự tương quan của cá nhân mình với tập thể, giữa cá thể với đại thể vũ trụ, hầu làm thế nào dung hợp được mọi dị biệt nhỏ hẹp để có một đời sống tâm linh đích thực. Như ta đã biết chúng sanh, dù là đất đá, cỏ cây, thảo mộc, thú cầm hay nhơn loại, tất cả đều từ nguồn gốc của Tạo hóa sinh thành, con chung trong một đại gia đình Thượng Đế, trong một tình thương yêu của Chí Tôn, Phật Mẫu, mà con người là loài tối linh hơn hết. Vì vậy, chúng ta phải có một tình thương yêu ruột thịt, con chung một cha, anh em một nhà, không phân*

biệt màu da, sắc tóc, sang hèn, khôn dại. Đó là thể hiện được lòng từ bi và đức hạo sanh của Thượng Đế.

Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một Đạo tức một Cha.
Nghĩa nhân đành gởi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhauặng chữ hòa.

(THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN)

Qui thiên lương quyết sách vận trù

歸天良決策運籌

- **Thiên lương** 天良: Trời sinh ra con người bao giờ tánh cũng tốt, nên Thiên lương là bản tính tốt của con người. Đây là lương tâm, tức là tâm thiện lương, chơn chánh.

Con người được Chí Tôn ban cho một Thiên tánh, hay Thiên lương, là phần chủ thể trong con người. Nhưng vì bị nghiệp lực lôi kéo, dẫn dắt, đắm chìm trong tài sắc, danh lợi, rồi gây nên nhiều tội lỗi. Do đó từ lâu con người đã đánh mất, hay bỏ quên cái Thiên lương của mình đi. Vì vậy, Đức Phật Mẫu đến giáo hóa con cái của Ngài biết ngộ đường tu hành mà trở lại với Thiên lương hay Thiên tánh.

- **Quyết sách** 決策: Quyết là nhất định. Sách là kế sách. Quyết sách: Quyết định kế sách.
- **Vận trù** 運籌: Vận động và trù liệu.
- ▶ **Câu 42:** Đức Phật Mẫu tìm cách qui Thiên lương về với con cái của Ngài.

Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Vu

春秋拂塵鉢盂

- **Xuân thu** 春秋: Kinh Xuân Thu, là một bộ sử của

Đức Khổng Tử chép truyện của nước Lỗ, các việc nhà Chu và việc các nước chư hầu từ thời Lỗ Ẩn Công đến Lỗ Ai Công.

Hình thức là bộ sử biên niên, văn tắt, nhưng nếu xét về tinh thần thì bộ kinh Xuân Thu là sách để tâm truyền cái đại nghĩa danh và phận, đường luân lý đạo đức và chánh trị của Đức Khổng Tử.

Mạnh Tử có nói: “Kinh Xuân Thu, việc thì chép những việc như của vua Hoàn Công nước Tề, vua Văn Công nước Tấn, văn thì là lời của quan chép sử. Khổng tử có bảo rằng: Về nghĩa lý thì Khưu này trộm lấy để khen việc thiện, chê việc ác” (Kỳ sự tặc Tề Hoàn, Tấn Văn, kỳ văn tặc sử. Khổng Tử viết: Kỳ nghĩa tặc Khưu thiết thủ chi hỹ 其事則齊桓, 晉文, 其文則史. 孔子曰: 其義則丘竊取之矣).

Do vậy, Kinh Xuân Thu có chủ đích như sau :

– **Chính danh tự:** Cách dùng chữ của Ngài trong kinh Xuân Thu đều có mang ý nghĩa chính danh, tức là định rõ người chánh kẻ tà, người hiền kẻ ác...

Ví như chữ “Chết” được chép trong kinh, Ngài dùng cho Thiên tử là băng 崩, vua các chư hầu là hoăng 薨, ông vua soán ngôi là tử 殂, người làm quan ngay chính là tốt 卒, quan gian nịnh là tử 死.

– **Định danh phận:** Những người có danh phận chính đáng thì Ngài chép phẩm tước và tên tự rõ ràng; kẻ nào danh phận không chính đáng, dù có chức phẩm gì, Ngài chỉ chép có tên tục mà thôi.

– **Ngụ bao biếm:** Một tiếng chê của Ngài trong kinh có thể làm cho người ta mang tiếng xấu muôn đời, một lời khen của Ngài có thể thành tiếng thơm

muôn thuở.

Người đời sau nói về kinh Xuân Thu như sau: Một chữ khen, thì vinh hơn cái áo hoa cổn của vua ban cho, một chữ chê thì nhục hơn là tội bị rìu búa. (Nhất tự chi bao, vinh ư hoa cổn; nhất tự chi biếm, nhục ư phủ việt 一字之褒, 榮於華袞, 一字之貶, 辱於斧鉞).

Xem thế, quyển kinh Xuân Thu nói lên chí của Đức Khổng Tử là định rõ việc ngay thẳng, việc gian tà, để làm khuôn phép lớn lao cho các vua đời sau. Vì đó, Đạo Cao mới mượn quyển kinh Xuân Thu để làm biểu tượng cổ pháp của Nho giáo.

- ▣ **Phất chủ** 拂塵: Còn gọi phất trần là một thứ vật dụng gồm có cây cán ở đầu có chùm đuôi lông dùng để phủi bụi hoặc đuổi ruồi muỗi. Cũng là một vật của các Tiên gia.

Theo Tự điển Thiệu Chử, chủ 塵 là một giống thú thuộc loài nai, như con hươu mà to, lúc đi đàn hươu theo sau, đuôi nó phẩy sạch bụi, ngày xưa thường dùng làm cái phất trần; vì thế nên có khi gọi cái phất trần là chủ vĩ 塵尾.

Cây phất trần là bữu vật, có phép thuật rất huyền diệu của Thái Thượng Lão Quân, nên các Tiên gia thường có cầm cây phất chủ. Chính vì vậy, đạo Cao Đài mượn cây Phất chủ làm cổ pháp để chỉ Tiên giáo.

- ▣ **Bát vu** 鉢盂: Cái bình đựng đồ ăn và nước uống của các vị tăng ni phái khất sĩ bên Phật giáo. Bình bát và chiếc áo Ca sa tượng trưng cho Phật pháp, cho nên các tông đồ bên Phật giáo vị nào được thầy truyền lại hai món báu này (Y và bát) tức là coi như làm tổ của tông phái đó: Bên Phật, gọi là truyền y bát.

Đạo Cao Đài mượn bình bát vu làm cổ pháp để chỉ Phật Giáo.

- ▶ **Câu 43:** Kinh Xuân Thu, Cây Phất Chủ, Bình Bát Vu. Kinh Xuân Thu tượng trưng cho Nho giáo, Phất chủ tượng trưng cho Tiên giáo, Bát vu tượng trưng cho Phật giáo, ba cổ pháp này hiệp lại tạo thành tạo thành cổ pháp của Tam giáo gồm : Bình Bát vu ở giữa, quyển Kinh Xuân thu bên phải bình Bát vu, và Phất chủ nằm bên trái bình Bát vu.

Trong bài cơ cầu tại cung Đạo Đền Thánh, hồi 20 giờ 15 phút, đêm 25 tháng 6 năm Nhâm Tý (dl 04-08-1972), Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa có hỏi Đức Hộ Pháp như sau : “Cổ pháp ở Tòa Thánh và các nơi để bình Bát vu ở giữa, Phất chủ bên mặt và Xuân thu bên trái; còn ở Địa Linh Động thì để phất chủ bên trái, Xuân thu bên mặt. Xin Đức Ngài dạy lẽ nào?”

Đức Hộ Pháp giáng cơ dạy: Tùng nhất luật. Có nghĩa là phải tùng theo Cổ pháp của Tòa Thánh, vì nếu chẳng vậy thì loạn Đạo (Lời dạy của Đức Hộ Pháp).

Hiệp qui Tam Giáo hữu cầu chí chơn

協歸三教有求至真

- ◻ **Hiệp qui** 協歸: Hiệp trở về.
 - ◻ **Tam Giáo** 三教: Ba nền Tôn giáo trên thế giới: Phật giáo, Tiên giáo, Nho giáo.
 - ◻ **Hữu cầu** 有求: Có những mong muốn.
 - ◻ **Chí chơn** 至真: Rất chân thật.
- ▶ **Câu 44:** Qui hiệp Tam giáo lại thành một nền Chơn Đạo của Đức Chí Tôn.

Phục nguyên như hườn tồn Phật tánh

復元人還存佛性

- ▣ **Phục Nguyên nhân** 復元人: Đem bậc Nguyên nhân trở về.

Nguyên nhân là các Chơn hồn do Chí Tôn, Phật Mẫu sai xuống có nhiệm vụ độ rỗi chúng sanh. Khi đầu kiếp xuống thế, họ mê luyến hồng trần, nên Chí Tôn đem Phật tánh phổ hóa cho họ, nhờ vậy mà họ có thể về được ngôi xưa vị cũ. Đức Phật Mẫu cho xuống trần 100 ức nguyên nhân, Phật độ đặng 6 ức, Lão độ đặng 2 ức, còn 92 ức vẫn đọa lạc nơi trần. Đến Tam Kỳ Phổ Độ, Phật Mẫu đến giáo hóa, định đem hết về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

- ▣ **Hườn tồn** 還存: hay hoàn tồn nghĩa là hoàn trả và bảo tồn.
- ▣ **Phật tánh** 佛性: Còn gọi là Như lai tánh, giác tánh hay chân tánh. Tánh này vốn thường hằng, bất biến. Kinh Pháp Hoa có câu: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh (Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính 一切眾生皆有佛性). Do đó, mầm móng giác ngộ vốn có sẵn trong tất cả chúng sanh. Hay nói cách khác, tất cả chúng sanh đều có khả năng tu thành Phật trong tương lai.

Phật tánh vốn thanh tịnh, viên mãn, không sinh không diệt, chỉ vì chúng sanh tham dục, chấp trước, mê mờ tự tâm nên không thấy được. Nếu tu hành giác ngộ, phá bỏ chấp trước, thì Phật tánh sẽ hiển hiện ra.

- ▶ **Câu 45:** Đức Phật Mẫu hoàn trả Phật tánh lại cho các nguyên nhân và đem họ về với ngôi xưa vị cũ.

Giáo hóa hồn hữu hạnh hữu duyên

教化魂有幸有緣

- **Giáo hóa** 教化: *Đạy dỗ từ một người không biết chữ hóa ra người biết chữ nghĩa, người hung dữ thành một người thật thà, hiền lương.*
- **Hữu hạnh** 有幸: *Có may mắn.*

Trong vô lượng kiếp sanh, nếu con người có may mắn, có duyên thì gặp được mỗi Đạo Trời khai mở để cứu giúp thoát khỏi luân hồi sinh tử mà trở về với ngôi xưa cảnh cũ. Trong thánh thi có câu :

*Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.*

Lý Đại Tiên Trưởng, Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho biết như sau: “Mở một mối Đạo chẳng phải là sự thường tình, mà sinh nhằm đời đặng gặp mỗi Đạo cũng chẳng dễ”.

- **Hữu duyên** 有緣: *Có duyên phần.*
*Ngày nay có được hưởng cái duyên phần tốt đẹp là do kết quả của việc làm đạo đức từ trong kiếp trước. Do vậy, kiếp này ta cũng lo tạo lập công đức để có duyên phần trong kiếp lai sinh. Thánh giáo Chí Tôn có dạy: “Thầy vì đức háo sinh, nên chẳng kể bực Chí Tôn cầm quyền Thế giới, đến lập Đại Đạo Tam Kỳ trong lúc hạ ngươn này mà vớt sinh linh khỏi vòng khổ hải. Ai biết Đạo tức là có **duyên phần**, ai vô đạo tức là số chịu hình khổ luân hồi”.*
- ▶ **Câu 46:** *Đạy dỗ và dìu dẫn các linh hồn có may mắn và duyên phần gặp được mỗi Đạo để lo tu hành.*

Trụ căn qui khí Cửu tuyền

住根鬼氣九泉

- **Trụ căn** 住根: Ở nơi cái gốc.
- **Quỷ khí** 鬼氣: Chỉ Quỷ hồn, tức là những chơn linh thuộc quỷ vị.
- **Cửu tuyền** 九泉: Chín dòng suối, chỉ cõi Âm ty hay âm phủ. Tương truyền rằng nơi Âm phủ có chín dòng suối, nên gọi Âm phủ là Cửu tuyền tức Chín suối, hay huỳnh tuyền, suối vàng.
- ▶ **Câu 47:** Tất cả quỷ hồn, Phật Mẫu đều trụ nơi tuyền đài (Âm phủ).

Quảng khai Thiên thượng tạo quyền chí công

廣開天上造權至公

- **Quảng khai** 廣開: Mở rộng ra.
- **Thiên thượng** 天上: Trên cõi Trời, cõi Thiêng Liêng.
- **Tạo quyền** 造權: Tạo ra quyền hành.
- **Chí công** 至公: Rất công bình.

Mọi việc nơi thế gian đều có tính cách tương đối : Từ luật pháp, luân lý đạo đức, sự ứng xử của con người đối với nhau chỉ có công bình một cách tương đối, vì mọi quan niệm, mọi phán xét đều bị thiên kiến, bị giới hạn của thời gian và không gian. Còn sự công bình nơi Thiêng Liêng thì tuyệt đối, không bị giới hạn bởi thời gian hay không gian, không bị thiên lệch, không bị khuất lấp...Để thể hiện sự công bình tuyệt đối của Thiêng liêng, nơi Toà Thánh Tây Ninh, trên cửa bước vào có đắp một bàn tay sơn màu trắng nắm cán cân, tượng trưng bàn tay Chí Tôn cầm cân công bình đo tội phước của chúng sanh. Do vậy, người ta còn gọi Đúc Thượng Đế là

Đấng Chí Công.

- ▶ **Câu 48:** Đức Phật Mẫu mở rộng cõi Thiêng Liêng đặng thật hành cái quyền công bình của Chí Tôn nơi mặt thế.
-

Lịnh Mẫu Hậu khai Tông định Đạo

令 母 后 開 宗 定 道

- **Lịnh 令:** Mệnh lệnh.
 - **Mẫu hậu 母后:** Hay Thiên Hậu là một danh hiệu của Đức Diêu Trì Kim Mẫu.
 - **Khai tông 開宗:** Mở ra một nền Tông giáo.
 - **Định Đạo 定道:** Sắp đặt một nền Đại Đạo.
- ▶ **Câu 49:** Phật Mẫu ban lịnh khai mở và sắp đặt một nền Đại Đạo.

Căn cứ những câu trong bài Kinh Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu :

Đắc truyền khai mỗi Tam Kỳ,

Dưới tay cây có Diêu Trì Cửu Nương.

Hoặc:

Thất Nương khêu đuốc Đạo đầu,

Nhờ Người gọi ánh nhiệm mầu huyền vi.

Và Đạo Sử, ta biết rằng Bà Thất Nương Diêu Trì Cung đặc lệnh của Đức Phật Mẫu giáng huyền cơ thân phục ba vị phò loan là Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư và Cao Hoài Sang để Đức Chí Tôn và Phật Mẫu diu dẫn ba vị này khai mở nền Đại Đạo.

Trong quyển Đạo Sử của bà Hương Hiếu, Cửu Thiên Huyền Nữ, tức là Phật Mẫu có giáng cơ ngày 27/10 năm Ất Sửu như sau: “Mùng một này, tam vị đạo

hữu Vọng Thiên cầu Đạo”.

Đến ngày mừng 1 tháng 11, Đức Chí Tôn mới dạy ba vị phò loan “phải Vọng Thiên Cầu Đạo. Tắm gội cho tinh khiết, ra quì giữa Trời, cắm 9 cây nhang mà vái rằng: Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, vọng bái Cao Đài Thượng Đế, ban ơn đủ phước lành cho ba tôi cải tà quì chánh”.

Nhờ sự dìu dắt của Thất Nương, lời dạy của Cửu Thiên Huyền Nữ và nhứt là lệnh của Đức Chí Tôn, kể từ ngày ấy, ba vị phò loan trở thành Thiên sứ khai nền Đại Đạo.

Ân dưỡng sanh đảm bảo hồn hài

恩養生擔保魂骸

- ▣ **Ân dưỡng sinh** 恩養生: Ân đào tạo và nuôi dưỡng.
- ▣ **Đảm bảo** 擔保: Nguyên gìn giữ.
- ▣ **Hồn hài** 魂骸: Linh hồn và hình hài.

Hình hài này là hình hài Thiêng liêng do Phật Mẫu tạo ra, tức là Chơn thân.

- ▶ **Câu 50:** *Ôn tạo hóa ra, nuôi dưỡng và gìn giữ linh hồn, hình hài (Chơn thân) của Đức Phật Mẫu thật là to lớn.*

Càn Khôn Tạo Hóa sánh tài

乾坤造化娉才

- ▣ **Càn Khôn** 乾坤: Trời đất.
- ▣ **Tạo hóa** 造化: Đào tạo, hóa sinh ra vạn vật.
- ▣ **Sánh (娉)**: Từ Hán Việt không có âm “Sánh”. Đây có thể là một từ Nôm, có nghĩa so sánh, bằng.
- ▣ **Sánh tài** 娉才: Sánh cái tài bằng.

- ▶ **Câu 51:** Ôn tạo hóa và nuôi dưỡng của Đức Phật Mẫu sánh bằng Càn Khôn (Trời đất).

Nhứt triều nhứt tịch kính bài mộ khang

一朝一夕敬排暮康

- ◻ **Nhứt triều nhứt tịch** 一朝一夕: Một buổi sáng và một buổi chiều.
- ◻ **Kính bài** 敬排: Thành kính mà sắp xếp.
- ◻ **Mộ khang** 暮康: Thăm viếng sức khỏe buổi chiều.
- ▶ **Câu 52:** Buổi mai, buổi chiều chúng ta đến thăm viếng Đức Mẹ như đấng từ thân nơi thế gian vậy.

Câu Kinh này ý muốn nói: Tất cả con cái Đức Phật Mẫu phải thường siêng năng lo cúng bái sáng, trưa, chiều, khuya. Đó cũng như là sớm thăm tối viếng Mẹ Thiên liêng vậy. Hay nói cách khác, mỗi ngày, người con hiếu đạo của Phật Mẫu phải đem tâm hồn mình hồi hướng, giao cảm cùng Ngài trong bốn thời cúng mà nâng bước tiến tâm linh mình ngày một thêm thánh thiện.

Nam Mô Diêu Trì Kim Mẫu Tạo Hóa Huyền Thiên Cảm Bái

南無瑤池金母造化玄天感拜

- ◻ **Tạo Hóa Huyền Thiên** 造化玄天: Tầng Trời Tạo Hóa huyền diệu.
- ◻ **Cảm bái** 感拜: Bái lạy với tấm lòng cảm ơn cảm đức.
- ▶ **Nam Mô Diêu Trì Kim Mẫu Tạo Hóa Huyền Thiên Cảm Bái:** Với tấm lòng cảm ân cảm đức, chúng con xin cầu nguyện và kính lạy Đức Diêu Trì Kim Mẫu ở Tầng Tạo Hóa Thiên huyền diệu.

Nam mô Đại Từ Bi Năng Hỷ Xả Thiên Hậu Chí Tôn, Đại Bi, Đại

Ái

南無大慈悲能喜舍天后至尊大悲大

- ◻ **Đại Từ bi** 大慈悲: Lòng Từ bi to lớn.
- ◻ **Năng Hỷ Xả** 能喜舍 Có thể vui vẻ mà tha thứ cho người làm lỗi với mình.
- ◻ **Hỷ** 喜: Vui nhưng ở đây không phải là vui riêng cho cá nhân mình, cho gia đình mình. Tâm hỷ ở đây là lòng vui thích khi thấy người khác giàu sang, người khác hạnh phúc, người khác thành công hay hoan lạc. Muốn có lòng hỷ, chúng ta phải dẹp bỏ lòng đố kỵ. Chính lòng đố kỵ làm cho tâm hồn ta trở thành hẹp hòi ích kỷ, trở nên xấu xa, đê tiện, khiến ta ghét người khác vì họ phú quý, thù oán người khác khi họ thành công.
- ◻ **Xả** 舍: Buông bỏ. Nhưng ở đây không có nghĩa là lạnh lùng lãnh đạm, không màng đến thế sự, hay không vui thích, không sung sướng, không buồn khổ. Xả ở đây là giữ cái tâm bình thản, an tịnh, không xúc động khi hạnh phúc cũng như khi đau khổ, không bị vướng mắc vào phiền não. Người có tâm xả lúc nào cũng thản nhiên khi bị khinh rẻ, sỉ báng, cũng như khi được ca tụng đề cao.

Người có tâm xả là không chấp trước, nghĩa là đối với thuận cảnh không sanh tâm luyến ái, vướng mắc và đối với nghịch cảnh thì không sanh tâm oán hận người.

Do có tâm xả mà ta bỏ được tính ngã mạn, luôn lắng nghe và tiếp nhận những tri kiến đúng đắn mới để tiến bộ trên đường tu tập. Khiến ta cũng không còn thất vọng, buồn phiền hay tự mãn trước sự khen chê

của thế gian.

Thường thì những thứ ta mang là tham, sân, si, đố kỵ, ganh ghét, ngã mạn, thù hiềm... Như thế thì làm sao mà ta an lạc cho được? Khi ta không xả được tức là phiền não, sân hận. Xả là bỏ qua, không chấp kể, có bỏ qua được mới có vui, mới có thanh tịnh.

- ▣ **Thiên Hậu** 天后: Một Hồng danh của Đức Phật Mẫu.
- ▣ **Chí Tôn** 至尊 Rất tôn kính.
- ▣ **Đại bi Đại ái** 大悲大愛: Lòng thương yêu chúng sanh của Phật rất to lớn.
- ▶ **Nam mô Đại Từ Bi Năng Hỷ Xả Thiên Hậu Chí Tôn, Đại Bi, Đại Ái:** Nam mô con cầu nguyện Đức Phật Mẫu là Đấng tôn kính, có lòng Từ bi Bác ái to lớn, có thể tha thứ tội tình cho chúng sanh.

IV GIẢI NGHĨA

PHẬT MẪU CHƠN KINH

- ▶ **Câu 1:** Đức Phật Mẫu là Đấng huyền vi ngự nơi tầng Tạo Hóa Thiên.
- ▶ **Câu 2:** Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn, nơi Diêu Trì Cung ở tầng Tạo Hóa Thiên.
- ▶ **Câu 3:** Phật Mẫu lấy khí sanh quang mà nuôi dưỡng con cái của Ngài.
- ▶ **Câu 4:** Chơn linh phối hợp với Chơn thân của Phật Mẫu để tạo thành một Thánh hình (Hình thể Thiêng Liêng).
- ▶ **Câu 5:** Tùng theo Pháp của Đức Chí Tôn mà vạn loại được sinh ra.
- ▶ **Câu 6:** Lấy hai khí Âm và khí Dương hiệp nhau lại

mà biến sinh ra vạn vật.

- ▶ **Câu 7:** Âm Dương (Càn khôn) là phần vô vi hiệp lại với nhau tạo ra thành vạn vật có hình thể.
- ▶ **Câu 8:** Phật Mẫu đem bát hồn cho đầu kiếp xuống trần tạo thành chúng sanh.
- ▶ **Câu 9:** Hiệp cả thầy chơn linh loài vật hữu sanh để lo tính sự nghiệp lập vị cho chính mình.
- ▶ **Câu 10:** Phật Mẫu lập ra tam tài và định kiếp căn của con người sống ở cõi trần này.
- ▶ **Câu 11:** Mượn việc luân hồi chuyển kiếp, mà các chơn linh có thể đạt ngôi vị cao thăng.
- ▶ **Câu 12:** Phật Mẫu lấy khí Hư vô trong lò Bát quái để đem các chơn linh trở lại nguồn cội là Chí Tôn.
- ▶ **Câu 13:** Chấm dứt oan trái và tiêu diệt hết những mối dây ràng buộc của con người ở cõi trần, tức đã trả quả trong kiếp này.
- ▶ **Câu 14:** Phật Mẫu chường quản vườn Đào Tiên, tạo quyền phép để các chơn linh được hằng sống nơi cõi Hư linh.
- ▶ **Câu 15:** Phật Mẫu đem con cái của Ngài về cõi Thiên Liêng tạo thành một sự nghiệp to tát.
- ▶ **Câu 16:** Tùy theo công nghiệp của mỗi Chơn linh mà Chí Tôn định vị cho vĩnh viễn ở nơi Thiên Cung.
- ▶ **Câu 17:** Làm chủ Âm quang, Phật Mẫu thường tùng theo mạng lệnh của Đức Chí Tôn.
- ▶ **Câu 18:** Phật Mẫu dẫn độ Chơn thần của chúng sanh xuống trần đầu kiếp hay qui nguyên về cõi Thiên Liêng Hằng Sống.
- ▶ **Câu 19:** Chơn linh được siêu thăng thì xe phụng liền sẽ mở cửa rước trở về.

- ▶ **Câu 20:** Do Phật Mẫu độ rỗi, Đức Cao Đài Ngọc Đế xuống danh để ban cho về nơi cõi Tiên cung, Phật xứ.
- ▶ **Câu 21:** Cuối thời Hạ nguơn Tam chuyển, bắt đầu Thượng nguơn Tứ chuyển, có Đức Chí Tôn đến giáo hóa chúng sanh.
- ▶ **Câu 22:** Đại Hội Long Hoa là một dịp làm cho các giống dân trên thế giới được sống hoà hợp với nhau.
- ▶ **Câu 23:** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mở ra hiệp với thiên thơ tiền định.
- ▶ **Câu 24:** Trường thi Tiên là dành cho những người có duyên gặp gỡ nền Đại Đạo.
- ▶ **Câu 25:** Chúng sanh đang đắm chìm trong biển khổ, Đức Phật Mẫu đem chiếc thuyền Bát nhã vào trong ấy để cứu vớt nhơn sanh.
- ▶ **Câu 26:** Ban cho phước đức và do lòng từ bi Phật Mẫu giải trừ cho căn xưa quả cũ.
- ▶ **Câu 27:** Những Chơn linh bị tiêu hồn phách, nay được Phật Mẫu cho hườn hồn trở lại và Đức Phật Mẫu cũng ân xá những chơn linh bị đọa, nay được siêu thăng.
- ▶ **Câu 28:** Nơi Diêu Trì Cung, Cửu Vị Tiên Nương trở lại Kim Bàn để phụ giúp Đức Phật Mẫu chưởng quản Âm linh.
- ▶ **Câu 29:** Mười Thiên Can bao gồm muôn hình trạng.
- ▶ **Câu 30:** Mười Thiên Can từng theo mười hai Địa Chi sanh thành và làm rộng lớn Càn Khôn Thế giới.
- ▶ **Câu 31:** Cho trở lại nhiều lần về ngôi xưa vị cũ nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
- ▶ **Câu 32:** Các Nguyên linh được biến hóa thành các

loài cùng với quỷ hồn, tất cả đều được siêu thăng.

- ▶ **Câu 33:** Không siêu, không đọa, căn quả đều có hình pháp định rõ.
- ▶ **Câu 34:** Các oan nghiệt của kiếp sống con người để lại được Phật Mẫu ân xá, nên không có hình phạt khổ sở.
- ▶ **Câu 35:** Không có Địa ngục, không có cửa ải của Quỷ.
- ▶ **Câu 36:** Đức Đại Từ Phụ đại ân xá cho toàn thể chúng sanh và diu dắt con cái của Ngài trở về hội hiệp cùng Ngài.
- ▶ **Câu 37:** Căn cứ theo lệnh Phật Mẫu, thì Đức mẹ đã thọ sắc của Chí Tôn.
- ▶ **Câu 38:** Cứu độ con cái thơ dại của Phật Mẫu khắp bốn phương ở cõi thế gian.
- ▶ **Câu 39:** Thời kỳ khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn tạo ra một linh đài qui tụ tín ngưỡng của toàn nhơn loại lại thành một khối gồm đủ Tam giáo, Ngũ chi.
- ▶ **Câu 40:** Tiêu diệt những tà pháp để đem nhơn loại đến thế giới Đại đồng.
- ▶ **Câu 41:** Hiệp các chủng tộc làm một nhà, một tín ngưỡng duy nhất, không phân biệt Quốc gia, dân tộc.
- ▶ **Câu 42:** Đức Phật Mẫu tìm cách qui Thiên lương về với con cái của Ngài.
- ▶ **Câu 43:** Kinh Xuân Thu, Cây Phất Chủ, Bình Bát Vu.
- ▶ **Câu 44:** Qui hiệp Tam giáo lại thành một nền Chơn Đạo của Đức Chí Tôn.
- ▶ **Câu 45:** Đức Phật Mẫu hoàn trả Phật tánh lại cho các nguyên nhơn và đem họ về với ngôi xưa vị cũ.
- ▶ **Câu 46:** Dạy dỗ và diu dắt các linh hồn có may mắn

và duyên phần gặp được mỗi Đạo để lo tu hành.

- ▶ **Câu 47:** Tất cả quỷ hồn, Phật Mẫu đều trụ nơi tuyến đài (Âm phủ).
- ▶ **Câu 48:** Đức Phật Mẫu mở rộng cõi Thiêng Liêng đặng thật hành cái quyền công bình của Chí Tôn nơi mặt thế.
- ▶ **Câu 49:** Phật Mẫu ban lệnh khai mở và sắp đặt một nền Đại Đạo.
- ▶ **Câu 50:** Ôn tạo hóa ra, nuôi dưỡng và gìn giữ linh hồn, hình hài (Chơn thân) của Đức Phật Mẫu thật là to lớn.
- ▶ **Câu 51:** Ôn sanh hóa và nuôi dưỡng của Đức Phật Mẫu sánh bằng Càn Khôn (Trời đất).
- ▶ **Câu 52:** Buổi mai, buổi chiều chúng ta đến thăm viếng Đức Mẹ như đấng từ thân nơi thế gian vậy.
- ▶ **Niệm:** Với tấm lòng cảm ân cảm đức, chúng con xin cầu nguyện và kính lạy Đức Diêu Trì Kim Mẫu ở Tầng Tạo Hóa Thiên huyền diệu.
- ▶ *Nam mô con cầu nguyện Đức Phật Mẫu là Đấng tôn kính, có lòng Từ bi Bác ái to lớn, có thể tha thứ tội tình cho chúng sanh.*

THIÊN THỨ NHÌ

TÁN TỤNG CÔNG ĐỨC ĐIỀU TRỊ KIM MẪU

- I. KINH VĂN
- II. CHÚ THÍCH
- III. GIẢI NGHĨA

I. KINH VĂN

Kể từ hỗn độn sơ khai,
Chí Tôn hạ chỉ trước đài Linh Tiêu.
Lưỡng nghi phân khí hư vô,
Điều Trị Kim Mẫu nung lò hóa sanh.
Âm Dương biến tạo Chơn thần.
Lo cho nhơn vật về phần hữu vi.
Mớm cơm vú sữa cũng tay,
Dưỡng sanh đùm bọc với tài chí công.
Xét vì nhơn vật lẽ đồng,
Chắt chiu hằng để trọn lòng chung thương.
Chí mong hòa hảo âm dương
Thuận căn theo lối bước đường vẹn chơn.
Mẫu Nghi hằng giữ lòng đờn,
Mảng lo cho trẻ đặng toàn mảnh thân.
Riêng thương Kim Mẫu khóc thầm,
Biển trần thấy trẻ lạc lầm bấy lâu.
Đòi phen Mẹ luống ưu sầu,
Cũng vì tà mị dẫn đường con thương.
Đỉnh chung là miếng treo gương,
Khiến nên trẻ dại lạc đường quên ngôi.
Ngọt ngon trẻ nhiễm mển mùi,
Trẻ nào có biết khúc nôi đoan trường.

Ngồi trông con đặng phi thường,
Mẹ đem con đến tận đường hằng sanh.
Xưa con không thấu cội nhành,
Vì đường Đạo bế biệt cành hoa rời.
Từ con cách Mẹ phương trời,
Trăm luân khổ hải chơi vơi sóng trần.
Dẫu thương nhắm mắt đưa chơn,
Giờ nay gặp lối nghịet trần giảm tiêu.
Ngọc Hư định phép cũng nhiều,
Phái Vàng Mẹ lãnh dắt dìu trẻ thơ.
Trước kia trẻ vẫn mịt mờ,
Từ đây mới hẳn ơn nhờ Mẫu Nghi.
Đắc truyền khai mỗi Tam Kỳ,
Dưới tay cây có Diêu Trì Cửu Nương.
Chín cô đã sẵn lòng thương,
Mê tâm độ chúng bướm trưng thoát vòng.
Lục Nương phát phướn truy hồn,
Tang thương nay lúc bảo tôn chúng sanh.
Bát Nương thật đáng chí linh,
Cùng chung giáo hóa ân cần lo âu.
Thất Nương khêu đuốc Đạo đầu,
Nhờ Người gọi ánh nhiệm mầu huyền vi.
Môn sanh thiện niệm hằng ngày,
Cúi xin Kim Mẫu muôn loài cứu ương.
Đề đầu khấu bái Nương Nương,
Nén hương đạm bạc xin thương chứng lòng.

Niệm: “Nam Mô Tạo Hóa Huyền Thiên Diêu Trì Kim Mẫu”

“Nam Mô Tào Hóa Huyền Thiên Cửu Vị Nữ Phật”

II. CHÚ GIẢI

**Kể từ hỗn độn sơ khai,
Chí Tôn hạ chỉ trước đài Linh Tiêu.**

- **Kể từ:** Kể từ lúc.
- **Hỗn độn** 混沌: Lộn xộn, không phân biệt được. Đây chỉ vào thời kỳ hỗn độn của Càn khôn Vũ trụ Thời hỗn độn hay thời Tiên thiên, tức là trước thời kỳ Trời đất hình thành, hay nói cách khác, thời kỳ Trời đất chưa phân định.
- **Sơ khai** 初開: Mới mở ra lúc ban đầu.
- **Chí Tôn** 至尊: Rất tôn kính. Chỉ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- **Hạ chỉ** 下旨: Vua hạ lệnh xuống cho bầy tôi, thần dân thi hành. Ở đây chỉ Đức Thượng Đế truyền lệnh xuống.
- **Đài Linh Tiêu:** Một cái Đài cao ở Linh Tiêu Điện 靈霄殿, Ngọc Hư Cung 玉虛宮. Nơi đây Đức Chí Tôn họp chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Thánh giáo cho biết trong bài thi tứ tuyệt như sau:

Linh Tiêu nhứt tháp thị Cao Đài

靈霄一塔是高臺

Đại hội quần Tiên thử ngọc giai.

大會群仙此玉階

Vạn trượng hào quang tùng thử xuất,

萬丈毫光從此出

Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai.

古名寶境樂天台

Nghĩa là: Linh Tiêu Điện có một tháp gọi Cao Đài.

Đại hội các Tiên họp tại nơi bệ ngọc này.

Muôn trượng hào quang từ nơi ấy mà chiếu ra.

Tên khi xưa, cảnh báu đó gọi Lạc Thiên Thai.

- ▶ **Câu 1:** Kể từ thời hỗn độn trước lúc mới mở Trời đất.
- ▶ **Câu 2:** Đức Chí Tôn ngự nơi Linh Tiêu Điện, Ngọc Hư Cung truyền ban lệnh xuống.

Lưỡng nghi phân khí hư vô,

Điều Trì Kim Mẫu nung lò hóa sanh.

- ◻ **Lưỡng Nghi 兩儀:** Do Thái Cực biến hóa ra Lưỡng Nghi, đó là Âm quang và Dương quang.
- ◻ **Khí Hư vô:** Tức là Hư vô chi khí 虛無之氣, là một thể khí có trước khi tạo lập ra Càn Khôn Vũ Trụ, còn gọi là Nguyên khí, Tiên Thiên khí.
Khí Hư vô trong thời kỳ hỗn độn mới kết tụ thành ngôi Thái Cực, Thái Cực mới phân hóa ra Lưỡng Nghi, tức là hai khí Âm dương.
- ◻ **Nung lò:** Đốt cháy cái lò.
Đức Phật Mẫu dùng gương chất nơi Kim Bàn, Điều Trì Cung, tựa như chiếc lò sản xuất ra hình hài muôn vật.
Lò hóa sinh do chữ trong bài phú Giả Nghi có câu: “Trời đất làm cái lò, mà Đấng Tạo Hóa làm thợ để đúc nặn ra muôn vật. (Thiên địa vi lò hễ, tạo hóa vi công 天地為爐兮, 造化為工).
- ◻ **Hóa sanh 化生:** Biến hóa và sinh sản ra.
- ▶ **Câu 3:** Khí Hư vô sinh Thái Cực, Thái Cực mới phân

ra Lương Nghi, tức khí Âm quang và Dương quang.

- ▶ **Câu 4:** Đức Phật Mẫu đem khí Âm quang phối hợp với khí Dương quang để đào tạo ra vạn vật.

Âm Dương biến tạo Chơn thân.

Lo cho nơn vật về phần hữu vi.

- ◻ **Biến tạo** 變造: Biến hóa mà tạo ra.
- ◻ **Chơn Thân** 真神: Là một thể do Phật Mẫu tạo ra, được gọi là Đệ nhị xác thân hay Chơn Thân. Chơn Linh và Chơn Thân mới phối hợp với nhục thân, tức là thân hình hài xác thịt của cha mẹ nơi cõi trần tạo ra để thành một con người ở phàm gian. Khi chết, Chơn Linh, Chơn Thân mới xuất ra khỏi thân xác, con người chỉ còn lại cái cái xác chết, tức là thân tứ đại, chờ ngày tan rã.
- ◻ **Nơn vật** 人物: Loài người và loài vật.
- ◻ **Hữu vi** 有為: Trái với vô vi, tức là tất cả những gì có sắc tướng, có hình thể.
- ▶ **Câu 5:** Phật Mẫu dùng hai khí Dương quang và Âm quang để tạo ra Đệ nhị xác thân, tức Chơn Thân.
- ▶ **Câu 6:** Phật Mẫu lo cho loài người và loài vật về phần hình thể.

Mớm cơm vú sữa cũng tay,

Dưỡng sanh đùm bọc với tài chí công.

- ◻ **Mớm cơm vú sữa:** Cho ăn cơm, cho bú sữa. Phật Mẫu được ví như bà mẹ hiền nơi thế gian lo cho con trẻ từng muỗng cơm, giọt sữa. Tuy không thấy Phật Mẫu lo trực tiếp cho con người, nhưng Ngài hóa sanh ra vạn vật, từ vạn vật con người

mới có được sự sống. Đó cũng là công ơn nuôi nấng của Phật Mẫu lo cho con cái của Ngài.

- **Dưỡng sanh** 養生: Nuôi dưỡng cho sống còn, cho lớn lên khỏe mạnh.
- **Đùm bọc**: Bao bọc, che chở bằng tất cả tình thương.
- **Chí công** 至公: Rất công bình.
- ▶ **Câu 7**: Chính mình Phật Mẫu lo nuôi dưỡng con cái từ lúc sơ sinh cho đến lúc trưởng thành.
- ▶ **Câu 8**: Với tấm lòng công bình, ưu ái, Phật Mẫu đùm bọc nuôi dưỡng con cái của Ngài.

Xét vì nhơn vật lẽ đồng, Chắt chiu hằng để trọn lòng chung thương.

- **Xét vì**: Xét lẽ ra.
- **Nhơn vật** 人物: Loài người và loài vật ở thế gian.
- **Lẽ đồng**: Cùng một lẽ giống như nhau.
- **Nhơn vật lẽ đồng**: Túc Nhân vật đồng nhất lý 人物同一理: Con người và loài vật cùng một lý giống nhau.
- **Chắt chiu**: Chăm sóc một cách quý trọng.
- **Hằng để**: Luôn luôn để, thường thường để.
- **Trọn lòng**: Trọn vẹn tấm lòng, hết lòng.
- ▶ **Câu 9**: Người và vật đều do Phật Mẫu tạo ra nên xét thấy cùng một lẽ như nhau.
- ▶ **Câu 10**: Phật Mẫu luôn luôn chắt chiu chăm sóc chúng sanh với trọn tấm lòng thương yêu, quý trọng.

Chí mong hòa hảo âm dương, Thuận căn theo lối bước đường vẹn chơn.

- **Chí mong**: Ý chí mong muốn.
- **Hòa hảo** 和好: Hòa thuận một cách tốt đẹp.

- **Âm Dương** 陰陽: Khí âm và khí dương.
- **Thuận** 順: Xuôi theo, thuận theo.
- **Căn** 根: Cái gốc rễ.
Nếu xét về lẽ vô vi thì gốc rễ của con người là do hai khí âm dương biến hóa ra, hay nói cách khác do Chí Tôn và Phật Mẫu đào tạo nên.
- **Bước đường**: Bước đi trên đường. Theo nghĩa ở đây, là con đường tiến hóa.
- **Vẹn chơn**: Chơn thật một cách trọn vẹn.
- ▶ **Câu 11**: Phật Mẫu mong muốn cho hai khí âm dương hòa hiệp một cách tốt đẹp với nhau.
- ▶ **Câu 12**: Thuận theo lẽ Âm Dương hòa hiệp mà chúng sanh trên đường tiến hóa một cách chơn thật.

Mẫu Nghi hằng giữ lòng đơn, Mảng lo cho trẻ đặng toàn mảnh thân.

- **Mẫu Nghi** 母儀: Nghi là làm khuôn phép. Mẫu nghi: Làm khuôn mẫu bà mẹ cho mọi người. Nghĩa rộng chỉ đức hạnh của người làm mẹ.
Ở thế gian, người ta gọi Bà Hoàng Hậu, vợ vị Hoàng Đế, là Mẫu Nghi thiên hạ, tức là có ý nói: Vị Hoàng Hậu là người mẹ làm gương mẫu tốt cho các bà mẹ trong dân chúng.
Mẫu Nghi ở đây dùng chỉ Đức Phật Mẫu.
- **Hằng giữ**: Luôn luôn giữ.
- **Lòng đơn**: Do chữ đan tâm hay đơn tâm 丹心: Lòng son. Tấm lòng son sắc (màu son) không bao giờ phai lợt. Thường nói về tấm lòng thương yêu, trung thành.
- **Mảng lo**: Đặt hết tâm trí để lo.

- **Trẻ:** Con cái của Đức Phật Mẫu, chỉ tất cả chúng sanh.
- **Đặng toàn:** Được hoàn toàn, được toàn vẹn.
- **Mảnh thân:** Cái thân con người, tám thân.
- ▶ **Câu 13 và 14:** Đức Phật Mẫu luôn luôn lúc nào cũng giữ một lòng lo lắng cho tất cả con cái của Ngài có được mảnh thân vẹn toàn.

**Riêng thương Kim Mẫu khóc thầm,
Biển trần thấy trẻ lạc lằm bấy lâu.**

- **Riêng thương:** Thương yêu đặc biệt.
- **Kim Mẫu 金母:** Một danh hiệu của Đức Phật Mẫu. Do viết tắt của Kim Bà Phật Mẫu hay Diệu Trì Kim Mẫu.
- **Biển trần:** Trần gian được ví như một cái biển khổ. Con người sống trong cõi ấy coi như bị chìm đắm, lặn hụp do những cơn sóng khổ đời dập không bao giờ ngừng nghỉ. Bài kệ chuỗi bên Phật có câu:
Khổ hải vạn trùng ba
苦海萬重波
(Biển khổ muôn lượn sóng).
- **Lạc lằm:** Hay lằm lạc, tức là do mù quáng, mê muội mà gây ra nhiều điều sai trái, lỗi lằm, khiến nên phải chìm sâu trong luân hồi sinh nơi biển khổ.
- **Bấy lâu:** Bao nhiêu lâu nay.
- ▶ **Câu 15:** Đức Phật Mẫu yêu thương con cái một cách đặc biệt nên thường khóc thầm.
- ▶ **Câu 16:** Bởi vì Ngài thấy con cái bị lạc lằm trong biển trần khổ sở bao nhiêu lâu nay.

Đòi phen Mẹ luống ưu sầu, Cũng vì tà mị dẫn đường con thương.

- **Đòi phen:** Nhiều phen.
- **Luống:** Rất nhiều lần.
- **Ưu sầu** 憂愁: Lo buồn.
- **Tà mị** 邪媚: Gian tà hay dua nịnh. Những người có lòng dạ không ngay thẳng hay a dua nịnh hót.
- **Tà mị** 邪魅: Mị là ma quái. Tà mị chỉ Tà ma quỷ quái. Những gì thuộc về ma quái.
- ▶ **Câu 17:** Đã nhiều lần, Đức Mẹ lo lắng, u sầu
- ▶ **Câu 18:** Vì đám gian tà dua nịnh (cũng có thể hiểu bọn tà quái) dẫn dắt con cái yêu thương của Người vào con đường lầm lạc.

Đỉnh chung là miếng treo gương, Khiến nên trẻ dại lạc đường quên ngôi.

- **Đỉnh chung** 鼎鐘: Hay chung đỉnh. Đỉnh là cái vạc, chung là cái chuông.
Đời trước thức ăn các bậc phú quý đựng trong cái đỉnh, khi sắp ăn thì rung chuông báo hiệu. Nên chung đỉnh dùng để chỉ những nhà quyền quý, cao sang, khi ăn thì bày vạc và đánh chuông để gọi khách.
Vương Bột có viết: “Chung minh đỉnh thực chi gia”.
- **Miếng:** Bã, mồi, món. Từ ngữ dùng để chỉ một đơn vị với ý nghĩa xem thường, xem khinh bỉ. Ví dụ như miếng vinh hoa phú quý, miếng đỉnh chung.
- **Treo gương:** Treo lên, nêu lên để làm gương.
- **Trẻ dại:** Đứa con trẻ còn thơ dại. Phật Mẫu lúc nào cũng coi chúng sinh là những đứa con trẻ khờ dại.

- ▶ **Câu 19:** Miếng mỡ giàu sang, danh lợi được nêu lên để làm một tấm gương cho chúng sanh.
- ▶ **Câu 20:** Những đứa con khờ dại của Phật Mẫu đi lạc vào đường vật chất mà quên đi ngôi vị cũ của mình nơi cõi Thiên Liêng.

**Ngọt ngon trẻ nhiễm mền mùi,
Trẻ nào có biết khúc nôi đoạn trường.**

- ◻ **Ngọt ngon:** Chỉ chung các thứ hấp dẫn của thể xác làm cho con người mê đắm.
- ◻ **Nhiễm** 染: Nhuốm, thấm sâu vào.
- ◻ **Mền:** Chuộng, ưa.
- ◻ **Khúc nôi:** Từng đoạn từng hồi mang nỗi niềm tâm sự thâm kín.
- ◻ **Đoạn trường** 斷腸: Đứt từng đoạn ruột. Chỉ sự đau đớn, thảm khổ, khiến người ta đến tan ruột nát lòng. Sách Sưu Thần Hậu Ký có chép: Một người nọ bắt được một con khỉ con đem làm thịt. Khỉ mẹ trên cây nháy nhót khóc lóc thảm thiết rồi từ trên cây rơi xuống chết. Mở bụng ra xem thấy ruột đều đứt cả. Nghĩa bóng: Chỉ những việc rất đau đớn, rất thảm thiết.
- ▶ **Câu 21:** Mùi vị ngọt ngon nơi cõi trần đã tiêm nhiễm, thấm sâu vào con cái của Đức Phật Mẫu.
- ▶ **Câu 22:** Con cái đâu biết được những nỗi niềm thương thâm của Đức Mẹ.

**Ngôi trông con dạng phi thường,
Mẹ đem con đến tận đường hằng sanh.**

- ◻ **Ngôi trông:** Ngôi mong mỏi, ngôi chờ đợi.

Do điển tích Ý môn 倚門, hay Ý lưu 倚閭, để chỉ người mẹ ngồi tựa cửa trông chờ con trở về. Xưa kia mẹ của Vương Tôn Giả rất yêu thương con, khi nào con ra đi khỏi nhà, thì bà sớm tối lúc nào cũng “ngồi tựa cửa trông con”: Ý lưu nhi vọng 倚閭而望.

- ▣ **Phi thường** 非常: Không phải tầm thường.

Thói thường, con người vì mê vọng nên thường ham muốn danh lợi, say mê tửu sắc, ưa thích mỹ vị cao lương... mà bị đắm chìm mãi trong đường luân hồi sanh tử. Vì vậy, Đức Phật Mẫu hằng thương xót cho đám con cái của Ngài, lúc nào Ngài cũng ngồi trông chờ nơi cõi thế gian, con cái của Ngài trở nên những bậc phi thường, tức là những người biết đường đạo đức, xa lìa danh lợi, khinh thường vật chất, phát tâm tu niệm, lập công bồi đức.v.v.hay lập được những công quả phi thường, tức là những công quả có lợi ích lớn lao cho vạn linh để Ngài có thể dìu dắt họ trở về cõi Thiên liêng Hằng sống.

- ▣ **Tận đường**: Đến cuối con đường.
- ▣ **Hằng sanh** 恆生: Hằng sống, tức là sống mãi. Chỉ cõi Thiên liêng Hằng Sống, tức là Công Giáo gọi Thiên đường hay nước Chúa, Phật giáo gọi Niết bàn hay Cực Lạc.

Thế gian là cõi tạm, nên con người xuống như một khách trần, gởi thân để chờ ngày trở về cõi Thiên liêng, đó mới là cõi Hằng sống hay cõi Vĩnh hằng. Nên người ta thường nói “Sống gởi thác về”: Sinh ký tử qui 生寄死歸.

- ▶ **Câu 23**: Đức Mẹ hằng ngồi trông chờ con cái của Ngài trở nên những bậc phi thường nơi thế gian này.

- ▶ **Câu 24:** *Để Đức Phật Mẫu rước đem về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.*

**Xưa con không thấu cội nhánh,
Vì đường Đạo bể biệt cành hoa rơi.**

- ◻ **Không thấu:** Không thấu hiểu, không biết rõ.
- ◻ **Cội nhánh:** Gốc và nhánh của cây. Ý muốn nói đầu đuôi gốc ngọn. Đồng nghĩa với ngọn nguồn. Người xưa thường quan niệm người biết đạo lý, tu hành cần phải biết nguồn gốc hay cội nhánh, Nho có câu: “Vật có gốc ngọn, việc có trước sau, nếu mình biết được gốc ngọn trước sau thì gần Đạo vậy”: *Vật hữu bản末, sự hữu chung thủy, tri sở tiền hậu, tắc cận đạo 矣*). Câu này có ý dạy chúng ta phải biết nguồn gốc ơn nghĩa để ta lo đến đáp công ơn ấy.
- ◻ **Đường Đạo bể:** Đường Đạo bị đóng lại.
- ◻ **Biệt cành hoa rơi:** Lìa khỏi cành, hoa rơi xuống đất. Cành được ví như Phật Mẫu, con cái Ngài tựa như những bông hoa lìa khỏi cành mà rơi rụng khắp nơi.
- ▶ **Câu 25:** *Xưa kia, chúng con không hiểu thấu ngọn nguồn.*
- ▶ **Câu 26:** *Vì Đạo bị bế nên chúng con như cánh hoa lìa khỏi cành (Lìa Mẹ) mà rơi rụng khắp nơi.*

**Từ con cách Mẹ phương trời,
Trầm luân khổ hải chơi vơi sóng trần.**

- ◻ **Từ con cách mẹ:** Từ khi con xa cách mẹ.
- ◻ **Phương trời:** Khắp các phương trời, khắp nơi.
- ◻ **Trầm luân** 沈淪: Chìm đắm.

- ◻ **Khổ hải** 苦海: Biển khổ. Đức Phật dùng để ví cảnh hết sức cực khổ.
Kinh Lăng Nghiêm viết: Xuất ư khổ hải: Thoát ra khỏi biển khổ.
- ◻ **Chơi vơi**: Giữa biển mênh mông, không nơi bám víu.
- ◻ **Sóng trần**: Sóng trần gian. Đức Phật ví cõi trần gian như là một biển khổ mênh mông bát ngát. Con người sống ở cõi trần được coi như đang lặn hụp, chìm đắm trong biển khổ ấy, không biết đâu mà bám víu. Đạo tựa như con thuyền, chèo khắp mọi nơi trong biển khổ ấy mà cứu vớt những người đang bị những lượn sóng trần dôi dập, để đưa qua bên kia bờ giác ngộ.
- ▶ **Câu 27**: Từ khi con xa cách Mẹ để lưu lạc khắp các phương trời.
- ▶ **Câu 28**: Các con bị những lượn sóng trần dôi dập chìm đắm trong biển trần mênh mông khổ sở này.

Dấu thương nhắm mắt đưa chơn, Giờ nay gặp lối nghiệt trần giảm tiêu.

- ◻ **Nhắm mắt đưa chơn**: Nhắm mắt mà bước chơn đi, không biết việc gì sẽ xảy tới.
- ◻ **Giờ nay gặp lối**: Ngày nay gặp được con đường Đạo.
- ◻ **Nghiệt trần**: Hay trần nghiệt 塵孽, oan nghiệt nơi cõi trần, tức là những mầm độc ác nơi cõi trần.
- ◻ **Giảm tiêu**: Giảm bớt và tiêu tan.
- ▶ **Câu 29**: Dù cho thương yêu các con, Mẹ cũng đành để duyên phận đưa đẩy các con.
- ▶ **Câu 30**: Ngày nay các con gặp được con đường Đạo thì cái oan nghiệt của các con ở nơi trần này sẽ được giảm tiêu.

Thật vậy, ngày nay chúng ta may duyên gặp được thời kỳ Đức Chí Tôn vì lòng thương xót tất cả chúng sanh, nhất là những chúng sanh có nhiều tội lỗi, mà giáng cơ khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Đại Ân Xá cho chúng sanh, ban cho các bí tích như: Giải oan, tắm Thánh, làm phép xác... Thánh giáo có dạy: “Buổi lập Thánh đạo, Thầy đến độ rồi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không có tội lỗi, đâu nhọc đến công Thầy. Ấy vậy, các con rón độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui hơn hết”.

Vào thời hạ nguồn mặt pháp, nhờ gặp thời kỳ ân xá và hưởng những bí tích thiêng liêng mà chúng sanh được tiêu trừ những oan khiên nghiệp chướng nơi cõi trần, để chơn linh nhẹ nhàng, trong sạch, hầu dễ dàng siêu thăng thoát hóa.

**Ngọc Hư định phép cũng nhiều,
Phái Vàng Mẹ lãnh dắt dìu trẻ thơ.**

- **Ngọc Hư** 玉虛: Tức Ngọc Hư cung 玉虛宮. Đây là nơi cung ngự của Đức Chí Tôn.
- **Định phép:** Sắp đặt phép tắc.
- **Phái Vàng:** Phái 派 là lệnh, sai khiến, như phái viên 派員. Vàng là chỉ sự tôn quý (Có lẽ do chữ kim phái 金派). Phái vàng có thể hiểu như là một sắc chỉ của Đức Chí Tôn.

Đức Phật Mẫu có giáng cơ dạy Đạo tại Thảo Xá Hiền Cung, ngày 15-11-Tân Mùi bằng một bài thi, trong bài ấy có mấy câu như sau:

*Ngọc Hư định đã nhiều phép cứu.
Thiếp từ đặng Phái vàng chỉ bừ,*

*Lịnh Chí Tôn khai mỗi Tam Kỳ,
Hằng ngày lo cho đám nữ nhi...*

Hai câu giữa của đoạn thi trên cho ta hiểu nghĩa như sau: *Phật Mẫu kể từ khi đặng sắc chỉ rất tôn quý của Chí Tôn, trong ấy, lịnh truyền khai mỗi Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*

*Như vậy, câu kinh: **Phái vàng** Mẹ lãnh dắt dìu trẻ thơ, có nghĩa là Đức Mẹ nhận lãnh sắc chỉ của Chí Tôn để dìu dắt đám trẻ thơ nơi cõi trần.*

- ▣ **Dắt dìu trẻ thơ:** *Dẫn dắt các con cái còn thơ dại.*

Phật Mẫu có công tạo hóa ra chúng sanh, cho chúng sanh học hỏi nơi trần gian để chơn linh được tiến bộ, nhưng tất cả con cái Ngài hầu hết vì tiền tài, danh lợi, sắc dục và vật chất làm mê đắm mà chìm sâu trong vòng sinh tử luân hồi. May nhờ Thiên thơ tiền định, Đạo Trời khai mở vào thời hạ nguơn mặt pháp, Đức Mẹ lại nhận lãnh lo giáo hóa để dìu dẫn hết thảy con cái của Ngài, kể cả 92 ức nguyên nhân đều được trở về ngôi xưa vị cũ.

- ▶ **Câu 31:** *Các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi Ngọc Hư Cung đã sắp đặt nhiều điều phép tắc và luật pháp.*
- ▶ **Câu 32:** *Trong nền Đại Đạo, Đức Phật Mẫu nhận lãnh dìu dắt con cái của Ngài vào đường Đạo.*

**Trước kia trẻ vẫn mịt mờ,
Từ đây mới hân ơn nhờ Mẫu Nghi.**

- ▣ **Mịt mờ:** *Tối tăm, không nhìn thấu rõ.*

Con người sở dĩ không nhìn thấy rõ chân lý là bởi vô minh. Chính vô minh khiến con người mê mờ mà gây tạo ra nhiều nghiệp chướng, nên phải chịu

chìm sâu trong luân hồi sanh tử.

- **Hản:** *Chắc chắn. Ví dụ như hản thật, hản chắc.*
- **Ơn nhờ Mẫu Nghi:** *Nhờ ơn của Đức Mẹ.*
- ▶ **Câu 33:** *Trước kia con cái của Phật Mẫu còn tối tăm mờ mịt, chưa hiểu biết chi hết.*
- ▶ **Câu 34:** *Bắt đầu từ giờ đây con mới biết chắc chắn rằng nhờ ơn đức của Mẹ rất nhiều.*

**Đắc truyền khai mỗi Tam Kỳ,
Dưới tay cây có Diêu Trì Cửu Nương.**

- **Đắc truyền** 得傳: *Được lệnh truyền. Đây là lệnh của Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.*
- **Khai mỗi Tam Kỳ:** *Khai mở mỗi Đạo kỳ ba, tức là nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ 大道三期普度 hay gọi tắt là Đạo Cao Đài.*
- **Dưới tay cây có:** *Dưới quyền Đức Phật Mẫu còn nhờ có.*
- **Diêu Trì Cửu Nương** 瑤池九娘: *Chín vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung. Gọi chung là Cửu Vị Tiên Nương 九位仙娘. Theo Thánh giáo, dưới quyền Phật Mẫu có Cửu Vị Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa cho vạn linh.*
- ▶ **Câu 35:** *Được lệnh truyền của Chí Tôn, Đức Phật Mẫu mở ra mỗi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*
- ▶ **Câu 36:** *Dưới quyền Phật Mẫu nhờ có Cửu Vị Tiên Nương.*

**Chín cô đã sẵn lòng thương,
Mê tâm độ chúng bướm trương thoát vòng.**

- **Chín Cô:** *Chín vị Nữ Tiên, tức là Cửu Vị Tiên Nương*

Điều Trì Cung.

- **Đã sẵn lòng thương:** *Lòng từ bi đã có sẵn.*
Thật vậy, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Cửu Vị Tiên Nương nơi Điều Trì Cung dưới quyền Phật Mẫu, là những vị Tiên Nương có lòng từ bi, yêu thương chúng sanh, nên chẳng những sẵn sàng giáo hóa tất cả chúng sanh, mà còn lãnh nhiệm vụ giáo hóa các chơn hồn để được thăng tiến lên Cửu Trùng Thiên. Nhất là Thất Nương vì lòng từ bi, mà Bà nhận lãnh trách nhiệm cai quản và giáo hóa các Nữ hồn trong cõi Âm Quang, chờ ngày siêu thăng hay chuyển kiếp.
- **Mê tân.** 迷津: Mê là lầm lạc. Tân là bến. Lạc vào bến lạ không biết đường nào mà đi. Mạnh Hạo Nhiên: Đào nguyên hà xú thị? Du tử chính mê tân. (Đào nguyên đâu đấy nhỉ? Du tử lạc bến mê).
Bến mê, chữ của nhà Phật, chỉ cảnh giới của chúng sanh còn sống trong vô minh mê lầm. Trái với Bồ giác hay Bến giác là cảnh giới của chúng sanh đã được giác ngộ.
Muốn thoát khỏi bến mê để qua bên kia bờ giác, thì chúng sanh phải dùng trí tuệ như chiếc thuyền bát nhã mới mong vượt qua biển luân hồi sinh tử để đưa đến bờ giác ngộ đặng.
- **Độ chúng** 度眾: *Cứu giúp tất cả chúng sanh.*
- **Buồm trương:** *Trương cánh buồm trên thuyền để được bọc gió, thuyền trôi đi. Đạo là chiếc thuyền, lúc nào cũng căng buồm để đi cứu chúng sanh trong bể khổ. Vì thế, trong thi văn dạy Đạo thường hay dùng hình tượng cánh buồm để chỉ thuyền Đạo như:*
- Buồm trương lái vững chờ sông lẹ;

Đưa chiếc thuyền sen đến đánh Thân.

Hoặc:

Thuyền từ sông lệ **buồm** **trương** cánh,
Cảnh trí rừng thung khách lướt đường.

- **Thoát vòng:** Thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.
- ▶ **Câu 37:** Cửu Nương Diêu Trì Cung đã sẵn lòng từ bi, yêu thương chúng sanh.
- ▶ **Câu 38:** Mà trương cánh buồm của chiếc thuyền Đạo nơi bến mê để chờ cứu vớt chúng sanh thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Lục Nương phất phướn truy hôn, Tang thương nay lúc bảo tồn chúng sanh.

- **Lục Nương** 六娘: Vị Tiên Nương đứng hàng thứ sáu trong Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung.
- **Phướn:** Hay còn gọi là phan 幡, tựa như lá cờ, bề ngang hẹp, có chiều dài, trong lá phướn có ren lụa thêu rữ xuống. Trong nền Đạo Cao Đài có nhiều loại phướn như: Phướn Thượng Sanh, phướn Thượng Phẩm, phướn Tiếp Dẫn, phướn Truy Hôn...
- **Phướn Truy hôn:** Còn gọi là phướn Tiêu Diêu, cây phướn do Lục Nương Diêu Trì Cung cầm để dẫn dắt các chơn hôn có căn duyên về cõi Tây Phương. Huệ Phong có bài thi nói về Lục Nương như sau:
Cò Lục Nương phướn Tiêu Diêu nắm,
Để truy hôn say đắm biển mê.
Cõi Kim Thiên, Khổng tước kê,
Hữu căn tiếp dẫn hôn về Tây Phương.
- **Tang thương** 桑蒼: Ruộng dâu và biển xanh. Do câu Tang điền thương hải 桑田蒼海 Ruộng dâu hóa ra

biển xanh, rồi biển xanh hóa ruộng dâu. Theo Thần Tiên truyện: Tam thập niên vi nhất biến, thương hải vi tang điền 三十年為一變, 蒼海為桑田 (Cứ ba mươi năm lại một lần thay đổi, biển cả hóa thành ruộng dâu). Ý chỉ cuộc đời thường biến đổi.

Thơ Bà Huyện Thanh Quan có câu:

Đá vẫn trở gan cùng tuế nguyệt,

Nước còn cau mặt với Tang thương.

- ▣ **Bảo tồn** 保存: Giữ gìn cho còn mãi mãi.
- ▣ **Chúng sanh** 眾生: Hay chúng sinh (satta), Hán dịch âm là Tát đỏa, nghĩa là loài hữu tình, có sinh mạng, có sanh tử, tức là các loài như thảo mộc, thú cầm hay nhơn loại.

Theo Phật, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tức là có sẵn mầm giác ngộ ở trong người và như vậy nên có thể thành Phật trong tương lai.

Theo Cao Đài, mỗi chúng sinh là một tiểu linh quang của Đấng Chí Tôn, nên đều có Thiên tánh, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có câu: Thầy là các con, các con là Thầy.

- ▶ **Câu 39:** Lục Nương Diêu Trì Cung cầm phướn truy hồn để dìu dẫn các chơn hồn hữu duyên về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
- ▶ **Câu 40:** Và trong cuộc đời tang thương này, Lục Nương còn phải bảo tồn cho chúng sanh.

**Bát Nương thật đấng chí linh,
Cùng chung giáo hóa ân cần lo âu.**

- ▣ **Bát Nương** 八娘: Vị Tiên Nương đứng hàng thứ tám trong Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung.

▫ **Đấng chí linh:** *Đấng rất thiêng liêng.*

Trong Cửu Vị Tiên Nương nơi cung Diêu Trì, chỉ có Bát Nương thường giảng cơ giáo hóa cho các môn đệ của Đúc Chí Tôn, nhất là Nữ phái. Bà là vị Tiên Nương có tài văn chương xuất chúng, có thể nói Bà là một triết lý gia của Đạo Cao Đài, chính Bà đã giảng cơ cho bài “*Phật Mẫu Chơn Kinh*”. Một bài kinh gồm đủ mọi quan niệm : Quan niệm về Vũ trụ, quan niệm về nhân sinh, triết lý Tôn giáo, và con đường cứu rỗi của Cao Đài.

▫ **Giáo hóa 教化:** *Dạy dỗ để thành người tốt, người lương thiện.*

▫ **Ân cần 懇勤:** *Uốn nắn theo ý kẻ khác, cảm tình khẩn khít. Ý chỉ sự quan tâm tiếp đãi người một cách chu đáo.*

▶ **Câu 41:** *Bát Nương Diêu Trì Cung là vị Tiên Nương rất Thiêng liêng.*

▶ **Câu 42:** *Bà rất ân cần lo lắng và thường giảng cơ để giáo hóa cho chúng sanh.*

Thất Nương khêu đuốc Đạo đầu,

Nhờ Người gợi ánh nhiệm mẫu huyền vi.

▫ **Thất Nương 七娘:** *Vị Tiên Nương đứng hàng thứ bảy trong Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung.*

▫ **Khêu đuốc:** *Khởi lên ngọn đuốc. Ngọn đuốc được ví như ngọn Đạo. Ánh sáng ngọn đuốc xem như ánh sáng Đại Đạo soi sáng tâm linh của chúng sanh còn đang mê mờ, tăm tối.*

▫ **Đạo đầu:** *Đầu tiên của nền Đại Đạo.*

Trong thời hạ nguơn mặt pháp, cõi thế gian bị chìm

trong cảnh tăm tối của thiên tai, của bệnh tật, của khổ não, Thất Nương Diêu Trì Cung đặc lệnh của Đức Phật Mẫu khơi lên ngọn đuốc Đại Đạo cho cháy bùng để ánh sáng xóa tan màn tăm tối, hầu dẫn dắt chúng sanh thoát cảnh mịt mờ, đi theo nẻo chánh đường chơn mà trở về với ngôi xưa vị cũ.

Thật vậy, Thất Nương đúng là người khêu lên ngọn đuốc để khai mở nền Đại Đạo. Theo lịch sử xây bàn, Thất Nương là vị Tiên Nương đầu tiên giáng bàn, mượn danh Đoàn Ngọc Quế, lấy văn chương thi phú để dìu dẫn các vị phò loan như Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vào đường Đạo, rồi sau đó các vị ấy trở thành những vị Tiên khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức Đạo Cao Đài ngày nay.

- ◻ **Nhờ Người:** Nhờ nơi Thất Nương.
- ◻ **Gợi ánh nhiệm mầu huyền vi:** Khơi lên ánh sáng nhiệm mầu, huyền vi, tức là ánh sáng của nền Đại Đạo.

Ánh sáng huyền vi mầu nhiệm tức là ánh sáng của cây đuốc “Đại Đạo” vậy.

- ▶ **Câu 43:** Thất Nương là vị Tiên Nương khơi sáng lên ngọn đuốc Đại Đạo đầu tiên.
- ▶ **Câu 44:** Chính nhờ Thất Nương khơi lên ánh sáng của mối Đạo huyền vi mầu nhiệm.

Môn sanh thiện niệm hằng ngày, Cúi xin Kim Mẫu muôn loài cứu ương.

- ◻ **Môn sanh 門生:** Học trò. Khi nhập môn vào nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tất cả tín đồ đều là học trò trong cửa Đại Đạo, hay nói cách khác, là đệ tử hay môn sinh của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

- ◻ **Thiện niệm** 善念: Tưởng nghĩ đến điều lành.
- ◻ **Thiện niệm hằng ngày**: Hằng ngày đều nghĩ đến điều thiện. Chính Trang Tử cũng có dạy rằng: Nếu một ngày không nghĩ đến điều lành thì mọi sự ác đều dấy lên (Nhất nhật bất niệm thiện, chư ác giai tự khởi 一日不念善, 諸惡皆自起).
- ◻ **Cúi xin Kim Mẫu**: Cúi lạy xin Đức Điều Trì Kim Mẫu.
- ◻ **Muôn loài**: Hay muôn vật do chữ vạn vật 萬物, tức là các vật như kim thạch, thảo mộc, thú cầm và nhơn loại.
- ◻ **Cứu ương** 救殃: Cứu giúp để thoát khỏi các tai ương.
- ▶ **Câu 45**: Các con là đệ tử của Cao Đài Ngọc Đế hằng ngày thường tưởng niệm đến điều lành.
- ▶ **Câu 46**: Cúi lạy xin Đức Phật Mẫu cứu giúp cho muôn vật thoát khỏi tai ương.

**Đê đầu khấu bái Nương Nương,
Nén hương đạm bạc xin thương chứng lòng.**

- ◻ **Đê đầu** 低頭: Đầu cúi thấp, cúi đầu.
- ◻ **Khấu bái** 叩拜: Cúi lạy.
- ◻ **Nương Nương** 娘娘: Tiếng tôn xưng Đức Phật Mẫu.
- ◻ **Nén hương**: Nén nhang.
- ◻ **Đạm bạc** 淡薄: Lạc lõm đơn sơ.
- ▶ **Câu 47**: Cúi đầu và kính lạy Đức Phật Mẫu.
- ▶ **Câu 48**: Nén nhang thơm đạm bạc kính xin Đức Phật Mẫu thương tình chứng cho tấm lòng thành của con.

Nam Mô Tạo Hóa Huyền Thiên Điều Trì Kim Mẫu**Nam Mô Tạo Hóa Huyền Thiên Cửu Vị Nữ Phật**

- **Tạo Hóa Huyền Thiên** 造化玄天: Tầng Trời Tạo Hóa Thiên huyền diệu, nơi có Cung Điều Trì là chỗ ngự của Điều Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương.
- **Cửu Vị Nữ Phật** 九位女佛: Tức là Cửu Vị Tiên Nương. Chín vị Tiên Nương này có nhiều công nghiệp trong thời khai Đạo và có công giáo hóa chúng sanh nên được đặc hàng Phật vị.

III GIẢI NGHĨA

- ▶ **Câu 1:** Kể từ thời hỗn độn trước lúc mới mở Trời đất.
- ▶ **Câu 2:** Đức Chí Tôn ngự nơi Linh Tiêu Điện, Ngọc Hư Cung truyền ban lệnh xuống.
- ▶ **Câu 3:** Khí Hư vô sinh Thái Cực, Thái Cực mới phân ra Lưỡng Nghi, tức khí Âm quang và Dương quang.
- ▶ **Câu 4:** Đức Phật Mẫu đem khí Âm quang phối hợp với khí Dương quang để đào tạo ra vạn vật.
- ▶ **Câu 5:** Phật Mẫu dùng hai khí Dương quang và Âm quang để tạo ra Đệ nhị xác thân, tức Chơn Thân.
- ▶ **Câu 6:** Phật Mẫu lo cho loài người và loài vật về phần hình thể.
- ▶ **Câu 7:** Chính mình Phật Mẫu lo nuôi dưỡng con cái từ lúc sơ sinh cho đến lúc trưởng thành.
- ▶ **Câu 8:** Với tấm lòng công bình, ưu ái, Phật Mẫu đùm bọc nuôi dưỡng con cái của Ngài.
- ▶ **Câu 9:** Người và vật đều do Phật Mẫu tạo ra nên xét thấy cùng một lẽ như nhau.
- ▶ **Câu 10:** Phật Mẫu luôn luôn chặt chẽ chăm sóc chúng sanh với trọn tấm lòng thương yêu, quý trọng.

- ▶ **Câu 11:** Phật Mẫu mong muốn cho hai khí âm dương hòa hiệp một cách tốt đẹp với nhau.
- ▶ **Câu 12:** Thuận theo lẽ Âm Dương hòa hiệp mà chúng sanh trên đường tiến hóa một cách chơn thật.
- ▶ **Câu 13:** Đức Phật Mẫu luôn luôn lúc nào cũng giữ một lòng...
- ▶ **Câu 14:** Lo lắng cho tất cả con cái của Ngài có được mảnh thân vẹn toàn.
- ▶ **Câu 15:** Đức Phật Mẫu yêu thương con cái một cách đặc biệt nên thường khóc thầm.
- ▶ **Câu 16:** Bởi vì Ngài thấy con cái bị lạc lầm trong biển trần khổ sở bao nhiêu lâu nay.
- ▶ **Câu 17:** Đã nhiều lần, Đức Mẹ lo lắng, u sầu.
- ▶ **Câu 18:** Vì đám gian tà đua nịnh (Hoặc những yêu tà) dẫn dắt con cái yêu thương của Ngài vào con đường lầm lạc.
- ▶ **Câu 19:** Miếng môi giàu sang, danh lợi được nêu lên để làm một tấm gương cho...
- ▶ **Câu 20:** Những đứa con khờ dại của Phật Mẫu đi lạc vào đường vật chất mà quên đi ngôi vị cũ của mình nơi cõi Thiêng Liêng.
- ▶ **Câu 21:** Mùi vị ngọt ngon nơi cõi trần đã tiêm nhiễm, thấm sâu vào con cái của Đức Phật Mẫu.
- ▶ **Câu 22:** Con cái đâu biết được những nỗi niềm thương thâm của Đức Mẹ.
- ▶ **Câu 23:** Đức Mẹ hằng ngồi trông chờ con cái của Ngài trở nên những bậc phi thường nơi thế gian này.
- ▶ **Câu 24:** Để Đức Phật Mẫu rước đem về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
- ▶ **Câu 25:** Xưa kia, chúng con không hiểu thấu ngọn

nguồn.

- ▶ **Câu 26:** Vì Đạo bị bế nên chúng con như cánh hoa lìa khỏi Mẹ mà rơi rụng khắp nơi.
- ▶ **Câu 27:** Từ khi con xa cách Mẹ để lưu lạc khắp các phương trời.
- ▶ **Câu 28:** Các con bị những lượn sóng trần dôi dập chìm đắm trong biển trần mênh mông khổ sở này.
- ▶ **Câu 29:** Dù cho thương yêu các con, Mẹ cũng đành để duyên phận đưa đẩy các con.
- ▶ **Câu 30:** Ngày nay các con gặp được con đường Đạo thì cái oan nghiệt của các con ở nơi trần này sẽ được giảm tiêu.
- ▶ **Câu 31:** Các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi Ngọc Hư Cung đã sắp đặt nhiều điều phép tắc và luật pháp.
- ▶ **Câu 32:** Trong nền Đại Đạo, Đức Phật Mẫu nhận lãnh dìu dắt con cái của Ngài vào đường Đạo
- ▶ **Câu 33:** Trước kia con cái của Phật Mẫu còn tối tăm mờ mịt, chưa hiểu biết chi hết.
- ▶ **Câu 34:** Bắt đầu từ giờ đây mới biết chắc chắn rằng nhờ ơn Đức Mẹ rất nhiều.
- ▶ **Câu 35:** Được lệnh truyền của Chí Tôn, Đức Phật Mẫu mở ra mỗi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- ▶ **Câu 36:** Dưới quyền Phật Mẫu nhờ có Cửu Vị Tiên Nương.
- ▶ **Câu 37:** Cửu Nương Điều Trị Cung đã sẵn lòng từ bi, yêu thương chúng sanh.
- ▶ **Câu 38:** Mà trương cánh buồm của chiếc thuyền Đạo nơi bến mê để chờ cứu vớt chúng sanh thoát khỏi luân hồi sinh tử.
- ▶ **Câu 39:** Lục Nương Điều Trị Cung cầm phước truy

hôn để dìu dẫn các chơn hôn hữu duyên về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

- ▶ **Câu 40:** Và trong cuộc đời tang thương này, Lục Nương còn phải bảo tồn cho chúng sanh.
- ▶ **Câu 41:** Bát Nương Diêu Trì Cung là vị Tiên Nương rất Thiêng liêng.
- ▶ **Câu 42:** Bà rất ân cần, lo lắng và thường giáng cơ để giáo hóa cho chúng sanh.
- ▶ **Câu 43:** Thất Nương là vị Tiên Nương khêu lên ngọn đuốc Đại Đạo đầu tiên.
- ▶ **Câu 44:** Chính nhờ Thất Nương khơi lên ánh sáng của mỗi Đạo huyền vi mẫu nhiệm.
- ▶ **Câu 45:** Các con là đệ tử của Cao Đài Ngọc Đế hằng ngày thường tưởng niệm đến điều lành.
- ▶ **Câu 46:** Cúi lạy xin Đức Phật Mẫu cứu giúp cho muôn vật thoát khỏi tai ương.
- ▶ **Câu 47:** Cúi đầu và kính lạy Đức Phật Mẫu.
- ▶ **Câu 48:** Nén nhang thơm, đạm bạc kính xin Đức Phật Mẫu thương tình chứng cho tấm lòng thành của con.

Hai câu niệm:

- ▶ *Nam Mô Diêu Trì Kim Mẫu nơi tầng Tào Hóa Thiên huyền diệu.*
- ▶ *Nam Mô Cửu Vị Nữ Phật nơi tầng Tào Hóa Thiên huyền diệu*

PHỤ LỤC

A.- SỞ DÂNG CÚNG CHÍ TÔN NGÀY SỐC VỌNG TẠI THÁNH THẤT

- I. NGUYÊN VĂN BÀI SỞ
- II. VIẾT RA HÁN TỰ
- III. CHÚ THÍCH

I. NGUYÊN VĂN BÀI SỞ

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(..... niên)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Thời duy,

Thiên vận niên, ngoạt,.....nhựt,
.....thời, hiện tại Việt Nam quốc, tỉnh,
huyện, xã, cư trụ *Thánh Thất* chi trung.

Kim hữu đệ tử thọ Thiên ân.....
., công đồng chư Chức sắc, hiệp dĩ Chức việc, Đạo hữu
nam nữ đẳng, quì tại *Điện tiền*, thành tâm trình tấu:

HUYỀN KIM KHUYẾT NỘI

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC HOÀNG ĐẠI THIÊN TÔN.
DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO

TÂY PHƯƠNG GIÁO CHỦ THÍCH CA MÂU NI THỂ TÔN.
THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ TAM THANH ỨNG HÓA THIÊN TÔN.
KHỔNG THÁNH TIÊN SƯ HƯNG NHO THẠNH THỂ THIÊN TÔN.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẤN OAI NGHIÊM

THƯỜNG CƯ NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LAI.
LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG KIÊM GIÁO TÔNG Đ. Đ. T. K. P. Đ.

HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN.

GIA TÔ GIÁO CHỦ CỨU THẾ THIÊN TÔN.

THÁI CÔNG TƯỚNG PHỤ QUÂN PHÁP THIÊN TÔN.

TAM CHÂU BÁT BỘ HỘ PHÁP THIÊN TÔN.

THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT, VẠN CHƯỚNG CHƯ TIÊN, LIÊN ĐÀI CHI HẠ.

Kim vì (Sóc hoặc Vọng) nhựt lương thần, chư Thiên phong nghiêm, thiết đàn, tràng hương, đăng, hoa, trà, quả, thanh chước chi nghi thành tâm hiến lễ.

Nguống vọng Vô Trung Từ Phụ, phát hạ hồng ân, quảng thi đại đức, bố hóa chư đệ tử trí não quang tinh thần, mãn huệ, thừa hành mạng lệnh, tế độ nhơn sanh, định tâm, giác ngộ hòa ái tương thân, đại đồng huynh đệ, phục hồi thượng cổ Thánh đức thuần lương, cộng hưởng thanh bình, an ninh hạnh phúc.

*Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cẩn số thượng tấu
Dĩ văn.*

II. VIẾT RA HÁN TỰ

大道三期普度

(.....年)

三教歸源五支復一

時維

天運.....年,.....月,.....日,.....時. 現在越南國,....
省,.....縣,.....社, 居住聖室之中.

今有弟子受天恩.....共同諸職敕, 合與職事, 道友男女等跪在殿前誠心呈奏:

黃金闕內

玄穹高上帝玉皇大天尊

瑤池金母無極天尊

三宗真教

西方教主釋迦牟尼世尊

太上道祖三清應化天尊

孔聖仙師興儒盛世天尊

三期普度三鎮威嚴

常居南海觀音如來

李大仙長兼教宗大道三期普度

協天大帝關聖帝君

嘉蘇教主救世天尊

太公相父管法天尊

三洲八部護法天尊

十方諸佛萬掌諸仙蓮臺之下

今為...(朔,望)...日良辰, 諸天封嚴設壇場香
燈花茶果, 清酌之儀誠心獻禮。

仰望無中慈父, 發下洪恩, 廣施大德, 布化
諸弟子智腦光明, 精神敏慧, 承行命令, 濟度人
生, 定心覺悟, 和愛相親, 大同兄弟, 復回上古
聖德淳良, 共享清平, 安寧幸福。

諸弟子同誠心叩拜謹疏上奏

以文。

III. CHÚ THÍCH

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ 大道三期普度

Là nền Đại Đạo được khai mở ở nước Việt Nam (cõi Á Đông), vào thời kỳ Hạ nguyên mặt pháp để phổ độ chúng sanh lần thứ ba, tức Đạo Cao Đài. Hội Thánh dịch câu này ra tiếng Pháp như sau: “Troisième Amnistie de Dieu en Orient”.

- Bát thập nhất niên 八十一年

Năm thứ tám mươi mốt.

Thường mục này để trống, tùy năm Đạo mà điền vào. Năm Đạo được tính theo Âm lịch, lấy năm Bính Dần (1926) là năm thứ nhứt để tính tới.

- Tam Giáo qui nguyên 三教歸源

Tam Giáo qui nguyên: Ba tôn giáo chánh: Phật giáo, Tiên giáo và Nho giáo đã trải qua nhiều thời kỳ, nên càng ngày càng xa rời chánh pháp. Nay, đến thời hạ ngươn mặt pháp, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút lập thành một nền Đại Đạo cốt qui nguyên Tam giáo, tức là chấn chỉnh tôn chỉ lại cho phù hợp với thời nghi của nếp sống văn minh tiến bộ, hầu độ hết tất cả chúng sanh theo đường Đạo đức.

- Ngũ Chi phục nhứt 五支復一

- **Ngũ Chi phục nhứt**: Gồm Ngũ Chi Đại Đạo làm một, tức là đem Nho đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo hiệp lại làm một gọi là Đại Đạo.

Điều này Đức Hộ Pháp có giảng như sau: “Thầy hiệp Ngũ Chi đặng làm một trường học năm lớp cho mình tu luyện, chẳng khác một trường học phàm kia vậy, lần lần bước đến đặng đoạt thủ địa vị của mình. Hễ ngôi đặng phẩm nào thì địa vị mình nơi ấy chẳng ai còn tranh giành ngược ngạo không nhìn nhận cho đặng”.

Vậy Ngũ Chi chính là hợp nhứt năm cách thức hành đạo của Ngũ Chi Đại Đạo mà Đức Hộ Pháp đã tóm lược như sau:

- *Hiển* vì thương đời mà đạt cơ tòng khổ (Nho đạo)
- *Thần* vì thương đời mà lập cơ thắng khổ (Thần đạo)

- *Thánh* vì thương đời mà dạy cơ *thọ khổ* (Thánh đạo)
 - *Tiên* vì thương đời mà bày cơ *thoát khổ* (Tiên đạo)
 - *Phật* vì thương đời mà tìm cơ *giải khổ* (Phật đạo)
 - ▣ **Thời duy** 時維: *Hiện thời vì, ngày hôm nay vì...*
 - ▣ **Thiên vận** 天運: *Vận khí của Trời, mệnh Trời.*
 - ▣ **niên** 年 **ngoạt** 月 **nhật** 日 **thời** 時:
năm, ... tháng ngày giờ.
Chúng ta dùng hệ thống âm lịch để diễn. Tỷ như: Bính tuất niên, chánh nguyệt, sơ nhật nhật, nguyệt thời.
 - ▣ **Hiện tại Việt Nam quốc, tỉnh, huyện, xã, cư trụ Thánh Thất chi trung.**
 - ▣ 現在越南國, ...省縣 ...社, 居住聖室之中
Hiện ở tại nước Việt Nam,..... tỉnh,..... huyện,..... xã, ở trong Thánh Thất.
 - ▣ **Kim hữu đệ tử:.....**, cộng đồng chư **Chức sắc**, hiệp dữ **Chức việc**, Đạo hữu nam nữ đẳng qui tại Điện tiền thành tâm trình tấu:
 - ▣ 今有弟子....., 共同諸職敕, 合與職事, 道友男女等跪在殿前誠心呈奏:
Nay có đệ tử....., cùng chung các Chức sắc, hiệp với Chức việc (Chức việc là một từ Nôm, Hiên Tài Mã Nguyên Lương dịch sang Hán Việt là Chức Sự 職事), Đạo hữu nam nữ các cấp, qui trước Bửu Điện, thành tâm tấu trình.
- Nếu là chức sắc Cai Quản Thánh Thất, thì diễn như sau : *Thọ Thiên ân Lễ sanh Ngọc X Thanh, cai quản Thánh Thất Họ đạo... Nếu là Chức Việc thì diễn như sau : Thọ Hồng ân Chánh Trị Sư Nguyên văn Y, Phó Cai quản (Hay quyền Cai Quản) Thánh Thất Họ đạo...*

- Huỳnh Kim Khuyết Nội 黃金闕內
- **Huỳnh Kim Khuyết nội:** Bên trong Huỳnh Kim Khuyết, tức là bên trong cổng Huỳnh Kim Khuyết.

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn

玄穹高上帝玉皇大天尊

Đây là một hồng danh của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế (Gồm 12 chữ).

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

瑤池金母無極天尊

Một hồng danh của Đức Phật Mẫu.

- **Tam Tông chơn giáo** 三宗真教:
Ba đấng Giáo chủ Tam giáo Nho Đạo Thích.
- **Tây Phương Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn:**
西方教主釋迦牟尼世尊

Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn. Giáo chủ cõi Tây phương. Hồng danh của Đức Phật Thích Ca.

Thích Ca Mâu Ni là một vị thái tử ở nước Ca ty la (Kapilavastu) Trung Ấn Độ, phụ hoàng tên là Tịnh Phạn, mẫu hoàng tên là Ma Da. Ngài tên là Tất Đạt Đa (Siddhartha). Còn chữ Thích Ca (Sakya) là tên một chủng tộc, dịch là Năng nhơn. Mâu Ni là tiếng khen, ngợi dịch là Tịch Mặc.

Lúc nhỏ Ngài có trí sáng suốt và có tài năng phi thường. Lớn lên Ngài thấy chúng sanh khổ não, thế gian vô thường, nên Ngài quyết chí tu hành, tìm đường giải thoát cho chính bản thân mình (tự độ), và cho hầu hết chúng sanh (tha độ) lên bờ giác ngộ.

Ngài thành Đạo dưới gốc cây bồ đề và trải 45 năm truyên pháp độ sanh, Ngài nhập Niết bàn lúc 80 tuổi.

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn

太上道祖三清應化天尊

*Đây là hồng danh của Đức Thái Thượng Đạo Quân.
(xem chú thích trong bài Kinh Tiên Giáo)*

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thịnh Thế Thiên Tôn

孔聖仙師興儒盛世天尊

Thánh danh của Đức Không Tử. (Xem phần chú thích nơi bài Kinh Nho Giáo).

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

三期普度三鎮威嚴

Ba vị Tam Trấn thay mặt cho ba vị Giáo Chủ Phật, Tiên, Nho, cầm quyền Tam Giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là: Nhứt Trấn Oai Nghiêm Lý Đại Tiên Trưởng, Nhị Trấn Oai Nghiêm Quan Âm Như Lai, Tam Trấn Oai nghiêm Quan Thánh Đế Quân.

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai

常居南海觀音如來

Là Thánh hiệu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Quan Thế Âm hay Quán Thế Âm Bồ Tát là một vị Bồ tát có lòng Đại Từ Đại Bi và thường hay cứu khổ cứu nạn, cho nên chúng sanh đâu đâu cũng thờ và tụng niệm đến danh hiệu của Ngài. Ba chữ Quán Thế Âm nói lên được lòng thương vô lượng vô biên của Ngài, lúc nào Ngài cũng lắng nghe âm thanh ở thế gian, nơi nào, lúc nào có tiếng kêu đau, kêu khổ của chúng sanh thì Ngài đều đến cứu giúp, hóa độ.

Trong kinh Pháp Hoa có câu: 苦惱眾生, 一心稱

名, 菩薩即時觀其音聲, 皆得解脫, 以是名觀世音 “Khổ não chúng sinh, nhất tâm xưng danh, Bồ Tát tức thì quan kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát. Dĩ thị danh Quan Thế Âm”. Nghĩa là chúng sanh bị khổ não mà nhứt tâm niệm đến tên Bồ Tát, tức thì Ngài xem âm thanh của chúng sanh mà độ cho được giải thoát. Vì thế, nên gọi Ngài là Quan Thế Âm.

Người đời thường gọi tắt là Quan Âm. Ngài còn có hiệu là Quán Tự Tại Bồ Tát, có nghĩa là quán chiếu thâm sâu, giác ngộ tự tại mà cứu độ chúng sinh.

Đức Quán thế Âm có phép thần thông quảng đại, thường hay biến hiện nhiều sắc tướng để cứu giúp chúng sanh, nên người đời thường thờ Ngài bằng nhiều tượng khác nhau.

Thiên thủ thiên nhãn Quan Thế Âm Bồ Tát 千手千眼觀世音菩薩: Tượng có nghìn tay nghìn mắt.
 Chuẩn Đề Quan Âm 準提觀音: Tượng có ba mắt và mười tám tay.

Nam Hải Viên Thông Giáo Chủ Đại Từ Đại Bi, Tâm Thanh Cứu Khổ, Linh Cảm Quan Âm Bồ Tát 南海圓通教主大慈大悲尋聲救苦靈感觀世音菩薩: Danh hiệu này có nghĩa là Đức Quan Thế Âm làm Giáo Chủ Đạo Viên Thông ở miền Nam Hải, thường tìm tiếng kêu mà cứu khổ, rất cảm ứng và rất Thiêng liêng.

Quan Âm Nữ Phật 觀音女佛: Tượng là một người phụ nữ, cho nên còn gọi là Phật Bà Quan Âm, do hai sự tích: Quan Âm Diệu Thiện và Quan Âm Thị Kính.

Trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan

Thế Âm là một tướng nữ, tượng trưng cho tình thương của một bà mẹ hiền, đứng trên hoa sen, tay cầm cành dương liễu để tiếp dẫn chúng sanh và bình nước cam lồ để rưới tắt các phiền não. Trụ Xứ của Ngài là Nam Hải, nên còn được gọi Nam Hải Quan Âm hay Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai. Ngài được Đức Chí Tôn phong làm Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai để đại diện cho Phật trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Bát Nương có giáng cơ cho biết về Đức Quan Âm như sau: “Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về cơ Phổ Độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhân Động, còn Cung Diêu Trì thì ở tại Tạo Hóa Thiên”.

Sau đây là bài Thánh thi của Đức Quan Âm Như Lai:

看得浮生一世空

Khán đắc phù sinh nhứt thế không,

田園產業亦皆空

Điền viên sản nghiệp diệc giai không.

妻兒父子終離別

Thê nhi phụ tử chung ly biệt,

富貴功名總是空

Phú quý công danh tổng thị không.

古語萬般都是假

Cổ ngữ vạn ban đô thị giả,
今言百計一場空
Kim ngôn bá kế nhứt trường không.
錢財收拾多辛苦
Tiền tài thâu thập đa tâm khổ,
路上黃泉兩手空
Lộ thượng huỳnh tuyền lưỡng thủ không.

(QUAN ẨM NHƯ LAI)

DỊCH NGHĨA

Được thấy phù sinh vốn cõi không,
Ruộng vườn sự nghiệp cũng đều không.
Vợ con cha mẹ rồi ly biệt,
Danh lợi sang giàu rốt cũng không.
Lời cổ: muôn điều toàn giả tạm,
Câu nay: trăm kế một trường không.
Tiền tài gom góp nhiều lao khổ,
Nẻo đến Suối Vàng, tay sạch không.

(THIÊN VÂN DỊCH)

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ 李大仙長兼教宗大道三期普度

Là một vị Tiên Trưởng thọ lệnh Đức Chí Tôn làm Nhứt Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Tiên Giáo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, kiêm Giáo Tông Đạo Cao Đài. Long vị thờ tại Đền Thánh viết: **Thái Bạch Kim Tinh** 太白金星.

Ngài giáng linh nơi nước Trung Hoa là Lý Thái Bạch vào năm 702 đời vua Trần Huyền Tông nhà Đường.

Mẹ Ngài nằm mộng thấy sao Trường canh hay sao Thái Bạch Kim Tinh sa xuống mình Bà, nên đặt tên là Lý Thái Bạch, gọi tắt là Lý Bạch.

Hồi được bảy tuổi, Lý Bạch chưa biết nói, nhưng khi bà mẹ bỗng lên lầu, bỗng nhiên Ngài ngâm được bốn câu thơ mà ý thực quá dị:

Nguy lâu cao bách xích

危樓高百尺

Thủ khả trích tinh thân.

手可摘星辰

Bất cảm cao thanh ngữ,

不敢高聲語

Khủng kinh thiên thượng nhân.

恐驚天上人

Nghĩa là:

Vòi vọi lầu trăm thước,

Vói tay hái được sao.

Chỉ e nói lớn tiếng,

Kinh động Tiên trên cao.

Lớn lên, Lý Bạch tướng mạo khôi ngô, cốt cách thanh kỳ, thông minh dĩnh ngộ. Lúc thiếu thời Ngài có tài văn chương, nổi tiếng là một thi gia, được người đương thời tặng danh hiệu là “Ông Tiên bị đày” (Thiên thượng trích Tiên nhân 天上謫仙人).

Lý Bạch có tên hiệu là Thanh Liên Cư Sĩ 青蓮居士. Bản tính của Ngài không ham danh lợi, thích đi chơi khắp các danh thắng ở bờ sông Trường giang, giao du với những ẩn sĩ mà đời gọi là Trúc Khê lục dật.

Ngài được phong đến chức Hàn lâm học sĩ, nhưng vì không ham danh lợi, quyền tước, nên Ngài không chăm lo việc nước, mà chỉ uống rượu ngâm thi mà thôi. Vua Đường Huyền Tôn rất trọng Ngài, nhưng Ngài không như bọn phàm phu khác, chịu đem cái tài hoa của mình nịnh nọt bọn vương hầu, lại xin trở về hưởng nhàn. Có lần say rượu Ngài ngâm nga chí của mình, coi đời như giấc mộng, bọn chen làm chi cho cực lòng.

處世若大夢

Xử thế nhược đại mộng

胡為勞其生

Hồ vi lao kỳ sinh?

所以終日醉

Sở dĩ chung nhật túy,

頹然臥前楹

Đôi nhiên ngộa tiền doanh.

覺來眄庭前

Giác lai miệna đình tiền,

一鳥花間鳴

Nhất điểu hoagian minh.

借問此何日

Tá vấn thử hà nhật?

春風語流鶯

Xuân phong ngữ lưu oanh.

感之欲嘆息

Cảm chi dực thán túc,

對之還自傾

Đối chi hoàn tự khuynh.

浩歌待明月

Hạo ca đãi minh nguyệt,

曲盡已忘情

Khúc tận dĩ vong tình.

(*Lý Bạch--Xuân nhật túy khởi ngôn chí*)

▫ **Nghĩa là:**

*Ở đời tựa giấc chiêm bao,
Làm chi mà phải lao đao nhọc mình.
Suốt ngày mượn chén khuây tình,
Say rồi nghiêng ngửa bên màn hàng ba.
Tỉnh ra trông mé trước nhà,
Một con chim hót trong hoa ngọt ngào.
Hỏi xem ngày ấy ngày nào,
Chim oanh riu rít đón chào gió đông.
Thở than cảm xúc nổi lòng,
Chuốc thêm ít chén say cùng cảnh vui.
Hát ngao chờ bóng trăng soi,
Ca vừa dứt khúc, đã ngùi mỗi tình.*

(TRẦN TRỌNG KIM DỊCH)

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân

協天大帝關聖帝君

*Là Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Khổng
Thánh cầm quyền Nho Giáo trong Đại Đạo Tam
Kỳ Phổ Độ.*

Thế danh của Đức Hiệp Thiên Đại Đế là Quan

Võ, sau đổi là Văn Trường, tục danh là Quan Công. Ngài sanh nhằm triều vua Hoài Đế, đời Đông Hán, quê quán tại Bồ Châu, tỉnh Sơn Đông Trung Quốc. Sinh ra trong thời kỳ Hán thất suy vi, bên trong bọn hoạn quan chuyên quyền, bên ngoài giặc Huynh căn cứ lên tứ phía, Ngài tuy ham học, thích đọc kinh Xuân Thu, nhưng trước cảnh loạn lạc, Ngài đành châu du để tìm hào kiệt mưu cầu đại nghiệp.

Ngài kết nghĩa đào viên với hai người là Lưu Bị, tự Huyền Đức là anh cả, thuộc dòng dõi nhà Hán, và một người nữa là Trương Phi, tự Dục Đức, là em út. Có lần Ngài bị Tào Tháo dụ phong cho chức Hán Thọ Đình Hầu, nhưng sau Ngài trả ấn. Quan Công cùng Trương Phi phò Lưu Bị lập nên nhà Thục, một nước trong tam quốc: Thục, Ngụy, Ngô.

Ngài lâm mưu của Lữ Mông mà bị bắt, rồi Ngô Quyền đem xử trảm, thọ 58 tuổi.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn

嘉蘇教主救世天尊

Là vị Giáo Chủ của Thiên Chúa Giáo, còn được gọi là Công Giáo, hay Gia Tô Giáo.

Gia Tô được người Tàu dịch từ Jésus, đầy đủ hơn là Jésus Christ, là Đấng Chúa Cứu Thế ở Do Thái.

Người Tàu dịch âm đúng viết là 耶蘇: Da Tô. Đây là cách viết ở Long vị được thờ tại Đền Thánh: **Da Tô Giáo Chủ** 耶蘇教主.

Ngài sanh vào đêm 25 tháng 12 tại thành Bethléem. Mẹ của Ngài là Maria, một nữ tu tại đền thờ Jérusalem. Cha Ngài là Joseph. Hai ông bà rất mộ

đạo, tuy bà đang có thai, gần ngày sanh, nhưng hai người vẫn cố gắng tới Đền thờ để châu lễ. Vì vậy, đúng 12 giờ đêm Noel bà chuyển bụng sanh ra Chúa Jêsus nơi máng cỏ trong chuồng chiên.

Năm 30 tuổi, Ngài được Thánh Jean Baptiste làm lễ giải oan tại bờ sông Jourdain. Từ đó, Ngài khởi sự giảng Thánh Kinh ngay trong xứ Galilêe và Jérusalem, lập nên đạo Thánh ở Do Thái, rồi truyền bá mạnh mẽ sang Châu Âu. Uy quyền bọn vua quan phong kiến bị lung lay, nên chúng tìm cách giết Ngài.

Bọn chúng mua chuộc một tông đồ của Ngài là Yuda, phản lại Ngài vu cáo cho Ngài mưu việc phản loạn, rồi bắt Ngài lên án tử hình và đóng đinh trên thập tự giá.

Cái chết của Đức Chúa Jêsus thật là cao cả, Ngài chuộc tội cho loài người bên xứ Châu Âu, trở thành một vị Chúa Cứu Thế cho nhơn loại.

Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn

太公相父管法天尊

Đây là Thánh danh của Đức Khương Thượng Tử Nha.

Long vị thờ tại Đền Thánh viết: **Khương Thượng Tử Nha** 姜尚子牙.

Đức Thái Công Tướng Phụ là người họ Khương 姜, tên Thượng 尚, tên chữ là Tử Nha 子牙, được vua nhà Châu là Võ Vương tôn lên làm Thượng Phụ hay Tướng Phụ, hàm ân là Thái Công.

Lúc thiếu thời Ngài rất mộ đạo Tiên, nên tâm sư học đạo và thọ giáo Đức Ngươn Thi Thiên Tôn tại núi

Côn Lôn. Ngài quyết chí tu hành, không màng đến việc thế tục nữa, theo thầy lo tu hơn 40 năm trên núi. Vào thời ấy, Trụ Vương vì đắm say nữ sắc của Đắc Kỷ, không lo việc triều chính, công thần nhiều vị khuyên can đều bị giết hại, nhân dân đồ thán, giặc cướp nổi lên bốn phía, vận nước suy vi.

Nguơn Thi Thiên Tôn khuyên Khương Tử Nha hạ trần để phò Châu, phạt Trụ. Khí số nhà Thương sắp mãn, vận nước Tây Châu hưng thịnh, nên Cơ Phát lên nối nghiệp cha, xưng hiệu Võ Vương, rồi cử binh phạt Trụ. Trên mười năm mới bình định xong tứ phương, vua lên ngôi thiên tử, phong Khương Tử Nha đứng đầu các bậc khai quốc công thần, và cho làm vua nước Tề, đời đời con cháu được phụ truyền tử kế mà hưởng lộc tại nước Tề.

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn

三洲八部護法天尊

- **Tam Châu:** Ba châu trong Tứ Đại Bộ Châu, thuộc cõi trung giới, đó là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu. Các chơn linh ở trên ba châu này có trình độ tiến hóa cao. Còn Địa cầu của nhơn loại chúng ta thuộc về Nam Thiệm Bộ Châu. Ba Đại Bộ Châu này thuộc quyền giáo hóa của Hộ Pháp Thiên Tôn.

Riêng Bắc Cu Lư Châu, không thuộc quyền Hộ Pháp mà do Kim Quang Sứ chưởng quản (tức quỷ vị).

- **Bát bộ:** Tám bộ, mỗi bộ cai quản một phẩm chơn hồn, bát bộ cai quản bát phẩm chơn hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Tám bộ ấy thuộc quyền hạn của Hộ Pháp đến mở cơ quan tận độ chúng sanh nơi cõi trần. Vì thế, Đức Hộ Pháp được xưng là Tam Châu bát bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

Thập Phương Chư Phật vạn chưởng chư Tiên, liên đài chi hạ
十方諸佛, 萬掌諸仙, 蓮臺之下.

- **Thập phương chư Phật:** Là tất cả các vị Phật ở mười phương trong Càn khôn Thế giới. Mười phương đó là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc, phương trên và phương dưới.
- **Vạn chưởng chư Tiên, liên đài chi hạ:** Các vị Tiên cầm quyền muôn việc và chư Tiên Phật và chư vị Thiêng Liêng bên tòa sen.

**Kim vi (sóc, vọng) nhật lương thần chư Thiên phong nghiêm
thiết đàn tràng hương đăng hoa trà quả, thanh chúc chi
nghị thành tâm hiến lễ.**

今為(朔, 望)日良辰, 諸天封嚴設壇場: 香, 燈, 花, 茶, 果, 清酌之儀, 誠心獻禮.

Ngày nay vì (mùng một, rằm) giờ tốt chư chúc sắc Thiên phong nghiêm trang thiết lễ nơi đàn cúng tế: Nhang, đèn, bông, trái cây, rượu tinh khiết, lập thành nghi thức, thành tâm hiến lễ:

- **Sóc, vọng** 朔, 望: Sóc là ngày đầu trong tháng, tức ngày mùng một. Vọng là ngày rằm.
- **Nghiêm thiết đàn tràng:** Hay nghiêm thiết đàn trường 嚴設壇場, tức là trang nghiêm thiết lễ đàn cúng tế.
- **Thanh chúc** 清酌: Rượu tinh khiết. Ý nói rượu trong sạch dùng để cúng tế.

- **Hiển lễ** 獻禮: Dâng lễ vật.

Ngưỡng vọng vô trung Từ Phụ, phát hạ hồng ân, quảng thi đại đức
仰望無中慈父,發下洪恩,廣施大德

Ngưỡng mong Đức Từ Phụ trong cõi Hư vô, ban xuống ân sâu, rộng thi đức lớn.

- **Ngưỡng vọng** 仰望: Ngửa trông, ngẩng mong nhờ.
- **Quảng thi** 廣施: Thi ân rộng khắp.

Bố hóa chư đệ tử trí não quang minh, tinh thần mẫn huệ, thừa hành mạng lệnh, tế độ nhơn sanh, định tâm giác ngộ, hòa ái tương thân
布化諸弟子智腦光明,精神敏慧,承行命令,濟度人生,定心覺悟,和愛相親

Bố hóa cho chư đệ tử trí não sáng láng, tinh thần lanh lẽ thông minh, thừa hành mệnh lệnh của ơn Trên, để tế độ nhơn sanh, tâm được giác ngộ và an định, thân thiết yêu thương nhau.

- **Bố hóa** 布化: Hóa độ khắp nơi.
- **Mẫn huệ** 敏慧: Sáng láng lanh lợi.

Đại đồng huynh đệ, phục hồi Thượng cổ Thánh đức thuần lương, cộng hưởng thanh bình, an ninh hạnh phúc
大同兄弟,復回上古聖德淳良,共享清平,安寧幸福

Anh em sống trong cảnh đại đồng, phục hồi lại thời Thượng cổ để đời được thánh đức, người được thuần lương, cùng nhau hưởng cảnh thanh bình, an ninh và hạnh phúc.

- **Phục hồi** 復回: Cái gì đã đi qua nay trở về lại gọi là phục hồi.
- **Thuần lương** 淳良: Tốt đẹp, ngay thẳng.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cẩn sơ thượng tấu. Dĩ văn.
諸弟子同誠心叩拜謹疏上奏以文.

*Chư đệ tử cùng thành tâm cúi lạy, và kính cẩn dâng
sớ tâu lên. Kính trình.*

- **Cẩn sơ** 謹疏: Kính cẩn dâng sớ lên.
- **Thượng tấu** 上奏: Tâu trình lên.

IV GIẢI NGHĨA

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Năm Đạo thứ 81)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Nay thời,

Vận Trời năm.....tháng.....ngày.....giờ, hiện
tại nước Việt Nam,..... tỉnh,..... huyện,..... xã,
ở nơi Thánh Thất.

Nay có vị đệ tử thọ....., cùng
chung các Chúc sắc, hiệp với Chúc việc, Đạo hữu nam
nữ các cấp, quì trước Chánh Điện, thành tâm tâu trình:

TRONG HUỲNH KIM KHUYẾT

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC HOÀNG ĐẠI THIÊN TÔN.
DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN.

GIÁO CHỦ TAM GIÁO

TÂY PHƯƠNG GIÁO CHỦ THÍCH CA MÂU NI THỂ TÔN.
THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ TAM THANH ỨNG HÓA THIÊN TÔN.
KHỔNG THÁNH TIÊN SƯ HƯNG NHO THẠNH THỂ THIÊN TÔN.

BA TRẤN OAI NGHIÊM TAM KỲ PHỔ ĐỘ

THƯỜNG CƯ NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LAI.
LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG KIỂM GIÁO TÔNG Đ. Đ. T. K. P. Đ.

HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN.

GIA TÔ GIÁO CHỦ CỨU THẾ THIÊN TÔN.

THÁI CÔNG TƯỚNG PHỤ QUÂN PHÁP THIÊN TÔN.

TAM CHÂU BÁT BỘ HỘ PHÁP THIÊN TÔN.

THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT, VẠN CHƯỚNG CHƯ TIÊN, LIÊN ĐÀI CHI HẠ.

Ngày nay vì(mùng một, rằm)... giờ tốt chư chúc sắc Thiên phong nghiêm trang thiết lễ nơi đàn cúng tế: Nhang, đèn, bông, trái cây, rượu tinh khiết, lập thành nghi thức, thành tâm dâng lễ:

Ngưỡng mong Đức Từ Phụ trong cõi Hư vô, ban xuống ân sâu, rộng thi đức lớn. Bồ hóa cho chư đệ tử trí não sáng láng, tinh thần lạnh lẽu thông minh, thừa hành mệnh lệnh của ơn Trên, để tế độ nhơn sanh, tâm được giác ngộ và an định, thân thiết yêu thương nhau. Anh em sống trong cảnh đại đồng, phục hồi lại thời Thượng cổ để đời được thánh đức, người được thuần lương, cùng nhau hưởng cảnh thanh bình, an ninh và hạnh phúc.

Chư đệ tử cùng thành tâm cúi lạy, và kính cẩn dâng số tâu trình lên.

Kính trình.

**B.- SỞ DÂNG CÚNG PHẬT MẪU
NGÀY SỚC VỌNG TẠI ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU**

- I. NGUYÊN VĂN BÀI SỚ
- II. VIẾT RA HÁN TỰ
- III. CHÚ THÍCH
- IV. GIẢI NGHĨA

I. NGUYÊN VĂN BÀI SỚ

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(.....niên)

*Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất
Thời duy,*

Thiên vận..... niên,..... ngoạt,..... nhựt,
ngọ thời, hiện tại Việt Nam quốc,..... tỉnh,.....
huyện,..... xã, cư trụ Điện Thờ Phật Mẫu chi trung.

Kim hữu đệ tử....., công
đồng chư Thiện Nam Tín Nữ đảng, quì tại Điện tiền,
thành tâm trình tấu:

HUYỀN KIM KHUYẾT NỘI

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC HOÀNG ĐẠI THIÊN TÔN.
DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO

TÂY PHƯƠNG GIÁO CHỦ THÍCH CA MÂU NI THỂ TÔN.
THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ TAM THANH ỨNG HÓA THIÊN TÔN.
KHỔNG THÁNH TIÊN SƯ HƯNG NHO THẠNH THỂ THIÊN TÔN.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM

THƯỜNG CƯ NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LAI.
LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG KIỂM GIÁO TÔNG Đ. Đ. T. K. P. Đ.
HIỆP THIÊN ĐẠO ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN.

GIA TÔ GIÁO CHỦ CỨU THẾ THIÊN TÔN.

THÁI CÔNG TƯỚNG PHỤ QUẢN PHÁP THIÊN TÔN.

TAM CHÂU BÁT BỘ HỘ PHÁP THIÊN TÔN.

THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT, VẠN CHƯỚNG CHƯ TIÊN, LIÊN ĐÀI CHI HẠ.

Kim. vì...(Sóc hoặc Vọng)...nhứt lương thần, chư Thiện Nam Tín Nữ đẳng nghiêm thiết đàn tràng hương đăng hoa trà quả, thanh chúc chi nghi thành tâm hiến lễ.

Nguỡng vọng Kim Bàn Phật Mẫu dĩ đức từ bi chuyển họa vi phước, thoát ách tiêu tai, Thế giới an ninh, tương hòa nhơn loại, phát nguyện Quốc thể Việt Nam thịnh mãn vinh quang, hà thanh hải yển, sanh chúng an cư lạc nghiệp, phục hồi Đường Ngu chi phong hóa.

Nguỡng vọng Kim Bàn Phật Mẫu phát hạ hồng ân, hoàng khai Đại Đạo, độ tận chúng sanh, hiệp trí hòa tâm, tinh thần qui nhứt, vĩnh sùng chánh giáo thoát khổ tiền khiên, triêm nguỡng Mẫu ân tứ phước.

Chư Đệ tử nguyện Kim Bàn Phật Mẫu cứu độ các đẳng chơn linh qui liễu tảo đắc siêu thăng, an nhàn Cự Lạc.

Chư Đệ Tử thành tâm khẩn nguyện cúc cung bá bái thượng tấu

Dĩ văn

II. VIẾT RA HÁN TỰ

大道三期普度

(.....年)

三教歸源五支復一

時維

天 運.....年,....月,....日,.... 時, 現 在 越 南
國,....省,....縣,....社, 居住佛母殿之中。

今有弟子.....共同諸善男信女等, 跪在
殿前誠心呈奏:

黃金闕內

玄穹高上帝玉皇大天尊

瑤池金母無極天尊

三宗真教

西方教主釋迦牟尼世尊

太上道祖三清應化天尊

孔聖仙師興儒盛世天尊

三期普度三鎮威嚴

常居南海觀音如來

李大仙長兼教宗大道三期普度

協天大帝關聖帝君

耶穌教主救世天尊

太公相父管法天尊

三洲八部護法天尊

十方諸佛萬掌諸仙蓮臺之下

今為...(朔, 望)...日良辰, 諸善男信女等嚴設
壇場香燈花茶果, 清酌之儀誠心獻禮。

仰望金盤佛母以德慈悲, 轉禍為福, 脫厄消
災, 世界安寧, 相和人類, 發願國體越南盛滿榮
光, 河清海晏, 生眾安居樂業, 復回唐虞之風化。

仰望金盤佛母發下洪恩, 弘開大道, 度盡
眾生, 協智和心, 精神歸一, 永崇正教, 脫苦前
愆, 霑仰母恩賜福。

諸弟子願金盤佛母救度各等真靈歸了,早得超升安閒極樂.

諸弟子誠心懇願鞠恭百拜上奏
以文

III. CHÚ THÍCH

- **Thiện nam Tín nữ** 善男信女: *Phái nam và phái nữ có lòng tin theo Tôn giáo (Phật pháp). Đây chỉ các Tín đồ nam nữ*
- **Dĩ đức từ bi, chuyển họa vi phúc, thoát ách tiêu tai** 以德慈悲, 轉禍為福, 脫厄消災:
Lấy đức từ bi mà chuyển họa thành phúc, độ cho thoát khỏi tai ách.
- **Chuyển họa vi phúc** 轉禍為福: *Chuyển những điều tai họa thành những việc phúc đức.*
- **Thoát ách tiêu tai** 脫厄消災: *Giải thoát những nạn ách và tiêu trừ những tai ương.*
- **Thế giới an ninh, tương hòa nhưn loại, phát nguyện Quốc thể Việt Nam thịnh mãi vinh quang, hà thanh hải yến, sanh chúng an cư lạc nghiệp, phục hồi Đường Ngu chi phong hóa** 世界安寧, 相和人類, 發願國體越南盛滿榮光, 河清海晏, 生眾安居樂業, 復回唐虞之風化:
Thế giới được an ninh, nhưn loại được hòa bình cùng nhau, nguyện cho Quốc thể Việt Nam tràn đầy vinh quang, sông trong biển lặng (Đời thái bình), sanh chúng được an cư lạc nghiệp, phục hồi trở lại nền phong hóa của Đường Ngu.
- **Thạnh mãn** 盛滿: *Dồi dào đầy đủ.*
- **Vinh quang** 榮光: *Vẻ vang sáng sủa.*

- ◻ **Hà thanh** 河清: Sông trong.
Sông Hoàng Hà nhiều bùn lầy nên thường đục, khi nào nước sông trong, người ta cho là điềm lành.
- ◻ **Hải yến** 海晏: Hải là biển. Yến là yên tịnh.
- ◻ **Hà thanh hải yến**: Hay Hải yến hà thanh 海晏河清: Biển lặng và sông Hoàng Hà trong.
Năm thứ ba đời vua Trang Tương Vương, sông Hoàng Hà tự nhiên trong. Năm ấy, vua Hán Cao Tổ sinh ở đất Bái.
Nghĩa bóng: Điềm thái bình xuất hiện.
- ◻ **An cư lạc nghiệp** 安居樂業: Sống yên ổn, vui vẻ làm ăn.
- ◻ **Đường Ngu** 唐虞: Hai triều đại của vua Nghiêu, Thuấn là Đào Đường (vua Nghiêu) và Hữu Ngu (vua Thuấn).
 - Đào Đường, tên triều đại của vua Nghiêu (2357-2256 trước D.T). Ngài họ Y Kỳ, tên Phóng Huân, con bà Khánh Đô, phi thứ tư vua Đế Cốc, đóng đô tại Bình Dương, trị vì 72 năm và 28 năm với vua Thuấn đắp đê bảo vệ đồng áng.
Vua có chín trai, hai gái mà phế thái tử Đan Châu, lựa ông Thuấn là người hiền đức để truyền ngôi và gả cho hai người gái là Nga Hoàng và Nữ Anh.
 - Hữu Ngu, tên triều đại của vua Thuấn (2255-2206 tr.D.T), cháu tám đời vua Huỳnh Đế, họ Diêu tên Trùng Hoa, con ông Cổ Tấu. Ông Thuấn rất hiếu thảo, mẹ mất sớm. Cha, tính hung dữ, cưới người vợ khác sanh ra Tượng. Cha và mẹ ghẻ ghét ông, nhiều phen mưu giết, nhưng ông đều thoát khỏi chết mà vẫn chẳng oán hờn. Lòng hiếu của ông cải hóa

cha, mẹ ghẻ và em.

Vua Nghiêu nghe tiếng đến tìm, gả hai người con cho và nhường ngôi. Vua Thuấn đóng đô tại Bồ Phan, làm vua 48 năm, theo gương vua Nghiêu, không truyền ngôi cho con là Thương Quân mà nhường ngôi cho vua Vũ.

Vua Thuấn băng hà tại Thương Ngô, thọ được 101 tuổi.

Phát hạ hồng ân, hoàng khai Đại Đạo, độ tận chúng sanh, hiệp trí hòa tâm, tinh thần qui nhứt, vĩnh sùng chánh giáo thoát khổ tiền khiên, triêm ngưỡng Mẫu ân tứ phúc.
發下洪恩, 弘開大道, 度盡眾生, 協智和心, 精神歸一, 永崇正教, 脫苦前愆, 霑仰母恩賜福:

Ban xuống hồng ân, hoàng khai nền Đại Đạo, độ tận nhưn sanh, chung hiệp tâm trí, qui nhứt tinh thần, vĩnh viễn sùng bái nền chánh giáo, giải thoát các tội lỗi trong kiếp trước, chiêm ngưỡng ơn phúc của Đức Mẹ ban cho.

- **Phát hạ hồng ân** 發下洪恩: Đồng nghĩa: Ban hồng ân, tức là ban xuống những ơn huệ to lớn.
- **Hiệp trí hòa tâm** 協智和心: Hòa hiệp tâm và trí.
- **Vĩnh sùng chánh giáo** 永崇正教: *Vĩnh viễn sùng tín nền chánh giáo, tức là mãi mãi tin và thờ một nền chánh Đạo.*
- **Triêm ngưỡng Mẫu ân** 霑仰母恩: *Ngẩng lên nhờ ân Đức Mẹ nhưn gọi.*
- **Tứ phúc** 賜福: *Ban cho phúc đức.*

Cứu độ các đẳng chơn linh qui liễu tảo đắc siêu thăng, an nhàn Cực Lạc.
救度各等真靈歸了, 早得超升, 安閒極樂.

Cứu độ các cấp Chơn linh quá vãng, sớm được siêu

thăng, an nhàn nơi cõi Cực Lạc.

- **Các đẳng chơn linh qui liễu** 各等真靈歸了: Các đẳng chơn linh đã chết rồi (qui liễu, quá vãng).
- **Tảo đắc siêu thăng** 早得超升: Sớm được siêu rồi để ngôi vị thăng lên.
- **An nhàn Cực lạc** 安閒極樂: Được hưởng an nhàn trong cõi Cực Lạc.

Chư Đệ Tử thành tâm khẩn nguyện, cúc cung bá bái thượng tấu dĩ văn. 諸弟子誠心懇願,鞠躬百拜上奏以文

Các đệ tử đồng thành tâm cầu khẩn, cúi mình lạy xuống trăm lạy, dâng số tâu lên. Kính trình.

- **Cúc cung** 鞠躬: Cúi mình xuống để làm lễ (cử chỉ cung kính và thận trọng).
- **Bá bái** 百拜: Trăm lạy. Chỉ sự thành tâm cầu khẩn.
- **Thượng tấu** 上奏: Tâu trình lên.

IV. GIẢI NGHĨA

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Năm Đạo thứ 81)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Nay thời,

Vận Trời năm.....tháng.....ngày.....giờ, hiện tại nước Việt Nam, tỉnh.....huyện.....xã....., đang ở nơi Điện Thờ Phật Mẫu.

Nay có vị đệ tử....., cùng chung cácThiện nam Tín nữ quì trước Điện thờ Phật Mẫu, thành tâm tâu trình:

TRONG HUỲNH KIM KHUYẾT

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC HOÀNG ĐẠI THIÊN TÔN.
DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN.

GIÁO CHỦ TAM GIÁO

TÂY PHƯƠNG GIÁO CHỦ THÍCH CA MÂU NI THẾ TÔN.
THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ TAM THANH ỨNG HÓA THIÊN TÔN.
KHỔNG THÁNH TIÊN SƯ HƯNG NHO THẠNH THỂ THIÊN TÔN.

BA TRẦN OAI NGHIÊM TAM KỲ PHỔ ĐỘ

THƯỜNG CƯ NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LAI.
LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG KIÊM GIÁO TÔNG Đ. Đ. T. K. P. Đ.
HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN.
GIA TÔ GIÁO CHỦ CỨU THẾ THIÊN TÔN.
THÁI CÔNG TƯỚNG PHỤ QUẢN PHÁP THIÊN TÔN.
TAM CHÂU BÁT BỘ HỘ PHÁP THIÊN TÔN.
THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT, VẠN CHƯỚNG CHƯ TIÊN, LIÊN ĐÀI CHI HẠ.

Ngày nay vì(mừng một hoặc rằm), giờ tốt chư Thiện nam Tín nữ nghiêm trang thiết lễ nơi đàn cúng tế: Nhang, đèn, bông, trái cây, rượu tinh khiết, lập thành nghi thức, thành tâm dâng lễ:

Ngưỡng mong Đức Kim Bàn Phật Mẫu lấy đức từ bi, chuyển họa thành phước, thoát khỏi tai ách, Thế giới an ninh, nhưn loại hòa hiệp, cầu nguyện cho Quốc thể Việt Nam tràn đầy vinh quang, đất nước thanh bình, sanh chúng an cư lạc nghiệp, phục hồi trở lại nền phong hóa Đường Ngu.

Ngưỡng mong Đức Phật Mẫu ban xuống hồng ân, hoàng khai Đại Đạo, độ tận nhưn sanh, chung hiệp tâm trí, qui nhứt tinh thần, vĩnh viễn sùng bái nền chánh giáo, giải thoát khỏi các tội lỗi trong kiếp trước, chiêm ngưỡng ơn phước của Đức Mẹ ban cho.

Ngưỡng mong Đức Phật Mẫu cứu độ các cấp chơn

linh quá vãng, sớm được siêu thăng, an nhàn nơi cõi Cực Lạc.

Chư đệ tử đồng thành tâm cầu khẩn, cung kính cúi lạy, và kính cẩn dâng số tâu lên. Kính trình.

Đây là Bản thảo “Chú giải *Kinh Cúng Tứ Thời*” của *Hiền Tài Quách Văn Hòa* chỉ lưu hành nội bộ.

Khi được sửa chữa hoàn chỉnh, bản quyền sẽ dâng lên Hội Thánh.

Bản thảo này được chỉnh lại lần thứ 1 vào tháng 5 năm 2007.

Chú Giải KINH CÚNG TỬ THỜI

Soạn. Giải: HIỀN TÀI | QUÁCH VĂN HÒA